



Thơ Mỹ
một thời đáng nhớ

AMERICAN POETRY A MEMORABLE TIME

ISBN 978-604-81-414-4

Wook  www.wook.com.vn

American Poetry

Thơ Mỹ

AMERICAN POETRY
A MEMORABLE TIME

THƠ MỸ
MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ

A Bilingual Edition
Ấn Bản Song Ngữ

Translator: Khế Iêm

Cùng một tác giả

STEPPING OUT

(Bước Ra)

Essays On Vietnamese Poetry

Tan Hinh Thuc Publishing Club

2012

VỮ ĐIỀU KHÔNG VẦN

TOÀN TẬP

(Tiểu Luận Thơ)

Domino – Đà Nẵng xuất bản

2019

CON ĐƯỜNG THƠ

TOÀN TẬP

Domino – Đà Nẵng xuất bản

2021

Tưởng nhớ công ơn cha mẹ

The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

CONTENTS

MỤC LỤC

Part One: Rebel Angels

Phần 1: Những Thiên Thần Nổi Loạn

Elizabeth Alexander

Letter: Blues / *Lá thư: điệu blue*, tr. 27 | Who I think You are / *Tôi nghĩ anh là ai*, tr. 31 | Deadwood Dick, tr. 33 |

Bruce Bawer

On Leaving the Artists' Colony / *Rời khỏi hội nghệ sĩ*, tr. 35 |
The View From An Airplane at Night Over California / *Nhìn từ phi cơ đêm, trên California*, tr. 39 |

David Hernandez

Happiness Epidemic / *Bệnh dịch hạnh phúc*, tr. 41 | The Taxica Incident / *Sự cố taxi*, tr. 45 |

Emily Grosholz

Eden / *Vườn địa đàng*, tr. 51 | On the Ferry, Toward Patras / *Qua bến phà Hy Lạp*, tr. 55 |

Julia Alvarez

Woman's Work / *Công việc người đàn bà*, tr. 57 |

Marilyn Nelson

The Ballad Of Aunt Geneva / *Khúc ca về dì Geneva*, tr. 61 |

Paul Lake

Blue Jay / *Chim Giẻ Xanh*, tr. 67 | A Midnight Dawn / *Hẻ rạng nửa đêm*, tr. 71 |

Sydney Lea

The Wrong Way will Haunt You / *Điềủ không hay thường đến*, tr. 75 |

Tom Disch

Convalescing I London / *Hỏi sức ở Luân Đôn*, tr. 79 | A Book-mark / *Dấu trang*, tr. 81 |

Wyatt Prunty

A Winster's Tale / *Câu chuyện mùa đông*, tr. 83 |

Marilyn Hacker

Did You Love Well What Very Soon You Left? / *Anh có yêu trọn vẹn những gì anh đã rời xa?* tr. 85 |

Rafael Campo

For J. W. / *Gửi J. W.*, tr. 87 |

R. S. Gwynn

Approaching A Significant Birday, He Peruses the Norton Anthology Of Poetry / *Đến gần ngày sinh nhật đẫy ý nghĩa, hẳn đọc tuyển tập thơ do Norton xuất bản*, tr. 91 |

Timothy Steele

An Aubade / *Một khúc nhạc sớm*, tr. 95 |

Andrew Hudgins

Elegy For My Father, Who is not Dead / *Bài ai vãn cho cha tôi, người không chết*, tr. 99 |

Frederick Feirstein

Immortality / *Bất tử*, tr. 103 | On the Cell Phone / *Trên Cell phone*, tr. 105 | Mock Epic / *Bản hùng ca nhạo báng*, tr. 107 | Phoenixes / *Những con chim phượng hoàng*, tr. 109 | Others / *Những kẻ khác*, tr. 111 | Sleepwalkers / *Những kẻ mộng du*, tr. 115 | She Hands the Fire Captain A Photo / *Nàng trao tay tấm hình của đại úy cứu hỏa*, tr. 117 | Father And Son / *Cha và con*, tr. 119 | The Witch / *Mụ phù thủy*, tr. 123 | Fairytales / *Truyện cổ tích*, tr. 127 | Parents / *Cha mẹ*, tr. 131 | Journey's End / *Chấm dứt cuộc hành trình*, tr. 133 | Manhattan Music / *Nhạc Mahattan*, tr. 135 | Hansel And Gretel's Father / *Cha của Hansel và Gretel*, tr. 137 | The Father Says / *Người cha nói*, tr. 139 | The Stepmom / *Mẹ kế*, tr. 141 | Hansel And Gretel / *Hansel và Gretel*, tr. 143 | Spring Music / *Nhạc Xuân*, tr. 149 | The Pond / *Cái ao*, tr. 151 | Jeu D'esprit / *Trò chơi tinh thần*, tr. 153 | As Time Goes By / *Thời gian trôi qua*, tr. 155 | Aging / *Tuổi già*, tr. 157 | The Miracle Of Ordinary Life / *Phép lạ trong cuộc đời thường*, tr. 159 | The House We Had To Sell / *Ngôi nhà chúng ta phải bán*, tr. 161 | Shakespeare, tr. 163 | Snow White / *Bạch Tuyết*, tr. 165 | The Prince / *Hoàng tử*, tr. 169 | Fairytales / *Truyện cổ tích*, tr. 173 |

Frederick Turner

Salvage / *Cứu nạn*, tr.177 | Advice To A Poet / *Lời khuyên một nhà thơ*, tr. 181 | Columbia Runs A Temperature / *Columbia lên cơn sốt*, tr. 185 | Mighe As well Face Up To It / *Tốt hơn hết là trực diện đương đầu*, tr. 191 | The Ghoast (Confutatis Maledictis) / *Những hồn ma (phản biện vu không)*, tr. 193 | The Kite / *Cánh diều*, tr. 199 | Winter Evening In Texas / *Chiều đông Texas*, tr. 201 | Villanelle On The Oregon Coast / *Thế Villanelle trên bờ biển Oregon*, tr. 203 | Revisting Northamptonshire / *Thăm lại Northamptonshire*, tr. 207 | North Sea Storm / *Bão biển bắc*, tr. 211 | 37,000 Feet Above The Atlantic / *Trên cao 37.000 feet đại tây dương*, tr. 215 | April Wind / *Gió tháng Tư*, tr. 217 | The Bruges Virgin / *Bruges đồng trinh*, tr. 221 | The Wheat Field / *Cánh đồng lúa mì*, tr. 225 |

Dana Gioia

Beware of Things In Duplicate / *Đề phòng những thứ bản sao*, tr. 231 | On The Shore / *Trên bờ biển*, tr. 233 | Guide To The Other Gallery / *Hướng dẫn tới phòng triển lãm khác*, tr. 235 | Pity The Beautiful / *Tội nghiệp người đẹp*, tr. 239 | Film Noir / *Phim đen*, tr. 243 | California Hills In August / *Tháng 8 trên đồi California*, tr. 249 | Unsaid / *Chưa nói*, tr. 253 | Cold San Francisco / *San Francisco lạnh*, tr. 255 | Maze Without A Minotaur / *Mê cung không có quái đầu bò*, tr. 257 | Being Happy / *Đang hạnh phúc*, tr. 261 | The Apple Orchard / *Vườn táo*, tr. 265 | The Lunatic, The Lover, And The Poet / *Người điên, người yêu, và nhà thơ*, tr. 267 | The Coat / *Chiếc áo khoác*, tr. 271 | The Present / *Tặng phẩm*, tr. 273 | Reunion / *Cuộc họp mặt*, tr. 275 | The Road / *Con đường*, tr. 277 | Shopping / *Mua sắm mùa Giáng Sinh*, tr. 279 | Prayer At Winter Solstice / *Lời cầu nguyện lúc đông chí*, tr. 285 | Finding A Box Of Family Letters / *Tìm hộp thư gia đình*, tr. 287 | The Ballad Of Jesus Ortiz / *Bài ca về Jesus Ortiz*, tr. 289 |

Part 2: Free Verse

Phần 2: Thơ Tự Do

Jim Murphy

A Victorian Value / *Một giá trị thời Victoria*, tr. 303 | A Stoning Was Arranged / *Một cuộc ném đá đã được sắp đặt*, tr. 305 | Darness / *Bóng tối*, tr. 307 | A Singular Point Of View / *Một điểm nhìn độc đáo*, tr. 309 | Dear Whale / *Cá voi thân mến*, tr. 311 | Giants / *Những người khổng lồ*, tr. 313 | Shush / *Hãy im lặng*, tr. 315 | Kittiwake / *Lời mòng biển*, Close To Perfection, *Hầu như hoàn hảo*, tr. 317 | Testament, Scatter My Ashes / *Di chúc, Hãy rải tro cốt của tôi*, tr. 319 | Metropolis / *Thủ phủ*, tr. 321 | Words From The Book Of Serenity / *Những lời trích từ cuốn sách về sự thanh thản*, tr. 323 |

Michael Lee Johnson

I Know From My Bed / *Từ giường ngủ*, tr. 325 | A Patch Of Green / *Một mảng xanh*, tr. 327 | Window Boxes / *Những ô cửa sổ*, tr. 329 | April Winds / *Gió tháng Tư*, tr. 331 | Inside This World Zipped / *Bên trong thế giới bị khóa lại*, tr. 333 | California Summer / *Mùa hè California*, tr. 335 | Hookers On Archer Avenue / *Đi đứng đường ở Đại Lộ Archer*, tr. 337 | Charley Plays Tune / *Charley chơi một điệu nhạc*, tr. 341 | Mother, Edit, At 98 / *Mẹ, Edit, lúc 98*, tr. 345 | Electric In The Sun / *Điện trong ánh nắng mặt trời*, tr. 347 | Nilli Purs / *Nikki Giữ*, tr. 349 | Harvest Time / *Thời kỳ thu hoạch*, tr. 351 | Indolent Sun / *Mặt trời biếng nhác*, tr. 353 | Mexican Street Children / *Bọn trẻ Mẹ đường phố*, tr. 355 | Willow Tree And Snowy Visistors / *Cây liễu đêm và ông già mùa Đông*, tr. 357 | Manic Is The Dark Night / *Đêm tối*, tr. 359 |

Paul Hengry

Twelve / *Tuổi mười hai*, tr. 363 | At Penllain / *Ở Penllain*, tr. 367
| Sold / *Bán*, tr. 369 | Gestures / *Điều bộ*, tr. 373 | The Black Gui-
tar / *Ghi ta đen*, tr. 379 | Three Trees / *Ba cây*, tr. 385 | The Snow
Dome / *Vòm tuyết*, tr. 389 |

Phillip A. Ellis

I Married A Beautiful Woman / *Tôi cưới một người đàn bà đẹp*, tr.
393 | An Alliterative Sonnet For Clare / *Bài sonnet điệp âm cho
Clare*, tr. 395 | Naming Judith rodriguez / *Gọi tên Judith rodri-
guez*, tr. 397 | Heroes (For Clare) / *Những anh hùng (cho Clare)*,
tr. 399 | Everything dies / *Mọi thứ chết*, tr. 401 | Judas Evange-
lium / *Judas phúc âm*, tr. 403 | A Bush Meditation / *Trâm tư về
bụi gai*, tr. 405 | A Fine Poem To Glow In / *Để rực sáng một bài
thơ hay*, tr. 407 | Churchill, tr. 409 | Dead, White Wood / *Kẻ
chết rừng trắng*, tr. 411 | Elements (For Claire) / *Những thành
tố (dành gửi cho Clare)*, tr. 413 | Genius Loci / *Thổ thần*, tr. 415
| Three Quatrains For Clare / *Ba tứ thơ cho Clare*, tr. 417 | The
Bay Of Islands / *Vịnh của những hải đảo*, tr. 419 | Thunder (For
Clare) / *Tiếng sấm (cho Clare)*, tr. 421 |

Rick Stansberger

Poor Little Elm, Blue Door / *Cây du nhỏ tội nghiệp, Cửa xanh*,
tr. 425 | Timeless Topix / *Những chủ đề không nhuộm màu thời
gian*, tr. 427 |

Stephen John Kalinch

We Are All We Have / *Tất cả chúng ta có là chúng ta*, tr. 431 |
Spectacular! / *Cảnh tượng!* tr. 435 | Wisdom / *Sự khôn ngoan*,
tr. 439 | Joy / *Niềm vui*, tr. 443 | The Days Of Life / *Những ngày
trong đời*, tr. 447 | The Lullaby / *Hát ru*, tr. 449 |

Tom Riordan

Cube / *Lập thể*, tr. 455 | Vision / *Tâm nhìn*, tr. 457 | Annunciation / *Ngày lễ Đức Mẹ Maria*, tr. 459 | Some Say / *Vài người nói*, tr. 463 | Star Apple / *Vũ sữa*, tr. 465 | Coranach, tr. 467 | After Learning / *Sau khi nghe về*, tr. 469 | The Car Window / *Kính cửa xe*, tr. 471 | After The Revolution / *Sau cuộc cách mạng*, tr. 473 | Love / *Tình yêu*, tr. 475 | The Particular Leaves / *Những chiếc lá ngoại lệ*, tr. 479 | 5 Untitled / *5 Vô đề*, tr. 481 | My Poor Creator / *Đấng tạo hóa tội nghiệp của tôi*, tr. 485 | Guangzhou, tr. 489 | Image The Scavenger's Ecstasy / *Tưởng tượng sự ngây ngất của kẻ viết văn dâm ô*, tr. 491 | What Changed Since You're Gone / *Điều gì thay đổi khi bạn đã rời xa*, Tr. 493 | Rolling Stone / *Thong dong*, tr. 495 | In The Skiff / *Trong cái thuyền nan*, tr. 497 | Love, My Daughter / *Tình yêu, con gái tôi*, tr. 501 | Ransacking A Book Of Luminous Things / *Lùng sục cuốn sách về những vật phát sáng*, tr. 503 | Buddha / *Phật*, tr. 505 | Empty Nest, Wet Towel / *Tổ trống, Khăn ướt*, tr. 507 | Hopes, That's My Boy / *Hy vọng, Đó là con trai tôi*, tr. 509 | My Wife The Quantum Chef, Man & Tree / *Vợ tôi là đầu bếp lượng tử, Người & cây*, tr. 511 | The Ministry Of Emergency Situations / *Bộ tình thế khẩn cấp*, tr. 513 | The Tea Leaves / *Bã trà*, tr. 515 | Work Of Staggering Heartbreak / *Về cái chết sắp đến*, tr. 517 | Terrible Dawning / *Hừng đông kinh hoàng*, tr. 521 | Monster / *Con quái vật*, tr. 523 | The Scrupulous Hairdresser / *Cô thợ uốn tóc chu đáo*, tr. 527 | Obtainum / *Giá rẻ*, tr. 531 | Giant Frozen Into The Lake / *Sinh thể khổng lồ đông đá trong hồ nước*, tr. 533 | Earlier A Robin's Head / *Trước tiên là đầu con chi mỗ đỏ*, tr. 539 | Two Small Fans / *Hai quạt máy nhỏ*, tr. 541 | Meadow Edge / *Lề cỏ*, tr. 545 | Know / *Biết*, tr. 547 | The Assumption / *Điều giả định*, tr. 549 | Today's / *Bài thơ hôm nay*, tr. 555 | To Reader Of Rhis Online Bilingual Poetry Magazine/

Tặng bạn đọc tạp chí online thơ song ngữ, tr. 557 | Cold Christmas
In Gulfort / *Giáng sinh lạnh ở Gulfort*, tr. 559 | Ignorance / *Sự
đốt nát*, tr. 561 | Bypass / *Ngõ hẻm*, tr. 561 | Gabe & Anna's Wed-
ding / *Đám cưới của Gabe & Anna*, tr. 565 |

Roberta Gould

Solstice Light / *Ánh sáng điểm chí*, tr. 567 |

Mark Osaki

Amnesiac / *Chứng quên*, tr. 569 | An Old Dance Favor / *Thiện ý
cũ của khiêu vũ*, tr. 571 |

Arhtur Turfa

Conversation At Year's End / *Cuộc trò chuyện cuối năm*, tr. 575 |

Dennis Maloney

Windows / *Những cửa sổ*, tr. 579 |

Stanley H. Barkan

As Yet Unborn / *Đến bây giờ chưa sinh*, tr. 581 | July / *Tháng bảy*,
tr. 583 | As Still As Broom / *Lặng lẽ như cái chổi*, tr. 585 | Immor-
tality / *Bất tử*, tr. 587 | June / *Tháng sáu*, tr. 589 | First Birth /
Sinh ra đầu tiên, tr. 591 | Zero, tr. 593 |

A.D. Winans

Panama Memories / *Ký ức Panama*, tr. 595 | Illigal / *Bất hợp pháp*,
tr. 597 | Poem For My First Love / *Bài thơ cho tình đầu*, tr. 599 |
Chinatown Sweat Shop / *Xí nghiệp bóc lột ở phố Tàu*, tr. 601 | For
Joyce / *Cho niềm vui sướng*, tr. 603 |

Phill Provance

Too Funny / *Quá buồn cười*, tr. 605 | The Poems / *Bài thơ là*, tr. 607 | Madrigal For A Lover / *Bài tình ca cho người tình*, tr. 611 |

Gregg Dotoli

A Sense of Scent / *Ý nghĩa của mùi hương*, tr. 613 |

Bill Wolak

When Love Ends / *Khi tình yêu chấm dứt*, tr. 615 | The Love's Body / *Thân xác người yêu*, tr. 617 |

Lidia Chiarelli

Light On The Walls Of Life / *Ánh sáng trên những bức tường đời*, tr. 619 | Times Square , tr. 623 |

Carolyn Mary Kleefeld

Sheer Magic / *Hoàn toàn ma thuật*, tr. 625 |

George Perreault

Measure / *Thuộc đo*, tr. 627 |

Jared Carters

Cataract / *Thác nước lớn*, tr. 631 |

Sheikha A.

Reminiscense / *Sự hồi nhớ*, tr. 633 | New Leaf / *Lá mới*, tr. 635 |

Nancy Shiffirin

Twisted Tree / *Cây uốn cành*, tr. 637 |

Wendy Barker

The Hollow / *Chỗ lõm*, tr. 639 | The Sterling P;atter / *Mâm gõ tốt*, tr. 641 |

Tim J Brennan

Garage Sale / *Bán đồ cũ*, tr. 643 |

Maki Starfield /

Ainu Girl / *Cô gái Ainu*, tr. 647 |

James Spears

Around The Table / *Quanh bàn*, tr. 651 | Bouquet / *Bó hoa*, tr. 653 |

Huguette Bertrand

U-Tirn / *Quay ngược*, tr. 655 | Break and Bricks / *Chỗ vỡ và gạch*, tr. 657 | Invitation / *Lời mời*, tr. 659 |

Anna Maria Bracale Ceruti

I'am Writing To Set Up An Ambush For You / *Tôi viết để có anh trong vòng tay*, tr. 661 |

Carolyn Mary Kleefed

Between The Cold, Hard Rocks / *Giữa những hòn đá cứng lạnh*, tr. 663 |

George Perreault

Room Enough / *Phòng vừa đủ*, tr. 665 |

Ogden Nash

Tableau At Twilight / *Hoạt cảnh hoàng hôn*, tr. 669 |

Germain Droogenbroodt

The People Upstairs / *Những người trên lầu*, tr. 671 |

Naowarat Ponpaiboon

Bankok, tr. 673 |

Maki Starfield

Poem For The Master Painter, Mr. Goina / *Bài thơ cho họa sĩ bậc thầy, ông Goina*, tr. 675 |

Mark B Hamilton

Fallen Leaves / *Những chiếc lá rơi*, tr. 679 |

Mark Osaki

Family Reunion / *Xum họp gia đình*, tr. 681 |

Robert Lima

The Word Because Of You / *Lời nói vì em*, tr. 683 |

Jordan Trethewey

Things We Wallowed As Children / *Điều chúng ta học để tin như trẻ em*, tr. 685 | Undead Hours / *Những giờ canh thức*, tr. 687 |
Hearts / *Những trái tim*, tr. 689 |

Sahaj Sabharwal

Teacher – Our Future Maker / *Người Thầy – Ông tạo tương lai*,
tr. 691 |

Frank O' Hara

Morning / *Buổi sáng*, tr. 692. |

Lời Bạt, tr. 696 |

Poetry and writing, painting and drawing, music ... all are exemplary examples. And to be complete, we need to extend our gratitude to life and to each other. Editor Mark Jarman and the mainstream American poets: Frederick Turner, Frederick Feirstein, Angela Saunders, Tom Riorden, Stephen John Kalinich, Alexander Kotowske, and especially poet Dana Gioia ... Lidia Chiarelli, Italian poet, and Jan Infantado, teacher of Bataan, Philippines.

Thơ văn, hội họa, âm nhạc ... là những bộ môn tiêu biểu. Và để hoàn tất, chúng ta phải cảm ơn đời, cảm ơn người. Nhà biên tập Mark Jarman và những nhà thơ dòng chính Mỹ: Frederick Turner, Frederick Feirstein, Angela Saunders, Tom Riordan, Stephen John Kalinich, Alexander Kotowske, đặc biệt nhà thơ Dana Gioia ... Nhà thơ Ý: Lidia Chiarelli, và Jan Infantado, giáo chức Bataan, Philippines.

PART 1: REBEL ANGELS

*PHẦN 1: NHỮNG THIÊN THẦN
NỔI LOẠN*

LETTER: BLUES

“Those Great Lake Winds
blow all around:
I’m a light-coat man
in a heavy-coat town.”

Waring Cuney

Yellow freesia arc like twining arms;
I’m buying shower curtains, smoke alarms,
And Washington, and you, Love – states away.
The clouds are flat. The sky is going grey.

I’m fiddling with the juice jug, honey pot,
White chrysanthmums that I just bought.
At home, there is a violet, 3-D moon
And pachysandra vines for me to prune,

And old men with checkered shirts, suspenders,
Paper bags and Cutty bottles, menders
Of frayed things and balding summer lawns,
Watching TV baseball, shelling prawns.

LÁ THƯ: ĐIỀU BLUE

“Gió Ở Hồ Lớn Này
thổi khắp nơi:
Em là người mặc áo mỏng
trong một thị xã mặc áo dày.”

Waring Cuney

Cây dây leo hoa vàng như cánh tay xoắn lại;
Em mua tấm màn che bồn tắm, máy báo khói,
Và Washington, và anh, Tình yêu – ở xa đây.
Những đám mây phẳng lặng. Bầu trời ngả xám.

Em đùa nghịch với bình nước trái cây, hũ mật ong,
Hoa cúc trắng em mới mua.
Ở nhà trắng tròn màu tím
Và có những cây nho cho em tía tốt,

Và có những ông già mặc áo ca rô, đeo dây quần, mang túi giấy
Và những chai rượu Cutty, người thợ sửa
Những thứ sồn cũ và có những bãi cỏ mùa hè tro đất,
Họ đang coi trận đấu bóng chày trên TV, bóc vỏ tôm thẻ.

The women that we love! Their slit-eyed ways
Of telling us to mind, pop-eyed dismays.
We need these folks, each one of them. We do.
The insides of my wrists still ache with you.

Does the South watch over wandering ones
Under different moons and different suns?
I have my mother's copper ramekin,
A cigar box to keep your letters in.

At least the swirl ceilings are very high,
And the Super's rummy, sort of sly.
I saw a slate-branched tree sway from the roots.
I've got to buy some proper, winter boots.

So many boxes! Crates and crates of books.
I must get oil soap, bleach, and picture hooks.
A sidewalk crack in Washington, D.C.
Will feed my city dirt roots. Wait for me.

* *Elizabeth Alexander* (b. 1962) published her first collection of poems, *The Venus Hattentot*, in 1990. She was educated at Yale and Boston University, where she studied with Derek Walcott. More of her work has appeared in *The Southern Review* and other periodicals, and she has taught at the University of Chicago since 1991.

Những người đàn bà chúng ta yêu! Những cách nhìn híп mắt
Tuần phục và trở mắt nói lên sự thất vọng ngạc nhiên.
Chúng ta cần tất cả, mỗi người họ. Chúng ta cần.
Em đau tay vì viết thư cho anh.

Có phải ở miền Nam trông chừng những kẻ lang thang
Dưới mặt trăng khác nhau và mặt trời khác nhau?
Em có cái khay bằng đồng,
Hộp thuốc lá xì gà đựng những lá thư anh.

Ít nhất những cái trần nhà quay mòng mòng trên cao,
Và người Giám thị là tay say rượu ranh mãnh.
Em thấy một cái cây cành xám lung lay từ gốc.
Em phải mua vài đôi giày ống hợp với mùa đông.

Rất nhiều hộp! Từng thùng sách.
Em phải mua xà bông lỏng, thuốc tẩy, những chiếc móc treo tranh.
Một khe nứt trên vỉa hè Washington, D. C.
Đủ cho nhu cầu hạn chế sự tiếp cận thiên nhiên. Hãy đợi em.

**Elizabeth Alexander* (sinh ra năm 1962), tập thơ đầu tiên của bà, *The Venus Hattentot*, được in vào năm 1990. Bà đã theo học tại đại học Yale và Boston, cùng với nhà thơ Derek Walcott. Những tác phẩm khác của bà xuất hiện trên tạp chí từng kỳ Southern Review và các tạp chí từng kỳ khác. Bà dạy tại đại học Chicago từ năm 1991.

WHO I THINK YOU ARE

Empty out your pockets nigh time, Daddy.
key and pennies, pocket watch, a favored
Photograph of Ma, and orange-flavored
sucker-candies, in the dresser-caddy.

Grandpa, leaves his silver in his trousers
potions for catarrh set on the bureau,
and his Castile soap, "All pure." Oh,
those oval, olive cakes for early rousers!

Baba's home is different from my Daddy's:
the sofa arms are draped with quiet lace,
Does he fix fish with cardamon and mace?
Coupons in a cookie tin. Meat patties,

Steaming Cream of Wheat and ripe banana,
Juice cup with the little paper hats
the guava jelly jars on plastic mats.
We are your children and receive your manna.

I see you both. I see what's in your pockets.
Coins from you, Dad'. Baba? What's for me?
Fortune cookies, child, and sacks of tea,
cigar bands and glinting, dimstore lockers.

TÔI NGHĨ ANH LÀ AI

Ban đêm Ba hãy móc hết những gì trong túi ra.
Chìa khóa, tiền xu, đồng hồ bỏ túi, tấm ảnh
ngoại hình của Mẹ, và những chiếc kẹo
ngậm mùi cam, bỏ trong cái hộp.

Ông nội để những đồng bạc trong túi quần dài
những liều nước mũi đông đặc trên bàn giấy,
và cục xà bông Castile , “Tất cả còn nguyên.” Ôi,
những chiếc bánh ngọt ô lưu hình bầu dục cho kẻ thức sớm!

Nhà của Ông bà nội khác với nhà Ba tôi:
những tay ghế xô pha được phủ đấng ten trang nhã
Ông có cá kho với hương liệu gừng và hạt dẻ?
Phiếu bớt giá trong hộp bánh bích qui. Nhân thịt xay,

Bánh ngũ cốc Cream of Wheat hấp và chuối chín,
ly nước Trái cây với chiếc nón giấy nhỏ
những lọ mứt ổi trên miếng đệm lót bằng nhựa trên bàn.
Chúng ta là con cháu và nhận bánh thánh của Ba và Ông bà nội.

Tôi thấy cả hai. Tôi thấy những gì trong túi Ba.
Những đồng các của Ba, của Ông bà nội? Cái gì cho con?
Những chiếc bánh bích qui rưới may, đứa trẻ, và những bị trà
những băng xì gà và tủ đựng đồ lấp lánh rẻ tiền.

DEADWOOD DICK

"Come on and slant your eyes again, O Buffalo Bill."
Carl Sandburg

Colored cowboy named Nat Love,
They called him Deadwood Dick.
A black thatch of snakes for hair,
Closed-mouthed. Bullet-hipped.

One knee bent like his rifle butt,
Just so. Rope. Saddle. Fringe.
Knock this white boy off my shoulder.
Stone-jawed, cheekboned man.

Mama, there are black cowboys.
A fistful of black crotch.
Deadwood Dick: Don't fuck with me.
Black cowboy. Leather hat.

DEADWOOD DICK

“Cố lên và liếc mắt lần nữa, Ôi Buffalo Bill”
Carl Sandburg

Cao bồi đen tên Nat Love,
Chúng gọi hắn là Deadwood Dick.
Tóc quăn đen như răn,
Miệng mím chặt. Còm nhom

Một đầu gối cong như báng súng,
Đúng thế. Dây thừng. Yên ngựa. Viên tua.
Chơi chết gã trắng này đi
Hàm trơ. Gò má cao.

Má, có những cao bồi đen.
Một nhóm người đen.
Deadwood Dick: Đừng kiếm chuyện với tao.
Cao bồi đen. Mũ da.

* *Deadwood Dick*, một nhân vật tiểu thuyết của tác giả Edward Lytton Wheeler (1854 – 1885). Còn Nat Love (1854 – 1921), một cao bồi da đen Mỹ.

ON LEAVING THE ARTISTS' COLONY

The way love rests upon coincidence,
the way a sense of family and home
can flow now, like a stream, through several hearts
transplanted from their diverse native climes
by strangers' choices, violates all sense.

If we had all been here at different time
I know we'd have formed other loyalties,
drawn other eyes and written other poems,
and I know there are friendship I'd have made
with people whom I now may never meet.

But so be it. Heard melodies are sweet,
and unheard melodies are never played
except on the harmonium of art.
This place we love reminds us how immense
the world is, and how small our cherished part,

and why we feel drawn on toward mysteries,
compelled to paint and sculpt, compose and write.
To think of those who'll be here three months hence,
who'll fell just as we do, and find it hard

RỜI KHỎI HỘI NGHỆ SĨ

Đường tình dựa vào sự ngẫu nhiên và đường nhận biết về gia đình nhà ở có thể tuôn chảy như một dòng suối qua vài tấm lòng di chuyển từ những nơi chốn sinh quán đa dạng bởi chọn lựa của người xa lạ, vi phạm mọi nhận biết

trí tuệ. Nếu tất cả chúng ta đã ở đây vào những thời điểm khác nhau tạo thành những cam kết khác nhau vẽ những đôi mắt khác viết những bài thơ khác và tôi biết những tình bạn tôi đã có với những người tôi chưa một lần gặp

mặt. Chấp nhận như thế. Nghe những giai điệu ngọt ngào, và không nghe những giai điệu chưa một lần hát lên trừ ra nơi trí tưởng. Nơi yêu mến này nhắc chúng ta thế giới bao la làm sao, nhỏ bé làm sao, phần thương mến, và tại sao, những

bí mật lôi cuốn thúc đẩy chúng ta vẽ tranh, tạc tượng, sáng tác và viết. Để nghĩ về những người sẽ ở đây ba tháng từ lúc này, ai sẽ cảm thấy, và thấy khó tin những tình cảm cuồng nhiệt có thể quá bình thường, quan tâm tới

believing that emotions so intense
can be so commonplace, is to regard
those mysteries as if with second sight.
It is to sense an elemental rhyme
of soul and soul, to feed a river flow
between our hearts and those we'll never know.

* *Bruce Bawer* (born October 31, 1956) is an American writer who has been a resident of Norway since 1999. He is a literary, film, and cultural critic and a novelist and poet, who has also written about gay rights, Christianity, and Islam.

bí mật đó như thế nào với tâm nhìn lần
thứ hai. Để nghĩ cảm nhận một vấn cơ bản
của linh hồn này tới linh hồn khác, nuôi dưỡng
một dòng sông trôi giữa trái tim và những thứ
chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết.

* *Bruce Bawer* (sinh ngày 31 tháng 10 năm 1956), nhà văn người
Mỹ, cư trú tại Na Uy từ năm 1999. Ông là một nhà phê bình văn
học, điện ảnh và văn hóa. Ông cũng là nhà thơ, tiểu thuyết gia,
đã viết về quyền của người đồng tính, các tôn giáo như Cơ đốc
giáo, và Đạo Hồi.

Bruce Bawer

THE VIEW FROM AN AIRPLANE AT NIGHT
OVER CALIFORNIA

This is a sight that Wordsworth never knew,
whether looking down from mountain, bridge, or hill:
An endless field of lights, white, orange, and blue,
as small and bright as stars, and nearly still,
but moving slowly, many miles below,
in blackness, as stars crawl across the skies,
and ranked in rows that stars will never know,
like beads strung on a thousand latticed ties.
Would even Wordsworth, seeing what I see,
know that these lights are not well-ordered stars
that have been here a near-eternity,
but houses, streetlamps, factories, and cars?
Or has this slim craft made too high a leap
above it all, and is the dark too deep?

NHÌN TỪ PHI CƠ ĐÊM, TRÊN CALIFORNIA

Đây là cảnh tượng mà Wordsworth chưa hề biết,
dù nhìn xuống từ trên cầu hay núi đồi: một
cánh đồng ánh sáng vô tận, trắng, cam, xanh, nhỏ
và sáng như những vì sao, và gần như phẳng
lặng, chuyển động chậm chạp, nhiều dậm phía dưới, trong
tối đen, như những vì sao ngang qua bầu trời,
và kết thành hàng, những vì sao sẽ không bao
giờ nhận biết, giống như những chuỗi hạt xâu trên
cả ngàn dây mắt cáo. Ngay cả Wordsworth, đang
nhìn những gì tôi nhìn, đâu biết rằng ánh sáng
này không phải những vì sao được sắp đặt ngăn
nấp, đã hiện diện ở đây từ lâu, mà chỉ
là những ngôi nhà, đèn đường, xương máy, xe cộ?
Hoặc có phải chiếc máy bay này đã vọt lên
quá cao bên trên, và bóng tối thì quá sâu (bên dưới)?

HAPPINESS EPIDEMIC

Without any warning, the disease
sweeps across the country
like a traveling circus.

People who were once blue,
who slouched from carrying
a bag of misery over one shoulder

are now clinically cheerful.
Symptoms include kind gestures,
a bouncy stride, a smile

bigger than a slice of canteloupe.
You pray that you will be infected,
hope a happy germ invades your body

and multiplies, spreading merriment
to all your major organs
like door-to-door Christmas carolers

until the virus finally reaches your heart:
that red house at the end of the block
where your deepest wishes reside,

BỆNH DỊCH HẠNH PHÚC

Với không lời dự báo, căn bệnh
quét qua khắp nước
giống như đoàn xiếc du hành.

Người ta có lần buồn rầu,
uể oải mang
một túi khốn khổ trên vai

nhưng bây giờ thì hơn hở ở giường bệnh.
Triệu chứng bao gồm những điều bộ ân cần,
bước đi nhún nhảy, nụ cười

lớn hơn cả một phiến bí đỏ.
Bạn cầu xin được nhiễm bệnh,
hy vọng mầm hạnh phúc xâm nhập cơ thể

và nhân lên, sự hoan hỉ lây lan
tới khắp cơ quan chính
như những người hát mừng Giáng sinh tới từng nhà

cuối cùng, cho đến khi con siêu vi tới tim bạn:
ngôi nhà đỏ ở cuối khu phố
nơi những mong ước sâu kín trú ngụ,

where a dog howls behind a gate
every time that sorrow
pulls his hearse up the driveway.

* *David Hernandez* (born in 1971) is an American poet and novelist. Most recently, he was awarded a 2011 National Endowment for the Arts Fellowship for Poetry.

nơi con chó tru đằng sau cửa cổng
mỗi lần nổi bất hạnh
dừng chiếc xe tang của nó bên lối vào.

* *David Hernandez* (sinh năm 1971), nhà thơ, tiểu thuyết gia người Mỹ. Gần đây nhất, ông đã được trao tặng Học bổng Nghệ thuật Thơ ca Quốc gia năm 2011.

THE TAXICAB INCIDENT

A boy runs into a busy street,
a boy who happens to be my father.
Yes he's careless and yes here comes
the taxicab. This happened
in Bogotá, Colombia. And this:

a boy falls, a boy who happens
to be my father, fallen before
the taxicab. You know what
happens next: my existence
spoil the drama. How the taxicab

glides over my father and skims
his shoulder blades. He stands
unscathed and brushes the dust off
his clothes and continues to breathe.
Fallen differently, I'm not here.

Fallen the way he did, I am.
When the boy who happens to be
my father runs into a busy street,
I'm in the backseat of that taxicab
with my brother and sister.

SỰ CỐ TAXI

Một đứa bé đi vào khu vực đông xe,
một đứa bé ngẫu nhiên trở thành cha tôi.
Vâng nó lơ đãng và vâng lúc này chiếc taxi
trờ tới. Chuyện này xảy ra
ở Bogotá, Colombia. Và đây:

một đứa con trai ngã, một đứa con trai ngẫu nhiên
trở thành cha tôi, ngã trước
chiếc taxi. Bạn biết chuyện gì
xảy ra sau đó: sự hiện hữu của tôi
làm hỏng vỡ tuồng. Làm sao chiếc taxi

lướt qua cha tôi và xém vào
xương bả vai của ông. Ông đứng dậy
không hề hấn và phủi bụi
quần áo và tiếp tục thở.
Nếu đứa con trai ngã theo cách khác, tôi không có mặt ở đây.

Nếu đứa con trai ngã như nó vừa ngã, tôi mới có mặt ở đây.
Khi đứa con trai ngẫu nhiên trở thành
cha tôi đi vào khu vực đông xe,
tôi ngồi ở băng ghế sau chiếc taxi
với em trai và em gái tôi.

The three of us, we're outlined.
Our skin is translucent as cellophane.
When we begin to scream
nothing but nothing leaps
from the zeros of our mouths.

Such is how the future lives
without influencing the world.
And my mother? She's the girl
hundreds of miles south, blowing
air into a plastic ring skinned

with water and soap. The flimsy
bubbles lift. Whether they are
pushed into a wall, the spikes
of branches, or the sky's blue field,
it is up to the wind.

Cả ba chúng tôi là dạng hình bên ngoài.
Da thịt chúng tôi trong suốt như giấy bóng kiếng.
Khi chúng tôi bắt đầu kêu lên
chẳng có gì thốt ra
trong những cái miệng tròn vo.

Như vậy tới mức độ nào những sinh mạng tương lai
không tác động đến thế giới.
Và mẹ tôi? Bà là cô gái
ở cách xa hàng trăm dặm phía nam, thổi
vào không khí bằng một ống nhựa tròn

nhúng vào nước xà bông. Những chiếc bong bóng
dễ vỡ bay lên. Hoặc chúng đụng và một bức tường,
những nhánh cây, hoặc bay lên trời xanh,
tùy theo gió.

** Chú thích*

Bài thơ đề cập tới câu chuyện giả thiết về quá khứ, người cha còn là đứa con trai, người mẹ còn là đứa con gái và những đứa con còn trong tương lai, chưa sinh ra.

* *David Hernandez's* third collection, *Hoodwinked*, recently won the Kathryn A. Morton Prize and is forthcoming from Sarabande Books in 2011. His other collections include *Always Danger* (SIU Press, 2006), winner of the Crab Orchard Series in Poetry, and *A House Waiting for Music* (Tupelo Press, 2003). His poems have appeared in *FIELD*, *The Threepenny Review*, *Ploughshares*, *The Missouri Review*, *TriQuarterly*, *The Southern Review*, and *Poetry Daily*. David is also the author of two YA novels, *No More Us for You* and *Suckerpunch*, both published by HarperCollins. David teaches at the University of California, Irvine and in the MFA program at Anitoch University-Los Angeles. He lives in Long Beach and is married to writer Lisa Glatt.

* *David Hernandez*: Tuyển tập thứ ba của ông, *Hoodwinked*, mới đây đã thắng giải Kathryn A. Morton và dự tranh Sarabande Books năm 2011. Những tuyển tập khác bao gồm *Always Danger* (SIU Press, 2006), thắng giải Crab Orchard Series in Poetry, và *A House Waiting for Music* (Tupelo Press, 2003). Thơ ông xuất hiện trên *FIELD*, *The Threepenny Review*, *Ploughshares*, *The Missouri Review*, *TriQuarterly*, *The Southern Review*, và *Poetry Daily*. Ông cũng là tác giả của hai tiểu thuyết cho tuổi mới lớn, *No More Us for You* và *Suckerpunch*, cả hai xuất bản bởi HarperCollins. Ông dạy ở Đại học Irvine và chương trình MPA (dạy thơ) tại đại học Anitoch – Los Angeles. Ông sống ở Long Beach và kết hôn với nhà văn Lisa Glatt.

EDEN

In lurid cartoon colors, the big baby
dinosaur steps backwards under the shadow
of an approaching tyrannosaurus rex.
“His mommy going to fix it,” you remark,
serenely anxious, hoping for the best.

After the big explosion, after the lights
go down inside the house and up the street,
we rush outdoors to find a squirrel stopped
in straws of haft-gnawed cable. I explain,
trying to fix the facts, “The squirrel is dead.”

No, you explain it otherwise to me.
“He’s sleeping. And his mommy going to come.”
Later, when the squirrel has been removed,
“His mommy fix him,” you insist, insisting
on the right to know what you believe.

The world is truly full of fabulous
great and curious small inhabitants,
And you’re the freshly minted, unashamed
Adam in his garden. You preside,
Appreciate, and judge our proper names.

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

Trong màu sắc nhạt nhạt của tranh truyền, con
khủng long con to lớn bước tới lui lại gần
dưới bóng con khủng long chúa.
“Má nó sẽ chữa nó,” đứa bé nhận xét,
thoáng lo lắng, mong được toại nguyện.

Sau tiếng nổ lớn, khi ánh đèn
tắt dần trong nhà cùng với ngoài đường
chúng tôi ủa ra ngoài cửa thấy một con sóc chết
vì bị điện giật đứt tua ra. Tôi giải thích,
cố xác định sự việc, “Con sóc chết.”

Không, đứa con giải thích trái hẳn với tôi.
“Nó đang ngủ. Mẹ nó đang tới.”
Sau đó, khi con sóc bị mang đi,
“Má nó sẽ chữa nó,” đứa con khẳng khẳng
suy nghĩ theo cách nó tin tưởng.

Thế giới đầy rẫy những con vật hoang tưởng
lớn lao và nhỏ bé lạ lùng,
Và đứa bé Adam, được tạo ra, không ngưng
trong khu vườn của nó. Đứa con điều khiển
Đánh giá, và xét đoán những cái tên riêng của chúng ta.

Like God, I brought you here.
Like God, I seem to be omnipotent,
mostly helpful, sometimes angry as hell.
I fix whatever minor faults arise
with bandaids, batteries, masking tape, and pills.

But I am powerless, as you must know,
to chase the serpent sliding in the grass,
or the tall angel with the flaming sword
who scares you when he rises suddenly
behind the gates of sunset.

* *Emily Rolfe Grosholz* (born 1950 Philadelphia) is an American poet and philosopher. She is Edwin Erle Sparks Professor of Philosophy, African American Studies and English, and a member of the Center for Fundamental Theory / Institute for Gravitation and the Cosmos, at the Pennsylvania State University.

Như Chúa, mẹ đưa con tới đây.
Như Chúa, mẹ chùng như có quyền hạn vô biên,
hầu hết là giúp ích, đôi khi giận dữ chết thối.
Mẹ sửa chữa bất cứ lỗi nhỏ nào nổi lên
với băng cá nhân, pin, băng dán, và thuốc.

Nhưng mẹ bất lực, như con biết,
đuổi theo con rắn trườn bò trong cỏ,
hay thiên thần cao lớn với thanh gươm cháy rực
làm con kinh sợ khi hiện ra bất ngờ
đằng sau cánh cửa trong ánh sáng mờ mờ lúc hoàng hôn.

* *Emily Rolfe Grosholz* (sinh năm 1950 tại Philadelphia), một nhà thơ và triết gia người Mỹ. Bà là Giáo sư Triết học tại trường đại học Edwin Erle Sparks: Nghiên cứu về người Mỹ gốc Phi và tiếng Anh, đồng thời là thành viên của Trung tâm Lý thuyết Cơ bản / Học Viện Lực hấp dẫn và Vũ trụ, tại Đại học Bang Pennsylvania.

ON THE FERRY, TOWARD PATRAS

Corfu appears, and then the distant blue
draws her away again: uncertain hours
as time begins to drown in voyaging,
no talk, no books, no breakfast taken later.
The sea, divided, falls behind the boat;
I see that blue laid back on darker blue
the way Odysseus must have, when his mind
was emptied of its cleverness at last
by ten years' wandering. His thoughts are mine,
an island without houses, flocks, or trees,
undressed of all its causes. Memory
slides by like waves against the running prow.

What memories could wake my tiredness?
The clothes upon my back, unspoken words
I always carry, wounds from an embrace
too often entered, now are all I own;
along my flesh I feel them hardening,
a frieze that tells the future as the past
and scrolls my progress roundly on my breast.
I cannot keep my secrets to myself.
I am the figure of the ship, and where
I've traveled, where I go, what I will do,
Assail and tear aside the simple blue.

QUA BẾN PHÀ ĐẾN HY LẠP

Đảo Corfu xuất hiện, và rồi xa dần đường chân trời xa: những thời khắc hay thay đổi như thời gian bắt đầu chìm ngập trong chuyến du hành, không truyện trò, không sách vở, không điểm tâm sau đó. Biển, bị phân chia, lùi lại phía sau con tàu; tôi thấy thế giới đằng sau biển thẫm xanh lộ trình mà Odysseus phải trải qua, khi sự khôn khéo trong tâm trí hẳn cuối cùng trở trống rỗng bởi mười năm lang thang. Suy nghĩ của hẳn cũng là của tôi, một hòn đảo không nhà cửa, không bầy cừu, cây cối, không nguyên cố. Ký ức lướt giống như những con sóng ngăn mũi tàu chạy.

Những ký ức nào có thể đánh thức sự nhàm chán của tôi? Chấn gối sau lưng tôi, những chữ không nói tôi luôn mang theo, những vết thương từ bên trong thường xuyên hiện ra, bây giờ tất cả tôi có; dọc theo da thịt tôi cảm thấy chúng cứng lại, một hoa văn trang trí cho biết tương lai cũng như quá khứ và cuộn rờ trong lòng tôi. Tôi không thể giữ bí mật cho riêng tôi. Tôi là hình dung của chiếc tàu, và ở đâu tôi du hành tới, ở đâu tôi đi, cái gì tôi sẽ làm, lao vào và xé ra thế giới không biết.

WOMAN'S WORK

Who says a woman's work isn't high art?
She'd challenge as she scrubbed the bathroom tiles.
Keep house as if the address were your heart.

We'd clean the whole upstairs before we'd start
downstairs. I'd sigh, hearing my friends outside.
Doing her woman's work was a hard art

to practice when the summer sun would bar
the floor I swept till she was satisfied.
She kept me prisoner in her housebound heart.

She' shine the tines of forks, the wheels of carts,
cut lacy lattices for all her pies.
Her woman'work was nothing less than art.

And, I, her masterpiece since I was smart,
was primed, praised, polished, scolded and advised
to keep a house much better than my heart.

CÔNG VIỆC NGƯỜI ĐÀN BÀ

Ai nói công việc của một người đàn bà không là nghệ thuật cao?
Bà thử thách trong lúc cọ rửa gạch men phòng tắm.
Giữ căn nhà như thể định vị là trái tim bạn.

Chúng ta lau sạch toàn thể trên lầu trước khi lau sạch dưới lầu.
Tôi thử dài, nghe tiếng những bạn tôi ở ngoài đường.
Làm công việc đàn bà của bà là một nghệ thuật khó

thực hành khi ánh mặt trời mùa hè giăng trên
sàn nhà tôi đã quét dọn cho đến khi bà được vừa lòng.
Bà giữ tôi như một tù nhân trong căn nhà đường biên trái tim.

Bà đánh bong những cái răng nĩa, những vành xe đẩy,
chạm cắt viền mắt cáo tất cả những chiếc bánh nướng.
Công việc đàn bà của bà không khác gì một nghệ thuật.

Và, tôi, kiệt tác của bà từ khi tôi khôn khéo,
đứng đắn, được ngợi khen, đánh bong, la rầy và khuyên bảo
để giữ cho ngôi nhà tốt hơn trái tim của tôi

I did not want to be her counterpart!
I stuck out ... but became my mother's child:
A woman working at home on her art,
Housekeeping paper as if it were her heart.

**Julia Alvarez* (born March 27, 1950) is an American New Formalist poet, novelist, and essayist. She rose to prominence with the novels *How the García Girls Lost Their Accents* (1991), *In the Time of the Butterflies* (1994), and *Yo!* (1997). Her publications as a poet include *Homecoming* (1984) and *The Woman I Kept to Myself* (2004), and as an essayist the autobiographical compilation *Something to Declare* (1998). Many literary critics regard her to be one of the most significant Latina writers and she has achieved critical and commercial success on an international scale.

Tôi không muốn trở thành bản sao của bà
Tôi thoát ra ... nhưng đã trở thành đứa con của mẹ tôi:
Một người đàn bà làm việc ở nhà qua cái tài khéo của bà,
Báo cáo quản gia như thể nó là trái tim của bà.

* *Julia Alvarez* (sinh ngày 27 tháng 3 năm 1950), nhà thơ, tiểu thuyết gia và nhà tiểu luận theo trường phái Tân hình thức Mỹ. Bà trở nên nổi tiếng với các tiểu thuyết *How the García Girls Lost Accents* (1991), *In the Time of the Butterflies* (1994) và *Yo!* (1997). Các ấn phẩm của bà với tư cách là một nhà thơ bao gồm *Homecoming* (1984) và *The Woman I Kept to Myself* (2004). Với tư cách một nhà viết tiểu luận, bà viết cuốn tự truyện *Something to Declare* (1998). Nhiều nhà phê bình văn học coi bà là một trong những nhà văn Latina quan trọng nhất, và bà đã đạt được thành công về mặt phê bình và thương mại trên quy mô quốc tế.

THE BALLAD OF AUNT GENEVA

Geneva was the wild one.
Geneva was a tart.
Geneva met a blue-eyed boy
and gave away her heart.

Geneva ran a roadhouse.
Geneva wasn't sent
to college like the others:
Pomp's pride her punishment.

She cooked out on the river,
watching the shore slide by,
her lips pursed into hardness,
her deep-set brown eyes dry.

They say she killed a woman
over a good black man
by braining the jealous heifer
with an iron frying pan.

KHÚC CA VỀ DÌ GENEVA

Geneva dữ dằn. Geneva
cáu gắt. Geneva gặp đứa
con trai mắt xanh và trao trái
tim cho hẳn. Geneva

điều hành một quán ăn bên đường.
Geneva không được học đại
học như những người khác: Thái độ
cao ngạo hành hạ bà. Bà nấu

ăn trên sông, ngắm nhìn bãi biển
lướt trôi, môi mím chặt, đôi mắt
sâu màu nâu ráo hoảnh. Họ nói
bà đã giết một người đàn bà

vì người đàn ông da đen tử
tế bằng cách đập vỡ đầu con
bê cái đáng ghét đó với một
cái chảo chiên bằng sắt. Họ nói

They say, when she was eighty,
she got up late at night
and sneaked her old, white lover in
to make love, and to fight.

First, they heard the tell-tale
singing of the springs,
then Geneva's voice rang out:
I need to buy some things,

so next time, bring more money.
And bring more moxie, too.
I ain't got no time to waste
on limp white mens like you.

Oh yeah? Well, Mister White Man,
it sure might be stone-white,
but my thing's white as it is.
And you know damn well I'm right.

Now listen: take your heart pills
and pay the doctor mind.
If you up and die on me,
I'll whip your white behind.

They tiptoed through the parlor
On heavy, time-slowed feet.
She watched him, from her front door,
walk down the dawnlit street.

khi tám mươi, bà thức dậy trong
đêm và dẫu già, đón người tình
da trắng vào làm tình, và gây
gỗ. Đầu tiên, họ nghe được tiếng

hát như suối reo, rồi giọng
Geneva vang lên: tao cần
mua vài thứ, lần sau, nhớ mang
thêm tiền, và sinh động lên. Tao

không muốn mất thì giờ với những
gã đàn ông yếu ớt như mày.
Ôi? Tốt thôi, ông trắng, có thể
cái đó của mày trắng nhưng cái

ấy của tao cũng trắng vậy. Và
mày biết rõ là tao đúng mà.
Bây giờ lắng nghe: hãy uống những
viên thuốc trị tim của mày và

nghe theo lời dặn bác sĩ. Nếu
mày chết sớm trên bụng tao, tao
sẽ quất vào cái lưng trắng của
mày. Họ nhón bước qua phòng đợi,

những bước chân chậm rãi và nặng
nề. Bà ta đứng ở cửa trước
nhìn theo hần bước xuống đường trong
ánh bình minh hé rạng. Geneva

Geneva was the wild one.
Geneva was a tart.
Geneva met a blue-eyed boy
and gave away her heart.

* *Marilyn Nelson* (born April 26, 1946) is an American poet, translator, and children's book author. She is a professor emeritus at the University of Connecticut, and the former poet laureate of Connecticut. She is a winner of the Ruth Lilly Poetry Prize, the NSK Neustadt Prize for Children's Literature, and the Frost Medal. From 1978 to 1994 she published under the name Marilyn Nelson Wanick.

dữ dần. Geneva cúi gắt.
Geneva gặp đứa con trai
mắt xanh và trao trái tim cho
hắn.

* Bài thơ trích từ tuyển tập “Rebel Angels, 25 Poets of The New Formalism” (Những Thiên Thần Nổi Loạn, 25 Nhà Thơ tân Hình Thức), được viết theo thể Ballad, là một bài hát, kể một câu chuyện. Trong thơ, Ballad viết thành từng đoạn thơ 4 dòng. Dòng đầu và dòng thứ ba, có 4 âm tiết nhấn, và vần ở cuối dòng. Dòng 2 và 4, có 3 âm tiết nhấn. Trong bài dịch, chúng tôi dùng thể thơ không vần Việt. Bài thơ kể về câu chuyện của Geneva, một người đàn bà da đen chanh chua và ít học. Chữ “mens” không có s. “Tell-tale” <adj>: audible (nghe được). “Up and die”: chết sớm. “có thể cái đó của mày trắng / nhưng cái ấy của tao cũng trắng vậy.” Thật quá quái, trong đêm tối, trắng hay đen thì làm sao phân biệt? “Parlor”: Phòng đợi, có thể ở một chung cư (!). Và cuối cùng, xin bạn đọc đọc nguyên bản, để nghe nhịp điệu thơ vang lên.

* *Marilyn Nelson* (sinh ngày 26 tháng 4 năm 1946), nhà thơ, dịch giả và tác giả về sách thiếu nhi người Mỹ. Bà là giáo sư danh dự tại Đại học Connecticut, và là cựu nhà thơ đoạt giải thưởng Connecticut. Bà thắng Giải thưởng thơ Ruth Lilly, và Giải thưởng NSK Neustadt cho Văn học dành cho trẻ em, đồng thời đạt giải Huy chương Frost. Từ năm 1978 đến năm 1994, Bà xuất bản dưới tên Marilyn Nelson Waniek.

BLUE JAY

A sound like a rusty pump beneath our window
Woke us at dawn. Drawing the curtains back,
We saw – through milky light, above the doghouse –
A blue jay lecturing a neighbor's cat
So fiercely that, at first, it seemed to wonder
When birds forgot the diplomacy of flight
And met, instead, each charge with a wild swoop,
Metallic cry, and angry thrust of beak.

Later, we found the reason. Near the fence
Among the flowerless stalks of daffodils,
A weak piping of feathers. Too late now to go back
To nest again among the sheltering leaves.
And so, harrying the dog, routing the cat,
And taking sole possession of the yard,

CHIM GIẾ XANH

Âm thanh giống như tiếng máy bơm khăn
khăn đánh thức chúng tôi vào lúc rạng
sáng. Vén bức màn chúng tôi thấy – qua
ánh sáng sớm mai, trên cái chuồng chó –
một con chim giẻ xanh đang quang quác
dữ dội với con mèo hàng xóm, ban
đầu, chúng tôi phân vân hình như những
con chim đã quên mất sự khôn ngoan
là nên bay đi hơn là đánh nhau
và thay vì cứ bỏ nhào giận dữ,
với tiếng kêu chát chúa, và nhát mổ
dữ dội. Sau đó chúng tôi khám phá

ra lý do. Gần hàng rào giữa những
cuống hoa thủy tiên vàng, một con chim
non yếu ớt. Con chim non quá yếu
để có thể bay về chiếc tổ bị
che khuất giữa những tàn lá. Và vì
vậy con chim mẹ – quấy chó, đuổi mèo,
độc chiếm chiếc sân, và bỏ nhào suốt

The mother swooped all morning,
I found her there
Still fluttering round my head, still scattering
The troops of blackbirds, head cocked toward my car
As if it were some lurid animal,
When I returned from work. Still keeping faith.
As if what I had found by afternoon
Silent and still and hidden in tall grass
Might rise again above the fallen world;
As if the dead were not past mothering.

buổi sáng. Khi trở lại tôi thấy con chim mẹ còn đó, vẫn vỗ cánh trên đầu tôi, vẫn làm cho lũ chim kết bay tán loạn, chu mỏ về phía chiếc xe của tôi, như thể chiếc xe là con vật ghê gớm nào đó. Con chim mẹ quyết bảo vệ chim con. Như thể tôi đã thấy vào lúc trưa, một thứ gì đấy, im lặng và tĩnh lặng và ẩn nấp trong cỏ, có thể trồi lên từ bên kia thế giới, như thể kẻ chết được dỗ ngọt trở lại với đời.

A MIDNIGHT DAWN

When tinkling glass
Rang in my ear,
I walked the hall
Where Chanticleer
Had crowed up dawn
With crackling mirth,
Red feathers flashing
From his perch,
While from the breach
In the ceiling swung
Our chandelier
Like a felon strung,
Legs wildly kicking,
Until my eyes
Spied red tongues licking
Toward the skies.
Then as engines
Flashed and roared
To save our roof,
The rooster soared
Passed blackened beams
And joists that left
The acrid scent
Of dragon's breath.

HÉ RẠNG NỬA ĐÊM

Khi mặt kính leng keng
rung lên bên tai
tôi đi bộ ở hành lang
nơi chú Gà trống
thức suốt đêm với tiếng lục cục
tươi vui, với bộ lông đỏ
lóa sáng nơi chỗ đậu,
trong khi từ một lỗ hổng
trên trần nhà đung đưa
chùm đèn treo giống như
một tội nhân bị treo cổ
đôi chân quãy đạp cuồng dại
cho đến khi mắt tôi
nhìn thấy chiếc lưới đỏ thè ra
hướng lên trời.
Lúc đó như những động cơ
vụt sáng và nổ ùng ùng
để tránh cho mái nhà của chúng tôi,
con gà trống bay lên
qua khỏi sườn nhà đã hóa đen
và những cái rầm nhà còn rơi lại
mùi cay sè của hơi thở rỗng.

* *Paul Lake* (1951–2022) was an American poet, essayist, and professor at Arkansas Tech University. *Another Kind of Travel* won the Porter Fund Award for Literary Excellence. In addition, he won the Richard Wilbur Award for poetry in 2006. He graduated from Towson University with a B.A. and from Stanford University with an M.A. He had served as the poetry editor for *First Things*.

* *Paul Lake* (1951–2022), nhà thơ, nhà tiểu luận và giáo sư người Mỹ tại Đại học Công nghệ Arkansas. Tác phẩm của ông, *Một Loại Hình Du Lịch Khác*, đã giành được Giải thưởng của Quỹ Porter về Văn học Xuất sắc. Ngoài ra, ông đã được Giải thưởng Richard Wilbur về thơ vào năm 2006. Ông tốt nghiệp Đại học Towson với bằng Cử nhân và bằng thạc sĩ tại Đại học Stanford. Ông đã từng là nhà biên tập thơ cho *First Things*.

Sydney Lea

THE WRONG WAY WILL HAUNT YOU

(Shouting a hound)

Spittle beads as ice along
her jaw on this last winter day.
And when I lift her, all her bones
are loose and light as sprigs of hay.

For years her wail has cut the woods
in parts, familiar. Host of hares
have glanced behind as she ploughed on
and pushed them to me unawares.

Now her muzzle skims the earth
as if she breathed a far dim scent,
and yet she holds her tracks to suit
my final, difficult intent.

For years with gun in hand I sensed
her circle shrinking to my point.
How odd that ever I should be
the center to that whirling hunt.

ĐIỀU KHÔNG HAY THƯỜNG ĐẾN

(Tiếng kêu một con chó săn)

Những hạt nước dãi như băng giá dọc
theo quai hàm con chó săn vào ngày
cuối đông. Và khi nhấc lên xương cốt
nó lỏng lẻo và nhẹ như một cọng

cỏ khô. Suốt năm tiếng kêu quen thuộc
của nó đã cắt khu rừng thành từng
phần. Bầy thỏ liếc nhìn phía sau không
biết nó đã rẽ và đẩy chúng tới

tôi. Bây giờ mõm nó là đà dưới
mặt đất, như thể sự thính mũi của
nó đã lờ mờ xa, và lúc này
ý định giữ vòng săn đáp ứng mục

tiêu với nó là khó. Suốt năm, với
cây súng trong tay tôi có cảm giác
nó đã bắt đầu già. Tôi chưa bao
giờ trông chờ tôi là trung tâm cuộc

Here a yip and there a chop
meant some prime buck still blessed with breath,
and in the silences I feared
she'd run him to her own cold death.

The snow that clouds my sights could be
a trailing snow, just wet and new
enough to keep a scent alive,
but not so deep that she'd fall through.

* *Sydney Lea* is an American poet, novelist, essayist, editor, and professor, and was the Poet Laureate of Vermont (2011–15).

săn cuồng quay đó. Đây là tiếng sủa
và kia là con mồi, có nghĩa là
vài con nai tơ vẫn sống, và trong
yên lặng tôi sợ việc đuổi theo đã

mang tới cái chết lạnh cho chính nó.
Tuyết phủ tầm nhìn của tôi có thể
là tuyết vẽ thành vệt, ướt và mới
đủ để giữ sự thính mũi tồn tại,
nhưng không sâu rằng nó đã thất bại.

* Bài thơ trích trong tuyển tập thơ “Rebel Angels” (Những Thiên Thần Nổi Loạn), 25 nhà thơ tân hình thức, do Mark Jarman và Davis Mason chủ biên, Story Line Press xuất bản 1998.

* *Sydney Lea* (1942 –), nhà thơ, tiểu thuyết gia, nhà tiểu luận, biên tập viên người Mỹ. Ông cũng là một giáo sư đại học, và nhà thơ đoạt giải Vermont (2011–15).

Ngoài ra, ông cũng là nhà sáng lập và cựu chủ biên tờ “The New England Review”. Tuyển tập thơ của ông bao gồm *Searching the Drowned Man*, *The Floating Candles*, *No sign*, *Prayer for Little City* và *The Blainville Testament*. Ông sống ở Newbury, Vermont, USA.

CONVALESCING IN LONDON

Like a drunk treading on his trouser cuffs,
Time lurches past. Time goes too fast.
I don't know what to do
And lie awake in the dark, overheated room,
Listering, listering to
Time lurches past. Time goes too fast.

I may not move about too much, nor drink,
My doctors say. I went to the Tower today.
Where many famous men
And women, waiting to die, found good thing to say
About death (a friend). Then
A few bridges and Hyde Park. Now it is dark.

Since my hepatitis I'm afraid
I've not been entertaining. It's too hot
In here but when I raise
The window rain comes in, and noises
From the street. I cannot
Concentrate on anything, except the clock, ticking.

HỒI SỨC Ở LUÂN ĐÔN

Giống như một kẻ say rượu dầm lên
Gấu quần dài, thời gian lão đảo Qua.
Thời gian trôi qua nhanh. Tôi không biết
Làm gì, và nằm thức trong bóng tối,
Căn phòng quá nóng, lắng nghe, lắng nghe.
Thời gian lão đảo qua. Thời gian trôi
Qua nhanh. Bác sĩ nói, tôi không thể

Di động chung quanh quá nhiều, không uống
Rượu. Tôi đến Tower hôm nay, nơi
Nhiều ông nổi tiếng và các bà, đang
Đợi chết, tìm thấy những điều tốt lành
Để nói, về cái chết (một người bạn).
Rồi thì, vài chiếc cầu và Hyde Park.
Bây giờ trời tối. Vì bệnh viêm gan

Tôi sợ. Tôi không thấy vui. Ở đây
Rất nóng nhưng khi tôi nâng cửa sổ
Lên, Mưa hắt vào, và những tiếng ồn
Ngòai đường phố. Tôi không thể tập trung
Vào bất cứ cái gì, ngòai chiếc đồng
hồ, tích tắc.

A BOOKMARK

Four years ago I stared reading Proust.
Although I'm past the halfway points, I still
Have seven hundred pages of reduced
Type left before I reach the end. I will
Slog through. It can't get much more dull than what
Is happening now: he's buying crepe de chine
Wraps and a real, well-documented hat
For his imaginary Albertine.
Oh, what a slimy sort he must have been –
So weak, so sweetly poisonous, so fey!
Four years ago, by God! – and even then
How I was looking forward to the day
I would be able to forgive, at last,
And to forget Remembrance of Things Past.

* *Tom Disch* (b.1940) is a prolific novelist, poet, and critic who lives in New York City. His novels include *Camp Concentration*, *334*, and *The Priest*. Among his collections of poems are *Burn This*, *Dark Verses and Light*, and *Yes, Let's*. He has also written books for children like *The Brave Little Toaster*. A collection of literary essays, *The Castle of Indolence*, was published by Picador in 1995. His criticism regularly appears in *The New York Times*, *Los Angeles Times*, *Washington Post*, *The Hudson Review*, *The Nation*, *TLS*, and elsewhere.

DẤU TRANG

Bốn năm trước đây tôi chăm chú đọc Proust.
Mặc dầu tôi đã đọc qua một nửa, vẫn
Còn bảy trăm trang chữ nhỏ còn lại trước
Khi chấm dứt. Tôi sẽ cặm cụi cho xong.
Nó không thể chán ngắt hơn nhiều những gì
Đang xảy ra bây giờ: nhân vật Albertine
Mua những gói thức ăn hiệu crepe de chine
Và một cái nón được diễn tả rõ ràng
Như thật do sự tưởng tượng của hẳn. Ôi,
Hẳn phải là loại người giả dối thế nào –
Yếu đuối, độc ác một cách ngọt ngào, phù
Phiếm như thế! Bốn năm trước, bởi Chúa! – Và
Ngay lúc đó làm sao tôi lại mong mỏi
Tới ngày tôi có thể quên, sau cùng, và
để Quyên Nhớ Lại Thời Gian Đã Mất.

* *Tom Disch*, sinh năm 1940, là một nhà tiểu thuyết sung mãn, một nhà thơ, nhà phê bình, sống ở New York City. Những tiểu thuyết của ông gồm: *Camp Concentration*, 334, và *The Priest*. Những tuyển tập thơ gồm: *Burn This*, *Dark Verses and Light*, và *Yes, Let's*. Ông cũng viết sách cho thiếu nhi như cuốn *The Brave Little Toast*. Một tuyển tập tiểu luận, *The Castle of Indolence*, do nxb Picador năm 1995. Những bài phê bình của ông được đăng trên The New York Times, Los Angeles Times, Washington Post, The Hudson Review, The nation, TLS, và đầu đó.

A WINTER'S TALE

For Ian

Silent and small in your wet sleep,
You grew to the traveler's tale
We made of you so we could keep
You safe in our vague pastoral,

And silent when the doctors tugged
Heels up your body free of its
Deep habitat, shoulders shrugged
Against the cold air's continent

We made you take for breathing,
Ian, your birth was my close land
Turned green, the stone rolled back for leaving,
My father dead and you returned.

* *Wyatt Prunty* (born May 15, 1947, in Humboldt, Tennessee) is the author of nine collections of poetry. His critical work, "Fallen from the Symbolized World": Precedents for the New Formalism, is available from Oxford University Press. Editor of *Sewanee Writers on Writing* (LSU Press, 2000), he has also served as general editor of the *Sewanee Writers' Series*.

CÂU CHUYỆN MÙA ĐÔNG

Cho Ian

Im lặng và nhỏ bé trong dạ mẹ,
Con lớn lên như câu chuyện người lữ
Hành, cha mẹ tạo ra con và giữ
Con an toàn nơi chốn chứa sinh,

Và im lặng khi bác sĩ sản khoa
Năm hai chân con kéo ra khỏi dạ
Mẹ, dốc ngược võ vào mông, hai vai
Con co rúm chống lại hơi lạnh thể

Gian, cha mẹ cho con thở, Ian,
Sự hiện hữu của con làm tươi xanh
Tổ ấm mẹ, như thể hòn đá lăn
Trở lại sau khi rời xa, như ông

Ngọa dĩ chết và con trở lại.

* *Wyatt Prunty* (sinh ngày 15 tháng 5 năm 1947, tại Humboldt, Tennessee) là tác giả của chín tập thơ. Tác phẩm phê bình của ông, “Sa ngã khỏi thế giới được biểu tượng”: Tiền đề cho Chủ nghĩa hình thức mới, hiện có tại Nhà xuất bản Đại học Oxford. Biên tập viên *Sewanee Writers on Writing* (LSU Press, 2000), ông cũng từng là tổng biên tập của *Sewanee Writers’ Series*.

Marilyn Hacker

DID YOU LOVE WELL WHAT
VERY SOON YOU LEFT?

Did you love well what very soon you left?
Come home and take me in your arms and take
away this stomach ache, headache, heartache.
Never so full, I never was bereft
so utterly. The winter evenings drift
dark to the window. Not one word will make
you, where are you, turn in your day, or wake
from your night toward me. The only gift
I got to keep or give is what I've cried,
foodgates let down to mourning for the dead
chances, for the end of being young,
for everyone I loved who really died.
I drunk our one year out in brine instead
of honey from the seasons of your tongue.

* *Marilyn Hacker* (born November 27, 1942) is an American poet, translator and critic. She is Professor of English emerita at the City College of New York.

ANH CÓ YÊU TRỌN VỆ NHỮNG GÌ ANH ĐÃ RỜI XA?

Anh có yêu trọn vẹn những gì anh đã rời xa? Hãy trở về nhà ôm em trong tay và lấy đi cơn đau bao tử, cơn nhức đầu, cơn đau tim này. Chưa bao giờ trọn vẹn như vậy, chưa bao giờ em mất đi hoàn toàn như vậy. Những chiều đồng bóng tối dạt trôi vào cửa sổ. Không có lời nào làm anh, anh ở đâu, bỏ cả ngày, hoặc thức cả đêm hướng về em. Món quà duy nhất em giữ hoặc cho là những gì em than khóc, cống thoát nước thải ra nỗi thương tiếc vì những cơ hội héo tàn, vì sự chấm dứt lúc thanh xuân, vì từng người em yêu thật sự đã chết. Suốt năm, em nghe, nước biển mặn thay vì mật ong, lời tiếng bốn mùa biến đổi của anh.

* *Marilyn Hacker* (sinh ngày 27 tháng 11 năm 1942) nhà thơ, dịch giả và nhà phê bình người Mỹ. Bà là Giáo sư tiếng Anh danh dự tại trường Cao đẳng, Thành phố New York.

FOR J. W.

I knew exactly what I want to say,
Except we're men. Except it's poetry,
And poetry is too precise. You know
That when we met on Robert's perch, I knew.
My paper plate seemed suddenly too small;

I stepped on a potato chip. I watched
The ordinary spectacle of birds
Become magnificent until the sky,
Which was an ordinary sky was blue
And comforting across my face. At least

I thought I knew. I thought I'd seen your face
In poetry, in shapeless clouds, in ice –
Like staring deeply into frozen lakes.
I thought I'd heard your voice inside my chest,
And it was comforting, magnificent,

GỬI J. W.

Tôi biết chính xác điều gì tôi muốn nói trừ
Ra chúng ta là những người đàn ông. Trừ ra
Đó là thơ, và thơ thì quá tinh xác. Anh
Biết khi chúng ta gặp nhau ở hiên nhà Ro-
Bert, tôi đã biết. Cái đĩa giấy của tôi hình
Như bất ngờ quá nhỏ; tôi dẫm lên một miếng

Khoai tây chiên. Tôi dõi theo sự chao liệng bình
Thường của những cánh chim, sự chao liệng trở nên
Lộng lẫy cho tới khi bầu trời, một bầu trời
Bình thường, xanh và thoáng thoát ngang qua tôi.
Ít nhất tôi nghĩ tôi biết. Tôi đã thấy khuôn

Mặt anh trong thơ, trong những đám mây không hình
Dạng, trong băng giá – giống như đang đắm đắm nhìn về
Hương những hồ nước đông lạnh. Tôi nghĩ tôi đã
Nghe giọng anh trong ngực tôi, giọng nói thoáng thoát
Và lộng lẫy, như thơ nhưng tinh xác hơn. Tôi

Like poetry but more precise. I knew,
Or thought I knew, exactly how I felt.
About the insects fizzing in the lawn.
About the stupid, ordinary birds,
About the poetry of Robert Frost,
Fragility and paper plates. I look at you.
Because we're men, and frozen hard as ice –
So hard from muscles spreading out our chests –
I want to comfort you, and say it all
Except my poetry is imprecise.

* *Rafael Campo* graduated from Amherst College and Harvard Medical School. He practices medicine at Beth Israel Deaconess Medical Center in Boston, Massachusetts. His writing focuses on themes that promote equality and justice for gay people, people of color, and working-class people.

Đã biết hoặc nghĩ tôi đã biết, đúng ra là
Làm sao tôi cảm thấy. Về những con côn trùng
Xi xèo trong bãi cỏ. Về những cánh chim bình
Thường và ngu ngốc, về thơ Robert Frost, sự
Dễ vỡ và những chiếc đĩa giấy. Tôi nhìn anh.
Bởi chúng ta là những người đàn ông, và đông
Cứng như băng – gồng lên để giữ cảm xúc bên
Trong lồng ngực – tôi muốn an ủi anh và nói
Hết. Trừ thơ tôi không tinh xác.

* *Rafael Campo* tốt nghiệp trường Cao đẳng Amherst và Trường Y Harvard. Ông thực hành y khoa tại Trung tâm Y tế Beth Israel Deaconess ở Boston, Massachusetts. Tác phẩm của ông tập trung vào các chủ đề thúc đẩy bình đẳng và công lý cho người đồng tính, người da màu, và tầng lớp lao động.

R. S. Gwynn

APPROACHING A SIGNIFICANT
BIRTHDAY, HE PERUSES
THE NORTON ANTHOLOGY OF POETRY

All human things are subject to decay.
Beauty is momentary in the mind.
The curfew tolls the knell of parting day.
If winter comes, can Spring be far behind?

Forlorn! The very word is like a bell
And somewhat of a sad perplexity.
Here, take my picture, though I bid farewell.
In a dark time the eye begins to see.

The woods decay, the woods decay and fall –
Bare ruined choirs where late the sweet birds sang.
What but design of darkness to appall?
An aged man is but a paltry thing.

If I should die, think only this of me:
Crass casualty obstructs the sun and rain
When I have fears that I may cease to be,
To cease upon the midnight with no pain

ĐẾN GẦN NGÀY SINH NHẬT ĐÂY Ý NGHĨA
HẸN ĐỌC TUYỂN TẬP THƠ DO NORTON
XUẤT BẢN

Tất cả sở hữu của con người là đối tượng
Suy đồi. Cái đẹp chốc lát trong tâm trí. Giờ
Giói nghiêm rung chuông báo tử về ngày chia tay.
Nếu mùa Đông tới, có thể mùa Xuân bị bỏ

Rơi xa đằng sau? Bị bỏ rơi! Ngày sinh nhật
Ấy giống như tiếng chuông và là một phần của
Tình trạng bối rối tệ hại. Đây, chụp tấm hình
Tôi, mặc dù tôi chào tạm biệt. Mắt bắt đầu

Nhìn thấy trong lần tắm tối. Những rừng cây hư
Hối, những rừng cây hư hối và rơi – đội hợp
Xương điều tàn trần trụi nơi mới đây những con
Chim dễ thương hót. Ngày sinh nhật là ý đồ

Bóng tối làm hoảng sợ con người? Người đàn ông
Già chỉ là thứ vô giá trị. Nếu tôi chết,
Nên nghĩ về điều đó vì tôi: sự tử vong
Hòn toàn làm trở ngại bất tử, khi sợ rằng

And hear the spectral singing of the moon
And strictly meditate the thankless muse.
The world is too much with us, late and soon.
It gathers to a greatness, like the ooze.

Do not go gentle into that good night.
Fame is no plant that grows on mortal soil.
Again he raised the jug up to the light:
Old age hath yet his honor and his toil.

Downward to darkness on extended wings,
Break, break, break, on thy cold gray stones, O sea,
And tell sad stories of the death of kings.
I do not think that they will sing to me.

**R. S. Gwynn* is married and lives in Beaumont, Texas. He graduated from Davidson College in 1969, where he won the Vereen Bell Award for creative writing twice, played varsity football, and was a member of the school's championship team on the General Electric College Bowl. He did graduate work at Middlebury College's Bread Loaf School of English and later earned an M.A. and an M.F.A. from the University of Arkansas.

Có thể tôi không còn nữa, không còn nữa vào
Nửa đêm không đầu đón, nghe hồn ma hát về
Mặt trăng và trầm tư tuyệt đối vào hồn thơ
bội bạc. Thế giới quá nhiều đối với chúng ta,

Sớm và muộn. Nó tập hợp sự lớn lao, giống
Như rò rỉ. Đừng đi nhẹ nhàng vào đêm an
Lành. Danh tiếng không phải là cây cối mọc trên
Đất chết. Lũn nữa hấn giờ cái bình ra ánh

Sáng; tuổi già có vinh dự và vất vả từ
Trước tới nay. Đi xuống địa ngục bằng cánh duỗi
Thẳng. Vỡ, vỡ, vỡ trên hòn đá xám lạnh của
Mi, ôi biển, và kể câu chuyện buồn về cái

Chết của những ông vua. Tôi không nghĩ câu chuyện
Buồn sẽ hát vì tôi.

* *R. S. Gwynn* đã kết hôn và sống tại Beaumont, Texas. Ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Davidson vào năm 1969, nơi ông đã hai lần giành được Giải thưởng Vereen Bell cho bài viết sáng tạo. Ông chơi bóng bầu dục và là thành viên của đội vô địch của trường tại General Electric College Bowl. Ông đã tốt nghiệp tại trường Anh ngữ Middlebury College's Bread Loaf và sau đó lấy bằng M.A. và M.F.A. từ Đại học Arkansas.

AN AUBADE

As she is showering, I wake to see
A shine of earrings on the bedside stand,
A single yellow sheet which, over me,
Has folds as intricate as drapery

In paintings from some fine old master's hand.
The pillow which, in dozing, I embraced
Retains the salty sweetness of her skin;
I sense her smooth back, buttocks, belly, waist,

The leggy warmth which spread and gently laced
Around my legs and loins, and drew me in.
I stretch and curl about a bit and hear her
Singing among the water's hiss and race.

Gradually the early light makes clear
The perfume bottles by the dresser's mirror,
The silver flashlight, standing on its face,
Which shares the corner of the dresser with

MỘT KHÚC NHẠC SỚM

Trong lúc nàng tắm, tôi thức dậy nhìn, một cặp
Bông tai lấp lánh trên cái giá cạnh giường, một
Tấm chăn đơn màu vàng, kéo ngang qua tôi, xếp
Nếp phức tạp như tấm màn cửa trong những bức

Tranh từ bàn tay của những bậc thầy già giặn.
Cái gối, trong giấc ngủ chập chờn, tôi ôm còn
Vương vị ngọt mặn của da thịt nàng; tôi cảm
Nhận tấm lưng, hông, bụng, eo mượt mà của nàng,

Sự nồng ấm của đôi chân thon dài quấn lấy
Chân và hông, và kéo tôi vào. Tôi đuổi mình
Cuộn lại một chút và nghe nàng hát giữa tiếng
Nước tuôn chảy xè xè. Dần dần ánh sáng sớm

Rõ hơn, những lọ dầu thơm bên tấm gương bàn
Trang điểm, cái đèn pin bằng bạc dựng úp mặt,
Ở góc bàn trang điểm, chiếc ly cắm dây leo
Trường sinh tỏa xuống. Và tôi thỏa mãn làm sao,

An ivy spilling tendrils from a cup,
And so content am I, I can forgive
Pleasure for being brief and fugitive.
I'll stretch some more, but postpone getting up

Until she finishes her shower and dries
(Now this and now that foot placed on a chair)
Her fineboned ankles, and her calves and thighs,
The pink full nipples of her breasts, and ties
Her towel up, turban-style, about her hair.

* *Timothy Steele* (born January 22, 1948) is an American poet, who generally writes in meter and rhyme. His early poems, which began appearing in the 1970s in such magazines as *Poetry*, *The Southern Review*, and *X. J. Kennedy's Counter/Measures*, are said to have anticipated and contributed to the revival of traditional verse associated with the New Formalism.

Có thể tha thứ niềm lạc thú vì ngần ngủ
Và thóang qua. Tôi tính đuổi mình thêm, nhưng ngừng
Lại tỉnh giấc. Cho đến khi nàng tắm xong và
Lau khô (lúc bàn chân này lúc bàn chân kia

Đặt lên ghế), những mắt cá chân xương mịn, bắp
Chân và bắp vế, những núm vú vun đầy màu
Hồng của nàng, và nàng đội cái khăn xếp, gấp
Chéo lên tóc.

* *Timothy Steele* (sinh ngày 22 tháng 1 năm 1948) nhà thơ người Mỹ, và thường viết bằng thể luật và vần. Những bài thơ ban đầu của ông, bắt đầu xuất hiện vào những năm 1970 trên các tạp chí như Poetry, The Southern Review, và X. J. Kennedy's Counter / Measures, được cho là đã tiên liệu và góp phần vào sự hồi sinh của thể thơ truyền thống gắn liền với Chủ nghĩa Tân hình thức.

ELEGY FOR MY FATHER,
WHO IS NOT DEAD

One day I'll lift the telephone
and be told my father's dead. He's ready.
In the sureness of his faith, he talks
about the world beyond this world
as though his reservations have
been made. I think he wants to go,
a little bit – a new desire
to travel up, an itch
to see fresh worlds. Or older ones.
He thinks that when I follow him
he'll wrap me in his arms and laugh,
the way he did when I arrived
on earth. I do not think he's right.
He's ready. I am not. I can't
just say good-bye as cheerfully
as if he were embarking on a trip
to make my later trip go well.
I see myself on deck, convinced
his ship's gone down, while he's convinced
I'll see him standing on the dock
and waving, shouting, Welcome back.

BÀI AI VẤN CHO CHA TÔI,
NGƯỜI KHÔNG CHẾT

Một hôm tôi nhắc điện thoại lên và
được biết về cái chết của cha tôi.
Ông sẵn sàng. Trong sự chắc chắn của
niềm tin, ông nói về thế giới ở
bên kia thế giới này y như thể
ông đã dành được một chỗ trước. Tôi
nghĩ ông khá muốn đi – một khao khát
mới tăng cao, ngứa ngáy nhìn thế giới
Tươi mới. Hoặc xưa cũ. Ông tưởng ra
Khi tôi chết theo, ông sẽ ôm tôi
Trong tay và cười, cái cách của ông
Khi tôi sinh ra. Tôi không cho là ông
Đúng. Ông sẵn sàng. Tôi thì không. Tôi
Không thể nói lời từ biệt một cách
Vui vẻ cứ như ông đang lên tàu
Du hành để làm cuộc du hành
Sau đó của tôi xuống xẻ. Tôi thấy
Mình trên boong tàu, tin chắc con tàu
Của ông chìm xuống, trong lúc ông tin
Tôi sẽ thấy ông đứng trên cầu tàu
và vẫy tay, la lớn, Hãy trở lại nhé.

* *Andrew Hudgins* was raised in Alabama. He earned a B.A. at Huntingdon College, an M.A. at the University of Alabama, and an M.F.A. at the University of Iowa. He is the author of numerous collections of poetry and essays, many of which have received high critical praise, such as *The Never-Ending: New Poems* (1991), which was a finalist for the National Book Awards; *After the Lost War: A Narrative* (1988), which received the Poets' Prize; and *Saints and Strangers* (1985), which was a finalist for the Pulitzer Prize.

* *Andrew Hudgins* lớn lên ở Alabama. Ông đã có được bằng B.A. tại trường Cao đẳng Huntingdon, bằng Thạc sĩ tại Đại học Alabama, và bằng Thạc sĩ Quản lý kinh doanh tại Đại học Alabama, và bằng M.F.A. tại Đại học Iowa. Ông là tác giả của nhiều tập thơ và tiểu luận, trong đó có nhiều tập nhận được sự khen ngợi của giới phê bình, như *The Never-Ending: New Poems* (1991), từng lọt vào vòng chung kết Giải thưởng Sách Quốc gia; cuốn *After the Lost War: A Narrative* (1988), nhận giải thưởng Poets; và cuốn *Saints and Strangers* (1985), từng lọt vào vòng chung kết cho Giải Pulitzer.

IMMORTALITY

Poems are written for the folks at home
Who scoffed at what we said in prose.
Poems are written for the folks who doze
In nursing homes, or villages of stone.
Poems are written for idealized others,
For the best traits in our fathers, mothers.
Poems are transcripts of our chromosomes
That once formed moving flesh and bone.
Poems are written sound by line by page
In momentary grief or fear or rage,
Knowing there is no one and no home.
Poems are written for their sake alone.

* *Frederick Feirstein* (1940 – 2020) was a poet, playwright and psychoanalyst. He published nine books of poetry, had twelve plays produced, and published numerous psychoanalytic and literary essays. His ninth book of poems, *Dark Energy*, was published in 2013 as the first book in the Grolier Series of Established Poets.

BẤT TỬ

Những bài thơ được viết cho những bậc cha chú trong nhà
Kể nhạo báng những gì chúng ta đã diễn đạt trong văn xuôi.
Những bài thơ được viết cho những bậc cha chú ngủ lơ mơ
Trong nhà dưỡng lão, hoặc ngoài nghĩa trang.
Những bài thơ được viết để lý tưởng hóa kẻ khác,
Vì cá tính nổi bật trong những người cha, mẹ chúng ta.
Những bài thơ là bản nhiệm sắc thể của chúng ta
Đã từng làm cho thịt và xương di động.
Những bài thơ được viết bởi âm thanh dòng chữ và trang giấy
Trong phút chốc âu sầu, sợ hãi hay giận dữ
(Dù) biết rằng không người và không nhà.
Những bài thơ được viết duy nhất cho chính nó.

* *Frederick Feirstein* (1940 – 2020) nhà thơ, kịch tác gia và nhà phân tâm học. Ông đã xuất bản chín tập thơ, có mười hai vở kịch được sản xuất, và xuất bản nhiều bài tiểu luận văn học & phân tích tâm lý. Tập thơ thứ chín của ông, *Dark Energy*, được xuất bản vào năm 2013, là cuốn sách đầu tiên trong một loạt các nhà thơ thành danh của Grolier. (*Đây là tác phẩm tác giả gửi tặng Khế Iêm.*)

ON THE CELL PHONE

You're in the Berkshires with your girlfriend – “Hi!” –
And, though our house has long been ruined and sold,
You're driving past it where our road is still
Turning, as always, burning red and gold,
And we're still in Manhattan, me and Mom,
Our Towers ancient rubble, smoking still,
And only seven years have passed, and we
Are drinking scotch to kill the coming chill.
And now that our retreat is gone (we knew
When we first bought it, it would come to this),
I'm singing Heroism's final song
About how lovers live from kiss to kiss

Until their autumn ends in killing snow
Falling on rooftops, boxcars, empty streets,
And you are bumping on our narrow road
And blowing kisses at our last retreat,
And in those windows, as in memory,
We're cooking, reading comics, writing poems
About this future that we knew would come,
Though we were safely sitting still at home.

TRÊN CELL PHONE

Anh ở Berkshires với bạn gái – “Chào anh!” –
Và, dù cho ngôi nhà chúng tôi đã đổ nát và bán lâu rồi,
Anh lái xe ngang qua đó, nơi con đường
như thường lệ, (sắc lá) đang chuyển màu đỏ và vàng
Và chúng tôi vẫn còn ở Manhattan, tôi và mẹ,
Cái Tháp là đồng gạch vụn cổ xưa, còn bốc khói,
Chỉ mới bảy năm trôi qua, và chúng tôi
Đang uống rượu scotch để giết cái lạnh tới.
Bây giờ nơi ẩn cư đó (ngôi nhà) không còn (chúng tôi đã biết
Khi lần đầu mua nó và sẽ rơi vào tình trạng như thế),
Tôi đang hát bài hát cuối thiên hùng ca
Về làm sao những người yêu sống bằng nụ hôn và nụ hôn

Cho đến khi mùa Thu của họ chấm dứt trong tuyết rã rời
Rơi trên mái nhà, toa chờ hàng, những con phố vắng,
Và anh đang lái xe vào con đường hẹp gỗ ghế
Và gửi những nụ hôn già từ ở nơi ẩn cư cuối cùng của chúng tôi,
Và ở trong những cửa sổ (ngôi nhà), cũng như trong ký ức,
Chúng tôi đã nấu nướng, đọc truyện rẻ tiền, làm thơ
Về tương lai (ngôi nhà) sẽ rơi vào tình trạng như thế,
Mặc dù chúng tôi đang an toàn ngồi lặng lẽ trong nhà (lúc đó).

MOCK EPIC

From darkness, where every hero goes
To find he's smaller than he had imagined,
I write a devil-may-care duet,
A lullaby for Bosch or Kurosawa.
Survivor guilt or curiosity
Drew me here like a seductive mother
Or the long deep notes from a sea god's shell,
From the primal scene, or from Sartre's hell.
I might have dramatized this when young and strong,
Made it a crisis in an epic poem.
But I'm too tired now to make this long.
Besides, all epics only take us home.

BẢN HÙNG CA NHẠO BẮNG

Từ bóng tối, nơi mỗi anh hùng ra đi
Phát hiện hần nhỏ bé hơn hần tưởng tượng,
Tôi viết bản song ca không-quan-tâm-tới-hậu-quả,
Một bài hát ru cho Bosch hoặc Kurosawa.
Mặc cảm tội lỗi của kẻ sống sót hoặc sự tò mò
Đã đưa tôi tới đây như đó là sự cảm dỗ của người mẹ
Hoặc những nốt nhạc dài sâu lắng từ cái vỏ của thần biển,
Từ cảnh trí nguyên sơ, hoặc từ địa ngục của Sarte.
Tôi có thể đã kịch tính hóa điều này khi còn trẻ và khỏe,
Tạo thành cơn khủng hoảng trong một bản hùng ca.
Nhưng bây giờ tôi quá mệt để kéo dài thêm bài thơ.
Trừ phi, mọi bản hùng ca chỉ đưa chúng ta trở về quê nhà.

PHOENIXES

for Matt, later

I thought that I was stronger than I am.
Death after death after death undid me.
My family seemed fresh sacrificial lambs.
Neither the present nor the future hid me,
And not like phoenixes they flew,
But like my old darlings, frightened, holding hands,
And like your high school girlfriend Amy who
Wore Death's unholy, pale gray wedding band.
Dear nephew, who in my mind won't grow old,
This is for you, for what you can't express,
Running as you did when the huge cloud rolled
For endless blocks. For Amy, please stay blessed.

NHỮNG CON CHIM PHƯỢNG HOÀNG

Tặng cháu Matt, đọc sau

Tôi nghĩ tôi đã mạnh mẽ hơn khả năng của tôi.
Thần chết rồi thần chết rồi thần chết không làm gì tôi.
Gia đình tôi hình như đã trở thành bầy cừ non tể thần.
Không có hiện tại hay tương lai che khuất tôi,
Và không giống như những con phượng hoàng đã bay,
Nhưng giống người tình cũ của tôi, sợ hãi, đôi tay nắm chặt,
Và giống như người bạn gái thời trung học Amy của cháu
Đã đeo chiếc nhẫn cưới ảm đạm tái xanh chia lìa của thần chết.
Cháu thân yêu, ai trong tâm trí tôi không già đi,
Điều này dành cho cháu, cho những gì cháu không thể diễn tả,
Hãy cứ vận hành như đã từng khi đám mây bao la cuộn tròn
So với những khu phố dài vô tận. Vì Amy, hãy ở lại trong
ơn phước.

* Chim thần thoại trong những truyện hoang đường, sống khoảng 500 hay 600 năm ở vùng hoang dã Ả Rập, tự đốt cháy mình và sống lại từ chính tro của mình, thường biểu tượng cho sự bất tử hoặc hy vọng.

OTHERS

There is a timeless world in which they live,
In which old wounds are healed, right paths are taken,
In which they get exactly what they give,
In which they're loved and pampered, not forsaken.

Some waited too long to have a child,
Some to marry, crumple a dull career,
Some to leave a spouse whose voice was mild
But whittled down their soul from year to year

And some turned wooden in their smiles and tongues
And some paced fragile hour to room to hour
And some took fire and smoke inside their lungs
And turned to powder in their office tower.

Oh, time ticks even in the infant's caul,
On mourners' wristwatches despite the Dead.
Somewhere God weeps, sorry for them all,
For what He's written, and for what She's said.

NHỮNG KẺ KHÁC

Có một thế giới phi thời gian trong đó họ sống,
Trong đó vết thương cũ chữa lành, con đường đúng để đi,
Trong đó họ lấy lại chính xác những gì họ cho,
Trong đó họ được yêu thương, nuông chiều, không bị bỏ rơi.

Có người đã chờ đợi quá lâu để có con,
Có người chờ đợi quá lâu để kết hôn, bỏ ngang công việc nhàm chán
Có người chờ đợi quá lâu để lại người bạn đời có giọng nói dịu dàng
Nhưng Linh hồn họ đã bình yên dần theo năm tháng

Và có người gượng gạo trong nụ cười và giọng nói
Và có người tới lui trong căn phòng qua giờ khắc mong manh
Và có người hít lửa và khói bên trong lồng ngực
Và hóa thành bột trong cơ quan ở tòa tháp.

Ôi, thời gian kêu tích tắc ngay cả trong màng thóp trẻ sơ sinh,
Nơi chiếc đồng hồ đeo tay của kẻ thương tiếc bất kể kẻ chết.
Ở đâu đó Chúa rơi lệ, cảm thương họ,
Vì điều mà Chúa đã viết, và vì điều Chúa đã phán.

I sometimes see The God in Auschwitz smoke.
For years I watched Him fight internal fires.
At times I heard Her as a dirty joke
Old cronies told, maddened by desire

For sex and celebration, holy zest
For golden faith they'd swipe from churches,
Spilling with red wine, Montalcino's best,
For what intrigue can't seize, mere cash can't purchase:

The intimations in the dawning light
That waken in a poet freed from time
Only when passionate, when the mind is right,
Only when stressed, when the soul must scan and rhyme.

* Tác giả là một nhà thơ, nhạy cảm và nhân bản, một trong vài khuôn mặt quan trọng của hai phong trào tiền phong Tân hình thức và Thơ mở rộng, lại sống nơi trung tâm xảy ra cuộc khủng bố ngày 11 tháng 9 – 2001, nên biến cố trên có lẽ đã để lại nơi ông một cảm nhận và ám ảnh sâu sắc. Một con người như vậy, nếu không có niềm tin tôn giáo, có lẽ khó vượt qua để có thể trở lại đời sống bình thường. Trong bài thơ, “He” (nam) và “She” (nữ) là hai diện mạo của Chúa. Chúa là người chuộc tội cho điều Chúa (He) đã viết trong Cuốn sách của Đời sống (The Book of Life) – kẻ sẽ sống và kẻ sẽ chết – và cho điều Chúa (She) đã phán về đời sống nhân loại.

Đôi khi tôi thấy Chúa trong khói ở Auschwitz.
Trong nhiều năm tôi đã quan sát Chúa chiến đấu với ngọn lửa nội tâm,
Ở thời khắc tôi đã nghe Chúa như trò đùa bậy bạ
Những người bạn già chí cốt đã kể lại, bị dày vò bởi ham muốn

Vì dục tình và sự tán tụng, sự ham mê thánh thiện,
Vì đức tin vàng ngọc mà họ cuỗm được từ nhà thờ,
Chảy tràn ra với rượu đỏ, loại tốt nhất ở Montalcino
Vì điều gì âm mưu không thể cầm giữ, tiền mặt không thể mua bán:

Ấn dụ của lời Chúa trong ánh sáng bình minh
Làm thức dậy trong nhà thơ, trạng thái phi thời gian
Như lúc đăm mê, cần tâm trí sáng suốt,
Như lúc căng thẳng, cần tâm hồn hòa điệu.

** Chú thích*

1/ Auschwitz, trại tập trung giết người hàng loạt bằng hơi ngạt, khủng khiếp của Đức Quốc Xã, trong thế chiến II.

2/ Montalcino là một thị xã ở Florence, Ý, sản xuất loại rượu đỏ nổi tiếng, Brunello di Montalcino.

Tác giả tin rằng đời sống tôn giáo có thể giúp chúng ta chiến đấu với ngọn lửa nội tâm. Nếu con người không đối xử với Chúa (She) như một trò đùa bậy bạ, biến đức tin thành chủ nghĩa vật chất qua mưu mô và tham ái, thì sẽ nhận được ám dụ lời Chúa, chẳng khác nào nhà thơ đạt đến trạng thái trầm lắng trong cõi thơ.

SLEEPWALKERS

We necked on a bench
In Central Park
Till the trees gave up their leaves
To the unholy dark.
We stumbled to Sheep Meadow
And lay sideways down
Till the office lights went out
In the towers of midtown
Where terrorists roamed the streets
Casually as flirts,
Fingering vials of plague
Under New York Yankee shirts.
The autumn sky turned innocent,
Baby pink and blue,
And lit us in a rectangle
Of still green grass, black shoes.
We hopped a local train
To where the terrified stood,
And watched the smoke spread
As long as we could.

* The sun lights the grass into a rectangle that suggests being trapped. The grass is still green, unpolluted by the ash of 9/11. The black shoes are those the people are wearing but also is meant to suggest the shoes of the people who had to jump out of the buildings.

NHỮNG KẺ MỘNG DU

Chúng tôi ôm hôn thăm thiết trên băng ghế
Ngoài công viên Central Park
Cho đến khi cây cối trút lá
Vào bóng tối đầy đặc.
Chúng tôi ngã xuống công viên Sheep Meadow
Và nằm nghiêng một bên
Cho đến khi những ngọn đèn
Vãn phòng trên tòa tháp
Ở trung tâm thành phố tắt
Nơi những kẻ khủng bố đi lang thang
Ngẫu nhiên như những kẻ tán gái,
Dấu chai vũ khí vi trùng bằng ngón tay
Dưới những chiếc áo sơ mi ghi chữ New York Yankee
Bầu trời mùa thu trở nên vô tội,
Như những em bé gái bé trai,
Chiếu sáng chúng ta trong khoang cỏ
Xanh hình chữ nhật, những chiếc giày đen.
Chúng tôi đã đi một chuyến xe lửa địa phương
Tới nơi những kẻ khủng bố đứng,
Và nhìn cột khói tỏa ra
Lâu chừng nào chúng tôi có thể.

* Mặt trời chiếu ánh sáng xuống mảng cỏ hình chữ nhật, ý nói bị sập bẫy. Cỏ xanh tươi cho đến khi bị ô nhiễm bởi tro 9/11, và những chiếc giày đen là của những người nhảy ra từ những tòa nhà.

SHE HANDS THE FIRE CAPTAIN A PHOTO

His name is Sean, he grins a goofy grin.
If you can find him, call me please.
His eyes are keen – he’s seen the frown of Death!
He’ll say my name – it’s Beth – with his last breath.
He wears a silver cross, a V-shaped scar
Marks his left wrist – no, right! – from a bar fight,
Though he’s just gentle as our Burmese cat.
If you can find his hand – or head! – please tell me that.
He loved these towers and his posh address.
He loved his view, his desk, his colleagues, friends.
He loves the East Side of Manhattan and the West.
He wears a double-breasted blazer, linen pants.
His tie is navy blue and never straight.
He smokes despite me, and he’ll never dance.
His cell phone’s broken and his rent is late.

NÀNG TRAO TAY TẤM HÌNH CỦA ĐẠI ÚY CỨU HỎA

Tên ông ấy là Sean, cười toe trông huệch hoạc.
Nếu anh tìm thấy ông ấy, làm ơn gọi cho tôi.
Đôi mắt ông ấy đầy nhiệt tình – đã gặp mặt Thần Chết!
Ông ấy sẽ nói tên tôi – đó là Beth – với hơi thở cuối.
Ông ấy đeo thánh giá bằng bạc, dấu sọc hình chữ V
Ở cổ tay trái – không, tay phải! – lúc đánh nhau trong quán rượu,
Mặc dù ông ấy hòa nhã như con mèo Miến Điện của chúng tôi.
Nếu anh tìm thấy bàn tay ông ấy – hoặc cái đầu! – hãy cho tôi biết.
Ông ấy yêu thích tòa tháp này và địa chỉ sang trọng.
Ông ấy yêu thích quang cảnh, bàn làm việc, đồng sự, những bè bạn.
Ông ấy yêu thích phía Đông Mahattan và phía Tây.
Ông ấy mặc chiếc áo hai hàng cúc, quần vải sợi.
Cà vạt của ông ấy màu xanh dương và không bao giờ thẳng.
Ông ấy hút thuốc bất kể tôi, và sẽ chẳng bao giờ khiêu vũ.
Cell phone của ông ấy bị vỡ và tiền thuê nhà của ông ấy trả trễ.

FATHER AND SON

Finally I've learned forgiveness at this age,
For your mistakes that crippled me,
Which I've repeated. I have seen far worse.
You made them out of ignorance, not choice.

The rage I had, the wisdom that I lacked
Amaze me now, as if a page
That I was reading suddenly caught fire
And images of you tumbled from the smoke,
Words you mumbled when you were very tired,

Dying, your hand in mine, that long last night,
Both knowing you had lost all breath to fight.
"It's late," you said, "I don't want you to go.
But you have to leave me." So I sighed

And, like a child in winter, buttoned up my coat.
"I love you," we said simultaneously.
"Kiss your son for me," who then was four months old.
The next day you were found unsaveable and cold.

CHA VÀ CON

Cuối cùng, ở tuổi này, con đã học được sự tha thứ,
Vì những sai lầm của cha đã làm hỏng con,
Những sai lầm đó con đã lập lại. Con thấy còn tệ hại hơn.
Bởi cha đã phạm sai lầm vì không biết, chứ không phải chọn lựa.

Con đã có thừa sự giận dữ, và thiếu sự khôn ngoan
Điều đó làm con ngạc nhiên, như thể một trang sách
Con đang đọc bất thành linh bất lửa
Và hình ảnh của cha ngã nhào từ cột khói,
Những tiếng cha lầm bầm khi cha đã mệt lả,

Lúc hấp hối, con đã nắm tay cha, đằm dài cuối cùng đó,
Cả hai chúng ta đều biết cha đã chiến đấu đến hết hơi.
“Trẻ rồi,” cha nói, “Cha không muốn con đi.
Nhưng con phải bỏ cha ở lại.” Lúc đó con đã thở dài.

Và, như một đứa trẻ trong mùa Đông, con cài nút áo khoác.
“Con (cha) thương cha (con),” chúng ta cùng nói,
“Hôn đứa cháu cho cha,” đứa cháu mới bốn tháng tuổi.
Hôm sau, cha được tìm thấy đã chết và lạnh.

So if I try to save you on this page
And if you try to save me from your realm,
Eons away, distances so vast
It seems a microscopic stage our past

Of father and son struggling through myth
Which we enacted witlessly and sick,
Dumb, irreconcilable, compelled
To make this seeming paradise a hell

In which we sleptwalked like the shade you are,
The shadow of a man I hoped to be.
Why were we burdened, little you and me
Or, as you often said, "How can this be?"

* This poem alludes to is the tragic reconciliation I had with my father the day he died and my feelings later in which I which I sought forgiveness and found forgiveness for the difficulties in our relationship. In childhood we were very close. In my adolescence it was a difficult time for both of us. Its placement in the book is meant to suggest a parallel between our sleepwalking through life and the sleepwalkers in the 9/11 poem, that is the relationship between private and public trauma I talk about in the Afterword.

As you can gather, my poetry books are not collections but are carefully structured books.

Như thế, nếu con cứu cha trên trang giấy này
Và nếu cha cứu con từ vương quốc của cha,
Khoảng thời gian vô tận vụt qua, khoảng cách quá lớn
Tưởng như một sân khấu vi mô quá khứ của chúng ta

Của cha và con vẫy vùng qua huyền thoại
Mà chúng ta đã diễn vai như mất hồn và chán ngán,
Đần độn, bất tương nhượng, thúc bách
Để làm ra vẻ thiên đường này là địa ngục

Trong đó chúng ta mộng du như thể cha là cái bóng,
Cái bóng của người đàn ông con mong được trở thành.
Tại sao chúng ta bị đè nặng, tuổi thơ của cha và con
Hoặc, như cha thường nói, “Làm sao lại thế này nhỉ?”

** Lời tác giả:* Những ám dụ của bài thơ này, là sự hòa giải đầy bi kịch. Tôi đã ở bên người cha của mình khi ông chết, và những cảm xúc sau đó là tìm kiếm sự tha thứ và đã tìm thấy sự tha thứ cho những cảnh khó khăn trong mối liên hệ cha con. Trong thời thơ ấu, tôi rất gần gũi ông. Trong thời thanh niên là lúc khó khăn cho cả hai chúng tôi. Sự tìm kiếm đó trong cuốn sách hàm ý sự trùng hợp giữa sự mộng du của chúng tôi xuyên suốt cuộc đời và những kẻ mộng du trong bài thơ về biến cố 9/11, đó là sự liên hệ giữa cơn chấn thương riêng và chung mà tôi đã nói trong Lời cuối.

Như bạn biết, những tập thơ của tôi không phải chỉ là những tuyển tập mà còn là những tập thơ được kết cấu cẩn thận.

THE WITCH

In Freud's Vienna no one could believe
The children they molested there could feel,
Although from fairytales they did expect
The Witch to heat up children for a meal.

What parents do, what friends of parents do,
What supers, teachers, clergy fix, explore,
Repeats itself in self-deception, war.
You know this as persecuted Jew.

Read your memories Time makes ideal.
The text is there in metaphors and dreams,
In plays, poetry, even business schemes,
In masquerades of prayers against the Real.

Our lives were spent at two, three, four,
Watching a movie, X-rated, humming
The sound track at our parents' door
– We sometimes hear it when we're coming.

MỤ PHÙ THỦY

Ở thành Viên của Freud không ai tin
Những trẻ em bị xâm phạm tình dục có thể cảm nhận,
Mặc dù từ những chuyện cổ tích họ đã chờ đợi
Bà phù thủy hâm nóng trẻ em cho bữa ăn.

Bác cha mẹ làm gì, bạn bè cha mẹ làm gì,
Những người giám thị, thầy cô, giới tu sĩ chỉnh sửa, thẩm tra gì,
Tự lập lại những gì đó trong sự tự lừa gạt, chiến tranh.
Bạn biết điều này như sự ngược đãi người Do thái.

Hãy đọc ký ức của bạn mà thời gian trở nên lý tưởng.
Bản văn ở đó trong ẩn dụ và những giấc mơ,
Trong kịch bản, thơ ca, ngay cả những sơ đồ thương mại,
Trong sự giả trang của những lời cầu nguyện chống lại sự thực.

Đời sống của chúng ta đã tiêu hai, ba, bốn lần,
Xem phim, loại phim tính dục, vo ve
Tiếng nhạc phim nơi của phòng cha mẹ chúng ta
– Tỉnh thoảng chúng ta nghe và đạt tới khoái cảm.

For years, decades, you repeat this trauma
In myth, the fairytale of World War II;
You bring your past into the drama,
Dreaming you're gathering gold teeth, brown shoes.

Những năm tháng, thập niên, bạn lập lại cơn chấn thương
Trong huyền thoại, chuyện cổ tích về thể chiến II;
Bạn mang quá khứ vào trong chấn thương này,
Mơ thấy đang thu nhặt những chiếc răng vàng và giày nâu.

FAIRYTALES

Story-tellers know what scholars learn
That we in time, because of time, must burn
And to the womb of Death we must return.

Fairytales tell us what we can't forget;
That we are always children, to expect
The witches' woods of trauma and neglect.

In almost every fairytale we've ever heard
We children can't be seen, can't say a word,
And know our Fate must always be absurd.

For instance, when the father suffers grief,
He sends us children to our stepmom's double
Who puts us on a cross or bas relief.

TRUYỆN CỔ TÍCH

Những người kể biết gì những nhà học giả nhận biết
Rằng chúng ta trong thời gian, vì thời gian, phải bị đốt cháy
Và chúng ta phải trở về nơi tử cung của sự chết.

Những chuyện thần tiên kể lại những gì chúng ta không thể quên;
Rằng chúng ta luôn luôn là những đứa trẻ, trông chờ
Những bà phù thủy gặp rắc rối và sao lãng.

Trong hầu hết những chuyện cổ tích chúng ta từng nghe
Chúng ta những đứa trẻ không được thấy, không thể nói một lời,
Và biết rằng số phận chúng ta luôn luôn vô lý.

Thí dụ, khi người cha trải qua nỗi u sầu,
Ông gửi chúng ta những đứa trẻ tới cùng bà mẹ nuôi
Đặt chúng ta lên thập giá hoặc để rơi vào tình trạng còi cọc.

Our task, then, is to be resurrected
By challenging the unexpected,
To re-appear the fractally perfected.

Hansel and Gretel, Snow White are the best
To learn from, learn never to trust or rest
– The poorest of us and the wealthiest.

When we toast Life, remember we're Death's guest.

* Vì lòng ghen tỵ, bà sai một người thợ săn mang Bạch Tuyết vào rừng giết đi, mang về cho bà ta trái tim. Người thợ săn thả Bạch Tuyết đi và lấy tìm một con nai nhỏ thay vào. Trong rừng, Bạch Tuyết được bảy chú lùn săn sóc. Về phần người dì ghẻ, bà biết Bạch Tuyết còn sống khi hỏi gương thần. Bà thân vào rừng, ba lần hãm hại Bạch Tuyết nhưng đều được bảy chú lùn cứu sống. Cuối cùng, bà giả làm vợ một người nông dân, dâng trái táo có tẩm độc cho Bạch Tuyết. Bạch Tuyết ăn phải và rơi vào giấc ngủ hôn mê. Bảy chú lùn đặt Bạch Tuyết trong quan tài bằng kính. Thời gian trôi qua, có một hoàng tử đi qua, trông thấy Bạch Tuyết, bèn mang quan tài nàng đi. Trong lúc di chuyển, va vào bụi rậm, khiến cho miếng táo độc trong cổ họng rơi ra, đánh thức nàng dậy. Hoàng tử tuyên bố làm đám cưới với Bạch Tuyết.

Công việc của chúng ta, lúc đó, là phải sống lại
Bởi thách đố điều không ngờ,
Để tái hiện điều hoàn thiện từng phần.

Hansel và Gretel, Snow White là hạng nhất
Để học từ, học không bao giờ tin cây hoặc nghỉ ngơi
– Những kẻ nghèo nhất và những kẻ giàu nhất.

Khi chúng ta chúc mừng cuộc đời, nên nhớ, chúng ta là người
khách của sự chết.

Không biết Bạch Tuyết còn sống, một hôm bà dì ghẻ hỏi gương thần,
gương thần trả lời, “Hòang hậu trẻ một nghìn lần đẹp hơn bà.” Không
biết hòang hậu trẻ là con ghẻ của mình, bà tới dự đám cưới và chết điếng
khi biết sự thật. Để trừng phạt, một đôi giày sắt được mang tới và buộc bà
phải xỏ chân vào, và khiêu vũ cho đến khi ngã chết.

PARENTS

Night after night, as Age walks through my rooms,
Like a clown waddling on stilts of bone,
I smell your bodies, though you're bodiless,
And understand how easily you were doomed
By business failures, panics, medical mistakes
Which I have suffered for my soul's sake,
And miss you deeply in this middle age,
As nights when you'd go out like candlelight,
Leaving the smoke of your pipe and cigarette,
Your perfume and your after-shave cologne.

CHA MẸ

Từng đêm, như những ký ức về ba mẹ đi qua căn phòng con,
Giống như anh hề đi lắc lư trên những cây cà kheo bằng xương,
Con ngửi thấy mùi thân xác, dù rằng ba mẹ không có thân xác,
Và hiểu làm sao ba mẹ đã dễ dàng rơi vào số phận hẩm hiu
Bởi làm ăn thất bại, sự hoảng loạn, những sai sót y khoa trị liệu
Con cũng đã khổ đau vì ba mẹ là đấng sinh thành,
Và mất ba mẹ sâu đậm vào tuổi trung niên này,
Giống như những đêm ba mẹ ra đi như ánh nến,
Bỏ lại hơi khói trong tấu thuốc và thuốc lá,
Mùi nước hoa và mùi dầu thơm cologne sau khi cạo râu.

JOURNEY'S END

The hero's journey is circuitous,
And brings him home alone,
Quite quiet in the dawn,
To fight what's hooded, barbarous,
And tries to take possession of his soul.
And if he prays to no One marvelous,
The spirit in him keeps what No One stole.
The spirit in him rises weeping, whole.

CHẤM DỨT CUỘC HÀNH TRÌNH

Hành trình của người anh hùng lòng vòng,
Và mang hấn về nhà một mình,
Hòn toan im lặng lúc bình minh,
Để chống lại những gì che khuất, man rợ,
Và cố gắng lấy quyền sở hữu linh hồn.
Và nếu hấn cầu nguyện với không Chúa phi thường,
Tinh thần trong hấn giữ những gì Chúa Vô hình trộm lấy.
Tinh thần trong hấn nổi lên than khóc, toàn thể.

MANHATTAN MUSIC

It's Easter morning in Manhattan, now
Millennium plus two; still Spring,
That ancient reassuring wonder, where
Clock radios play Vivaldi, wrens
Twitter from trees to clotheslines, jets
Reverberate, couples bicker or moan,
Dogs bark, babies scream, an opera singer
Melodiously clears her throat
To the trumpeting of fire engines
And the bassooning of tugboats
– Incidental music, random, bold
Harmonies, waking Manhattan's soul.

NHẠC MAHATTAN

Buổi sáng đó là lễ Phục sinh tại Mahattan, bây giờ
Năm hai ngàn lẻ hai; vẫn còn mùa Xuân,
Đó là mùa Xuân cổ xưa, nơi
Chiếc radio chơi nhạc Vivaldi, chim hồng tước
Ríu rít từ ngọn cây tới dây phơi quần áo, những phản lực cơ
Dội âm, những cặp vợ chồng cãi nhau hay rên rỉ,
Những con chó sủa, những đứa trẻ khóc, một ca sĩ opera
Hằng giọng thánh thót
Như tiếng kèn trumpet của xe lửa
Và tiếng kèn pha gốt của tàu kéo
– Nhạc đệm, ngẫu hứng, những âm thanh hài hòa
Đậm nét, đánh thức linh hồn Mahattan.

HANSEL AND GRETEL'S FATHER

At home the father was depressed from shattered
Self-esteem. He gave them chunks of bread
And took them to their stepmom's witch's woods
And, barely conscious, gave them up for dead.

If their father was rich in grief instead,
Or rich in hope, ambition, or even greed,
He simply might have sexually teased them,
Bounced them playfully on his knees.

CHA CỦA HANSEL VÀ GRETEL

Ở nhà người cha phiên muộn vì lòng tự trọng
Bị tan nát. Ông đưa cho chúng những mẩu bánh
Và đưa chúng vào rừng của bà mẹ kế phù thủy
Và, thiếu ý thức, bỏ chúng cho chết.

Nếu người cha của chúng dư thừa buồn đau thay vì,
Hoặc dư thừa hy vọng, khát khao, hoặc ngay cả tham lam,
Ông đơn giản sẽ nựng nịu chúng,
Để nhún nhảy đùa vui trên đầu gối.

THE FATHER SAYS

“Yes, I’ve nothing, so I have nothing to give.
I’m so consumed by envy, greed and guilt,
I have to send my kids into the woods.
I can’t endure to see them zestily live.
I’m Hate which I have married in The Witch.

“I couldn’t take their mother’s being good.
Being a poor man. Poor men envy the rich
In spirit, money, time, charm, talent, luck.
I’ve tossed away the flesh I couldn’t fuck.

“When they were small I had confidence and hope.
I felt myself, not a boy in dread,
Not needing what’s most perverse, this bitch
Who stuffs, with me, their pockets full of bread
So we won’t feel guilty, giving them up for dead.

“Children aren’t evil toward their parents.
They’re scapegoats, it’s the other way around.
We’ve put them in the woods or in the ground,
Hansel and Gretel slogging from ditch to ditch.
Having no self, I’ve married Death the Witch.

NGƯỜI CHA NÓI

“Vâng, tôi không có gì, vì vậy tôi không có gì để cho.
Tôi quá bận tâm tới sự ghen tị, tham lam và tội lỗi,
Tôi đã đưa mấy đứa nhỏ tôi vào rừng
Tôi không thể cam chịu thấy chúng sống đầy năng lượng.
Tôi là Ghét đã kết hôn với mụ phù thủy.

“Tôi không thể có một người mẹ tốt cho chúng.
Vì nghèo. Người nghèo ghen tị người giàu.
Tinh thần, tiền bạc, thời gian, sức quyến rũ, tài năng, may mắn.
Tôi ném đi ... Tôi không thể làm tình.

“Khi chúng còn nhỏ tôi tin cậy và hy vọng,
Tôi tự cảm thấy, không phải là đứa con trai trong kinh sợ,
Không có nhu cầu những gì quá đáng, người đàn bà đáng khinh này
Nhét đây, với tôi, đây bánh mì trong túi chúng
Như vậy chúng tôi không cảm thấy có tội, bỏ chúng cho chết.

“Trẻ con không độc ác theo cha mẹ chúng.
Chúng là những con vật tế thần, đó là lối khác quanh đây.
Chúng tôi bỏ chúng trong rừng hoặc trên đất,
Hansel và Gretel lê bước từ rãnh này qua rãnh khác.
Không có bản thân, tôi đã kết hôn với cái chết kẻ phù thủy.

THE STEPMOM

The helplessness of children or the Jews
Makes me feel angry, weak, and vengeful.
Tell me, does it do the same to you?
It always happens when you lose a war.
You scapegoat and you practice child abuse.
All History has practiced sacrifice
On a simple altar or a single tree
Where folks enact a myth or mystery.
Visit a church whose stations of the cross
Tells you what happens when we suffer loss,
Humiliation, poverty of soul.
Christ's body and Christ's blood must make us whole.

My husband who is soft gives his children bread.
To stuff their pockets as with good luck charms.
He kneels and prays that they won't come to harm,
So he can feel less guilty; though I say,
"It's civilized to send children away,
To the impersonality of ovens,
Not to an altar where their throats are slashed.
Refining Death, we turn them back to ash."

MẸ KẾ

Tình trạng bơ vơ của trẻ con và những người Do thái
Làm tôi giận dữ, yếu đuối, và trả thù,
Nói với tôi, điều đó có giống với bạn?
Nó luôn luôn xảy ra khi bạn chiến bại.
Bạn là vật tế thần và lạm dụng trẻ em.
Toàn bộ Lịch sử đã kinh qua cuộc hy sinh
Trên một án thờ đơn giản hay trên cây
Nơi những người thân diễn vai huyền hoặc hay bí ẩn
Thăm viếng nhà thờ mà những vị trí thuộc về thánh giá
Nói với bạn điều gì xảy ra khi chúng ta đau khổ vì mất mát,
Sự nhục nhã, nghèo nàn của tâm hồn.
Thân Chúa và máu Chúa phải làm chúng ta thành toàn thể.

Chồng tôi đã không tuân lệnh khi đưa bánh mì cho lũ trẻ.
Nhét đây vào túi chúng như những bùa hộ mệnh.
Ông quì xuống và cầu nguyện khi chúng trở về an toàn.
Như vậy ông cảm thấy ít phạm tội; dù rằng tôi nói,
“Đó là cách văn minh khi đưa những đứa trẻ,
Tới những lò thiêu vô tri,
Không phải tới bệ thờ để bị cắt cổ.
Tinh chế cái chết, chúng ta làm chúng trở thành tro bụi.”

HANSEL AND GRETEL

Hansel and Gretel, almost starving, fed
On sacramental pumpernickel bread,
Were led into a petrifying wood.
They played with animated animals
As children or the persecuted do,
Surviving but emaciated, till
They came upon a crippled witch's house,
Made of cakes and honeyed bread and candied vines.
They ravished them until the witch came out
On crutches, she said, "From the First World War."
Her mouth was black, her eyes were Nazi red.
"I'll fatten you on lies," she bluntly said,
"Which you will swallow, knowing you've no choice,"
Then led them in, and music stirred their souls,
Vases were full of roses, lilacs, ferns.
On tables were dark chocolates for their hearts.
And, though she didn't say they were, sweetbreads
She plucked from other children's guts.

HANSEL VÀ GRETEL

Hansel và Gretel, gần chết đói, được cho ăn
Bánh thánh bằng lúa mạch đen,
Rồi dẫn vào rừng chết.
Chúng chơi với động vật chuyển động,
Như trẻ em hoặc những kẻ bị ngược đãi chơi,
Sống sót những gậy còm ốm yếu, cho tới khi
Chúng tình cờ gặp được ngôi nhà của mẹ phù thủy què,
Làm bằng bánh ngọt, bánh mì mật ong và kẹo nho.
Chúng mê mẩn cho đến khi mẹ phù thủy ra
Trên cái nạng, mẹ nói, “Từ Thế Chiến Thứ Nhất.”
Miệng mẹ đen, mắt mẹ màu Phát xít đỏ.
“Chúng bay phải tin cả những lời nói dối” Mẹ nói thẳng,
“Đứa nào sẽ nuốt, nên biết chúng bay không còn chọn lựa,”
Rồi mẹ dẫn chúng vào, nhạc khuấy động linh hồn chúng,
Những bình hoa đầy hoa hồng, hoa đình hương, dương xỉ.
Trên những chiếc bàn bánh cho côla đen cho trái tim chúng.
Và, dấu sao mẹ đã không nói bánh mì ngọt từ trong ruột chúng
Mẹ móc ra từ trong ruột những đứa trẻ khác.

They ate so fast, they quickly fell asleep.
A crescent moon gave way to Aryan sun.
She lifted Hansel, lay him in a cage
And, while he rubbed his head in disbelief,
She ordered Gretel, "Fatten him on meat,
And rice and cheese, sacher torts, and pie.
This mixture will make all of him taste nice:
His hands, his feet, his eyeballs, and his ears.
I'll sing for you and put to sleep your fears."
Her lullaby entranced Gretel to feed
Hansel who ate till his small stomach swelled.
But he secreted a long chicken bone
Because he knew all witches are compelled
To re-enact their evil ways each day.
He knew that in his step-mom's witch's house.
So when she'd pinch to see if he was plump.
He'd stick the bone out like a soldier's stump.

Chúng ăn quá nhanh, nhanh chóng ngã ra ngủ.
Trăng lưỡi liềm đưa đường tới trăng Aryan.
Mụ nhắc Hansel lên bỏ nó vào chuồng
Và, trong khi nó vò đầu hồ nghi,
Mụ ra lệnh cho Gretel, “nuôi nó cho mập bằng thịt,
Gạo và cheese, bánh mì sacher, và bánh patê.
Hỗn hợp này sẽ làm nó cảm thấy ngon:
Tay nó chân nó, mắt nó, tai nó.
Ta sẽ hát cho mi và bỏ nỗi sợ vào giấc ngủ.”
Mụ ru ngủ Gretel cho Hansel ăn cho đến khi
Bao tử nó căng ra.
Nhưng Hansel bí mật giấu một chiếc xương gà
Bởi nó biết rằng mọi mụ phù thủy đều
Tái diễn những hành vi độc ác mỗi ngày.
Nó biết khi sống trong ngôi nhà với người mẹ kế phù thủy.
Vì vậy khi mụ ta véo nó xem nó mập chưa,
Nó chìa cái xương ra như tay chân còn lại của người chiến sĩ.

Fed up at last, the witch lit the waiting oven
And ordered Gretel to creep in and test
To see if it was getting Auschwitz-hot.
Gretel delayed. "Farwa!" the witch exclaimed
And stuck her head in, stupid in her vice.
Gretel shoved her, bolted the oven door:
"Now howl, Mother. We will taste what's 'nice.'"
Strong as a Sabra, she unlocked the cage
And led her brother out, uneaten, free.
They scooped up all the witches' cakes
And brought them home. Poppa was overjoyed.
The witch he married, Tyanny, was dead.
They danced and sang and on the future fed.

Cho ăn lần cuối, mẹ phù thủy mở cái lò đang chờ đợi
Và ra lệnh cho Gretel bò vào thử
Xem nó có nóng như một lò thiêu người.
Gretel chậm trễ. “Nhanh lên đi” mẹ la lớn
Và đưa cái đầu vào, lổ lổ ngu ngốc của mẹ.
Gretel xô mẹ vào, đóng cái lò lại:
“Bây giờ tru lên đi, Má. Chúng ta sẽ nếm xem cái gì ngon.”
Mạnh mẽ như một người Do thái chính gốc, cô mở cái chuông
Và dẫn anh mình ra, không bị ăn thịt, tự do.
Chúng thu hết những loại bánh của mẹ phù thủy
Và mang về nhà. Người cha vô cùng sung sướng.
Người vợ phù thủy của ông đã chết.
Cả nhà nhảy múa hát không còn phải lo cái ăn trong tương lai.

SPRING MUSIC

in memory of Egon Dumler

Philip, Billy, Roger, Bob, and Ted
Won't see this spring, or any other season.
There's not one pair of eyes among the dead.
Spring's rhythmical and rhymed, devoid of reason.
The birds are trilling bits of Bach and Brahms.
The vines are improvising drafts of psalms.
The seemingly senescent cherry trees
Open fresh flowers, pink and white and red
For our gardener listening, eyes closed, on his knees
As if they're whole notes rising from the dead.
The sky insists it's innocently blue,
That nothing happened, Egon, not to you.

NHẠC XUÂN

Tưởng nhớ Egon Dumler

Philip, Billy, Roger, Bob, và Ted
Sẽ không còn thấy mùa xuân này, hay bất cứ mùa nào khác.
Không có cặp mắt giữa kẻ chết.
Vẫn nhịp mùa xuân, không nguyên do.
Những con chim đang ngân nga một chút Bach và Brahms.
Những cây nho là bản thảo ứng tác những bài thánh ca.
Những cây anh đào trông già cỗi
Trái những bông hoa tươi, hồng, trắng và đỏ
Vào lúc người làm vườn đang lắng nghe, mắt nhắm, cầu nguyện
Như thể chúng là toàn thể những nốt nhạc trỗi lên từ kẻ chết.
Bầu trời vẫn cứ là màu xanh vô tư,
Không có gì xảy ra, Egon, với anh.

THE POND

Nature is never wrong, the lilies say,
Simply alive in the pond, life goes on.
Despite carnivorous violence, firestorms,
We are porcelain quiet. Sit on this bench,
Listen to The Baroque Ensemble play
Music composed during The French
Revolution; cherish the bees
Closed in our petals, close your eyes,
Close them, close yourself in these harmonies.
All civilizations die.

CÁI AO

Thiên nhiên không bao giờ sai, những bông huệ nói,
Đơn giản tồn tại trong ao, cuộc đời trôi đi.
Mặc dầu tính hung hãn của loài ăn thịt, những cơn bão lửa,
Chúng ta yên lặng như sành sứ. Ngồi trên băng ghế này,
Lắng nghe vở nhạc kịch The Baroque Ensemble
Sáng tác trong thời kỳ cách mạng Pháp;
Yêu mến những con ong
Phủ lấp những cánh hoa, nhắm mắt lại,
Nhắm lại, tự khép lại trong những bản hòa âm này.
Mọi nền văn minh chết.

JEU D'ESPRIT

I wrote a lyric that you said was pure,
Full of voiceless plosives, liquids, sibilants,
And, as a young girl licks an ice cream cone,
showed me how you rolled it on your tongue
And sweetly said, It's written to be sung
By lovers in the shower as they moan
Or on a carpet in a kissing trance
Or in their twenties making up a tour
Of quiet rooms from Paris down to Venice
Or in their early sixties left alone
As we are, still romantic, in our dance
That's sexy, never clumsy, not mature,
Just loosening young vowels on our tongues,
Which in each other's mouths are always sung.

TRÒ CHƠI TINH THẦN

Tôi viết một bản tình ca em nói là tinh khiết,
Đầy những âm hơi âm nước âm xuyết không thành tiếng,
Và, như một cô gái trẻ nhắm nháp cây cà rem,
Cho tôi biết làm sao em cuộn nó trên đầu lưỡi
Và ngọt ngào nói, nó được viết để hát lên
Bởi những cặp tình nhân trong phòng tắm như rên rỉ
Hoặc trên tấm thảm trong lúc hôn nhau mê đắm
Hoặc ở tuổi hai mươi trong những chuyến du hành
Nơi những căn phòng yên lặng từ Paris xuống Vernice
Hoặc họ rời khỏi một mình vào đầu những năm sáu mươi
Như chúng ta, vẫn lãng mạn, trong điệu nhảy
Gợi cảm, không bao giờ vụng về, không chấm dứt,
Ngay lúc thả lỏng những nguyên âm non nớt trên đầu lưỡi,
Những nguyên âm luôn được hát lên trong miệng nhau.

AS TIME GOES BY

That was a golden age in which we lived.
Each day was summer, God was everywhere,
In every molecule of New York City air
When we were young and just believed in us.
That was a haloed age in which we lived,
Late twentieth century summer, love was everywhere.
I'd stop beside you on our walks to stare
At you, buying a peach, climbing a bus's stair.
And there were buts, but always and & and
Sitting in Central, doodling each other's hand,
And I recited poems, my simple fictions
In meter, rhyme, and New York City diction.
As dusk drew near we'd hold a darkening kiss.
When you're distressed, you must remember this.

THỜI GIAN TRÔI QUA

Đó là thời đại vàng chúng tôi đã sống.
Mỗi ngày là mùa hè, Chúa ở mọi nơi,
Trong mỗi phân tử của bầu không khí New York City
Khi chúng tôi còn trẻ và tin vào sự tồn tại,
Đó là thời đại hào quang chúng tôi đã sống,
Mùa hè cuối thế kỷ hai mươi, tình yêu ở mọi nơi.
Tôi dừng lại bên em trong lúc đi dạo, nhìn
Em đắm đắm, mua một trái đào, leo lên xe buýt.
Và có những cái nhưng mà, nhưng luôn luôn và & và
Ngồi ở công viên Central, viết nguệch ngoạc vào tay nhau,
Và tôi đọc những bài thơ, những tưởng tượng đơn giản của tôi
Trong thể luật, vần và phát âm của New York City.
Trong lúc chạng vạng đến gần chúng ta vẫn hôn trong bóng tối.
Khi em đau buồn, em phải nhớ điều đó.

AGING

After a while we learn to mourn ourselves.
We talked of aging in the dying light,
And large ambitions, small accomplishments,
Of hurtful actions, what we really meant.
We stayed up well into the night.
You said, "We're well for now," though nervously.
"9/11 brought this town disease."
"All valleys of death," I joked, "and leafless trees."
You smiled at me dolorously.
Downstairs our precious block was being lit
For Christmas, strings of lights on all the trees,
Snow falling bit by bit by bit.
You kneeled at the window, childlike on your knees.
Did you ever think we would come to this,
We who lived from kiss to kiss to kiss?
Did you think our bodies would frighten us
When we were free and wild and dangerous.

TUỔI GIÀ

Sau một thời gian chúng ta biết tự thương tiếc.
Chúng ta đề cập tới tuổi già trong ánh sáng dần tàn,
Và những tham vọng lớn, những thành tựu nhỏ,
Về hành động gây tổn thương, chúng ta thực sự muốn nói.
Chúng ta vẫn tỉnh queo vào ban đêm.
Bạn nói, “Chúng ta khỏe khoắn cho đến bây giờ,” mặc dù dè dặt.
“9/11 gây bệnh cho thị trấn”.
“Tất cả thung lũng của sự chết,” Tôi nói đùa, “và những cây trơ lá.”
Bạn mỉm cười với tôi một cách đau buồn.
Tầng dưới dây phố quý giá của chúng ta được thấp sáng
Với Giáng sinh, đèn chằng trên khắp cây cối,
Tuyết rơi xuống từng chút từng chút.
Bạn quỳ ở cửa sổ, trong sự tôn kính và sợ hãi.
Bạn đã bao giờ nghĩ rằng chúng ta đến thế này,
Chúng ta sống từ nụ hôn tới nụ hôn nụ hôn?
Bạn có nghĩ cơ thể già nua làm chúng ta lo sợ
Khi chúng ta tự do và phóng túng và nguy hiểm.

THE MIRACLE OF ORDINARY LIFE

A play of ours that's done, a poem that's read,
A night of making love, a children's park,
A television flickering in the dark,
A boring rainy Sunday afternoon
Are all that differentiate us from the dead
Who tell us both in dreams, "We'll see you soon."
We talk about our memories through the night.
You try to comfort me. I hold you tight
Till one of us falls asleep. The other can't,
Is too afraid to take a sleeping pill.
The other wakes from nightmare in a pant
And says that time is stronger than our will.
We had so many years of being ill.
Be thankful for just sleeping through the night.

PHÉP LẠ TRONG CUỘC ĐỜI THƯỜNG

Cuộc đời chúng ta hôm nay đã xong, một bài thơ được đọc,
Một đêm giao hoan, công viên của trẻ em,
Chiếc máy tuyến hình nhấp nháy trong bóng tối,
Một buổi trưa chủ nhật mưa buồn
Tất cả phân biệt chúng ta với người chết
Kể với cả hai chúng ta trong giấc mơ, “Chúng tôi sẽ gặp bạn sớm.”
Chúng ta nói về những ký ức qua đêm.
Anh cố an ủi tôi. Tôi ôm chặt lấy anh
Cho tới khi một trong chúng ta rơi vào giấc ngủ.
Người khác thì không thể, họ quá sợ uống thuốc ngủ.
Họ thức dậy trong ác mộng thở hổn hển
Và nói rằng thời gian mạnh hơn ý chí của chúng ta.
Chúng ta đã bệnh quá nhiều năm.
Hãy cảm ơn vì được ngủ trong đêm.

THE HOUSE WE HAD TO SELL

This is the house we lived in, white as a bride.
Mozart is echoing the birds outside.
We're sitting at the table playing gin.
My son is laughing every time he wins
Because he's eight, because we're all in love,
Living the future we're still dreaming of.
Spring is in the mountains, green as Oz,
In the fresh-cut flowers in the crystal vase,
Mirroring the garden where the bees are thick.
Though everyone was dying, dead or sick,
These were our uncontaminated hours,
Like bottled water sipped by scissored flowers,
Permanent in memory, sealed by the pain
That childhood ends, and we can't go home again.

NGÔI NHÀ CHÚNG TA PHẢI BÁN

Đây là ngôi nhà chúng ta đã ở, trắng như một nàng dâu.
Mozart vang vang bầy chim bên ngoài.
Chúng tôi ngồi nơi bàn chơi bài.
Con tôi cười mỗi lần thắng
Bởi vì nó mới tám tuổi, bởi chúng tôi thương nhau,
Sống với tương lai chúng tôi mơ về.
Mùa xuân trên núi, xanh như trong câu chuyện Oz,
Trong những cành hoa tươi trong bình thủy tinh,
Phản ánh khu vườn nơi những bầy ong.
Đây là thời khắc không bị ô nhiễm,
Giống như chai nước được hộp bởi những cành hoa,
Vĩnh cửu trong ký ức, niêm phong bởi nỗi đau
Thời thơ ấu chấm dứt và chúng ta không thể về lại nhà.

SHAKESPEARE

If I could live a Muslim cabbie's day
Driving in traffic, parking at noon to pray
In 96th Street's Mosque, I'd stop to chat
With vendors hawking fruit, pashminas, books
Even about my centuries of fame;
If I could be a New York City hack
I'd give up every sonnet, every play,
Not in disgrace with men's eyes, not in shame
For just one sandwich stuffed with sizzling fat
Plump Falstaff in a greasy apron cooks,
I'd take blank time, not scripted Fortune, back.

SHAKESPEARE

Nếu tôi có thể sống một ngày của
Người tài xế taxi Hồi giáo lái
Trong lúc đông xe, ngừng lại buổi trưa
Cầu nguyện tại Thánh đường Hồi giáo đường
96, tán gẫu với những người bán
Hàng bán trái cây, khăn trùm đầu, sách,
Ngay cả hàng thế kỷ tăm tiếng của
Tôi; nếu tôi có thể là người tài
Xế taxi ở thành phố New York,
Tôi sẽ từ bỏ mỗi bài thơ, mỗi
Vở kịch, không được trọng vọng dưới mắt
Mọi người, không xấu hổ với chỉ một
Chiếc bánh sandwich nhét đầy mỡ nóng
Do Falstaff béo tròn mặc tạp dề
Đầy dầu mỡ làm, tôi chọn một tương
Lai mở, không phải thứ tương lai định trước,
Nghịch lại.

* Sir John Falstaff là nhân vật trong kịch William Shakespeare.

SNOW WHITE

Her face is now a zero of despair
Over aging, money, the fatality
Of menopause, sexual schemers ...
She lifts a wisp of gray hair
And tries to grin, "Bring me no more dreamers."

Now is her final chance to meet The Prince.
"My inner wars are over, I need peace
Not the poison of my mother's 'No!'
"I've wakened to the dreaded five oh!"

"Hurry, Prince, soon I will be bleeding.
Time brings one down incalculably slow.
My heartbeat's rapid, terrified of giving.
Like hers, hers, hers!
Hurry, Prince. I'm so tired of living."

BẠCH TUYẾT

Khuôn mặt nàng tràn đầy tuyệt vọng
Về tuổi tác, tiền bạc, số phận
Vô sinh, những kẻ âm mưu tình dục ...
Nàng nâng lọn tóc xám
Và cố toét miệng cười, “Đừng mang đến tôi những người mơ mộng.”

Cơ hội cuối cùng của nàng bây giờ là gặp gỡ Hoàng tử.
“Những cuộc chiến tranh thâm kín đã qua, tôi cần sự bình yên
Không phải thuốc độc của lời mẹ tôi nói ‘Không!’
“Tôi đã tỉnh dậy vào tuổi năm mươi!”

“Nhanh lên, Hoàng tử, chẳng mấy chốc tôi sẽ bị chảy máu.
Thời gian làm suy sụp con người chậm chạp khó tính trước.
Nhịp tim của tôi đập nhanh, đáng sợ về sự cho.
Giống như nhịp tim của mẹ tôi, mẹ tôi, mẹ tôi.
“Nhanh lên, Hoàng tử. Tôi rất mệt vì sự sống.”

* *From the author:* Ronald Fairbairn was a Scottish Minister and a psychoanalyst. He used a key dream of a patient as a central metaphor which I use in and outside my office. It also is a riddle: You are alone in a room and starving and there is a bowl of soup next to you. But it is poisoned. Most people say they would drink the soup. I say “Why don’t you say No and walk out the door.”

* *Theo tác giả*: Ronald Fairbairn là một trường Tô Cách Lan và là một nhà phân tâm học. Ông sử dụng một giấc mơ chính yếu của bệnh nhân như một ẩn dụ trung tâm mà tôi dùng ở trong và bên ngoài văn phòng của tôi. Đó cũng là một câu đố: Bạn ở một mình trong căn phòng và đói và có một tô súp bên cạnh. Nhưng tô súp đó đã bị bỏ thuốc độc. Hầu hết mọi người nói họ sẽ ăn tô súp. Tôi nói “Tại sao bạn không nói ‘Không’ và bước ra khỏi căn phòng.”

* Tác giả là một nhà thơ và một nhà phân tâm học. Nếu chúng ta đã đọc truyện Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn, sẽ không thấy những chi tiết trên. Bài thơ chứa đầy ẩn dụ, và những ghi chú trên của tác giả hẳn sẽ giúp bạn đọc sắp xếp thành một câu chuyện khác.

THE PRINCE

In this fairytale of rescue we know well,
No one speaks of the Prince and what he's giving
– His confidence, his courage, and his hope

Despite his journeys through his inner hell
– His fire-breathing Sis who couldn't cope
With masculinity and independent living

So here's Snow White, apparently not living.
Behind her glass, she doesn't look too well.
Yet the Prince still has the innocence to hope

– Like Pop who would debase his youthful hope:
“Your sacrifice will make your sister well.
Watch me with Mom who's never unforgiving.”

He can resuscitate her with this kiss he's giving:
Warmed by the fire in her inner hell,
He doesn't hear her cackle, “Your breath's smoke.”

HOÀNG TỬ

Trong truyện cổ tích về sự giải cứu, chúng ta biết rõ,
Không ai nói về Hoàng tử và những gì chàng cho
– Sự tự tin, lòng can đảm và niềm hy vọng

Mặc dù hành trình của chàng xuyên qua địa ngục thâm sâu
– Người chị giận dữ của chàng không thể đổi mặt
Với cuộc sống độc lập đầy nam tính

Giống như vua Pop hạ thấp niềm hy vọng trẻ trung của chàng:
“Sự hy sinh của người sẽ làm cho chị người hài lòng.
Hãy nhìn ta với mẹ người không bao giờ khoan dung.”

Như vậy đây là bạch Tuyết, rõ ràng không còn sống
Đằng sau lớp kính, nàng nhìn không tươi thắm
Hoàng tử vẫn còn là sự ngây thơ để hy vọng

Chàng có thể làm nàng sống lại với nụ hôn:
Làm ấm lại bằng lửa nơi địa ngục thâm sâu của nàng
Chàng không nghe nàng động đậy gì, “hơi thở là khói”

Or see the Mother Witch inside her unforgiving,
Or the Victim shouting in the mirror, "I can't cope!
This Prince here thinks I'm actually living?"

"He doesn't know I'm happiest with dopes,
My seven ex-s with their dwarfish living."
"I'm happiest, poor Prince, when I'm not feeling well,

"For I was fed red apples plucked from Hell.
I can't digest your antidote of giving:
Your confidence, your courage, and your hope!"

Hoặc nhìn người Mẹ phù thủy bên trong sự không khoan dung,
Hoặc Nạn nhân gào lên trong tấm gương, “tôi không thể đối mặt!
Chàng hoàng tử này đây nghĩ rằng tôi thật sự đang sống?

Chàng không biết tôi hạnh phúc với những chất kích thích,
Bạch tuyết và bảy chú lùn của tôi với cuộc sống lùn tịt của họ.”
“Tôi hạnh phúc nhất, hỡi hoàng tử tội nghiệp, khi cảm thấy không khỏe,

“Vì tôi được ăn những trái táo đỏ ngắt xuống từ địa ngục
Tôi không thể tiêu hóa thuốc giải độc chàng cho:
Lòng tự tin, sự can đảm, và hy vọng của chàng!”

FAIRYTALES

Story-tellers know what scholars learn
That we in time, because of time, must burn
And to the womb of Death we must return.

Fairytales tell us what we can't forget;
That we are always children, to expect
The witches' woods of trauma and neglect.

In almost every fairytale we've ever heard
We children can't be seen, can't say a word,
And know our Fate must always be absurd.

For instance, when the father suffers grief,
He sends us children to our stepmom's double
Who puts us on a cross or bas relief.

Our task, then, is to be resurrected
By challenging the unexpected,
To re-appear the fractally perfected.

TRUYỆN CỔ TÍCH

Những người kể biết gì những nhà học giả nhận biết
Rằng trong thời gian, bởi thời gian, chúng ta phải bị đốt cháy
Và trở về nơi tử cung của sự chết.

Những truyện cổ tích kể lại những gì chúng ta không thể quên;
Rằng chúng ta luôn luôn là những đứa trẻ, trông chờ
Những rắc rối và sao lãng của mụ phù thủy.

Trong hầu hết truyện cổ tích chúng ta từng nghe
Chúng ta những đứa trẻ không được thấy, không thể nói nên lời
Và biết rằng số phận chúng ta phải luôn luôn vô lý.

Chẳng hạn, khi người cha trải qua nỗi đau buồn,
Ông gửi chúng ta những đứa trẻ tới một bà không khác gì mẹ ghẻ
Đặt chúng ta lên thập giá hoặc để rơi vào tình trạng còi cọc.

Công việc của chúng ta, lúc đó, là phải sống lại
Bằng sự thách thức với điều-không-trông-đợi,
Để tái hiện điều-đã-được-hoàn-thiện từng phần.

Hansel and Gretel, Snow White are the best
To learn from, learn never to trust or rest
– The poorest of us and the wealthiest.

When we toast Life, remember we're Death's guest.

** Chú thích*

Hansel (anh) và Gretel (em gái) là con một người tiểu phu nghèo, bị người mẹ kế âm mưu làm cho người cha phải vào rừng, để tránh bớt miệng ăn. Trong rừng chúng phát hiện một ngôi nhà làm bằng bánh mì và bánh ngọt. Nhưng đó là ngôi nhà của một cụ phù thủy già, chuyên môn dụ dỗ con nít để ăn thịt. Bà ta bắt Gretel làm nô lệ, và nhốt Hansel trong một cái lồng sắt, nuôi Hansel cho mập để ăn thịt. Nhưng vì bà ta mù nên mỗi lần kiểm tra Hansel đưa ra một khúc xương. Sau một tuần, mất kiên nhẫn, bà ta sai Gretel đốt lò và thúc giục Gretel thò vào xem lò nóng chưa. Gretel làm bộ không hiểu, bà ta tức giận tự thò đầu vào, ngay lập tức Gretel xô bà ta vào trong lò lửa. Bà phù thủy cháy thành tro và hai anh em, vợ vét ngọc ngà châu báu tìm đường về nhà. Người dì ghẻ đã chết và người cha mừng rỡ đón các con trở về, sống trong giàu có.

Chích vào ngón tay, rơi 3 giọt máu xuống tuyết và thành cửa sổ màu gỗ mun. Bà ước sinh được một cô gái da trắng như tuyết, môi đỏ như máu và tóc đen mun. Chẳng bao lâu bà hạ sinh một công chúa với những đặc điểm trên, đặt tên là Bạch Tuyết. Ngay sau khi sinh Bạch Tuyết, bà qua đời.

Hansel và Gretel, Snow White là hạng nhất
Để học từ đó, học không bao giờ trông cậy hoặc bỏ qua
– Những kẻ nghèo nhất và những kẻ giàu nhất.

Khi chúng ta chúc mừng cuộc sống, nên nhớ, chúng ta là người khách của Thần chết.

Snow White, tức Truyện Bạch Tuyết và Bảy chú lùn. Ngày xưa có một bà hoàng hậu, ngồi khâu ở cửa sổ, bắt ngò cây kim Nhà vua lấy vợ kế, rất đẹp nhưng tự cao. Bà ta có một chiếc gương thần, và thường hỏi gương, “Gương ơi, ai là người đẹp nhất trong đất nước này?” Và gương thần luôn luôn trả lời, “Bà là người đẹp nhất.” Nhưng khi Bạch Tuyết lên bảy thì gương thần trả lời, “Bạch Tuyết là người đẹp nhất.”

Vì lòng ghen tỵ, bà sai một người thợ săn mang Bạch Tuyết vào rừng giết đi, và mang về cho bà ta trái tim. Người thợ săn thả Bạch Tuyết đi và lấy tim một con nai nhỏ thay vào. Trong rừng, Bạch Tuyết được bảy chú lùn săn sóc. Về phần người dì ghẻ, bà biết Bạch Tuyết còn sống, khi hỏi gương thần. Bà thân vào rừng, ba lần hãm hại Bạch Tuyết nhưng đều được bảy chú lùn giải cứu. Cuối cùng, bà giả làm vợ một người nông dân, dâng trái táo có tẩm độc cho Bạch Tuyết. Bạch Tuyết ăn phải và rơi vào giấc ngủ hôn mê. Bảy chú lùn đặt Bạch Tuyết trong chiếc quan tài bằng kính. Thời gian trôi qua, có một hoàng tử đi ngang, trông thấy Bạch Tuyết, bèn mang quan tài nài đi. Trong lúc di chuyển, va vào bụi rậm, khiến cho miếng táo độc trong cổ họng rơi ra, đánh thức nàng dậy. Hoàng tử tuyên bố làm đám cưới với Bạch Tuyết.

Không biết Bạch Tuyết còn sống, một hôm bà dì ghẻ hỏi gương thần, gương thần trả lời, “Hoàng hậu trẻ một nghìn lần đẹp hơn bà.” Không biết hoàng hậu trẻ là con ghẻ của mình, bà tới dự đám cưới và chết điếng khi biết sự thật. Để trừng phạt, một đôi giày sắt được mang tới và buộc bà phải xỏ chân vào, và khiêu vũ cho đến khi ngã chết.

SALVAGE

Imagine you have built a house on sand,
and all our houses yet are built on sand:
and the evening comes
and the night comes
when the great storm casts the sea against the land;

an island is the tilted living room,
a brief cape is the brine-sopped sleeping room:
leavings of your lives
all your past lives
shifted by small currents in the sea's clear womb;

and you had nought to do but let it go,
let go the wardrobe, let the bookshelves go,
plates, cups fall away,
honors fall away,
records void, ink made once again to flow.

And as young lovers in an ancient storm
you walked in lamplight in a dying storm
under blowing leaves
green-smelling leaves
and all you had was sweet love to keep you warm;

CỨU NẠN

Tưởng tượng bạn xây ngôi nhà trên cát,
và những ngôi nhà của chúng ta cho tới nay được xây trên cát:
và chiều đến
và đêm đến
khi cơn bão lớn ném nước biển vào đất liền;

đảo là căn phòng khách chao nghiêng,
mũi đất là phòng ngủ đầy nước mặn:
còn lại những sinh mệnh của bạn
tất cả những sinh mệnh quá khứ của bạn
chuyển dịch bởi những luồng nước nhỏ trong lòng biển vắng;

và bạn không có gì để làm ngoài việc cứ thây kệ,
để tú áo trôi đi, để kệ sách trôi đi,
đĩa, tách biến mất,
những danh tiếng biển bất,
những thành tích vô hiệu lực, mực một lần nữa sắp tuôn chảy.

Và như những người yêu còn trẻ trong cơn bão cổ xưa
các bạn bước đi trong ánh đèn lúc cơn bão đang lụi tàn
dưới những chiếc lá cuốn
những chiếc lá tươi
và tất cả các bạn có là tình yêu dịu dàng sưởi ấm;

So now as ancient creatures jewelled with stone,
swift and incalculable, living stone,
you begin again,
the sin again,
tenderly clothing the tempestuous bone.

* *Frederick Turner* (born 1943 Northamptonshire, England) is an English–American poet affiliated with the literary movement known as New Formalism. He is the author of two full-length science fiction epic poems, *The New World* and *Genesis*; several books of his poetry and literary translations; and a number of other works. He has been called “a major poet of our time”.

Như thế bây giờ các bạn như những sinh vật cổ xưa nạm với đá,
vứt qua như cuộc đời, chịu đựng vô số kẻ như đá,
các bạn bắt đầu lần nữa,
phạm tội lần nữa,
mặc bộ áo da thịt và xương cốt tạo nên giông bão.

** Chú thích*

Cứ tưởng tượng, một cặp tình nhân, yêu nhau khi còn trẻ, họ cần một ngôi nhà cho đời sống hạnh phúc. Rồi từ từ họ tích lũy được nhiều thứ, tiền tài danh vọng. Nhưng phút chốc, tất cả bị cuốn bởi cơn lũ (của thời gian?) May mắn sống sót, họ phải sống cuộc đời như những người cổ xưa, không còn gì sau cơn giông bão. Họ đánh giá nhanh nhạy về những gì quan trọng, và không thể tiên đoán bất cứ gì mà con người hay sức mạnh có thể đè bẹp họ. Họ phải chịu đựng quá nhiều trong kiếp sống phù du. Và bây giờ họ, bắt đầu một kiếp đời khác, lại phạm tội tổ tông của những kẻ yêu nhau, mặc bộ áo da thịt, khát khao xương cốt để trở thành người – xương cốt tự bên trong có khả năng tạo thành giông bão.

** Frederick Turner* (sinh năm 1943 tại Northamptonshire, nước Anh) nhà thơ người Mỹ gốc Anh liên kết với phong trào văn học được gọi là Chủ nghĩa Tân hình thức. Ông là tác giả của hai bài thơ sử thi khoa học viễn tưởng, có độ dài đầy đủ, *Thế giới Mới* và *Sáng thế ký*; một số cuốn sách dịch thơ và văn học của ông; và một số tác phẩm khác. Ông được gọi là “một nhà thơ lớn của thời đại chúng ta”.

ADVICE TO A POET

Then should you tell them what they want to hear?
They want it so badly, they yearn for it,
It would so ease the pain there is in living;
And they have begged you through their intermediaries,
Not rudely, but with a sad, moving tact;
For once be gentle with them, say the words,
Put it on record, give the great permission.

And who are you to be the judge of things?
What vote made you the guardian of their souls?
– A lesser poet in a century
That has got tired of poets, and with reason:
There were so many, and then after all
Turned out no better than the rest of us –
And you bring no solution to the problem,
No innovation in the craft or theme,
Are an apostle of the ancient forms
And only sing the old discarded dream.

LỜI KHUYÊN MỘT NHÀ THƠ

Sau đó bạn nên nói với bạn đọc những gì họ muốn nghe?
Họ muốn lắm, họ nóng lòng muốn biết,
Bài thơ làm quên đi nỗi đau trong cuộc sống;
Và họ cầu xin bạn qua trung gian đó của họ,
Không thô bạo, nhưng với cách xử trí gây xúc cảm, buồn bã;
Hãy hòa nhã với họ một lần, nói vài lời,
Ghi nhận điều đó, cho phép họ thỉnh cầu điều đó.

Và bạn là ai mà trở thành người phán xét mọi sự việc?
Cuộc biểu quyết nào làm bạn là người canh giữ linh hồn họ?
– Một nhà thơ tồi của thế kỷ
Một thế kỷ chán ngấy những nhà thơ, và với lý do:
Có quá nhiều những nhà thơ, rồi sau cùng tất cả
Tỏ ra không có gì hơn trong số chúng ta –
Và không mang giải pháp nào cho vấn đề,
Không có khám phá mới nào về kỹ năng hay chủ đề,
Là nhà truyền giáo của những thể thơ cũ
Và chỉ lập lại giấc mơ cũ kỹ đã bị phế thải.

For after all if there is no solution,
No fresh alternative to work and love
And clear intelligence and careful knowing,
No better source of wisdom but ourselves,
No secret way to hand on our decisions
To some director, natural or divine,
Perhaps collective – gender, race, or class –
Then life would be unbearable, we'd see
Reflected in the mirror just a face,
The common vector of some six desires.

And moral perfectness feels so like death!
And you who tell them this have no pretension
Of scoring better on that test than they:
You are as sensual, slothful, as dishonest,
As vain of your good judgment as are they:
And even this is one more form of boasting,
Which does not make it any the less true.

But they would so reward you if you said it,
And after all what harm now would it do?
Say it then, make the required confession:
You will feel so much better when you're through.

Vì cuối cùng nếu không có giải pháp,
Không có chọn lựa khác để có hiệu quả và để yêu
Và trí tuệ thông suốt và cái biết cần trọng,
Không có nguồn khôn ngoan nào ngoài chính chúng ta,
Không có đường lối bí mật nào truyền tải những quyết định
Tới người đạo diễn, tự nhiên hay thánh thiện,
Hoặc tập đoàn – giới tính, chủng loại, hay giai cấp –
Rốt cuộc rồi cuộc đời trở nên không thể chịu nổi,
Phản ảnh trong gương chỉ là khuôn mặt,
Với góc độ tầm thường của những giác quan ham muốn.

Và sự hoàn chỉnh phẩm hạnh tạo cảm giác nhiều như cái chết!
Và bạn nói với họ điều này không kỳ vọng
Qua trải nghiệm về số điểm tốt hơn những gì họ đạt được.
Bạn ham nhục dục, vô công rồi nghề, không thật thà và
Hảo huyền trong phán đoán đúng đắn của bạn như họ vậy:
Và ngay cả cho đó là sự cường điệu,
Thì cũng không phải không đúng sự thực.

Nhưng họ ngợi khen bạn như vậy nếu bạn nói lên,
Và sau cùng sự tổn hại nào bây giờ nó gây ra?
Nói đi rồi hãy thú tội:
Bạn sẽ cảm thấy dễ chịu khi bạn vượt qua.

COLUMBIA RUNS A TEMPERATURE

Those monster-states that held the world in fear,
Sloughing the dead nations they had sucked dry,
Have found a place to lay their eggs in: here.

And now I am so weak that I could cry.
I am defeated. All my strength was spent
Wrestling in darkness with their nine-faced lie;

And when their wall and blood-drenched battlement
Had fallen, then I thought my work was done,
And I once more could seek enlightenment;

And take the old path of the evening sun
Along the forest-edge, the meadow-mazes,
To where I knew the river had to run.

But now I see the sickness in their faces,
The cold envy of any sexual gift,
The shamed self-righteous screaming of the races;

My body's torn with each new-fangled rift,
Chiefly within the head, that is its school,
Where the disease is feverish and swift.

COLUMBIA LÊN CƠN SỐT

Những nhà nước phát xít đã kiềm hãm thế giới trong sợ hãi,
Vứt bỏ những đất nước tê liệt sau khi đã bòn rút cạn kiệt,
Chúng tìm được một nơi để gieo mầm: ở đây.

Và bây giờ tôi quá yếu khiến khóc được.
Tôi bị đánh bại. Mọi sức lực của tôi đã hao tổn
Do phải vật lộn trong bóng tối với khả năng đối trá lớn lao;

Và khi bức tường thành và những chiến trường đẫm máu
Sụp đổ, thì lúc đó tôi nghĩ việc của tôi đã xong,
Và thêm lần nữa tôi có thể tìm thấy ánh sáng khai minh;

Và tôi đi trên con đường xưa dưới nắng chiều
Dọc theo bìa rừng, dọc theo mảng cỏ,
Tới nơi tôi biết có dòng sông chảy.

Nhưng giờ đây tôi nhìn ra sự đau yếu trên khuôn mặt của chúng,
Bản năng sinh tồn giữa áp chế và lẽ tự nhiên,
Sự kêu gào tự thị đáng xấu hổ của những chủng loại;

Thân xác tôi bị xé ra với từng phân hóa mới phát sinh,
Chủ yếu bên trong đầu, đó là môi trường,
Nơi bệnh tật lây lan và cấp tính.

This land's the body, and I am the soul.
I am sent here to fill the hills with nerves,
To take the pulse of every molecule.

My people are those quick electric nerves:
They are my ganglia and sensorium.
It is the flesh that cries, the god that serves.

Yeats feared that innocence was drowned, and some
Thought him an old fussbudget to complain:
The rough beast, as he said it would, did come.

The best lack all conviction, now as then.
My poets cower and will not tell the truth.
Within my guts the beast has grown again.

I will remember the fresh strength of my youth,
When I struck through the snows of Germany,
And dared the monster's claw, the monster's tooth,

Miền đất này là thân xác và tôi là linh hồn.
Tôi được gửi tới đây để làm đầy thân thể với cảm xúc,
Để bắt nhịp đập của mỗi phân tử.

Dân tộc tôi những sợi thần kinh nhạy bén đó:
Họ là trung khu thần kinh và là cảm quan của tôi.
Chính xác thật đang kêu đòi, là thần linh phụng sự.

Nhà thơ Yeats sợ rằng sự vô tội đã tiêu trầm và vài người
Nghĩ ông là ông già hay cảm rằm khi kêu than:
Thú dữ hung tàn, như ông nói, đã tới.

Những người tốt mất đi mọi niềm xác tín, bao giờ cũng vậy.
Những nhà thơ của tôi co rúm lại và sẽ không nói sự thật.
Bên trong tôi con thú dữ lại một lần lớn dậy.

Tôi sẽ nhớ lại sức mạnh tươi rói của thời trai trẻ,
Khi tôi chiến đấu khó khăn trong tuyết ở Đức,
Và dám đương đầu móng vuốt và răng nanh của loài quái vật,

And laid the chambers bare for all to see,
And in the cold air of the soldier's myth,
Made history a work of poetry.

* *Chú thích*

“Columbia” là District of Columbia, một thành phố ở Mỹ, tiểu bang Washington, thường được viết là Washington DC, để ám chỉ, thành phố không ở trong tiểu bang mà ở trong nước Mỹ, và có thể ở trong một cái gì đó, một khu vực mà chúng ta đặt tên là Columbia, liên hệ tới Christopher Columbus, người khám phá ra châu Mỹ. “Columbia” cũng là một cái tên ái quốc xưa kia để chỉ nước Mỹ, tương tự như chúng ta nói “America” hay “Uncle Sam” (Chú Sam) ngày nay.

Và lột trần sự thật về những nhà nước tồi tệ cho mọi người thấy,
Và trong không khí lạnh của huyền thoại người chiến binh,
Biến lịch sử thành một tác phẩm thơ.

*(Tặng các bạn thanh niên Việt Nam trước hiểm họa xâm lăng,
20 tháng 6 – 2011)*

Frederick Turner

MIGHT AS WELL FACE UP TO IT

Today my words died in the air.
One cold negater in an audience
Cuts off the flow of meaning there
And turns to platitudes what once was sense.
Now all my own ignorings come to taunt me;
My students yawn, my own dead teachers haunt me.

TỐT HƠN HẾT LÀ TRỰC DIỆN ĐƯƠNG ĐẦU

Hôm nay lời lẽ tôi chết sững trong không trung.
Khước bác lạnh lùng của cử tọa
Chặt đứt dòng ý nghĩa tuôn trào
Và biến điều từng hữu lí thành vô vị.
Giờ đây mọi điều tôi dốt nát tới mắng nhiếc tôi;
Sinh viên ngáp dài, những thầy dạy xưa đã khuất nay ám ảnh tôi.

THE GHOST (CONFUTATIS MALEDICTIS)

All day I have been ridden by a ghost:
I think, the spirit of Michel Foucault.
He's in such agony, hating and lost; –
Like the oiled seabirds in the the undertow

That pulls along the Saudi littoral,
Where now another acolyte of Power
Oozes the sumps of the political
Into the blue petals of the worldflower;

I see his knees and elbows skinned and raw,
He hugs them to himself, his bulging eyes
Stare to and fro, a frightened minotaur,
His buttocks like a running cicatrice;

The huge sarcoma-blotches on his skin
Display the final phase of that disease
Which is the body's death of discipline,
Decision not to punish, but appease;

NHỮNG HỒN MA (PHẢN BIỆN VU KHỔNG)

Cả ngày bị ma đè tôi nghĩ, đó là linh
Hồn Michel Foucault, ông đang đau khổ, căm
ghét và mất mát, – giống như những con chim bị
Vấy dầu trong con sóng ngầm kéo dọc theo bờ

Biển Saudi, nơi bây giờ quyền lực của một
Thầy tu khác làm chảy nhớt chính trị vào những
Cánh xanh của đóa hoa thế giới, tôi thấy da
trên đầu gối và khủy tay của ông; thấy sứt,

Ông ôm lấy chúng, trở mắt, nhìn qua lại như
Một con quái vật sợ hãi, mông của ông giống
Như vết thẹo đang vận hành; chỗ sưng tấy trên
Da phô bày giai đoạn cuối của căn bệnh sức

Mạnh cơ thể suy nhược, quyết định không trừng phạt,
Chỉ làm nguôi ngoai, sự khước từ lớn lao để
Định rõ Kẻ Khác khác hơn chính nó, sự đáng
Ghét về tính cố định – và tất cả tôi cảm

Its great refusal to define the Other
As other than itself, its hate for fixity –
And all I feel is pain for this my brother,
A ghastly leaden grief, a sickened pity.

And what is terrible about this shade
Is that he's from the future, not the past.
For now it comes to me, the hell he made
Is one of many shadows that are cast

Like branches into all the time to come,
And has its own reality, and sends
This phantom into my delirium
To kill all voices that frustrate its ends;

And thus in this poor ghost a whole world screams
That it may have some space to gnaw its being;
And seeks to colonize my thoughts and dreams,
And set its spies within my very seeing.

But who is there to exorcise this thing,
This knot of nausea behind my shoulder,
Who will release my voice that aches to sing
Of beauty that survives its own beholder?

Thấy đau khổ cho người anh em này, một nỗi
Ưu sầu nặng nề quá đối tôi tẻ, lòng thương
Xót bệnh hoạn. Và điều gì kinh khủng về bóng
Tối của sự chết là ông ta từ tương lai,

Chứ không phải quá khứ. Vì bây giờ nó đến
Với tôi, cái địa ngục ông tạo ra một trong
Nhiều vùng tối được ném qua như những cành nhánh
Trong mọi thời đại tới, và địa ngục có thực

tại của chính nó, gửi hồn ma này trong cơn
Mê sảng của tôi để giết mọi tiếng nói ngăn
Cản mục đích của nó; vì vậy trong bóng ma
Đáng thương toàn thế giới gào thét có lẽ một

Vài khoảng không để gặm nhấm sự hiện hữu; và
Cố gắng nô lệ những ý tưởng và giấc mơ
Của tôi, điều chỉnh sự theo dõi bên trong cái
Thấy. Nhưng ai ở đó để đuổi hồn ma, cái

Nút thắt của sự ghê tởm đằng sau vai tôi,
Kẻ sẽ thả lỏng tiếng nói của tôi, tiếng nói
đau đớn để hát về cái đẹp thoát khỏi kẻ
quan sát tự chính mình? Và đến đây bài thơ

And here the poem broke; but now today
Another ghost, dearest of my dead friends,
My sweet and foul-mouthed Mozart, came to stay,
And get a birthday-present at my hands;

And any future blessed and led by him
Cannot be absolutely dark and cold;
He wrote the music which the cherubim
Shall play, newborn, on their kazoos of gold.

And even if there is another present,
Realer and richer, like a shell of blue,
Where Mozart did not die, but convalescent
Wrote his Geist-Insel, lived to eighty-two,

And everybody laughed at Robespierre,
And Holocausts and Gulags were unknown,
But Vernean cosmonauts, upon a dare,
In 1920 landed on the Moon –

Yet even so, our branch of time is fed,
My darling Amadeus, with your blood;
And still puts out, despite the evil dead,
The white and dazzling flowers of the good.

Hồng; nhưng bây giờ hôm nay một bóng ma khác,
Thân quý nhất về những người bạn đã chết, Mozart
Đáng yêu và nói năng dở tẻ của tôi, đến
Ở lại, và nhận món quà sinh nhật từ tay

Tôi; bất cứ tương lai nào được ban phước và
dẫn dắt bởi ông tuyệt đối không thể tối và
lạnh; ông đã viết loại âm nhạc mà những thiên
Sứ có thể chơi, tái tạo, qua kèn vàng của

Họ. Ngay cả nếu có món quà khác, thực và
Giàu hơn, như một cái vỏ sò màu xanh, nơi
Mozart không chết, chỉ dưỡng sức đã viết nhân
Vật Geist-Insel của ông, sống tới tám mươi

Hai, và mỗi người cười Robespierre, và
Holocausts và Gulags không rõ, những phi
Hành gia Jules Verne, thách thức, vào năm
1920 đã đập lên mặt trăng – nhưng

Mà ngay cả như vậy, nhánh thời gian của chúng
Ta là nhân viên công lực, Amadeus thân
Yêu của tôi, với máu của ông; và vẫn sản
Sinh, mặc dầu cái chết độc ác, những đóa hoa

Trắng ngoạn mục của sự thiện lành.

THE KITE

As if a little girl had come to you
Asking for help to fly her birthday kite,
And you stretched out the silk, set the struts true,
So the device was feathery, strung, and tight;

And on a hillside blown with the spring light,
It lifted from her hands into the blue,
And tugged so fiercely that you gave it flight
And up it went, wind-drawn (as if you knew
The whole skill of the kitemasters that flew
Those painted Chinese kites designed to fight
Before an emperor and his retinue);

Such is the book that I would want to write,
Whose power could haul a mile of line into
The dark purple, and strangely out of sight.

CÁNH ĐIỀU

Như thể một bé gái đến cầu xin
Bạn giúp thả cánh điều ngày sinh nhật,
Và bạn căng lụa, làm khung chuẩn, để
Cơ phận nhẹ tênh, nối dây, vừa vắn;

Ánh sáng mùa xuân thổi trên sườn đồi,
Và từ bàn tay cô bé cánh điều
Hướng lên trời xanh, và bạn giật mạnh
Cánh điều no gió bay mãi, bay mãi
(Như thể bạn biết, tài nghệ toàn bộ
Của những bậc thầy trung hoa là thả
Những cánh điều được trang trí, thiết kế,
Tranh đua trước hoàng đế và triều thần.)

Đó là cuốn sách tôi muốn viết về
Quyền lực của ai có thể kéo một
Sợi dây xa tắp vào vùng tím than,
Và một cách kỳ lạ, ngoài tầm nhìn.

WINTER EVENING IN TEXAS

On a field of velvet night
Float a sheet of violet glass;
Light that glass with rosy light
From beneath, like bronze or brass;
Carelessly then let a drop
From the white-hot pot of Being
Splash upon this tabletop
Brighter than the power of seeing;
Let it form a crescent moon
With a spilt point, for a star;
Then set crimson flames to swoon
Where the darkened woodlands are

CHIỀU ĐÔNG TEXAS

Trong cõi mênh mộng của đêm nhung
Bồng bênh một chân trời tím;
Ánh sáng chiều màu hồng đậm
Từ bên dưới, như đồng hay đồng thau;
Cẩn thận không thì một giọt
Từ cái bình rất nóng của Sự Sống
Văng lên khoang trời này
Chói sáng hơn năng lực của giác quan;
Hãy để nó hình thành con trăng lưỡi liềm
Với một điểm loang thành vì sao;
Rồi cho màu lửa sẫm lung linh
Trong những khu rừng cây tối.

Frederick Turner

VILLANELLE ON THE OREGON COAST

For Margaret Prentice

Many a time I've dreamed of such a place
Where darkened headlands tumbled to the shore
And a white ocean blew against my face;

An inland valley gave a breathing space
Against the water's overwhelming roar.
Many a time I've dreamed of such a place,

But the great wind of dream-time would erase
All human detail, leaving but a core
That the white ocean blew against my face;

Now, though, our footprints measure out our pace
Upon this homeland that I never saw
(Many a time I've dreamed of such a place);

The cypress-pins and huckleberry-lace
Had been invisible to me before
When the white ocean blew against my face:

THỂ VILLANELLE TRÊN BỜ BIỂN OREGON

Tặng Margaret Prentice

Nhiều lần tôi đã mơ về một nơi như vậy
Nơi những doi đất xa xôi sỏi mòn thành bờ
Và nước biển trắng đã bắn vào mặt tôi;

Đất liền nơi thung lũng mang lại không thoáng thoát
Đối lại với tiếng gầm ghì của sóng nước.
Nhiều lần tôi đã mơ về một nơi như vậy,

Nhưng cơn gió lớn ở thời mơ mộng bồi xóa
Mọi tình tiết về con người, chỉ lưu lại điều
Nước biển trắng đã bắn vào mặt tôi;

Bây giờ, dẫu rằng, những dấu chân đo bước chân chúng ta
Trên quê hương này tôi chưa hề thấy
(Nhiều lần tôi đã mơ về một nơi như vậy);

Những hình dạng lá tùng và lá dâu
Đã không còn thấy được như trước kia
Khi nước biển trắng bắn vào mặt tôi:

Sister and stranger, you gave me the grace
To read the print upon the windswept shore.
Many a time I'll dream of such a place,

Where that white ocean blows against my face.

Chị và người lạ, đã cho tôi ân huệ
Để đọc dấu in trên bờ biển bị gió cuốn đi.
Nhiều lần tôi đã mơ về một nơi như vậy,

Nơi nước biển trắng bắn vào mặt tôi.

**Chú thích*

Villanelle là một thể thơ được du nhập vào thơ Anh từ Pháp vào thế kỷ 19, nguyên từ một thể thơ Ý (villanelle). Villanelle là một thể thơ vãn đoi. Dòng đầu và dòng thứ ba của đoạn thơ đầu tiên được luân phiên lặp lại ở những đoạn thơ sau, như những điệp khúc. Thể thơ này có 19 dòng, mỗi đoạn thơ 3 dòng, riêng đoạn thơ chót gồm 4 dòng. Về nhạc tính, nó thuộc thể nhạc khiêu vũ (dance).

REVISITING NORTHAMPTONSHIRE

The spring is checked in this unnatural chill.
As if a bowl of cold pent up the year,
Its lifebirth stands eternal, glassy, still,
The buds anatomized as they appear.

The may, refrigerated, blooms in June;
The chestnut-candles cannot fall or die;
The yellow fields of mustard, in a swoon,
Make an inverted, dazzling, heatless sky.

Sequence is both suspended and preserved.
The tiny flowers of early spring survive
Into regimes they've never known, unnerved,
As if in terror that they're still alive.

And I, the traveller, have ventured here
Armed with the paralysing strength of man,
To where I was a child as helpless-dear
As these white blossoms where my life began.

THĂM LẠI NORTHAMPTONSHIRE

Mùa xuân bị gián đoạn trong cái lạnh khác thường này.
Như thể một khối lạnh nén kín trong năm,
Khoảng đầu đời xuân ấy đứng bất động, trong suốt, bất tử,
Qua những chồi nụ đang nhú lên.

Hoa tháng Năm, bị lạnh, nở vào tháng Sáu;
Hoa hạt dẻ không thể rụng hay chết
Cánh đồng hoa cải vàng, ngậy ngất,
Làm cho bầu trời đảo ngược, chói lòa, lạnh bất thường.

Tiếp theo tạm thời ngừng nghỉ và nhớ lại.
Những đóa hoa tí xíu của mùa xuân sớm sống sót
Trong cái trật tự chúng không hề biết, cứng đờ,
Như thể trong sự kinh hoàng chúng vẫn còn sống.

Và tôi, kẻ du hành, thám hiểm ở đây
Trang bị với sức mạnh tê liệt của người đàn ông,
Tới nơi tôi là đứa trẻ yếu đuối không ai giúp đỡ
Như những chùm hoa trắng này nơi cuộc đời tôi bắt đầu.

And is the glass of human memory,
This little draught of immortality, the drug
That holds the world in immobility
Against the pathos of its living tug?

Do I, a cruel northeaster, freeze the spring,
Compel this frigid heaven on the earth?
And when I turn away, will everything
Breathe freely once again in its rebirth?

Một hộp nhỏ của bất tử, chất thuốc,
Giữ cho thế giới trong bất tử
Và là phong vũ biểu của ký ức con người
Ngược với tính bi thương tranh đua sống động?

Có phải tôi, cơn gió lạnh từ đông bắc, làm đông lạnh mùa xuân,
Áp đặt cái trời lạnh buốt này trên mặt đất?
Và khi tôi quay đi, mọi thứ
Thở phào nhẹ nhõm trong phục sinh?

Frederick Turner

NORTH SEA STORM

Zuidzande, Zeeland, August 1993

For Marleen van Cauwelaert

The wind that blows across the polders blows
The end of one age, the birth of another.
Turn of the century weather.
It blusters by the eaves and throws
A scarred branch at the chimney-stack
Over and over.

We hear it in the attic bedroom, twitch and crack,
Secret, invisible, speaking of the sea.
The mourning doves take shelter in the lee.
Over and over they repeat the track:
It's too true, Tookturoo,
It's too true, Tookturoo.

My friends and I are plotting the next century.
The wind that blows across the polders blows
A branch of ripened pears across the sky;
Hesitates, rises, swings across and falls.
The overloaded apple-tree
Can only jerk and shake.

BÃO BIỂN BẮC

Zuidzande, Zeeland, Tháng 8-1993

Gửi Marleen van Cauwelaert

Gió ở những doi đất lấn ra biển thổi
Sự chấm dứt một thời, khởi sinh thời khác.
Thời tiết đầu thế kỷ.
Đập âm âm qua mái hiên và quạt ngã
Một cành cây sọ ở dây ống khói
Nhiều lần.

Chúng tôi nghe tiếng giạt rảng rắc từ buồng ngủ trên gác xép,
Bí mật, vô hình, tiếng nói của biển cả.
Những con chim bồ câu đen tìm trú ẩn ở nơi khuất gió.
Lập đi lập lại chuỗi âm thanh:
Quá thật đi, Cúc cù cu.
Quá thật đi, Cúc cù cu.

Những người bạn tôi và tôi đang phác họa thế kỷ tới.
Gió ở những doi đất lấn ra biển thổi
Một cành đũa lê chín bắt ngang bầu trời;
Do dự, hất cao, đong đưa qua lại rồi rơi xuống.
Cây táo quá tải
Chỉ có thể co giật và lắc mạnh.

In all this dreadful pother
Something must surely fall and die;
Something must surely come to be.
The storm is whining at the walls.
The grasses on the dyke are all bowed one way.
The little orchard glows

With green, with green beneath the cold grey sky.
It's too true, Tookturoo.
Something is stretching itself awake.
The wind that blows the northern sea
Will blow us all away.
The wind that blows across the polders blows
Day into night, night into day.
It's too true, Tookturoo.
It's too true, Tookturoo.

Trong tiếng âm âm kinh hồn
Cái gì đó chắc phải rơi rụng và chết;
Cái gì đó chắc phải đến lúc như thế.
Cơn bão đang gầm rú bên tường nhà.
Cỏ trên con đê rạp về một hướng.
Vườn trái cây đổ rục

Với màu xanh lục, xanh lục dưới màu trời xám lạnh.
Quá thật đi, Cúc cù cu.
Cái gì đó vươn vai thức dậy.
Gió thổi biển bắc
Sẽ thổi tất cả chúng ta đi.
Gió ở doi đất lấn ra biển thổi
Ngày vào đêm, đêm vào ngày.
Quá thật đi, Cúc cù cu.
Quá thật đi, Cúc cù cu.

37,000 FEET ABOVE THE ATLANTIC

Here between heaven and heaven there is no prayer,
No mark of past, no roots, as those I saw
Just yesterday, great feet mottled and bare
Thrust in the sandy soil of Hanover:
Only the breath of ego and the smell
Of coffee, and the sound of broken air
Tearing across the airfoils and the hell
Of carbide turbine-blades. And yet I swear
The darkened heavens whisper to me here
Of you, rapt in your blue pavilions,
Bone-temples deep with your divine software,
And what you will have known, what alien suns,
What techne of what gentleness and power;
And the stunned self, its great gifts stranded here
Between the nightblue future and the past,
Is silent in the vision of the knower
Where the first heaven is whispered by the last.

TRÊN CAO 37,000 FEET ĐẠI TÂY DƯƠNG

Nơi đây giữa thiên đường và thiên đường không có,
Lời kinh cầu, không có dấu hiệu quá khứ không
Gốc rễ, như gốc rễ tôi thấy mới hôm qua,
Những bàn chân khổng lồ lổm đổm, trần trụi xuyên
Thủng đất cát ở Hanover: chỉ có hơi
Thở của bản ngã, mùi cà phê, và âm thanh
Không khí xé ra giữa cánh máy bay phần máy
Phản lực bằng chất carbide. Và tôi còn thể
Rằng bầu trời tối thì thăm với tôi về anh,
Say mê trong những cung xanh của anh, thân thể
Con người sâu trong khả năng sáng tạo, và những
Gì anh biết, những định tinh lạ nào, phương pháp
Thanh lịch và quyền năng nào; và cái tôi bị
Kích động, những món quà lớn tác nghẽn nơi đây
Giữa màu xanh đêm tương lai và quá khứ, yên
Lặng trong cái nhìn của kẻ biết nơi thiên đường
Đầu tiên được thì thăm bởi cái cuối cùng.

APRIL WIND

for Ann Weary

Wind, gigantic, wrestles the April leaves;
The mares are nervous, elated, tossing their manes;
We pass in file under the forest eaves
Where a magic bodarc shakes an emerald free
From each of its branched black veins;

The path is narrow, we are fingered at elbow and knee
By the grape and the cedar elm. All goes dazzling bright:
The sun has come out and now we suddenly see
How this green is the white of the plant world, the blanch
Of its secret kinship with light;

And my friend turns – the artist, who owns this ranch –
And tells how a painter will throw on gout of white,
And feather a green glaze thereover, for a branch;
And now, strangely, we both fall silent and ride

GIÓ THÁNG TƯ

Tặng Ann Weary

Gió, lòn, vạt vĩa những chiếc lá tháng Tư;
Những con ngựa cái bồn chồn, phấn kích, tung bờm;
Chúng tôi theo hang dọc dưới mái rừng
Nơi vòm cây ma thuật đong đưa màu lục bích khỏi
Trong mỗi nhánh gân lá màu đen

Đường đi hẹp, khuỷu tay và đầu gối va phải chùm nho,
Cây du, tuyết tùng. Mọi thứ sáng lên ngoạn mục:
Mặt trời lên và bây giờ chúng tôi bất ngờ thấy
Làm sao màu xanh lại trắng trong thế giới thực vật, tái nhợt
Đồng cảm bí mật với ánh sáng;

Bạn tôi quay lại – anh là họa sĩ chủ nhân trang trại này –
Và kể làm sao người họa sĩ sẽ ném trên đống trắng màu trắng,
Và phủ lên lớp xanh nhẹ lên đó, thành màu tái nhợt,
Và bây giờ, kỳ lạ, cả hai chúng tôi đều yên lặng và cười ngựa

As if we were chilled by a slight;
For through the woodland is blowing a perfume, a tide
Of sweetness from some blossoming out of our sight,
Mysterious, innocent, heavenly, known on the inside

Only, unfading; and the mares are dancing, and we,
Like disciplined riders, pull tight

On the rein and grasp with the strength of the thigh and
the knee
The huge bodies that move, prehistoric and blind,
Through the now darkening glades. And we are quite free
To speak, or not, as we make for the gate we shall find
In the waves of the fragrant wind.

Như thể chúng tôi bị lạnh bởi sự mong manh;
Xuyên qua rừng cây đang thổi qua mùi thơm, cơn thủy triều
Của vị ngọt dịu từ vài bông hoa ngoài tầm nhìn,
Bí mật, vô hại, thần tiên, chỉ biết được

Từ bên trong, không phai nhạt; con ngựa khiêu vũ, và chúng tôi,
Như những người cưỡi ngựa có kỷ luật, ghì

Dây cương và kèm với sức mạnh của đùi và đầu gối,
Những thân hình to lớn chuyển động, tiền sử và mù,
Xuyên qua con đường hẹp đang tối. Và chúng tôi hoàn toàn tự do
Nói, hoặc không, như hương về phía cổng chúng ta sẽ tìm
Trong những làn sóng của hương gió.

THE BRUGES VIRGIN

The tourists do not comprehend that pure white light.
The art professor makes a formal note.
I, but half-ruined, feel the ancient grace,
The terror of the Virgin's face,
The hint, like the fresh herb beside her throat,
Of ever-lost delight.

We clean the varnish, cannot see to clean
Our clogged lies, lusts, treasons, sloths, vanities;
We use the lilies of our sex to know,
And cannot therefore see to know
The vision in whose light the virgin sees,
Nor know what sin might mean.

Nature is made the proxy for our shame;
Pollution is the name we give the grief
Of self-despoiled and ravished innocence.
We make machines do penitence
To the dim spectres of our disbelief,
Absolving us of blame.

BRUGES ĐỒNG TRINH

Những du khách không thấu hiểu ánh sáng trắng trong lành đó.
Giáo sư nghệ thuật ghi chú rõ ràng.
Tôi, lúng túng bởi kiến thức, cảm thấy vẻ duyên dáng cổ xưa,
Sự kinh hoàng trên khuôn mặt Đồng trinh,
Ám chỉ, như cỏ tươi mới bên cổ họng cô
Ánh sáng không kéo dài mãi.

Chúng ta lau chùi lớp véc ni, không thể thấy để lau sạch
Những lời dối trá, dục vọng, sự phản bội, biếng nhác, tính hợm hĩnh;
Chúng ta dùng sự hấp dẫn bề ngoài để biết,
Và vì thế không thể thấy để biết
Thị giác trong ánh sáng của ai người đồng trinh thấy,
Cũng không biết tội lỗi có nghĩa gì.

Thiên nhiên
Ô nhiễm là tên chúng ta đưa tới nỗi buồn
Của sự vô tội bị cưỡng đoạt và hãm hiếp.
Đến những bóng ma lơ mờ của sự hoài nghi
Xá tội chúng ta vì sự báng bổ.

The closest we can come is in denial:
Think how the fogs clear from a mountainside
To show the galleries of virgin trees,
When the dawn's dazzling mysteries
Remind us of the soul's lost passiontide,
The sources of its Nile.

Điều gần nhất chúng ta có thể đến trong lời phủ nhận:
Hãy nghĩ làm sao sương mù tan nơi sườn núi
Để lộ ra những thân cây nguyên si,
Khi những bí mật ngoạn mục của bình minh
Nhắc chúng ta tái lập lại ý nghĩ thanh khiết của tâm hồn,
Suối nguồn sông Nile của nó.

THE WHEAT FIELD

This field of rustling wheat has gone from green
To almost hazy blue, to rufous gold.
Piers Plowman's plot is what it seems to mean,
Eternal blessings sown a hundredfold,
Time's wheel of tilth and fallow, reap and glean.

This glory is the mark of death to him
Who travels the North Dallas corridor.
These last years of the old millennium
Wealth in its heyday rises to a roar
Along the freeways of computerdom,

And field by field, wood by dappled wood,
The city, eating northward, prepotent,
Engorges land as its essential food.
They'll sow, the year before development,
A field of corn to suck the soil's last good.

This golden plot's the mark upon the tree
That tells the woodman which one must come down;
It is the fever when the HIV
Plants its pale banner in the body's town:
It is the sign of Man's apostasy.

CÁNH ĐỒNG LÚA MÌ

Cánh đồng xào xạc lúa mì đã biến từ màu lục diệp
Thành màu xanh mù sương, rồi vàng hung.
Vùng đất trong câu truyện Piers Plowman ngụ ý,
Những hồng ân vĩnh cửu đã được gieo xuống cả trăm lần,
Qua bánh xe thời gian của đất cày và ải, gặt hái và thu hoạch.

Niềm vinh quang này, nay còn đâu
Xuyên suốt hành lang North Dallas.
Những năm tháng cuối cùng thiên niên kỷ
Ầm ĩ nổi lên sự thịnh vượng thời vàng son
Dọc theo những xa lộ của vương quốc điện toán,

Và cánh đồng tiếp giáp cánh đồng, rừng cây lổm đổm rừng cây,
Thành thị ăn lan về hướng Bắc, lấn lướt,
Nghĩen ngấu đất đai như thực phẩm chính yếu.
Họ gieo, năm trước khi mở mang,
Cánh đồng ngũ cốc, tận dụng đất trồng cho mùa gặt cuối.

Cánh đồng ngũ cốc chẳng khác nào dấu ghi trên cây
Dặn người tiểu phu cây nào phải đốn ngã;
Đó là cơn sốt khi HIV
Cấy những biểu ngữ tái xanh trên thân thể thị trấn:
Dấu hiệu suy đồi đạo lý Con Người.

And the observer in his car or plane
Would on first seeing mourn this cruelty,
Meadows never to see the sun again,
Nature the victim to modernity
– And all the gracenotes of that grim refrain.

But there's a chivalry of experience,
That carries thought beyond its first crude test,
That makes an actor of an audience,
And will not be content with second-best.
Creation flourishes on turbulence;

For what will happen here after the reaping?
The roads will come, the pipes and sewers and wires,
Young families will set up their housekeeping
In raw bright rooms that after a few years
Will be the secret nests of children sleeping;

Strange birds will fly among the orchard-trees
Where once huge flocks of starlings veered and wheeled;
Flowers bred by Romans, Arabs, Japanese,
Are planted there, where all was empty field,
By African and Asian refugees.

The golden corn has got another meaning;
Trans-substanced to a further sacrament;
New bread will rise fragrant out of the gleaning;
The human is what nature always meant;
The golden fall is but another greening
Into the dark fields of the firmament.

Và nếu ngồi trên xe hoặc máy bay quan sát
Đầu tiên thương tiếc cho sự tàn ác này,
Những đồng cỏ không bao giờ thấy mặt trời lần nữa,
Thiên nhiên là nạn nhân của thời hiện đại
– Và cả những nốt nhạc không thiết yếu của điệp khúc âm đặm.

Nhưng có một trải nghiệm mang tinh thần hiệp sĩ,
Đưa ý tưởng vượt quá thử nghiệm thô sơ ban đầu,
Làm diễn viên trong một khán giả,
Và sẽ không bằng lòng với những gì không hoàn hảo.
Sự sáng tạo nở hoa trong hỗn loạn;

Và điều gì sẽ xảy ra ở đây sau kỳ thu hoạch?
Đó là con đường sẽ hiện ra, điện nước cống rãnh,
Những gia đình trẻ sắp xếp công việc nhà
Trong căn phòng sáng sửa, mới tinh để sau đó vài năm
Trở thành tổ ấm cho con trẻ;

Những con chim kỳ lạ sẽ bay trên vườn cây ăn trái
Nơi đã có lần những bầy chim đá đối chiếu và bay lượn;
Những loài hoa giống La Mã, Ả rập, Nhật bản,
Được trồng bởi người tị nạn Phi châu và Á châu,
Nơi trước kia toàn là cánh đồng hoang.

Cánh đồng ngũ cốc có một ý nghĩa khác;
Xuyên bản thể tới một lẽ bí tích xa hơn;
Bánh mì mới tỏa hương thơm từ sự thu nhặt;
Với thiên nhiên, con người luôn luôn giá trị;
Sự biến mất của lúa mì chỉ là khởi điểm khác
Bên trong những cánh đồng u tối của bầu trời.

** Chú thích*

Piers Ploughman (viết năm 1360–1387) hay Visio Willelmi de Petro Ploughman (William's Vision of Piers Ploughman) là tựa đề bài thơ ngụ ngôn Anh thời Trung cổ của William Langland được viết theo kỹ thuật điệp âm (alliterative: âm hay chữ đầu trước hai hay nhiều âm hay chữ tiếp theo) và không vần, chia thành từng đoạn, gọi là “passus” (Latin là “step”). Piers Ploughman được những nhà phê bình coi như là một trong những tác phẩm lớn của văn học Anh, cùng với Canterbury Tales của Chaucer và Sir Gawain và the Green Knight trong thời Trung cổ. Bài thơ, một phần là ngụ ngôn về thần học, một phần là sự châm biếm xã hội, liên quan tới ý định của người kể, tìm kiếm đời sống Cơ đốc đích thực, trong bối cảnh Cơ đốc giáo thời Trung cổ. Sự tìm kiếm này đưa tới hàng loạt những suy niệm viển vông, và thẩm tra của những nhân vật ngụ ngôn Dowel (“Do-Well”), Dobet (“Do-Better”), and Dobest (“Do-Best”) (làm tốt, làm tốt hơn và làm tốt nhất).

Bài thơ bắt đầu nơi Malvern Hills ở Malvern, Worcestershire, Anh. Một người đàn ông tên là Will thiếp ngủ và thấy một tòa tháp trên một ngọn đồi và một thành lũy dưới một thung lũng sâu; giữa những biểu tượng thiên đường và địa ngục đó, là “cõi người” (field full of folk), đại diện cho thế giới loài người. Trong phần đầu, Piers, một người thợ cày khiêm tốn, xuất hiện và nhận mình như một người kể truyện, dẫn đường tới sự thật. Những phần sau, liên quan tới người kể đi tìm những nhân vật Dowel, Dobet and Dobest.

From Wikipedia, the free encyclopedia

Lời tác giả: Những vùng ngoại ô ở Bắc Dallas, đặc biệt là Richardson, Plano và McKinney, đã trở thành Thung Lũng Silicon thứ hai với kỹ thuật cao về điện toán, những công ty về mạng lưới tin học, kỹ thuật số, và kỹ thuật sinh học. Những cánh đồng nông nghiệp bị san phẳng để xây những khu nhà mới cho hàng ngàn công nhân trong những khuôn viên của những công ty mới. Những công nhân này chẳng phải đến từ Bắc Mỹ mà còn ở khắp nơi trên thế giới.

Khi một cánh đồng lúa mì đã gieo, thì đó là dấu hiệu của một vụ mùa chót trước khi những xe ủi đất bắt đầu làm việc. Cánh đồng lúa mì, đối với những người tổ tiên là người Anh, là “field full of fold” (cõi người), biểu tượng cho những người theo đạo Cơ đốc thời trung cổ và cổ đại mà nhà thơ William Langland đã diễn tả trong “Piers Plowman”. “Cõi người” ấy chính là hình ảnh gia đình truyền thống, giá trị truyền thừa, thái độ tôn kính thiên đường hạ giới, và đời sống thiên nhiên. Bài thơ của tôi thương tiếc cho thế giới đó, nhưng đồng thời cũng tán dương sự nổi lên của một “cõi người” mới, một cộng đồng đa chủng tộc kiến tạo tương lai.

BEWARE OF THINGS IN DUPLICATE

Beware of things in duplicate:
a set of knives, the cufflinks in a drawer,
the dice, the pair of Queen, the eyes
of someone sitting next to you.
Attend that empty minute in the evening
when looking at the clock, you see
its hands are fixed on the same hour
you noticed at your morning coffee.
These are the moments to beware
when there is nothing so familiar
or so close that it cannot betray you:
a twin, an extra key, an echo,
your own reflection in the glass.

ĐỀ PHÒNG NHỮNG THỨ BẢN SAO

Đề phòng những thứ bản sao:
một bộ dao, những chiếc cúc áo trong ngăn kéo,
quân bài J, cặp Đâm, mắt
của ai ngồi bên cạnh bạn
kèm theo phút ngồi không trong buổi chiều
khi nhìn đồng hồ, bạn thấy
những cái kim chỉ cùng giờ
bạn để ý cà phê buổi sáng.
Đó là những lúc phải đề phòng
khi không có gì quen thuộc
hay gần gũi mà nó không thể phản bội bạn:
một cặp đôi, chìa khóa phụ, tiếng dội lại,
phản ảnh chính bạn trong gương.

ON THE SHORE

The waves unbend beneath the empty wharves,
And the old storm god departs exhausted.
What are you doing? Me, I fill a lantern,
Cleaning the room in which I find myself
With neither news of you nor those you love.
Our scattered company collects itself.
After such storms, we count up the survivors.
But where are you? Safe in some port, I hope ...
The lighthouse keeper rows out in his skiff,
Checking for damage, eyeing the horizon.
Time and the sea afford us such small pauses.

(After Luzi)

TRÊN BỜ BIỂN

Sóng êm ả bên dưới những cầu tàu trống trải,
Và ông chúa bão già nua kiệt sức rời xa.
Anh đang làm gì? Tôi, tôi thắp đèn lồng, làm
Sạch căn phòng trong đó tôi tự ước muốn có
Tin tức về em hoặc những gì em yêu. Nhóm
Bạn bè phân tán tự tụ tập lại. Sau cơn
Bão như vậy, chúng ta đếm những người sống sót.
Nhưng em ở đâu? An toàn nơi bến cảng, tôi
Hy vọng ... Người giữ hải đăng mệt đừ trong chiếc
Xuồng nhỏ, kiểm tra chỗ hư hỏng, quan sát chân
Trời. Thời gian và biển cả ban cho chúng ta
Lúc tạm nghỉ nhỏ nhoi như vậy.

GUIDE TO THE OTHER GALLERY

This is the hall of broken limbs
Where splintered marble athletes lie
Beside the arms of cherubim.
Nothing is ever thrown away.

These butterflies are set in rows.
So small and gray inside their case
They look alike now. I suppose
Death makes most creatures commonplace.

These portraits here of unknown
Are hung three high, frame piled on frame.
Each potent soul who craved renown,
Immortalized without a name.

Here are the shelves of unread books,
Millions of pages turning brown.
Visitors wander through the stacks,
But no one ever takes one down.

HƯỚNG DẪN TỚI PHÒNG TRIỂN LẮM KHÁC

Đây là phòng tứ chi gầy, nơi những mảnh
vỡ bằng sứ những lực sĩ nằm bên cạnh
những cánh tay của thiên sứ. Không có gì

vứt đi. Những con bướm được xếp thành dãy.
Rất nhỏ, màu xám bên trong cái hộp chúng
trông giống như bây giờ. Tôi cho là cái
chết làm cho mọi sinh vật trở nên bình

thường. Những bức chân dung này của người vô
danh được treo thứ tự từ thấp lên cao,
khung này trên khung kia. Mỗi linh hồn có
năng lượng khao khát danh vọng, bất tử hóa

cái không tên tuổi. Đây là kệ những cuốn
sách chưa đọc, hàng triệu trang sách ngả màu
nâu. Người thăm viếng lang thang qua những giá
sách, nhưng chưa ai từng lấy xuống một cuốn.

I wish I were a better guide.
There's no much more that you should see.
Rows of bottles with nothing inside.
Displays of locks which have no key.

You'd like to go? I wish you could.
This room has such a peaceful view.
Look at that case of antique wood
Without a label. It's for you.

Tôi mong ước tôi là người hướng dẫn tốt.
Không còn gì nữa để bạn nên thấy. Dãy
những chiếc chai không có gì bên trong trưng
bày những chiếc khóa không có chìa khóa. Bạn

thích đi. Tôi cầu chúc bạn có thể. Căn
phòng này có tầm nhìn an bình như thế.
Nhìn những cái hộp bằng gỗ cổ xưa không
nhãn hiệu. Đó là cho bạn.

PITY THE BEAUTIFUL

Pity the beautiful,
the dolls, and the dishes,
the babes with big daddies
granting their wishes.

Pity the pretty boys,
the hunks, and Apollos,
the golden lads whom
success always follows.

The hotties, the knock-outs,
the tens out of ten,
the drop-dead gorgeous,
the great leading men.

Pity the faded,
the bloated, the blowsy,
the paunchy Adonis
whose luck's gone lousy.

TỘI NGHIỆP NGƯỜI ĐẸP

Tội nghiệp người đẹp, những người đàn bà hấp dẫn, những người đàn bà thon gọn, những người đàn bà trẻ với những nhân tình ra vẻ, đang

Ban phát cho họ những ước muốn.
Tội nghiệp những chàng đẹp trai, những chàng trai lực lưỡng, và những chàng trai nam tính, những chàng trai vàng

Mà sự thành công luôn luôn bám theo.
Những người lôi cuốn sự thèm muốn, những người cảm dỗ không cưỡng được, những người ở hạng thóp, những người

Ngoại hạng, những người đàn ông hàng đầu hết sảy. Tội nghiệp kẻ tàn lụi, kẻ béo phì, kẻ nhếch nhác, chàng đẹp trai nay đã bụng phệ

Pity the gods,
no longer divine.
Pity the night
the stars lose their shine.

Sự may mắn đến nước tôi tẻ.
Tội nghiệp những vị thánh không còn
thiên, tội nghiệp đêm, những vì
sao đánh mất sự chói sáng.

* *Ghi chú*

Apollos và Adonis là những vị thần thời cổ đại La Hy, chỉ những chàng đẹp trai. Nguyên tác thì kiệm lời, nhưng bản dịch thì nhiều lời để làm rõ ý, một phần vì bài thơ dùng nhiều tiếng lóng.

“The Ballad of Jesus Ortiz” describes the life and death of my great-grandfather. Every name, place, and significant event in the poem is true. The ballad has traditionally been the form to document the stories of the poor, particularly in the Old West. The people remembered in the poem sang and recited ballads. The form seemed the right way to tell their story.”

FILM NOIR

It's a farm town in the August heat
With a couple of bars along Main Street.
A jukebox moans from an open door
Where a bored waiter sweeps the floor.

A bus pulls up by Imperial Fruit.
A guy gets off a new prison suit.
He's not bad looking. Medium height
Full of ambition. Not too bright.

*He's a low life. He's one of the lost
Who's burnt every bridge he's ever crossed.
Just out of slammer, a ticking bomb,
The Wrath of God and Kingdom Come.*

Bản Ballad of Jesus Ortiz” mô tả cuộc sống và cái chết của ông cố tôi. Mọi tên gọi, địa danh và sự kiện quan trọng trong bài thơ đều đúng. Bản ballad theo truyền thống là hình thức để ghi lại những câu chuyện của người nghèo, đặc biệt là ở miền Tây Cổ. Những người được nhớ đến trong bài thơ đã hát và đọc thuộc lòng những bản ballad. Hình thức này dường như là cách phù hợp để kể câu chuyện của họ.”

PHIM ĐEN

Đó là trang trại trong một thị trấn
Nhỏ dưới cái nóng tháng Tám với đôi
Quán rượu dọc theo đường Cái. Một cái
Máy hát rên rỉ phát ra từ cánh cửa mở

Nơi người bồi bàn uể oải quét dọn.
Chuyến xe buýt dừng lại ở cửa hàng
Trái cây Imperial Fruit. Một gã thanh niên
Mặc bộ áo tù bước xuống. Hẩn nhìn

Không tệ. Cao trung bình. Đây ước vọng.
Không quá thông minh. *Hẩn là kẻ xấu.*
Một trong những kẻ lầm lạc hết thuốc
Chữa. Vừa mới từ nhà tù ra. Như

*It's the long odds on a roll of the dice
For big stakes you can't bet twice.
The cards get dealt. The wheel spins.
At the end of the night the house always wins.*

He sees her alone at the end of the bar,
Smoking and hot like a fallen star.
She's a cold beauty with a knowing wink.
If she shot you dead, she'd finish your drink.

Some guys learn from their mistakes,
But all he learned is to raise the stakes.
There's something he forgot in jail –
That the female's deadlier than the male.

*It's a straight shot. It's an easy kill.
If he doesn't help her, some guy will.
It's a sleek piece with only one slug.
Spin the chambers and give it a tug.*

*Một trái bom sắp nổ, Sự Giận Dữ
Của Chúa và Thế Giới Bên Kia. Điều
Chắc chắn không phải là trò may rủi
Vì bàn thắng lớn không thể cựa hai*

*Lần. Khi những lá bài được chia. Bánh
Xe quay. Qua đêm thì nhà cái luôn
Luôn vợ cả. Hẳn thấy ả một mình
Cuối quán rượu, hút thuốc và nóng bỏng*

Như một ngôi sao hết thời. ả có
Sắc đẹp lạnh người với cái nháy mắt
Như biết ý. Nếu ả bắt ai, ả
Sẽ nốc hết ly rượu còn lại của

Người đó. Vài kẻ học được từ những
Lầm lỗi, nhưng tất cả hẳn học được
Là dám liều. Có điều hẳn đã quên
Lúc trong tù – là đàn bà độc ác

Hơn đàn ông. Đó là thứ tình yêu
Khó nuốt phải trả giá, và bạn không
Thể đánh bại một ả sùng sỏ với
Trò chơi do chính ả bày ra. Đó

*Là trò lừa đã lâu. Cuộc trao đổi
Bất ngờ cũ kỹ. Bạn nghĩ bạn là
Kẻ chơi, nhưng bạn là mục tiêu của
Trò dối lừa. ả có chồng nhưng lẻ*

The heat of her lips, the silk of her skin.
His body ignites. He pushes in.
They lie in the dark under the fan –
A sex-drunk chump, a girl with a plan.

Their eyes meet, and he can tell
It's gonna be fun, but it won't end well.
He hears her plot with growing unease.
She strokes his cheek, and he agrees.

It's a straight shot. It's an easy kill.
If he doesn't help her, some guy will.
It's a sleek piece with only one slug.
Spin the chambers and give it a tug.

The heat of her lips, the silk of her skin.
His body ignites. He pushes in.
They lie in the dark under the fan –
A sex-drunk chump, a girl with a plan.

**Chú thích*

Phim đen là thuật ngữ chỉ phong cách loại phim cổ điển đen trắng với những cốt truyện đầy kịch tính và tội ác của Hollywood vào thời kỳ đầu thập niên 1940 tới cuối thập niên 1950, nhấn mạnh vào thái độ thờ ơ ích kỷ và động lực tình dục. Bài thơ nói về một tù nhân mới được thả, bị dồn nén tính dục, và một người đàn bà đã lợi dụng, dùng sự trao đổi xác thịt để anh ta giết người chồng của mình. Kết cuộc là anh ta lại tiếp tục ngồi tù.

Loi. Ắ ao ước được vậy. Hãy nhìn
Bàn tay bạn! Ồi cảm thấy vui sướng.
Ắ thì thâm, ắ cần một người đàn
Ông biết bao. Nếu chỉ hấn là người

Giúp ắ. Ắ có một kế. Đòi mắt
Họ gặp nhau và hấn có thể biết
Đó sẽ là niềm vui, nhưng không thể
Kết thúc hay. Hấn nghe âm mưu của

Ắ với mỗi e ngại. Ắ vượt má
Hấn và hấn đồng ý. Đó là cú
Bắn thẳng. Cách giết người dễ dàng. Nếu
Hấn không giúp ắ thì đã có kế

Khác. Đó là kế hoạch lẻ chỉ cần
Một viên đạn. Quay ổ đạn và siết
Cò. Đòi môi ắ nóng bỏng, làn da
Ắ mịn màng. Cơ thể hấn bắt lửa.

Hấn đẩy vào. Chúng nằm trong bóng tối
Dưới cánh quạt – một tên gốc khát dục,
Đứa con gái với một mưu toan.

* Bài thơ hay, dĩ nhiên còn ở nơi nhịp điệu và nhạc tính của ngôn ngữ và vần điệu, quyến với những ý tưởng. Bài dịch chỉ thể hiện được ý tưởng bài thơ với đầy tiếng lóng, nên thường thức bài thơ cần đọc vào chính nguyên bản.

CALIFORNIA HILLS IN AUGUST

I can imagine someone who found
these fields unbearable, who climbed
the hillside in the heat, cursing the dust,
cracking the brittle weeds underfoot,
wishing a few more trees for shade.

An Easterner especially, who would scorn
the meagerness of summer, the dry
twisted shapes of black elm,
scrub oak, and chaparral, a landscape
August has already drained of green.

One who would hurry over the clinging
thistle, foxtail, golden poppy,
knowing everything was just a weed,
unable to conceive that these trees
and sparse brown bushes were alive.

THÁNG 8 TRÊN ĐỒI CALIFORNIA

Tôi không thể tưởng tượng ai đó tìm
thấy những cánh đồng khó chịu, trèo lên
sườn đồi trong cơn nóng bức, bụi bặm,
làm rãng rắc đám cỏ khô dưới chân,
mong ước có vài bóng cây che. Đặc

biệt người miền Đông, coi thường sự đậm
bạc của mùa hè, hình dạng cây du
đen khô héo, và gỗ sồi, cảnh quan
Tháng tám đã không còn màu xanh. Một
người vội vã trèo lên cây cỏ đuôi

cáo kể bên, cây thuốc phiện, coi mọi
thứ như cỏ, không thể nhận ra rằng
những cây này và bụi rậm nâu thưa
vẫn sống. Và ghét ánh sáng tĩnh lặng
của buổi trưa không gió, không chuyển động,

And hate the bright stillness of the noon
without wind, without motion,
the only other living thing
a hawk, hungry for prey, suspended
in the blinding, sunlit blue.

And yet how gentle it seem to someone
raised in a landscape short of rain –
the skyline of a hill broken by no more
trees than one can count, the grass,
the empty sky, the wish for water.

chỉ là sự sống khác một con ó,
đói môi, lơ lửng trong bầu trời xanh
rực nắng không thấy được. Và còn nữa,
thật thoải mái làm sao với ai đó

được đỡ lên quang cảnh trong cơn mưa
bất chợt – đường chân trời của ngọn đồi
vỡ ra, bởi không còn cây cối nào
có thể đếm, bãi cỏ, bầu trời trống không,
mong có nước.

UNSAID

So much of what we live goes on inside –
The diaries of grief, the tongue-tied aches
Of unacknowledged love are no less real
For having passed unsaid. What we conceal
Is always more than what we dare confide.
Think of the letters that we write our dead.

CHƯA NÓI

Quá nhiều điều chúng ta sống xảy ra
như thực ở bên trong – những nhật ký
của mối sầu khổ, nỗi đớn đau không
nói được của cuộc tình không hồi đáp
vì có điều chưa nói đã trôi đi.
Điều che dấu luôn luôn nhiều hơn điều
chúng ta dám giải bày. Hãy nghĩ về
những con chữ chúng ta diễn đạt cái chết.

COLD SAN FRANCISCO

I shall meet you again in cold San Francisco
On the hillside street overlooking the bay.
We shall go to the house where we buried the years,
Where the door is locked, and we haven't a key.
We'll pause on the steps as the fog burns away,
And the chill waves shimmer in the sun's dim glow,
And we'll gaze down the hill at the bustling piers
Where the gulls shout their hymns to being alive,
And the high-masted boats that we never sailed
Stand poised to explore the innocent blue.
I shall speak your name like a foreign word,
Uncertain what it means, and you –
What will you say in that salt-heavy air
On that bright afternoon that will never arrive?

SAN FRANCISCO LẠNH

Tôi sẽ gặp em lần nữa trong cái lạnh San
Francisco, trên con đường quanh sườn đồi nhìn
Qua vịnh. Chúng ta sẽ tới ngôi nhà nơi những
Năm tháng đã chôn vùi, nơi cánh cửa khóa, và
Không có chìa khóa. Chúng ta sẽ dừng nơi những
Bước chân như sương mù dần tàn, và cái lạnh
Gợn sóng lung linh trong ánh hồng mờ mặt trời,
Và chúng ta sẽ chăm chú nhìn xuống đồi nơi
Cầu tàu rộn ràng nơi những cánh chim hải âu
Quàng quạc bản thánh ca hiện sống, và những cột
Buồm cao, chúng ta chưa bao giờ ra khơi, đứng
Đỉnh đặc thám hiểm màu xanh thơ dại. Anh sẽ
Gọi tên em như một tiếng ngoại quốc, không có
Gì chính xác, và em – em sẽ nói gì trong
Không khí đầy muối ở buổi trưa sáng chói sẽ
Không bao giờ tới đó?

MAZE WITHOUT A MINOTAUR

If we could only push these walls
apart, unfold the room the way
a child might take apart a box
and lay it flat upon the floor –
so many corners cleared at last!
Or else could rip away the roof
and stare down at the dirty rooms,
the hallways turning on themselves,
and understand at last their plan –
dark maze without a minotaur,
no monsters but ourselves.

MÊ CUNG KHÔNG CÓ QUI ĐẦU BÒ

Nếu chúng ta có thể chỉ đẩy những
bức tường này ra xa, trải căn phòng
theo cách một đứa bé có thể tháo
rời cái hộp và để nó nằm dẹp
trên sàn nhà – như vậy mọi góc cạnh
cuối cùng tan biến! Hoặc chọc thủng mái
nhà và nhìn xuống những căn phòng dơ
bẩn, những hành lang tự nó ngoằn ngoèo,
và cuối cùng hiểu họa đồ của chúng –
mê cung tối không có qui đầu bò,
không có quái vật chỉ có chính chúng ta.

Yet who
could bear to see it all? The slow
descending spirals of the dust
against the spotted windowpane,
the sunlight on the yellow lace,
the hoarded wine turned dark and sour,
the photographs, the letters – all
the crowded closets of the heart.
One wants to turn away – and cry
for fire to break out on the stairs
and raze each suffocating room.
But the walls stay, the roof remains
strong and immovable, and we
can only pray that if these rooms
have memories, they are not ours.

Ai nữa

Có thể chịu đựng cái nhìn hết mê
cung đời? Những đường bụi xoắn ốc chậm
rơi tương phản với khung kính lốm đốm,
ánh sáng mặt trời trên đấng ten vàng
màn cửa sổ, rượu cất trở nên thẫm
màu và chua, những tấm hình, lá thư –
tất cả ngăn chứa đầy ắp trái tim.
Người ta muốn ngoảnh mặt đi – và khóc
vì ngọn lửa bùng cháy trên cầu thang
và san bằng từng căn phòng ngộp thở.
Nhưng những bức tường vẫn còn đó, mái
nhà nguyên xi và kiên cố, và chúng
ta chỉ có thể cầu nguyện nếu những
căn phòng này có những ký ức thì
ký ức đó chẳng phải của chúng ta.

BEING HAPPY

Of course it was doomed. I know that now,
but it ended so quickly, and I was young.
I hardly remember that summer in Seattle—
except for her. The city seems just a rainy backdrop.
From the moment I first saw her at the office
I was hooked. I started visiting her floor.

I couldn't work unless I caught a glimpse of her.
Once we exchanged glances, but we never spoke.
Then at a party we found ourselves alone.
We started kissing and ended up in bed.
We talked all night. She claimed she had liked me
secretly for months. I wonder now if that was true.

Two weeks later her father had a heart attack.
While she was in Chicago, they shut down our division.
I was never one for writing letters.
On the phone we had less to say each time.
And that was it—just those two breathless weeks,

ĐANG HẠNH PHÚC

Dĩ nhiên đó là số phận. Bây giờ tôi mới biết, nhưng nó kết thúc quá nhanh, và tôi còn trẻ. Tôi khó lòng nhớ mùa hè ở Seattle – Ngoại trừ nàng. Thành phố hình như sau cơn mưa. Từ lúc tôi thấy nàng ở văn phòng, tôi đã bị hấp hồn. Tôi khởi động thăm viếng tăng lữ

của nàng. Tôi không thể làm việc trừ khi thoáng thấy bóng nàng. Một lần chúng tôi trao đổi ánh mắt nhìn, nhưng chưa bao giờ nói. Và rồi trong một bữa tiệc chúng tôi cảm thấy lẻ loi. Tôi hôn nàng và chúng tôi làm tình với nhau. Chuyện trò suốt đêm. Nàng nói nàng thích tôi âm thầm hàng tháng qua. Bây giờ tôi tự hỏi nếu đó

là sự thật. Hai tuần sau cha nàng lên cơn đau tim. Trong khi nàng đang ở Chicago, họ đóng cửa văn phòng. Tôi không phải là người có khả năng viết thư. Trên phon có ít điều để nói. Và là hai tuần căng thẳng, rồi sau

then years of mild regret and intermittent speculation.
Being happy is mostly like that. You don't see it up close.
You recognize it later from the ache of memory.
And you can't recapture it. You only get to choose
whether to remember or forget, whether to feel remorse

or nothing at all. Maybe it wasn't really love.
But who can tell when nothing deeper ever came along?

đó là hàng năm luyện tiếc dịu nhẹ và suy
đoán từng hồi. Đang hạnh phúc hầu như là thế.
Bạn không thấy nó gần. Bạn nhận ra nó sau
đó từ cơn đau ký ức. Và bạn không thể
bắt lại. Bạn chỉ có thể chọn hoặc nhớ hoặc

quên, hoặc cảm thấy tiếc nuối hoặc không gì cả.
Có thể đó không phải tình yêu thực sự. Nhưng
ai có thể nói khi chưa từng có điều gì
sâu xa hơn xảy ra?

THE APPLE ORCHARD

You won't remember it – the apple orchard
We wandered through one April afternoon,
Climbing the hill behind the empty farm.

A city boy, I'd never seen a grove
Burst in full flower or breathed the bittersweet
Perfume of blossoms mingled with the dust.

A quarter mile of trees in fragrant rows
Arching above us. We walked the aisle,
Alone in spring's ephemeral cathedral.

We had the luck, if you can call it that,
Of having been in love but never lovers –
The bright flame burning, fed by pure desire.

Nothing consumed, such secrets brought to light!
There was a moment when I stood behind you,
Reached out to spin you toward me ... but I stopped.

What more could I have wanted from that day?
Everything, of course. Perhaps that was the point –
To learn that what we will not grasp is lost.

VƯỜN TÁO

Em sẽ không nhớ – vườn táo nơi chúng ta đã
Lang thang qua một trưa tháng Tư, trèo lên ngọn
Đồi đằng sau trang trại không người. Là đứa trẻ

Thành phố, tôi chưa bao giờ nhìn thấy lùm cây
Tràn đầy hoa hoặc hít thở mùi thơm ngọt đắng
Những chùm hoa phủ bụi. Mùi thơm của luống

Cây trái ra một phân tử đậm kết vòng cung
Trên đầu. Chúng tôi đi giữa các hàng cây, đơn
Độc trong nhà thờ lớn thoáng qua cửa mùa xuân.

Chúng tôi may mắn nếu em có thể gọi như
Thế, đang được yêu nhưng không bao giờ có người
Yêu – ngọn lửa của tình yêu nung nấu, được nuôi

Dưỡng bằng niềm khao khát trinh nguyên. Không có gì
Tiêu tán, những bí mật như vậy được mang ra
Ánh sáng! Đó là lúc khi tôi đứng sau em,

Vội tới để xoay em về phía tôi ... nhưng tôi dừng
Lại. Tôi có thể muốn thêm gì từ hôm ấy?
Mọi thứ, dĩ nhiên. Có lẽ đó là điểm chính –

Để nhận ra điều chúng ta không nắm lấy thì mất.

THE LUNATIC, THE LOVER, AND THE POET

The tales we tell are either false or true,
But neither purpose is the point. We weave
The fabric of our own existence out of words,
And the right story tells us who we are.
Perhaps it is the words that summon us.
The tale is often wiser than the teller.
There is no naked truth but what we wear.

So let me bring this story to our bed.
The world, I say, depends upon a spell
Spoken each night by lovers unaware
Of their own sorcery. In innocence
Or agony the same words must be said,
Or the raging moon will darken in the sky.
The night grow still. The winds of dawn expire.

And if I'm wrong, it cannot be by much.
We know our own existence came from touch,
The new soul summoned into life by lust.
And love's shy tongue awakens in such fire –
Flesh against flesh and midnight whispering –
As if the only purpose of desire
Were to express its infinite unfolding.

NGƯỜI ĐIÊN, NGƯỜI YÊU, VÀ NHÀ THƠ

Những câu chuyện chúng ta kể hoặc sai hoặc đúng,
Nhưng không mục đích nào là chính. Chúng ta đan
Dệt cuộc đời chính chúng ta từ chữ, và câu chuyện
Đúng nói cho biết chúng ta là ai. Có lẽ
Đó là những chữ triệu mời. Câu chuyện thường
Khôn ngoan hơn người kể. Không có sự thật trần
Trụi trừ những gì chúng ta mặc. Như vậy hãy

Để tôi mang câu chuyện này vào giường ngủ chúng
Ta. Thế giới, tôi nói, tùy thuộc vào bùa chú
Được nói mỗi đêm bởi những người yêu nhau không
Biết trò phù thủy của chính họ. Trong sự trong
Trắng hoặc đờn đau những chữ tương tự phải được
Nói lên, hoặc mặt trăng dữ dội sẽ làm tối
Đen bầu trời. Đêm sẽ trở nên tĩnh lặng. Gió
Của bình minh lắng xuống. Và nếu tôi sai, nó

Không thể hoàn toàn sai. Chúng ta biết sự hiện
Hữu đến từ xúc giác, một tâm hồn mới được
Mời gọi vào đời bởi sự thèm khát. Và tình
Yêu là tiếng e ấp đánh thức trong lửa – xác
Thịt áp vào xác thịt và nửa đêm thì thâm –
Như nếu mục đích duy nhất của thèm khát là

And so, my love, we are two lunatics,
Secretaries to the wordless moon,
Lying awake, together or apart,
Transcribing every touch or aching absence
Into our endless, intimate palaver,
Body to body, naked to the night,
Appareled only in our utterance.

Để diễn tả sự trải ra vô tận. Và như
Vây, tình yêu của tôi, chúng ta là hai kẻ
Điên, những thư ký đối với mặt trăng không nói
Được bằng lời, nằm thức với nhau hoặc cách xa,
Thu chép mỗi va chạm hoặc sự vắng mặt nhưc
Nhớ vào vô hạn, lời ba hoa thân mật, thân
Xác với thân xác, trần truồng với đêm, quần áo
Mặc chỉ trong lời chúng ta nói.

THE COAT

I saw someone wearing your coat today,
The sleek, short pink one you bought in L.A.
I never liked it much—too bright, too retro—
But you brought it off. You always do.

I followed the woman down the icy street
Until she disappeared into the Metro.
Only then I realized I hadn't seen her face,
Except to register she wasn't you.

I thought of her traveling underground
To Shady Grove or Rockville Meadows,
Bearing away this relic of your grace,
A pink Persephone among pinstriped shadows.

Why had your ghost returned here with this warning?
Was it only to flaunt her power to flee?
Or had the coat itself come simply to taunt me
With the fragrance of spring on a cold, dead morning

CHIẾC ÁO KHOÁC

Tôi thấy ai đó mặc chiếc áo khoác của em
Hôm nay, chiếc áo màu hồng, ngắn, mượt mà em
Mua ở L.A. Tôi không hề thích nó – quá
Sáng, quá cổ – nhưng em đã mua – em luôn luôn

Làm vậy. Tôi theo người đàn bà qua con đường
Lạnh giá cho tới khi nàng biến mất nơi ga
Điện ngầm. Chỉ sau đó tôi mới nhận ra tôi
Không thấy mặt nàng, ngoài việc nhớ ra nàng không

Phải em. Tôi đoán nàng đáp xe điện ngầm tới
Shady Grove hoặc Rockville Meadows, mang theo
Dáng dấp dịu dàng của em, nàng Persephone
Màu hồng giữa những vùng tối sọc. Tại sao bóng ma

Em trở lại với cảnh báo này? Phải chăng
Chiếc áo chỉ để khoe khoang quyền lực tan biến?
Hoặc là tự nó đến đơn giản để trêu chọc
Tôi, với sự dịu dàng của mùa xuân vào buổi sáng chết, lạnh

- Huyền thoại Hy Lạp, Persephone là con gái của thần Zeus và nữ thần gặt hái Demeter, và là nữ hoàng địa ngục.

THE PRESENT

The present that you gave me months ago
is still unopened by our bed,
sealed in its rich blue paper and bright bow.
I've even left the card unread
and kept the ribbon knotted tight.
Why needlessly unfold and bring to light
the elegant contrivances that hide
the costly secret waiting still inside?

TẶNG PHẨM

Tặng phẩm em tặng tôi cả tháng trước
vẫn chưa mở còn bên giường chúng ta,
phong kín bằng lớp giấy xanh đậm và
chiếc nơ sáng. Ngay cả cái thiệp tôi
chưa đọc và giải băng còn cột chặt.
Tại sao phải mở và mang ra ánh
sáng những ân tình lịch lãm bao lấy
món quà đắt giá đang chờ đợi bên trong?

REUNION

This is my past where no one knows me.
These are my friends whom I can't name—
Here in a field where no one chose me,
The faces older, the voices the same.

Why does this stranger rise to greet me?
What is the joke that makes him smile,
As he calls the children together to meet me
Bringing them forward in single file?

I nod pretending to recognize them,
Not knowing exactly what I should say.
Why does my presence seem to surprise them?
Who is the woman who turns away?

Is this my home or an illusion?
The bread on the table smells achingly real.
Must I at last solve my confusion,
Or is confusion all I can feel?

CUỘC HỌP MẶT

Đây là quá khứ của tôi nơi không
Ai biết tôi. Đây là những người bạn
Tôi không thể gọi tên – đây là phạm
Vi nơi không ai chọn tôi, những khuôn

Mặt già hơn, giọng nói giống nhau. Tại
Sao người lạ này đứng dậy chào đón
Tôi? Trò đùa nào làm hẩn mỉm cười,
Khi hẩn gọi những đứa trẻ cùng đến

Đứa từng đứa từng đứa tới trước mặt
Tôi? Tôi gạt đầu giả bộ nhận ra
Chúng, không biết chính xác tôi nên nói
Gì. Tại sao sự có mặt của tôi

Làm chúng ngạc nhiên? Ai là người đàn
Bà, ai bỏ đi? Đây là nhà tôi
Hay ảo tưởng? Bánh mì trên bàn ngủi
Thấy thật đau. Cuối cùng tôi phải giải

Quyết sự bối rối, hay tất cả tôi
Cảm nhận là sự bối rối?

THE ROAD

He sometimes felt that he had missed his life
By being far too busy looking for it.
Searching the distance, he often turned to find
That he had passed some milestone unaware,
And someone else was walking next to him,
First friends, then lovers, now children and a wife.
They were good company—generous, kind,
But equally bewildered to be there.

He noticed then that no one chose the way—
All seemed to drift by some collective will.
The path grew easier with each passing day,
Since it was worn and mostly sloped downhill.
The road ahead seemed hazy in the gloom.
Where was it he had meant to go, and with whom?

CON ĐƯỜNG

Đôi khi hẳn cảm thấy đánh mất đời mình bởi
Quá bận rộn nên hầu như hẳn không nhận ra
Điều đó. Tìm kiếm ở đâu xa, hẳn thường quay
Lại, để nhận ra hẳn đã vượt qua những cột
Mốc trong đời, và ai đó đang bước đi bên
Hẳn, mới đầu là người bạn, rồi những người tình,
Và bây giờ là vợ và con. Họ là bầu
Bạn – rộng rãi tử tế, nhưng đều cảm thấy bối

Rối, phải ở trong tình cảnh đó. Hẳn thấy không
Ai chọn cách này – tất cả hình như dạt trôi
Vội cùng một tâm trạng. Lối đi trở nên dễ
Dàng hơn với mỗi ngày qua, vì nó đã cũ
Và là con đường mòn xuống đồi dốc. Con đường
Phía trước dường như mù sương trong u ám. Đó
Có phải là nơi hẳn định đến, và đến với ai?

SHOPPING

I enter the temple of my people but do not pray.
I pass the altars of the gods but do not kneel
Or offer sacrifices proper to the season.

Strolling the hushed aisles of the department store,
I see visions shining under glass,
Divinities of leather, gold, and porcelain,
Shrines of cut crystal, stainless steel, and silicon.

But I wander the arcades of abundance,
Empty of desire, no credit to my people,
Envy the acolytes their passionate faith.
Blessed are the acquisitive,
For theirs is the kingdom of commerce.

Redeem me, gods of the mall and marketplace.
Mercury, protector of cell phones and fax machines,
Venus, patroness of bath and bedroom chains,
Tantalus, guardian of the food court.

MUA SẮM MÙA GIÁNG SINH

Tôi bước vào ngôi đền của dân tôi nhưng không
Câu nguyện. Tôi đi ngang qua bàn thờ những vị
Thần nhưng không quì. Hoặc dâng cúng lễ vật đúng

Mùa. Đạo qua những dãy hàng lặng thình trong cửa
Hàng, tôi nhìn hình ảnh bóng loáng dưới mặt kính,
Những vị thánh da thuộc, vàng, sành sứ, những miếu
Đền của đồ vật bằng thủy tinh, thép không gỉ,

Và silicon. Nhưng tôi đi thơ thần dưới
Lối đi có mái vòm đông người, trống rỗng ham
Muốn không làm gì người khác đang làm, ghen ghét
Với niềm tin thiết tha của những thầy tu. Thần
Thánh háms lợi, vì niềm tin của họ là vương

Quốc thương mại. Cứu chuộc tôi, những chúa của thương
Xá và khu phố chợ. Thần Mercury, người
bảo vệ cell phone và máy fax, thần venus,
Bà đỡ đầu dây phòng tắm và buồng ngủ, thần
Tantalus, người giám hộ của tòa thực phẩm.

Beguile me with the aromas of coffee, musk, and cinnamon.
Surround me with delicately colored soaps and
moisturizing creams.

Comfort me with posters of children with perfect smiles
And pouting teenage models clad in lingerie.

I am not made of stone.
Show me satins, linen, crêpe de chine, and silk,
Heaped like cumuli in the morning sky,
As if all caravans and argosies ended in this parking lot
To fill these stockrooms and loading docks.

Sing me the hymns of no cash down and the installment plan,
Of custom fit, remote control, and priced to move.
Whisper the blessing of Egyptian cotton, polyester,
and cashmere.
Tell me what department my desire shall be found.

Because I would buy happiness if I could find it,
Spend all that I possessed or could borrow.
But what can I bring you from these sad emporia?
Where in this splendid clutter
Shall I discover the one true thing?

Nothing to carry, I should stroll easily
Among the crowded countertops and eager cashiers,
Bypassing the sullen lines and footsore customers,
Spending only my time, discounting all I see.

Giải khuây tôi với hương thơm của cà phê, xạ
Hương, và quế. Bao quanh tôi với những xà bông
Sắc màu tinh tế và kem dưỡng da. An ủi
Tôi với những áp phích in hình trẻ em tươi

Cười, và những cô người mẫu tuổi teen mặc đồ
Lót. Tôi không phải là đá. Cho tôi xem sa
Tanh, vải lanh, nhiều Trung hoa, và lụa, chất đóng
Như mây tụ trên bầu trời buổi sáng, cứ như
Đoàn người, xe và tàu ngừng lại ở chỗ đậu
Này, để làm đầy những kho chứa và lên hàng.

Hãy hát lên cho tôi nghe bài thánh ca về
Tín dụng, trả góp, về quần áo hợp thời, hàng
Điện tử và giá hời. Thì thầm về phúc lành
Của bông Ai cập, vải polyester, và khăn
Len cashmere. Cho tôi biết cửa hàng nào tôi

Sẽ phải tìm. Bởi vì tôi muốn mua hạnh phúc
Nếu tôi có thể tìm nó, tiêu hết những gì
Tôi có hoặc mượn được. Nhưng tôi mang lại gì
Cho anh từ những nơi buôn bán buồn này? Ở
Đâu nơi huyền ảo tráng lệ này, tôi có thể

Tìm thấy đúng thứ? Không mang theo gì, tôi có
Thể dạo qua dễ dàng giữa quầy hàng chật ních
Hoàng hóa và những người thu tiền ham hờ, đi
Vòng qua hàng người ủ rũ và những khách hàng
Đau chân, chỉ tiêu phí thời gian để nhìn hàng

Instead I look for you among the pressing crowds,
But they know nothing of you, turning away,
Carrying their brightly packaged burdens.
There is no angel among the vending stalls and signage.

Where are you, my fugitive? Without you
There is nothing but the getting and the spending
Of things that have a price.
Why else have I stalked the leased arcades
Searching the kiosks and the cash machines?

Where are you, my errant soul and innermost companion?
Are you outside amid the potted palm trees,
Bumming a cigarette or joking with the guards,
Or are you wandering the parking lot
Lost among the rows of Subarus and Audis?

Or is it you I catch a sudden glimpse of
Smiling behind the greasy window of the bus
As it disappears into the evening rush?

Bán hạ giá. Thay vì tìm anh giữa đám đông
Gấp gáp, nhưng không biết gì về anh, họ quay
Đi, mang theo hàng hóa nặng nề đóng gói sáng
Lóa. Không có thiên thần giữa những quầy hàng mua

Bán và bảng chỉ dẫn. Anh ở đâu, kẻ thất
Lạc của tôi? Với không có anh, không có gì
Ngoài lấy và tiêu những thứ có giá cả. Tại
Sao nữa, tôi đuổi theo trò chơi game điện tử,
Lục tìm quầy hàng và máy rút tiền? Anh ở

Đâu, hơi linh hồn lang thang và người bạn tận
Đáy lòng tôi? Ở ngoài giữa những cây cọ kiểng,
Xin xỏ một điều thuốc hay đùa bỡn với người
Gác dan, hoặc lang thang nơi bãi đậu xe, lạc
Giữa dãy xe hiệu Subaru và Audis?

Hoặc có phải là anh tôi bắt được một thoáng
Bất ngờ, mỉm cười đằng sau cửa sổ trơ nhòn
Của chiếc xe buýt như biến mất trong cái xô
Bồ của buổi chiều?

PRAYER AT WINTER SOLSTICE

Blessed is the road that keeps us homeless.
Blessed is the mountain that blocks our way.

Blessed are hunger and thirst, loneliness and all forms of desire.
Blessed is the labor that exhausts us without end.

Blessed are the night and the darkness that blinds us.
Blessed is the cold that teaches us to feel.

Blessed are the cat, the child, the cricket, and the crow.
Blessed is the hawk devouring the hare.

Blessed are the saint and the sinner who redeem each other.
Blessed are the dead calm in their perfection.

Blessed is the pain that humbles us.
Blessed is the distance that bars our joy.

Blessed is this shortest day that makes us long for light.
Blessed is the love that in losing we discover.

LỜI CẦU NGUYỆN LÚC ĐÔNG CHÍ

Con đường giữ chúng ta không nhà là may mắn.
Ngọn núi ngăn đường chúng ta là may mắn.

Đói và khát, cô độc và mọi hình thái ham muốn là may mắn.
Lao động làm chúng ta mệt nhoài cùng tận là may mắn.

Đêm và bóng tối làm đui mù chúng ta là may mắn.
Giá lạnh day chúng ta cảm giác là may mắn.

Con mèo, trẻ nhỏ, con đẽ và quạ là may mắn.
Con điều hâu ngẫu nhiên thả rừng là may mắn.

Vị thánh và kẻ tội lỗi cứu chuộc nhau là may mắn.
Kẻ chết lạng trong sự hoàn chỉnh của chúng ta là may mắn.

Sự đau đớn làm chúng ta xoàng xĩnh là may mắn.
Khoảng cách ngăn cách niềm vui của chúng ta là may mắn.

Con đường gần nhất chúng ta mong chờ ánh sáng là may mắn.
Tình yêu đang mất chúng ta nhận ra là may mắn.

FINDING A BOX OF FAMILY LETTERS

The dead say little in their letters
they haven't said before.
We find no secrets, and yet
how different every sentence sounds
heard across the years.

My father breaks my heart
simply by being so young and handsome.
He's half my age, with jet-black hair.
Look at him in his navy uniform
grinning beside his dive-bomber.

Come back, Dad! I want to shout.
He says he misses all of us
(though I haven't yet been born).
He writes from places I never knew he saw,
and everyone he mentions now is dead.

There is a large, long photograph
curled like a diploma – a banquet sixty years ago.
My parents sit uncomfortably
among tables of dark-suited strangers.
The mildewed paper reeks of regret.

TÌM HỘP THƯ GIA ĐÌNH

Kẻ chết nói ít trong những lá thư họ không nói trước. Chúng ta không tìm thấy bí mật nào, và nữa, khác biệt làm sao mỗi câu âm vang khi nghe qua những tháng năm. Cha tôi làm tôi đau lòng đơn giản là trông ông rất trẻ và

đẹp trai. Ông nhìn bằng nửa tuổi tôi, với mái tóc rất đen. Trong bộ đồ thủy quân, ông tươi cười bên cạnh chiếc máy bay ném bom. Trở lại, Ba ơi! Tôi muốn hét lên. Ông nói ông mất tất cả chúng tôi (mặc dù lúc đó tôi chưa

sinh ra). Ông viết từ những nơi ông thấy mà tôi chưa hề biết, và mọi người ông nhắc tới nay đã chết. Đó là bức hình lớn và dài đã quăn như tấm bảng trung học – một bữa tiệc cách đây 60 năm. Cha mẹ tôi ngồi không

thoải mái giữa những chiếc bàn toàn người lạ mặc đồ đen. Tấm giấy mốc bốc lên mùi hồi tiếc. Tôi tự hỏi bài hát nào ban nhạc đang chơi, ngay từ khung ảnh, như người chụp hình dàn dựng những nụ cười của bạn. Một điệu Valse? Foxtrot?

THE BALLAD OF JESUS ORTIZ

Jake's family were vaqueros.
They worked the cattle drives
Down from Montana to market.
They did what it took to survive.

Jake's real name was Jesus,
Which the Anglos found hard to take,
So after a couple of days,
The cowboys called him Jake.

When Jake was twelve, his father
Brought him along to ride.
"Don't waste your youth in the pueblo.
Earn by your father's side."

The days were hot and toilsome,
But all of the crew got fed.
It wasn't hard to sleep on the ground
When you've never had a bed.

Three thousand head of cattle
Grazing the prairie grass,
Three thousand head of cattle
Pushed through each mountain pass.

BÀI CA VỀ JESUS ORTIZ

Gia đình Jake là những chàng cao
Bồi. Họ làm việc chăn gia súc
Từ vùng Montana cho tới
Lúc bán ra thị trường. Họ làm

Để sinh tồn. Tên thật Jake là
Jesus, những người Mỹ thấy khó
Gọi vì vậy hai ngày sau, những
Chàng cao bồi gọi ông là Jake.

Khi Jake mười hai tuổi, cha ông
Mang ông rong ruổi trên lưng ngựa.
“Đừng lãng phí tuổi xuân ở thị
Trấn, hãy đi kiếm ăn cùng cha.”

Những ngày làm việc nóng và vất
Vả nhưng cả nhóm có được cái
Ăn. Không khó ngủ trên đất khi
Chưa bao giờ ngủ giường. Ba ngàn

Đầu gia súc thả gặm cỏ trên
Thảo nguyên, ba ngàn đầu gia súc
Luôn qua mỗi hẻm núi. Ba ngàn
Đầu gia súc lội qua những dòng

Three thousand head of cattle
Fording the muddy streams,
And then three thousand phantoms
Bellowing in your dreams.

At night when the coyotes called,
Jake would sometimes weep
Recalling how his mother
Sang her children to sleep.

But when he rose in the morning,
The desert air was sweet.
No sitting in a mission school
With bare and dusty feet.

And when the drive was over,
He got his pay — and then
He came back to the pueblo
Where he was one of the men.

Ten years on the open range
He led the vaquero's life,
Far from his home in Sonora,
No children and no wife.

Then Jake headed north to Wyoming
To find his winter keep
Among the Basques and Anglos
Who raised and slaughtered sheep.

Suối ngẫu đực, và rồi ba ngàn
Bóng ma rống lên trong giấc mơ.
Ban đêm những con sói tru, đôi
Khi Jake rướm nước mắt nhắc nhớ

Làm sao mẹ hát ru con ngủ.
Khi thức dậy vào buổi sáng, không
Khí sa mạc êm ả. Nhưng ông
Không học trong trường mà làm việc

Với chân trần lấm bụi. Và khi
Công việc xong, lãnh lương – và sau
Đó trở lại thị trấn nơi ông
Đã là một trong những người trưởng

Thành. Mười năm ở trại chăn nuôi
Ông sống cuộc đời cao bồi, không
Vợ không con, xa quê hương nơi
Sonora. Rồi Jake hướng về

Phía bắc tới Wyoming, tìm việc
Trong mùa đông, giữa những người chăn
Gia súc và những người Mỹ, ai
Nuôi dưỡng và ai tàn sát cừu.

He came to cold Lost Cabin
Where the Rattlesnake Mountains rise
Over the empty foothills,
Under the rainless skies.

The herders lived in dugouts
Or shacks of pine and tar.
The town had seven buildings.
The biggest was the bar.

John Okie owned the town,
The Sheep King of Wyoming.
He owned the herds. He owned the land
And every wild thing roaming.

He hired Jake for his tavern.
He let him sleep in the kitchen.
Mexicans worked hard.
And didn't waste time bitching.

Tending bar was easier
Than tending cattle drives.
Jake poured the drinks while the men
Complained about their lives.

Jake never asked them questions.
He knew what he needed to know —
Men working in Lost Cabin,
Had nowhere else to go.

Ông đến Lost Cabin giá lạnh
Nơi những ngọn núi Rattlesnake
Mountain nhô lên khỏi những chân
Đồi trống rỗng dưới bầu trời không

Mưa. Những người chăn gia súc sống
Trong những hang nhỏ hoặc túp lều
Dựng bằng gỗ thông và hắc ín.
Thị trấn có bảy ngôi nhà. Lớn

Nhất là quán rượu. John Okie,
Ông vua cừu ở Wyoming, sở
Hữu thị trấn. Sở hữu đàn gia
Súc. Sở hữu đất đai và mọi

Thứ hoang dã lang thang. Ông mượn
Jake làm cho quán rượu. Cho ngủ
Trong nhà bếp. Người Mexico
Làm việc chăm chỉ và không phí

Thì giờ phàn nàn. Chăm sóc quán
Rượu dễ hơn chăn đàn gia súc.
Jake rót thức uống trong khi những
Người đàn ông than phiền về đời

Sống. Jake không bao giờ hỏi họ
Những câu hỏi. Ông biết những gì
Cần biết – những người làm việc ở
Lost Cabin không còn nơi nào

Jake married a shepherd's daughter,
Half Indian, half white.
They had two sons, and finally
Things in his life were right.

He told his boys his adventures
As a cowboy riding the plain.
"Papa," they cried, "will you take us
When you ride out again?"

One night he had an argument
With a herder named Bill Howard,
A deserter from the Border War,
A drunkard, and a coward.

"Bring over that bottle of whisky!
If you don't grab it, I will."
"Okie said to cut you off
Until you paid your bill."

Bill Howard slammed his fist down,
"Is this some goddamn joke,
A piss-poor Mexican peon
Telling me I'm broke?"

A little after midnight
Bill came back through the door.
Three times he shot his rifle,
And Jake fell to the floor.

Để đi. Jake cưới con gái một
Người chẵn cừu lai nửa da đỏ
Nửa da trắng. Họ có hai con
Trai, và cuối cùng mọi việc trong

Đời đều ổn thỏa. Ông nói với
Các con về những cuộc phiêu lưu
Của ông, chàng cao bồi cưới ngựa
Trên thảo nguyên. “Cha” chúng kêu lên,

“Cha sẽ cho chúng con theo khi
Cha cưới ngựa ngoài thảo nguyên lần
Nữa chứ?” Một đêm ông có cuộc
Tranh cãi với Bill Howard, một

Kẻ chẵn gia súc, một kẻ đào
Ngũ trong cuộc Chiến tranh Biên giới,
Một kẻ say sưa và hèn nhác.
“Mang chai whisky qua đây! Nếu

Không, tao đến lấy.” – “Okie nói
Không bán trừ khi anh trả tiền
Trước.” Bill Howard đấm nắm tay
Xuống bàn, “Đây là trò đùa chết

Tiệt gì thế, một tên làm công
Mexico nghèo kiệt xác, nói
Tao bán cùng?” Chẳng bao lâu sau,
Nửa đêm Bill trở lại qua cửa.

Then Bill beheld his triumph
As the smoke cleared from the air —
A mirror blown into splinters,
And blood splattered everywhere.

A sudden brutal outburst
No motive could explain:
One poor man killing another
Without glory, without gain.

The tales of Western heroes
Show duels in the noonday sun,
But darkness and deception
Is how most killing is done.

Father Keller came from Lander
To lay Jake in the ground.
A posse searched the mountains
Until Bill Howard was found.

There were two more graves in Wyoming
When the clover bloomed in spring.
Two strangers drifted into town
And filled the openings.

Hắn bắn ba lần bằng súng trường,
Và Jake ngã xuống. Bill nhìn chiến
Thắng như làn khói tan trong không –
Một tấm gương vỡ ra từng mảnh

Và máu tung tóe khắp nơi. Con
Giận dữ tàn bạo bất ngờ, không
Động cơ: Một kẻ nghèo giết một
Kẻ nghèo khác, không vinh quan, không

Lợi lộc. Câu chuyện về những người
Hùng phương Tây thể hiện cuộc đọ
Súng tay đôi dưới ánh mặt trời
Trưa, nhưng ở đây một kẻ từ

Bóng tối và dối lừa đã thực
Hiện sự giết chóc. Cha Keller
Đến từ Lander chôn cất Jake.
Một đội cảnh sát lục soát những

Ngọn núi đến lúc Bill Howard
Được tìm thấy. Có thêm hai năm
Mồ ở Wyoming khi cỏ ba
Lá bùng nở vào mùa xuân. Hai

And two tall boys departed
For the cattle drives that May.
With hardly a word to their mother
Who watched them ride away.

* *Dana Gioia* is an award-winning poet. Former Chairman of the National Endowment for the Arts, Gioia is a native Californian of Italian and Mexican descent. In 2015 Gioia was appointed the State Poet Laureate of California by Governor Jerry Brown.

Ông cũng cộng tác với *Báo Giấy, Poetry Journal In Print*, cùng với các nhà thơ Frederick Turner, Frederick Feirstein, William B Noseworthy, Alexander Kotowske, Angela Saunders tham gia cuộc hội thảo “Thơ Tân Hình Thức Việt: Tiếp Nhận và Sáng Tạo”, do Sông Hương tổ chức năm 2014, tại Huế. Những tiểu luận và thơ dịch của ông xuất hiện trên *Tạp chí Thơ, Báo Giấy, Sông Hương, Poetry Journal In Print*, các website www.thotanhinhthuc.vn, www.thotanhinhthuc.org, www.vanviet.info ... Ông cũng là người tổ chức buổi đọc thơ song ngữ Anh Việt, tại quận Cam, California ngày 20 tháng 11, 2016, trong chương trình đọc thơ khắp 58 quận thuộc tiểu bang California của nhà thơ danh dự tiểu bang, với sự tham gia của Khế Iêm và nhà nghiên cứu âm nhạc trẻ Tina Huỳnh.

Đứa con nay đã lớn trôi dạt
Vào thị trấn và lấp đầy công
Việc bỏ trống. Và hai chàng trai
Cao lớn bắt đầu chăn gia súc

Vào tháng Năm. Thật khó nói nên
Lời với những người mẹ nhìn theo
Họ cưỡi ngựa đi xa.

**Chú thích*

- Vaguero: tiếng Spanish gọi “cao bồi”
- Pueblo: tiếng Spanish gọi “thị trấn” hay “làng”.
- Gia súc được chăn cho lớn ở mùa Xuân, Hạ và Thu, bán cho các lò mổ ở mùa Đông. Mùa Đông những chàng cao bồi phải đi tìm việc khác.
- Basque: tiếng Spanish gọi “người chăn gia súc” (ở đây là người Mexico).
- Anglo (Anglo-Saxon): chỉ người nói tiếng Anh, ở đây là người Mỹ.
- Dugout: cái hang nhỏ. Bar: nơi chỉ bán rượu. Tavern: nơi bán rượu và thức ăn

* *Dana Gioia*, nhà thơ từng đoạt giải thưởng, và là Cựu Chủ tịch của Tổ chức Tài trợ Nghệ thuật Quốc gia. Ông là người California gốc Ý và Mexico. Vào năm 2015 Gioia được Thống đốc Jerry Brown bổ nhiệm Nhà thơ danh dự California.

PART 2: FREE VERSE

PHẦN 2: THƠ TỰ DO

A VICTORIAN VALUE

Dickens was dead: to begin with.
And social necessity rotted
in the neighbouring plot.
Poets' corner was best ways
more crowded, yet no candle
burned, or heart held vigil.

* *Jim Murphy* (born September 25, 1947 – died May 1, 2022) is an American author of more than 35 nonfiction and fiction books for children, young adults, and general audiences, including more than 30 about American history. He won the Margaret A. Edwards Award from the American Library Association in 2010 for his contribution in writing for teens.

MỘT GIÁ TRỊ THỜI VICTORIA

Dickens đã chết: trước hết là.
Và nhà cải cách xã hội mục rữa
trong hố chôn kể bên.
Lăng tẩm của nhà thơ ở nơi thuận lợi
đông đúc, nhưng không một cây đèn cây
cháy, không người tiếc thương.

* *Jim Murphy* (sinh ngày 25 tháng 9 năm 1947 – mất ngày 1 tháng 5 năm 2022) là tác giả người Mỹ có hơn 35 cuốn sách hư cấu dành cho trẻ em, thanh thiếu niên và khán giả nói chung, trong đó có hơn 30 cuốn về lịch sử Hoa Kỳ. Ông đã giành được Giải thưởng Margaret A. Edwards của Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ vào năm 2010 qua những đóng góp của mình trong việc viết cho thanh thiếu niên.

A STONING WAS ARRANGED

Pass me down your book of fables
Then point to the page
That clearly indicates just why
A stoning was arranged
You heard it from the word of god
I heard the word had changed
But everyone wore blindfolds when
A stoning was arranged
Saturdays just come and go, but
Thursdays feel real strange
All calendars are marked in red
A stoning was arranged
And all of you hyenas weighed
Your conscience when you gained
An extra pound of poppies when
A stoning was arranged

MỘT CUỘC NÉM ĐÁ ĐÃ ĐƯỢC SẮP ĐẶT

Chuyển cho tôi cuốn sách về truyện ngụ ngôn của các anh
Rồi chỉ tới trang sách
Ngụ ý rõ tại sao
Cuộc ném đá đã được sắp đặt
Các anh nhân danh lời Chúa để trừng phạt
Nhưng tôi cho rằng lời chúa không có hiệu lực cho việc ném đá
Vì thế mọi người đã bịt mắt khi
Cuộc ném đá được sắp đặt
Những ngày Chủ nhật vừa đến và đi, nhưng
Những ngày thứ Năm thật sự kỳ lạ
Mọi cuốn lịch được đánh dấu màu đỏ
Cuộc ném đá đã được sắp đặt
Và tất cả các anh những con người độc ác cần nhắc
Lương tâm khi các anh có thêm
Một cân thuốc phiện vào lúc
Cuộc ném đá đã được sắp đặt

Jim Murphy

DARKNESS

darkness
waits
the
trap
sprung

silence
slips
softly
between
tongues

BÓNG TỐI

bóng tối
đợi
chiếc bầy
sập

niềm im lặng
trượt
dịu dàng
giữa
những chiếc lưới

Jim Murphy

A SINGULAR POINT OF VIEW

warm summer night
washes over skin

pillow of dawn
to lay my head

moist flesh appeases
my appetite

this is where
I lost love

MỘT ĐIỂM NHÌN ĐỘC ĐÁO

đêm hè ấm
chảy tràn trên làn da

tôi gối đầu
lên hừng đông

da thịt ấm xoa dịu
cơn ham muốn

đây là nơi
tôi đánh mất tình yêu

Jim Murphy

DEAR WHALE

do not beach
yourself
upon our
rotten shore

this solid
torment of
unrelenting
happiness

that feigns
distress as it
pokes, prods
and pulses
against its
inevitable
decline

CÁ VOI THÂN MẾN

đừng lên cạn
đắm mình
trên bờ biển của chúng tôi
đã thối rữa

nỗi dần vặt
kết khối thuần ròng này
của niềm hạnh phúc
khôn nguôi

nó giả đồ
khốn quẫn
như thể nó thọc, chọc
và đập dồn dập
chống lại
cuộc suy tàn
không tránh khỏi

Jim Murphy

GIANTS

she could not
wake me
as I dreamt
of tall poets
their shoulders
out of reach

NHỮNG NGƯỜI KHỔNG LỒ

nàng chẳng thể
đánh thức tôi
khi tôi mơ
về những nhà thơ trác tuyệt
ngoài tầm với

SHUSH

no breeze
that breaks
the leaves
appointed
silence,
nor stirs
the stems of
spring's
belated buds,
as sunlight
offers waves
of gold each
morning,
so love will
offer waves
of gold
each night.

HÃY IM LẶNG

chẳng cơn gió thoảng nào
va đập
những chiếc lá
được trang bị
niềm im lặng,
cũng chẳng khuấy động
cuống
của những chồi nở muộn
độ xuân về,
như ánh dương
hiển dưng những đợt sóng
vàng
mỗi sáng,
cũng thể tình yêu sẽ
hiển dưng những đợt sóng
vàng
mỗi đêm.

Jim Murphy

KITTIWAKE

My love, see the sky
Boil grey, and the ocean roll
As the wind breathes lust
From the west
Yet we spread, black tipped
Like angel fingers
To caress
To caress

CLOSE TO PERFECTION

I painted
you from
perspectives
that defied
definition,
as you
lay poised
for posterity

LỜI MÒNG BIỂN

Em yêu, hãy ngó bầu trời
Cuồn cuộn mây xám, và biển cuộn sóng
Khi gió toát ra cơn dục lạc
Từ phương tây
Song chúng ta dang rộng, hai đầu cánh nhọn đen
Như những ngón tay thiên thần
Để vượt ve
Để vượt ve

HẦU NHƯ HOÀN HẢO

Tôi vẽ
chân dung em từ
những luật phối cảnh
bất chấp
độ rõ nét,
như thể em
nằm trong tư thế sẵn sàng
dành cho hậu thế

TESTAMENT

It's not
that I
don't
believe
in G-d
I've just
not got
round to
renewing
My subscription

SCATTER MY ASHES

Scatter my ashes
when ravens decree
that time is an oracle
perched on a tree
whose branches will fester
one warm afternoon
so praised by the sun
but denied by the moon

DI CHỨC

Chẳng phải
là tôi
không
tin
vào Th-Đế
chỉ là tôi
chẳng có thì giờ
xin gia hạn
đóng tiền quyền góp

HÃY RẢI TRO CỐT CỦA TÔI

Hãy rải tro cốt của tôi
khi lũ quạ tuyên bố
rằng thời gian là kẻ tiên tri
đậu trên cây mà nhánh sẽ làm xưng tấy
một buổi trưa ấm áp
rất được ca tụng bởi mặt trời
nhưng bị phủ nhận bởi mặt trăng

Jim Murphy

METROPOLIS

They want my precious metal
For an effigy that's planned
To stand upon a burning hill
Then name it as a brand
For every fear that's packaged up
And labelled as control
To bless the population with
The freedoms that they sold

THỦ PHỦ

Chúng muốn đoạt những quý kim của tôi
Để dựng một tượng được lên kế hoạch
Đặt trên một ngọn đồi cháy rực
Rồi đặt tên nó như một nhãn hiệu [*]
Của mọi nỗi sợ được đóng gói
Và dán nhãn đã kiểm
Để chúc phúc dân chúng với
Những tự do mà chúng đã bán đi

[*] a brand còn có nghĩa là vết nhục, ô nhục (a mark of disgrace or shame)

WORDS FROM THE BOOK OF SERENITY

Perhaps the phrasing of the lie
Was not the full extent
Of where the circumstances led
Where purity was sent
But cast an eye of perfect scorn
Your scrutiny entwined
In reefs of everlasting love
And poetry unsigned
It's not the art of sanity
Transgressed upon my part
But merely sensibility
Refusing to take heart
And if I've used this line before
Forgive the old cliché
That drips soft from my silver tongue
Unhidden but betrayed
So ask the critics as they fall
Upon my book of lies
What deeds of mediocrity
Did each verse plagiarise
Yet if I stand accused of hope
I'll solemnly declare
That truth was always spoken of
With no poetic flair

NHỮNG LỜI TRÍCH TỪ CUỐN SÁCH VỀ SỰ THANH THẢN

Có lẽ cách diễn tả điều dối trá
Chưa hoàn toàn đầy đủ
Về nơi những tình huống dẫn tới
Nơi mà sự thanh khiết được gửi tới
Nhưng hãy liếc nhìn đây khinh miệt
Sự xem xét kỹ lưỡng của bạn đã kết bện
Những nút thắt chặt của tình yêu đời đời
Và thơ không ghi tên tác giả
Không phải nghệ thuật của sự minh mẫn
Bị vi phạm về phần tôi
Mà chỉ là sự nhạy cảm
Từ khước tin yêu
Và nếu tôi từng sử dụng câu thơ này trước đây
Xin thứ lỗi cho lời sáo mòn cũ rích
Nhẹ nhỏ giọt từ lưới tôi dẻo quẹo hùng hồn
Không che giấu nhưng phản bội
Vậy hãy hỏi những nhà phê bình
Tình cờ vớ được cuốn sách của tôi đây những lời dối trá
Rằng mỗi câu thơ đạo tặc
Đã làm được những kì tích tâm thường nào
Tuy nhiên nếu tôi bị kết tội vì đã hi vọng
Tôi sẽ long trọng tuyên bố
Rằng sự thật luôn được nói ra
Mà chẳng cần năng khiếu thi ca

I KNOW FROM MY BED

Sometimes I feel
like a sad sack –
a worn out old man
with clown facial wrinkles.
I know when I reflect,
stare out my window
at the snow falling
from my bed,
my back to yours,
reflecting on my pain –
ignoring yours –
I isolate your love,
lose your touch
to another –
forgetting,
it is our bed,
not mine,
that I lie in.

TỪ GIƯỜNG NGỦ

Đôi khi tôi cảm thấy
như một cái túi buồn bã –
một ông già mệt mỏi
với những vết nhăn trên mặt của một anh hề.
Tôi biết khi tôi phản chiếu,
nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ
lúc tuyết rơi
từ giường ngủ của tôi,
lưng tôi quay lại lưng em,
suy nghĩ về nỗi đau của tôi –
quên cái lưng em –
Tôi cô lập tình em,
làm mất sự liên lạc của em
với người khác –
quên đi,
đây là giường ngủ của chúng ta
không phải của tôi,
tôi nằm.

Michael Lee Johnson

A PATCH OF GREEN

A four way traffic stop,
a patch of green turf
squared-off in the median,
where a blackbird pecks
for a worm box-lunch,
goes unnoticed,
rush hour traffic
passes by,
another day.

MỘT MẢNG XANH

Ngã tư có bảng dừng,
một mảng cỏ xanh
vuông vắn giữa những ngã đường,
nơi con sáo mổ
một con sâu dành cho bữa ăn trưa,
bay đi đâu không biết,
giờ kẹt xe
qua đi,
một ngày khác.

WINDOW BOXES

Summer is dying into fall
the balcony flowers hear
the beginning of night chills
white frost is surrounding
their beds like ghosts
in their flower boxes
they privately chatter,
but their talk is stammered,
stymied, and closing
with stuttering whispers.
The condo balcony
sliding window door
is poorly insulated –
a cold draft
creeps into
all the spare rooms.
I notice the chill on all of us,
place a blanket,
warmth cover us all.

NHỮNG Ô CỬA SỔ

Mùa hè đang tàn vào mùa thu
những bông hoa ngoài lan can nghe
nỗi cảm lạnh của đêm bắt đầu
tuyết trắng bao quanh
những hàng hoa như những bóng ma
trong chậu hoa
chúng nói huyền thuyên kín đáo,
nhưng cách nói của chúng lấp lập,
khó nghe, và chấm dứt
với những tiếng thì thầm cà lăm.
Lan can của khu nhà chung cư
cửa kính kéo
không đủ cách nhiệt –
gió lạnh lùa
len lỏi vào
khắp căn phòng trống.
Tôi nhận ra cơn lạnh giá nơi tất cả chúng ta,
hãy đắp chăn,
để sự ấm áp ấp ủ tất cả chúng ta.

APRIL WINDS

April winds persists
in doing charity work
early through
willow tree branches
melting reminisces of
snow crystals
on my balcony.
Canadian geese wait
impatiently for their
winter feeding below.
The silent sounds
they hear –
no dropping
of the seeds.

GIÓ THÁNG TƯ

Gió sớm tháng Tư
kiên trì luồn qua
những cành liễu sự
tan chảy làm hồi
tưởng những tinh thể
tuyết trên ban công
của tôi. Những con
ngỗng Canada
nôn nóng chờ đợt
cho ăn sau mùa
đông ở bên dưới.
Những âm cầm chúng
nghe – không một hạt
rơi.

INSIDE THIS WORLD ZIPPED

I 'm inside this world of silent creative space
within a zipped up tube of words
within the darkness I crawl
from my vocabulary.

I look on the walls of night
looking for an exit.

I look through the crow in the darkness,
the gray on the bark of the willow tree,
serve as my lantern out of here.

Wayward are the gray clouds
I can't see I toss my faith upon.

Wild horses of creativity form
lines, stanzas, poems with
and without form.

It's here I beach the darkness
and the conclusion in the end
and the final lines that allow
you to envelope me between
my screams and creativity.

BÊN TRONG THẾ GIỚI BỊ KHÓA LẠI

Tôi ở bên trong thế giới của khoảng không sáng tạo lặng lẽ này
trong phạm vi một ống chữ bị đóng lại
trong phạm vi bóng tối tôi bò
từ tự vưng của tôi.
Tôi nhìn bức tường đêm
tìm lối ra.
Tôi nhìn con quạ trong bóng tối,
màu xám trên vỏ cây liễu
như chiếc đèn lồng giúp tôi ra khỏi đây.
Tôi ném niềm tin của tôi lên đám mây xám
là hướng đi tôi không thể thấy.
Những con ngựa hoang của hình thức sáng tạo
dòng, đoạn thơ, những bài thơ có
hay không có thể thơ.
Ở đây tôi tô lên biển bóng tối
và kết luận ở cuối
và những dòng sau cùng cho phép
bạn bóc tôi ra giữa
những tiếng rú của tôi và khả năng sáng tạo.

Michael Lee Johnson

CALIFORNIA SUMMER

Coastal warm breeze
off Santa Monica, California
the sun turns salt
shaker upside down
and it rains white smog, humid mist.
No thunder, no lightening,
nothing else to do
except sashay
forward into liquid
and swim
into eternal days
like this.

MÙA HÈ CALIFORNIA

 Gió ẩm miền biển
 gần Santa monica, California
 mặt trời trở nên lợt
 muối lộn ngược
 sương trắng mưa, bụi nước ẩm.
 Không sấm, không chớp,
 không có gì làm
 ngoại trừ đi loạng quạng
 về phía chất lỏng
 và tắm
 trong những ngày bất tử
 như vậy.

HOOKERS ON ARCHER AVENUE

Late evening, early morning,
I search the night for whores,
young and bloody with desires.
The night streets are silent streets
except for the hookers and the Johns.
One wants the pushing of groins
the other green eyes in dollar bills
are sacred treasures
the snatch of the wallet, a consecrated craft.
Both hit the streets quickly
satisfy the needs quickly
finish in different directions quickly.
I'm an old buck now rich with memories
more than movement, talking the trash,
taking the porn pictures,
peeking Tom expert with a naked eye,
snooping around department store
corners, and dumpy old alleyways.
My hair is gray, my teeth eroding,

ĐĨ ĐỨNG ĐƯỜNG Ở ĐẠI LỘ ARCHER

Từ lúc tối trời đến khi mờ sáng,
cả đêm tôi tìm kiếm gái điếm,
trẻ và nóng máu vì dục vọng.
Đường đêm là những con đường vắng
trừ đĩ đứng đường và bọn đàn ông.
Lũ đàn ông chỉ muốn chơi gái
còn đĩ thì tơ tưởng tới đồng đô la hiếm quý
chèo kéo kẻ háo sắc bằng mảnh khốe dăng hiển.
Cả hai đụng trận trên đường rất nhanh
thỏa mãn nhu cầu rất nhanh
rồi chuồn theo nhiều hướng rất nhanh.
Bây giờ tôi là một lão già giàu ký ức
hơn là hành sự, nói ngôn ngữ đường phố,
chụp những tấm hình khiêu dâm,
vui thú vui nhục dục khi lén nhìn bọn chúng hành lạc
rình rập quanh cửa hàng bách hóa ở
những góc phố, và ngõ hẻm tôi tàn.
Mái tóc của tôi xám, răng mòn,
suy nghĩ hướng về lời cầu nguyện

my thoughts leaning toward prayer
A.M. Catholic mass,
finishing off the early morning
with a lethargic walk
to pick up my social security check –
comforts my needs.

buổi sáng của đám đông tín đồ Thiên Chúa,
cho xong buổi sớm mai
với bước đi mệt mỏi
để tới nhận tấm ngân phiếu an sinh xã hội
trang trải nhu cầu cuộc sống.

**Chú thích*

Bài thơ dùng nhiều tiếng lóng. Bạn đọc cần đọc thẳng nguyên bản để cảm nhận tính gân guốc của ngôn ngữ. Người dịch chỉ giúp tìm hiểu ý nghĩa bài thơ.

Hooker: tiếng lóng chỉ gái điếm, loại đón khách ngoài đường. Bạn đọc ở VN nếu biết loại tiếng lóng này bằng tiếng Việt, xin cho chúng tôi biết.

Peeking Tom: kẻ thỏa mãn dục vọng bằng cách nhìn lén người khác phái ở trường, qua khe cửa.

Expert eye: kẻ thích nhìn bẹn đĩ, giống như Peeking Tom, hành lạc kiếm tiền ngoài đường phố.

**Lời người dịch:* Bài thơ tả thực nên tác giả dùng nhiều tiếng lóng để thể hiện sự sống động của câu chuyện. Cái hay của bài thơ nằm nơi ngôn ngữ và cách diễn đạt nên có thể gây sốc đối với một số bạn đọc. Rất mong bạn đọc thông cảm.

CHARLEY PLAYS A TUNE

Crippled, in Chicago,
with arthritis
and Alzheimer's,
in a dark rented room,
Charley plays
melancholic melodies
on a dust filled
harmonica he
found abandoned
on a playground of sand
years ago by a handful of children
playing on monkey bars.
He now goes to the bathroom on occasion,
relieving himself takes forever; he feeds the cat when
he doesn't forget where the food is stashed at.
He hears bedlam when he buys fish at the local market
and the skeleton bones of the fish show through.
He lies on his back riddled with pain,
pine cones fill his pillows and mattress;
praying to Jesus and rubbing his rosary beads

CHARLEY CHƠI MỘT ĐIỀU NHẠC

Tàn tật, ở Chicago,
với bệnh viêm khớp
và bệnh Alzheimer,
trong căn phòng thuê tối ám,
Charley chơi
những giai điệu u sầu
trên chiếc khẩu cầm
đầy bụi bám
ông tìm thấy bỏ quên
trên sân chơi nền cát
nhiều năm trước bởi đám trẻ
chơi trò đu bám những thanh ngang bắc trên các cột chôn
nhảy nhót như khi.
Giờ đây chỉ thỉnh thoảng ông mới vào phòng tắm,
tống khứ các chất thải trong người, rất lâu rất lâu;
ông cho con mèo ăn
khi ông không quên, rằng đã cất giấu thức ăn nơi đâu.
Ông nghe thấy tiếng huýt sáo khi ông mua cá ở chợ nội hạt
bộ xương cá bên trong lộ rõ.
Ông nằm ngửa lưng đau rần khắp,
gối và nệm nhồi đầy những trái thông khô;
ông cầu nguyện Chúa Giê-su và tay lần tràng hạt

Charley blows tunes out his
celestial instrument
notes float through the open window
touch the nose of summer clouds.
Charley overtakes himself with grief
and is ecstatically alone.
Charley plays a solo tune.

Charley thổi những điệu nhạc
từ nhạc cụ thần thánh của ông
những nốt nhạc bay trôi khỏi khung cửa sổ mở
chạm hẳn vào những đám mây mùa hạ.
Nổi sâu khở ập tới ông
và Charley ngậy ngất, một mình.
Charley đọc tấu một điệu nhạc.

MOTHER, EDITH, AT 98

Edith, in this nursing home
blinded with macular degeneration,
I come to you with your blurry
eyes, crystal sharp mind,
your countenance of grace-
as yesterday's winds
I have chosen to consume you
and take you away.

“Oh, where did Jesus disappear
to”, she murmured,
over and over again,
in a low voice
dripping words
like a leaking faucet:
“Oh, there He is my
Angel of the coming.”

MẸ EDITH, LÚC 98

Edit, trong viện dưỡng lão này
bị mù vì thoái hóa võng mạc,
Thần Chết đến với mẹ bất chấp đôi mắt
mẹ lòa, trí óc minh mẫn,
vẻ mặt yêu kiều của mẹ –
như những cơn gió ngày qua
Thần Chết đã chọn hỏa táng
và mang mẹ đi.

“Ôi, Giêsu đã biến
đi đâu”, mẹ thì thầm,
lặp lại nhiều lần,
thì thào
chữ còn chữ mất
như vòi nước nhỏ giọt:
“Ôi, kìa Ngài là thiên
thần của tôi đang đến.”

* *Chú thích*

I (Tôi) ở đây là thần chết (Angel of Death) hoặc Jesus.

ELECTRIC IN THE SUN

I'm electric in the spring sun
nomad in the summer dust
my lantern burns
without fuel,
I lie in the deep grass
with microphones tossed
over my ears
and feel like I'm on a high
psychedelic
blue-green grass
pink sunglasses in my left hand,
teeth pearly white ivory tusks,
muscle tee shirt, with brown sash
from shoulder to hip,
crazy beads around my neck
yellow-orange shaped like
candy corn
life is but a blitz,
I'm electric in the sun,
and there is no cell phone
by my side.

ĐIỆN TRONG ÁNH NẮNG MẶT TRỜI

Tôi là điện trong ánh nắng mùa Xuân
kẻ du mục trong lớp bụi mùa Hạ
cái lồng đèn của tôi cháy
không nhiên liệu,
tôi nằm sâu trong cỏ
với micro văng
khỏi tai
và cảm thấy đang ở trên cao
có ảo giác
cỏ xanh đậm nhạt
cặp kính mát màu hồng trong tay trái,
hàm răng là những chiếc nanh bằng ngà trắng lấp lánh,
áo sơ mi chặt bó hằn cơ bắp, với khăn quàng nâu
từ vai tới hông,
chuỗi hạt rỗ đại quanh cổ
màu vàng cam hình dạng
kẹo hạt bắp
cuộc đời chỉ là một cú chớp,
tôi là điện trong ánh nắng mùa Xuân,
và không có điện thoại di động
kề bên.

NIKKI PURRS

Soft nursing
5 solid minutes
of purr
paws paddling
like a kayak competitor
against ripples of my
60 year old river rib cage –
I feel like a nursing mother
but I'm male and I have no nipples.
Sometimes I feel afloat.
Nikki is a little black skunk,
kitten, suckles me for milk,
or affection?
But she is 8 years old a cat.
I'm her substitute mother,
afloat in a flower bed of love,
and I give back affection
freely unlike a money exchange.
Done, I go to the kitchen, get out
Fancy Feast, gourmet salmon, shrimp,
a new work day begins.

NIKKI GỪ

Nâng niu nhẹ
liên tục năm phút
gừ
móng quơ
như một cuộc đua thuyền
áp vào lớp ba sườn cuộn sóng –
của ông già 60 tuổi là tôi
tôi có cảm giác như một vú nuôi
nhưng tôi là đàn ông không có vú.
Đôi khi tôi cảm thấy lửng lơ
Nikki là một loài có vú,
con mèo đen nhỏ bé, bú tôi vì sữa
hoặc vì yêu thương?
Nhưng nó là con mèo 8 tuổi.
Tôi là người đóng vai mẹ,
lửng lơ trên giường tình yêu,
và tôi đáp trả tình thương
thoai mái, không giống như trao đổi tiền bạc.
Xong xuôi, tôi đi qua nhà bếp, ra ngoài
Yến tiệc Kỳ lạ, cá hồi hớp khẩu, tôm hùm,
một ngày làm việc mới bắt đầu.

HARVEST TIME

A Métis lady, drunk –
hands blanketed as in prayer,
over a large, brown fruit basket
naked of fruit, no vine, no vineyard
inside approaches the Edmonton,
Alberta adoption agency.
There are only spirit gods
inside her empty purse.

Inside the basket, an infant,
restrained from life,
with a fruity winesap apple
wedged like a teaspoon
of autumn sun
inside its mouth.
A shallow pool of tears
mounts in native blue eyes.
Snuffling, the mother offers
a slim smile, turns away.
She slithers voyeuristically
through near slum streets
and alleyways,
looking for drinking buddies
to share a hefty pint –
of applejack wine.

THỜI KỲ THU HOẠCH

Một người đàn bà da đỏ thuộc bộ lạc Métis, say rượu –
hai cánh tay ôm chòang qua, như cầu nguyện,
một cái thúng đựng trái cây màu nâu,
không có trái cây, nho, vườn nho
bên trong, bà tới gần Edmonton,
cơ quan nhận con nuôi Alberta.
Chỉ có tinh thần những vị thần
bên trong cái ví rỗng không của bà.

Ở bên trong cái thúng, một trẻ sơ sinh,
kiếm giữ đời sống,
với một trái táo hiệu wine sap
chêm giống như một muỗng
nắng thu
trong miệng.
Một hồ cạn nước mắt
dâng lên trong đôi mắt xanh bầm sinh.
Khò khè, người mẹ tỏ
một nụ cười nhỏ nhoi, ngỏanh mặt.
Bà trườn đi một cách tò mò
xuyên qua gần những con đường khu nhà ổ chuột,
và những ngõ hẻm,
tìm kiếm những người bạn nhậu
để chia sẻ một cốc nặng –
rượu táo.

INDOLENT SUN

In early March
an indolent sun
persists in tossing
volunteer rays of
soft flickering sun silk
through dark desolate
willow tree branches –
melting remnants
of snow diamond crystals
from weathered wooden planks
on my balcony.
I'm starting to think life
is an adjective exaggerated
by the sway of seasons.
It's normal feeding time.
Below two floors
wild Canadian geese –
wait impatiently
for the tossing of morning feed;
the silent sound they hear –
no dropping of the seed.

MẶT TRỜI BIẾNG NHÁC

Đầu tháng ba mặt trời
biếng nhác dai dẳng ném
những tia nắng như tơ
lung linh qua những cành
liễu rũ hoang liêu – làm
tan chảy lớp tuyết còn
sót lại lóng lánh kim
cương nơi những thanh gỗ
nằm phơi sương trên ban
công. Tôi bắt đầu ngẫm
ra cuộc đời như một
tính từ quá mức bởi
tác động của bốn mùa.
Đây là lúc của bữa
ăn bình thường. Bên dưới
hai tầng lầu những con
ngỗng hoang canada –
kiên nhẫn chờ thức ăn
buổi sáng được ném xuống;
chúng lắng nghe âm cầm –
không có hạt nào rơi.

MEXICAN STREET CHILDREN

Repentances, the night after:
children of obscurity
from dusk to dawn,
Mexican street children,
they still have scars
inside the sounds of them.
Empty Budweiser cans, used condoms
newspapers scattered,
cancer sticks, ditch weed,
seeds and buds,
poetry and verse –
lie dormant on the antique
oak wood floor –
apartment above the bar,
Mexican music playing, 1:30 am
an open door.
Abandoned with their sins
and steps away with
their lives.

BỌN TRẺ MẸ ĐƯỜNG PHỐ

Những giả dụ về sự ăn năn, đêm sau:
những đứa trẻ vô danh
từ nhá nhem tới bình minh
những đứa trẻ Mẹ đường phố
chúng vẫn có những vết thương lòng
bên trong những âm thanh của chúng.
Những vỏ lon bia Budweiser, những bao cao su đã dùng
những nhật báo rải rác,
thuốc lá, cần sa,
mầm và nụ,
thơ và vãn thơ –
nằm lặng thình trên
sàn nhà gỗ sồi cổ xưa –
chung cư trên quán rượu,
đang chơi nhạc Mẹ, 1 giờ 30 sáng
cửa mở.
Bị ruồng bỏ với những tội lỗi của chúng
và bước khỏi với
những cuộc đời của chúng.

WILLOW TREE AND SNOWY VISISTORS

Winter tapping
hollow willow tree trunk
a four month visitor about to move in
unload his messy clothing
be windy about it –
bark is grayish white as coming night with snow
fragments the seasons.
The chill of frost lays a deceitful blanket
over the courtyard greens and coats a
ghostly white mist over yellowed willow
leaves widely spaced teeth
you can hear them clicking
like false teeth
or chattering like chipmunks
threatened in a distant burrow.
The willow tree knows the old man
approaching has showed up again,
in early November with
ice packed cheeks and brutal
puffy wind whistling with a sting.

CÂY LIỄU ĐÊM VÀ ÔNG GIÀ MÙA ĐÔNG

Mùa Đông gõ nhẹ
vào thân cây liễu rỗng
người khách bốn tháng sắp dọn vào
tháo gỡ bộ quần áo bừa bộn của mình
dọn vào như gió lộng –
vỏ xam xám trắng như đêm đang đến cùng với tuyết
phần mảnh mùa màng.
Cái lạnh của băng giá trải một tấm chắn đối trá
khấp sần sau nhà, làm xanh và phủ
một lớp sương trắng ma quái trên những lá liễu
đã ngả vàng, lúa thưa như những chiếc răng
mà bạn có thể nghe chúng đánh lập cập
như những chiếc răng giả
hoặc tiếng lát chát của lòai cóc
báo động từ một cái hang xa xôi.
Cây liễu biết người đàn ông già
tới lộ diện lần nữa,
vào đầu tháng Mười Một với
lớp băng bên má và
cơn gió hung bạo từng cơn rít lên châm chích.

MANIC IS THE DARK NIGHT

Deep into the forest
the trees have turned
black, and the sun
has disappeared in
the distance beneath
the earth line, leaving
the sky a palette of grays
sheltering the pine trees
with pitch-tar shadows.
It is here in this black
and sky gray the mind
turns psycho
tosses norms and pathos
into a ground cellar of hell,
tosses words out through the teeth.
“Don’t smile or act funny,
try to be cute with me;
how can I help you today
out of your depression?”
I fell jubilant, I feel over the moon
with euphoric gaiety.
Damn I just feel happy!

ĐÊM TỐI

Sâu trong cánh rừng
cây cối chuyển thành
màu đen, và mặt trời
biến mất ở xa
dưới đường chân trời
để lại bầu trời một mảng màu xám
bao phủ những cây thông
với vùng tối đen đặc.
Ở đây, trong màu đen
và màu xám của bầu trời
tâm trí trở nên điên rồ
ném chuẩn mực và tính bi tráng,
vào tâm hồn sâu muộn.
ném những lời nói qua kẽ răng.
“Đừng cười hoặc hành động dở hơi,
cố trở nên khôn khéo;
làm sao tôi có thể giúp bạn hôm nay
ra khỏi nỗi sâu muộn?”
Tôi cảm thấy sung sướng, như ở trên mặt trăng
với niềm vui tươi hơn hờ.
Khí thật, tôi quả cảm thấy hạnh phúc!

Back into the wood of somberness
back into the twigs,
sedated the psychiatrist
scribbles, notes, nonsense on a pad of yellow paper:
“mania, oh yes, mania, I prescribe
lithium, do I need to call the police?”
No sir, back into the dark woods I go.
Controlled, to get my meds.
Twist and rearrange my smile,
crooked, to fit the immediate need.
Deep in my forest
the trees have turned black again.
To satisfy the conveyer.
The Lord of the dark wood.

Trở lại khu rừng nhỏ âm đạm
trở lại những nhánh cây non,
nhà tâm thần học cho thuốc an thần
nguyệt ngọc, ghi chú, lời vô nghĩa trên mảnh giấy màu vàng:
“chứng điên cuồng, ô vâng, chứng điên cuồng, tôi kê toa
thuốc lithium, tôi có cần gọi cảnh sát?”
Không, thưa ông, tôi trở lại khu rừng tối ám.
Kiểm tra, để lấy thuốc.
Xoắn và bố trí lại nụ cười,
đã bị uốn cong, để thích hợp với nhu cầu ngay tức khắc.
Sâu trong cánh rừng của tôi
cây cối trở nên đen tối lần nữa.
Để vừa lòng người đưa tin.
Vị chúa tể của khu rừng tối ám.

* *Michael Lee Johnson*, nhà thơ và là người viết hành nghề tự do, ở Itasca, Illinois. Tập thơ mỏng [chapbook] mới của ông, có minh họa, tựa đề *Từ Nơi Mặt Trời Mọc*, và phiên bản mới của ông bằng hình của tập *Người Mĩ Lạc Lỡng: Từ Lưu Đày tới Tự Do* có thể được tìm đọc tại: <http://stores.lulu.com/promomanusa>. Bản gốc của tập có thể tìm ở http://www.iuniverse.com/bookstore/book_detail.asp?isbn=0-595-46091-7. Có thể tìm đọc hai tập sách mỏng trước đó của ông tại <http://stores.lulu.com/poetry-boy>.

Michael có sách ấn hành tại 22 nước. Ông còn là người biên tập/ người xuất bản bốn websites thơ.

TWELVE

I was twelve when I murdered for silence.
The senile hero from number nine
trained me to shoot straight.

Silence played a deeper tune
than my father's violin,
its bullets swifter and cleaner
than any note his dusty bow could fire.

So I shot this thrush in its hedge,
allowing it one last song -
the lullaby my mother sang,
my sister's piccolo in flight ...

TUỔI MƯỜI HAI

Tôi chọn sự im lặng vào lúc tôi mười hai tuổi.
Người cựu chiến binh bị lãng quên nơi ngôi nhà số chín
dạy tôi cách bắn chuẩn.

Sự im lặng chơi một giai điệu sâu lắng
hơn cây đàn vĩ cầm của cha tôi,
những viên đạn của nó nhanh và gọn hơn
bất cứ nốt nhạc nào của cây kéo đàn dây bụi có thể bật ra.

Như vậy tôi đã bắn con chim sơn ca này trong bờ rào của nó,
cho phép nó một tiếng hót cuối cùng –
bài hát ru của mẹ tôi hát,
tiếng sáo piccolo của chị tôi bay bổng ...

before silencing it
and something else, forever.
I watched it fall through its cage,
the instinct to sing
still alive in its wings,

then listened again.

 A sea wind
bowed the field of reeds beyond.

trước khi im lặng nó
và điều quan trọng nữa, mãi mãi.
Tôi đã nhìn nó rơi qua cái lồng,
bản năng để hót
còn tồn tại trong đôi cánh đập,

rồi sau đó lắng nghe lần nữa.
Cơn gió biển
làm oằn cánh đồng sậy bên kia.

**Ghi chú*

Đến một lứa tuổi có những bất bình với gia đình, cha mẹ, một số trẻ em thường chọn sự im lặng để biểu lộ thái độ của mình. Bài thơ nói về điều đó. Con chim sơn ca, bờ rào là những ẩn dụ về một thời tuổi thơ đã bị bóp nghẹt.

Paul Hengry

AT PENLLAIN

One night, when the sorrow of my family
met the sorrow of yours,
I slept on the landing outside your door,
heard your children talk in their dreams.
Inside the wardrobe in your room
your yellow beachdress –
the sun confined to darkness –
waited for the dawn.

And I tried
so hard to hear what they said,
your children, to learn
which pieces of love get washed up
on which shores and why

but I mistook the darkness for my home
and felt the sleep of home, and slept.

Ở PENLLAIN

Một đêm, khi nỗi âu sầu của gia đình tôi
gặp nỗi ưu sầu của gia đình em,
tôi đã ngủ ở đầu cầu thang ngoài phòng ngủ của em
nghe những đứa con em mơ ngủ.
bên trong tủ áo trong phòng em
bộ quần áo đi biển màu vàng –
mặt trời bị nhốt trong bóng tối –
chờ đợi bình minh.

Và tôi cố
lắng nghe chúng nói gì,
những đứa con em, để hiểu xem
những việc gì chúng nhớ được
trên bãi biển và tại sao

nhưng tôi tưởng lầm trong bóng tối là bóng tối ở nhà tôi
và cảm thấy giấc ngủ là giấc ngủ ở nhà tôi, và thiếp ngủ.

* Tiếng nói trong bài thơ là của người đàn ông bỏ gia đình đến ngủ nơi căn nhà người đàn bà có chồng đã bỏ đi. Giấc ngủ của những đứa trẻ làm ông nhớ tới những đứa con của mình. Ông yêu người đàn bà. Nỗi buồn ông mang đến ngôi nhà gặp nỗi cô đơn của người đàn bà sống một mình với những đứa con. Ngôi nhà ở đây cũng có thể là trái tim. Chúng ta có thể sống nơi căn nhà mà không thật sự là nhà vì nơi đó không có tình yêu.

SOLD

Others want this house and soon
we must either leave or stay.
Is it the house or love
we are moving out of?
Perhaps we cannot say

but it hurts, all afternoon
our marriage has moved inside me –
the boys, the prints on the stairs,
the broken down cars, the holidays
in heaven and hell, long Saturdays
in market towns, mad neighbours ...

I pick you a pear from the tree
but you have disappeared again
into that silence you inhabit,
your second home, where a whisper
might fall heavily to the floor –
an incendiary, pear-shaped
and loaded with pain.

BÁN

Những người khác muốn căn nhà này và chẳng mấy chốc
chúng tôi phải rời đi hay ở lại.

Đó có phải là căn nhà hay tình yêu
chúng tôi đang dọn ra?
Có lẽ chúng tôi không thể nói

nhưng chúng tôi bị tổn thương, suốt buổi chiều
cuộc hôn nhân của chúng ta dọn vào bên trong tôi –
những đứa con trai, những dấu vết trên cầu thang,
những chiếc xe hỏng, những kỳ nghỉ
trong thiên đường và địa ngục, những ngày thứ Bảy dài
trong phố chợ, những người láng giềng điên rồ ...

Tôi hái cho em một trái lê trên cây
nhưng em đã biến mất một lần nữa
trong sự im lặng em trú ngụ,
căn nhà thứ hai của em, nơi một tiếng thì thầm
có thể rơi mạnh trên nền nhà –
một trái bom lửa, hình dạng trái lê
và được nạp với khổ đau.

Shall we stay or leave then, love?
It's only the years moving inside us
and everything hurts in autumn.
Where shall we put them,
the years, in our new house?
the years we are moving out of?

Lúc bấy giờ chúng ta sẽ ở lại hoặc rời đi, tình yêu?
Đó chỉ là những năm dọn vào bên trong chúng ta
và mọi thứ làm khổ chúng tôi vào mùa thu.
Chúng ta sẽ đặt chúng nơi đâu,
những năm, trong căn nhà mới?
những năm chúng ta dọn ra?

Paul Hengry

GESTURES

I could, of course,
walk to your house
and die on its step.

Warm from your bed,
mistaking my rattling
teeth for the milk

you'd open the door
in pink slippers

and find me lying there

with one eye open.

*

I spy ... the last star
to disappear
through a giant curler in your hair.

ĐIỀU BỘ

Tôi có thể, dĩ nhiên,
tới nhà em
và chết trên bậc cửa.

Vừa mới thức giấc,
Nghe tiếng tôi đang ngáp chết
khi ra ngoài lấy sữa.

Em mở cửa
mang đôi dép màu hồng

và thấy tôi đang nằm đó

với một con mắt mở.

*

Tôi dõi theo ... ngôi sao cuối cùng
cho đến khi biến mất
xuyên qua ống cuộn lớn trong tóc em.

*

In your absence
which is the rest of my life
and unlike Archimedes
who calculated the earth's mass
in grains of sand

I will devote my sentence
to counting the minutes
as they fall

through the hourglass of your days.

*

The cat idles on my chest.
I hold your letter up to the sky.

How to decipher
your feline y's, crucified t's
open-topped a's and o's?

The cloudy watermark
becomes a woman's face.

*

Trong sự vắng mặt của em
là sự yên nghỉ của đời tôi
và không giống như Archimedes
đo khối lượng trái đất
bằng những hạt cát

tôi sẽ dành hết câu chữ của tôi
để đếm từng phút
chúng rơi

qua đồng hồ cát thời sung mãn của em.

*

Con mèo nhàn nhã trên ngực tôi.
Tôi giờ lá thư của em hướng lên bầu trời.

Làm sao giải đoán
chữ y giống như con mèo của em, chữ t giống như hình
thập tự giá
những khoảng cách ở đầu chữ a và o trông giống như một loại
xe thể thao?

Hình ẩn trong mây
làm thành khuôn mặt người đàn bà.

*

I want you close before I go.
I want you in the fire's glow
then outside in the graveyard's dirt.
I want you where the tide is low
and the sea's lips barely part
for breath to say "I told you so."

I want you close before I go.

*

I've made you my password.
Your name lets me in each day,
your name and your age.

Absurd, how these plastic keys
diminish you, stay silent
when your name is played

and how easily, without knowing,
you let me in each day.

*

Once I whispered in your ear
in the shrubbery of a summer.
Remember?

*

Tôi muốn gần em trước khi tôi đi.
Tôi muốn em trong ánh lửa đỏ
sau đó ở ngoài, trong đất nghĩa trang.
Tôi muốn em nơi thủy triều xuống
và phân hiểm hơi giữa sóng cao và thấp của biển
để thì thầm nói, “Tôi đã bảo em thế.”

Tôi muốn gần em trước khi tôi đi.

*

Tôi biến em thành mật khẩu của tôi
tên em cho tôi vào máy computer mỗi ngày,
tên em và tuổi em.

Vô lý, làm sao những bàn phím bằng nhựa này
thu nhỏ em, yên lặng
khi tên em được đánh lên

và làm sao dễ dàng, không biết được,
em cho tôi vào máy computer mỗi ngày.

*

Có lần tôi đã thì thầm bên tai em
trong một bụi cây vào mùa hè.
Nhớ không?

I even bought you a ring.
That was something.
Can you hear me singing
at the kiss-gate still,
at the sea wall?
Did we meet at all?

*

Here's something cold for you –
the intelligence of water.
(I should like to see you shiver).

Lay down in its equation.
It will soon work you out,
intricately at first, then harder

lifting your back from the bed
so you're half-fish, half-woman.

Years after you've surfaced
shivering, golden, I'll be here,
student of the river

the cold pool where you lay.

Thậm chí tôi đã mua cho em một chiếc nhẫn.
Đó là điều ý nghĩa.
Có thể nào em nghe tôi vẫn đang hát
nơi lối cổng hôn nhau từ biệt,
nơi con đê chắn sóng?
Chúng ta đã gặp nhau đó chẳng?

*

Ở đây có gì lạnh với em –
Cách thấm tràn của nước.
(Tôi thích nhìn em run rẩy).

Nằm xuống trong sự kỳ diệu của nước.
Chảy vào mọi phần cơ thể,
mới đầu rắc rối, sau đó khó

nhấc lưng ra khỏi giường hơn
như thể em là nửa cá, nửa đàn bà.

Nhiều năm sau em thức dậy
run rẩy, da ánh vàng, tôi sẽ ở đây,
người học trò của dòng sông

hồ nước lạnh nơi em nằm.

*

It must have happened years ago,
this light between us, this hurt.
I want you close before I go.

*

In the fire's glow,
in the graveyard's dirt,
where the tide is low ...

*

Who will console this room
now that you've come and gone?

The wind in the chimney?
The smouldering grate?

The last star
in its universe burns

then disappears.

from 'Ingrid's Husband' (Seren)

*

Điều đó phải xảy ra nhiều năm trước,
ánh sáng này giữa chúng ta, sự khổ đau này.
Tôi muốn gần em trước khi tôi đi.

*

Trong ánh lửa đỏ,
trong đất nghĩa trang,
nơi thủy triều thấp ...

*

Ai sẽ đồng cảm với căn phòng này
bây giờ mà em đã đến và đi?

Gió trong ống khói?
Lò sưởi âm ỉ?

Vì sao cuối cùng
trong vũ trụ cháy

rồi biến mất.

THE BLACK GUITAR

Clearing out ten years from a wardrobe
I opened its lid and saw Joe
written twice in its dust, in a child's hand,
then a squiggled seagull or two.

Joe, Joe

a man's tears are worth nothing,
but a child's name in the dust, or in the sand
of a darkening beach, that's a life's work.
I touched two strings, to hear how much
two lives can slip out of tune

then I left it,

brought down the night on it, for fear, Joe
of hearing your unbroken voice, or the sea
if I played it.

GHI TA ĐEN

Dọn dẹp tủ quần áo sau mười năm
tôi mở nắp hộp đựng đàn và thấy chữ Joe
viết hai lần trong lớp bụi, bằng bàn tay trẻ con,
sau đó là nét thấu hình một cánh chim hải âu hoặc hai.

Joe, Joe

nước mắt của người đàn ông chẳng giá trị gì,
nhưng tên của đứa trẻ trong lớp bụi, hoặc trong cát
nơi một bờ biển quá khứ, đó là tác phẩm đời.
tôi chạm hai sợi dây, để nghe xem bao nhiêu
hai cuộc đời có thể vượt khỏi giai điệu

rồi tôi bỏ đó

đóng nắp hộp đàn lại, vì sợ, Joe
sợ phải nghe giọng êm đềm của mi hoặc của biển cả
nếu tôi gảy nó lên.

THREE TREES

for J, J & I

I planted three trees, for privacy
and for feeling near to the soil.
Three ferns, two a fairer shade
of green, the middle one a clone
of my father's dark spire.
(One Spring, he swapped his violin
for a spade).

I planted three trees.
Leisurely climbers, I loved them,
suddenly taller when I turned
to look at them again.
Perhaps I planted them too close.
The wind blows in from the sea
and they seem to conspire
against me.

BA CÂY

Tặng J, J & I

Tôi trồng ba cây, cho riêng tôi
và cho cảm giác gắn với đất.
Ba cây dương xỉ, hai cây màu xanh
nhạt, cây ở giữa giống hệt
ngọn tháp đen của cha tôi.
(Một mùa xuân, ông đổi cây vĩ cầm
lấy một cái xẻng).

Tôi trồng ba cây.
Các chàng leo trèo nhà nhả, tôi thích chúng,
bất thành linh chúng cao hơn khi tôi
quay lại nhìn lần nữa.
Có lẽ tôi trồng chúng quá gần.
Gió thổi vào từ biển
và hình như chúng cùng nhau
chống lại tôi.

I planted three trees.
It snows. Sand hurries
through the kitchen's hourglass.
I am nearer the soil
than ever I intended to be.
Above me

three, fern-haired men
point to the cold stars,
all is silence, but for a spade
played out of key.

from 'Ingrid's Husband' (Seren)

Tôi trông ba cây.
Tuyết rơi. Cát chảy vội
qua đồng hồ cát ở nhà bếp.
Tôi gấn đất
chưa từng bao giờ gấn hơn.
Ở trên tôi

ba ông dương xỉ um tùm lá
chỉ tới những vì sao lạnh,
tất cả im lặng, nếu không có cái xẻng
chơi bản nhạc ngoài cung điệu.

**Chú thích*

Bài thơ nhiều ẩn dụ, tác giả trồng 3 cây dương xỉ để so sánh với đời mình. Thời gian trôi qua mau. Ba cây dương xỉ từ 3 chàng trai thành 3 người đàn ông, đến lúc đó thì tác giả cũng đã gấn đất xa trời. Cái xẻng liên hệ tới chuyện đào đất.

Paul Hengry

THE SNOW DOME

First sun, then snow ... my father floats up the lane
in white jeans, a white rose in his claw.
He cuts a Lear-like figure, drifting alone
through the sun and snow.

‘Wherever your mother goes, I follow,’
he mutters, brushing the icing from her stone,
its doorstep to a colder house. It snows

and shines about our ornamental scene.
We can’t see for the petals of the rose.
He says she kissed his bald head in the lane,
first with sun, then snow.

from ‘Ingrid’s Husband’ (Seren)

VÒM TUYẾT

Đầu tiên là nắng, rồi thì tuyết ... cha tôi bỗng bênh qua
con đường hẹp
trong chiếc quần jean trắng, cầm bông hồng trắng trong tay.
Ông đứng có hình dáng của vua Lear, trôi một mình
qua nắng và tuyết.

“Bất cứ mẹ con tới đâu, cha đi theo,”
ông lầm bầm, quét lớp băng phủ trên bia mộ,
bạc cửa vào một căn nhà lạnh hơn. Trời đổ tuyết

và chiếu sáng khắp cảnh tượng trang trí của chúng tôi.
Chúng tôi không thể nhìn vì những cánh hoa hồng.
Ông nói bà đã hôn trên cái đầu hói của ông trong
con đường hẹp,
đầu tiên với nắng, rồi thì tuyết.

**Joe* có thể là tên thời thơ ấu của tác giả và hai cuộc đời có lẽ là cuộc đời
bây giờ và cuộc đời thuở thiếu thời (ghi chú của người dịch).

* *Paul Henry* is one of Wales's leading poets. Described by the late U.A. Fanthorpe as "a poet's poet" who combines "a sense of the music of words with an endlessly inventive imagination", he came to poetry through songwriting. His work has been widely anthologised and regularly appears in journals as diverse as *New Welsh Review* and *The TLS*. *Mari d'Ingrid*, a translation of his fifth collection, *Ingrid's Husband*, recently appeared from *L'Harmattan* and *The Brittle Sea, New & Selected Poems* has just been published by Seren. Henry has read at festivals in the UK, Europe, the USA and in India.

A Fellow of the Welsh Academy and popular Creative Writing tutor, he ran the Ledbury Festival's Poetry Cafe at Hereford's Courtyard theatre and is a regular tutor at Ty Newydd, Wales's national writers' centre. He occasionally teaches Creative Writing at the University of Glamorgan and has edited *Poetry Wales*. He recently presented the Inspired series of arts programmes for BBC Radio Wales and also *Do Not Expect Applause*, his programme on the Scottish poet W.S. Graham, for BBC Radio 3.

* *Paul Henry* là một trong những nhà thơ hàng đầu xứ Wales. Được cố thi sĩ Ursula Askham Fanthorpe diễn tả như “một nhà thơ của nhà thơ”, kết hợp “cảm xúc nhạc của những con chữ với sự tưởng tượng sáng tạo không ngừng nghỉ”, ông đến với thơ qua việc viết lời ca. Tác phẩm của ông được tuyển tập rộng rãi và xuất hiện thường xuyên trên các tờ báo thơ đa dạng như *New Welsh Review* và *The TLS*. Mari d’Ingrid, bản dịch tuyển tập thứ 5 của ông, *Ingrid’s Husband*, mới xuất hiện trên *L’Harmattan* và *The Brittle Sea, New & Selected Poems* được xuất bản bởi Seren. Ông đã đọc thơ tại các liên hoan ở Anh, Mỹ, và Ấn độ.

Ông là thành viên của Viện Hàn lâm Welsh và là một nhà phụ giảng nổi tiếng trong các lớp Viết văn, phụ trách Ledbury Festival’s Poetry Cafe ở nhà hát Hereford’s Courtyard và là người phụ giảng ở Ty Newydd, trung tâm những nhà văn của Wales. Ông thỉnh thoảng dạy ở lớp Viết văn của Đại học Glamorgan và đã biên tập Poetry Wales. Mới đây ông phụ trách chương trình Inspired nhiều kỳ về nghệ thuật cho đài BBC Wales và Do Not Expect Applause, chương trình của ông về nhà thơ Tô Cách Lan W.S. Graham, cho đài BBC 3.

Phillip A. Ellis

I MARRIED A BEAUTIFUL WOMAN

I married a beautiful woman,
and at night the stars fight
the ambient light,
in order to peer at her.

I married a beautiful woman,
and the moon hungers
because it is entranced,
as one come home from faëry.

I married a beautiful woman,
and I am not sad,
for I am as those moths
that drink of the tears of sleeping lovers.

I married a beautiful woman,
and her love makes me someone.

TÔI CƯỚI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP

Tôi cưới một người đàn bà đẹp,
và ban đêm những vì sao đẩy lùi
ánh sáng chung quanh,
để nhìn ngắm nàng.

Tôi cưới một người đàn bà đẹp,
và mặt trăng thềm muốn
bởi bị mê mẩn,
như kẻ trở về từ cõi thiên thai.

Tôi cưới một người đàn bà đẹp,
tôi không buồn,
vì tôi là những con bướm đêm
uống những giọt nước mắt của cặp tình nhân đang ngủ.

Tôi cưới một người đàn bà đẹp,
và tình yêu nàng biến tôi thành một người nào đó.

AN ALLITERATIVE SONNET FOR CLARE

I dream of the day that dies to night,
I dream of the suns that seem unstill,
turning and wheeling with tempered will
that knows nothing of knowledge, delight
in wisdom's ways, or the warlike fight
of fang and claw, that cleanses, still,
the world of the frail, that will fall the while
the quick and the timid will take to flight.

I dream of that fairer Whangarei, clad
with waterfall's ways, in a wider land,
and dream of the sorrowless songs of the birds
that seem to speak with their sounds, that, glad,
redeem the islands that are as a stand
of a certain tree, that sings with no words.

BÀI SONNET ĐIỆP ÂM CHO CLARE

Tôi mơ thấy ngày trở thành đêm,
tôi mơ thấy những định tinh không đứng yên,
xoay và lượn vòng với tính quả quyết
không biết đến kiến thức, đến khoái cảm
của những cung cách thông tuệ, hoặc trận chiến kiểu
răng nanh và móng vuốt, (tính quả quyết) thanh tẩy, thình lạng,
cái thế giới mỏng manh đó rơi trong thoáng chốc
nhanh chóng và rụt rè rồi bay bổng.

Tôi mơ về một Whangarei tốt hơn, mang
phong cách một dòng thác, trong vùng đất rộng hơn,
và mơ tới những tiếng hát không chút ưu phiền của chim chóc,
chừng như chúng nói bằng âm thanh, vui sướng,
đền bù cho những hòn đảo như một chỗ đứng
của cái cây nào đó, hát không lời.

NAMING JUDITH RODRIGUEZ

From the first words of the opening line,
the thin seasound in my ears named poet
and tugged insistently at my shoulder,

saying Judith Rodriguez is her name;
look for her elsewhere in the wider world
of letters. I was not done, but the poem,

“Naming Nasturtium”, was soon echoing
as if the poet had taken a thunk
at the side of the mahogany ship

as it lay unburied on the sand, with
words strong enough to echo in its depths,
past the remnants of bilgewater crawling

with crabs addled by sudden sunlight, past
the remnants of ages, eddying in
still air, out into the open, dreamt air.

GỌI TÊN JUDITH RODRIGUEZ

Từ những chữ đầu tiên của dòng mở đầu,
cái âm miễn cưỡng bỗng mạnh gọi tên nhà thơ
và kéo lay mạnh nơi vai tôi,

bảo, Judith Rodriguez là tên cô;
hy vọng cô ở đâu đó trong thế giới rộng lớn hơn
của văn học. Tôi đã không hoàn tất, trừ bài thơ,

“Đặt tên cây hoa sen đất” đã chẳng mấy chốc vang dội
như thể nhà thơ đập mạnh vào
bên sườn con tàu màu gụ

như nó nằm trên bãi cát với
những chữ mạnh mẽ đủ vang dội tới bề sâu của nó,
bên kia những tàn tích của nước bắn trong đáy tàu

với những con cua lớn ngổn xuyên qua ánh nắng bất ngờ, bên kia
những tàn tích của thời đại, cuộn xoáy trong
không khí tĩnh lặng, từ đâu đó vào khoảng rộng mở, mơ màng.

HEROES (FOR CLARE)

Life to me is like a play, no heroes,
only villains, who love banality
as they gnash their teeth, they rage, and they twirl
moustaches, scheming. It amuses me
to think these cliches like a cloak over
the faces and forms of others, and then
let them advance their prissy repertoire
of motion, as they chew the scenery.

But now that all tumbles down, for you are
my hero, my story's protagonist;
I do not ask for salvation, although
that's the gift you've brought from the underworld,
and now it is my duty, to but care
for you, and protect you, be your hero.

NHỮNG ANH HÙNG (CHO CLARE)

Đời sống với tôi như một vở tuồng, không anh hùng,
chỉ là những kẻ bất lương, tầm thường
như chúng nghiêng răng, giận dữ, vùn vê
râu mép, mưu mô. Điều đó làm cho tôi tức cười
nghĩ rằng những lời nói rập khuôn này che dấu
những khuôn mặt và dáng vẻ kẻ khác, và rồi
để chúng tăng tiến những sở trường tỉ mỉ
về điệu bộ của chúng, như nhai nuốt cảnh tuồng.

Nhưng bây giờ mọi thứ sụp đổ, vì em là
anh hùng của tôi, vai chính câu truyện của tôi;
tôi không cầu xin sự cứu rỗi, mặc dầu
đó là món quà em đã mang tới từ địa ngục,
và bây giờ đó là bốn phận của tôi, chỉ để quan tâm
tới em, và bảo vệ em, là anh hùng của em.

EVERYTHING DIES

The sound of a gull that slips through the wind,
the ocean a greyness tipped with a white,
the sky like a sea of clouds, with their hands
together in prayer, I know it is time.

It's time to be dark of heart, with the waste
of sky and the water shivering, cold;
it's time to reflect on time and the past
that's left us as tokens, toys of the world.

The ocean splinters the rock, and tears it till sand,
and lays it upon the shore, till it's rock,
but lives, they will ebb and flow, and the skies
will cry not, unknowing sorrows or joys.

And ocean, sand, and the gulls of skies, and the skies,
you'll pass, at the end, when sun will consume
all things of the world, as everything dies
in turn; so remember: everything dies.

MỌI THỨ CHẾT

Âm thanh của con hải âu lướt nhẹ trong gió,
biển cả là một màu xám viền trắng,
bầu trời giống một biển mây, với những bàn tay
chấp tay cầu nguyện, tôi biết là đúng lúc.

Đó là lúc trở thành bóng tối trái tim, với bầu trời
hoang phế và nước rùng mình, lạnh;
đó là thời gian phản ảnh đúng lúc và quá khứ
đã rời xa chúng ta như vật lưu niệm, những đồ chơi thế gian.

Biển làm vỡ đá, và kéo tới cát,
và rải lên bãi, vẫn là đá,
nhưng sống, chúng sẽ lên xuống theo triều nước, và bầu trời
không kêu khóc, những niềm vui và nỗi buồn không hay biết.

Và biển, cát, và những con chim hải âu của trời mây, và mây trời,
bạn sẽ trải qua, lúc cuối, khi mặt trời tiêu thụ
mọi thứ của thế gian, như mọi thứ chết
lần lướt; hãy nhớ: mọi thứ chết.

JUDAS EVANGELIUM

What shall I say to save my soul this day?
 You think me evil now, what of before?
 When I seek salvation, you slam the door
straight in my face; nauseous and grey,
 what shall I say?

 You drive me out, the trees above me draw
me close, to scale, to climb and clamber away
with rope around my neck, to pad away,
 to fall into the grey, betray my friends no more.

And this, my final will, won't last for long nor stay:
 my breath's confession lies within, to bore
 whoever cons from now to evermore,
from puzzled youth, to old and wise, or fey –
 what shall I say?

JUDAS, PHÚC ÂM

Tôi sẽ nói gì để cứu vớt linh hồn tôi hôm nay?

Bạn nghĩ tôi xấu xa, vậy đã nghĩ gì về tôi trước kia?

Khi tôi tìm kiếm sự cứu rỗi, bạn đã đóng sầm cửa lại
ngay trước mặt tôi; buồn chán và ảm đạm,
tôi sẽ nói gì?

Bạn đẩy tôi ra, cây cối kéo tôi lên
cân nhắc, trèo, leo, quần quai
với dây thừng quanh cổ, đi rón rén,
trở nên ảm đạm, không phản bạn nữa.

Và đây, ý chí cuối cùng của tôi, sẽ không ở lâu hay lưu lại:
lời thì thâm thú tội nằm bên trong, làm chán ngán
bất cứ ai học từ bây giờ tới mãi mãi,
từ tuổi trẻ mù tịt, tới già và khôn ngoan, hoặc phù phiếm –
điều gì tôi sẽ nói?

Phillip A. Ellis

A BUSH MEDITATION

The pardalotes have rustled through the grass,
until their tracks have twisted, with the dust
that fades into a spray of greying dirt
that, dumped on the steps, patters under foot
and shoe, that sinks into one's socks, when worn
alone; and I know nothing of these tracks
that have passed, twisting through the grass that grows
around the worn wood of the house, that's faded, greyed.

I am no hunter, nothing of the sort:
the feral cats are calling round about
my house, when night is hunched over my tea
with its retinue of stars, as I am freed
from twilight, as the day had to die down
with fading light, like eyes of dying pardalotes.

** pardalote: a species of small Australian birds*

TRẦM TƯ VỀ BỤI GAI

Những con chim Úc sột soạt xuyên qua bãi cỏ,
cho đến khi lối đi của chúng xoắn lại, với bụi
mờ nhạt trong khoảng mù bay của đất màu xám,
thứ bụi đất lệt xệt dưới chân hay dưới giày,
đổ trên bước chân, lọt vào vớ nếu chỉ mang vớ;
và tôi không biết gì về những lối đi này
đã qua, xoắn lại xuyên qua bãi cỏ mọc
chung quanh cánh rừng xơ xác của ngôi nhà, mờ nhạt, xám xịt.

Tôi không phải thợ săn, không phải là thú:
những con mèo hoang đang quanh quẩn gần
nhà, khi đêm khom mình trên tách trà của tôi
với đoàn tùy tùng là những vì sao, như tôi đã
thoát khỏi hoàng hôn, như ngày phải tắt dần
với ánh sáng tàn phai, giống đôi mắt
của những con chim Úc lúc chết.

A FINE POEM TO GLOW IN

I have considered night, and dreams
that die in the day, like wisps of darkness,
shadows that shrink into the earth
with the rising of the sun at dawn.

I have been thinking of how the shapes
of objects at dawn are revealed as the light
opens its eyes, and slowly grows
it gaze over the wakening earth.

No more do I roam the false dawn streets,
when the swallows clamour, chattering shrilly
over the seaside avenues, pines
that grasp the salt air with their hands.

And the green of the land, and greener water
filling the shallows with breaking waves,
and the green in my eyes and the green in my heart
shall find a fine poem to glow in.

ĐỂ RỰC SÁNG MỘT BÀI THƠ HAY

Tôi coi như đêm, và giấc mơ
chết trong ngày, như những vệt tối,
những cái bóng thu về trái đất
với mặt trời mọc lúc bình minh.

Tôi đang suy ngẫm làm sao những hình dạng
của vật thể lúc bình minh được phát hiện khi ánh sáng mặt trời
mở đôi mắt của chúng, và chậm chạp làm tăng
cái nhìn đăm đăm của chúng qua trái đất đang thức dậy.

Không còn chẳng tôi lang thang trên con đường tờ mờ sáng,
khi những con chim én huyền ảo, riu rít
trên đại lộ ven biển, những cây thông
hứng lấy không khí mặn nơi tàn lá.

Và màu xanh của đất, màu xanh của nước
tràn lên chỗ nước cạn với những đợt sóng vỗ,
và màu xanh trong mắt tôi, trong trái tim tôi
sẽ tìm ra một bài thơ hay để rực sáng.

CHURCHILL

In the valleys, the fire
is now catching at grasses:

it is whispering, bringing
up the smoke it has spun

in the skies of the morning,
in its voices the voices

of the people who died here,
in the land I was born in,

in the shadow of mountains,
in the wake of its gathering.

* *Churchill*: a country town in rural Victoria, near my birthplace of Traralgon

CHURCHILL

Trong những thung lũng, lửa
đang bắt cỏ:

lửa thì thâm
cuộn khói

trong bầu trời buổi sáng,
trong giọng nói của lửa

của con người đã chết ở đây,
nơi mảnh đất tôi sinh ra,

trong bóng những ngọn núi,
tiếp nối sự tập hợp của lửa.

DEAD, WHITE WOOD

Out of the futile grasp
of ghost-white ghost gums,
a cold moon rising,
coloured the hue
of cold smoke furling in flat,
florescent shapes
that were formed beneath
an overarching lamp
falling asleep in the declining
hours of sinking mercury,
and sleepiness settling
like emptied dreams
lazily turbulent
as from cigarettes,
ash-grey as moons
in ghost gums' ringbarked grasps,
I dream of the trees
marching towards me,
an orchard of dead, white
wood.

KẸ CHẾT RỪNG TRẮNG

Thoát ra khỏi sự nắm bắt
vô vọng của những cây bạch
đàn ma – ma trắng một mặt
trắng lạnh nhô lên tô điểm
sắc thái một làn khói lạnh
gợn theo bề mặt tạo thành
những hình dạng huyền quang bên
dưới ngọn đèn trắng bao quát
như ai đó thiếp ngủ lúc
nửa đêm về sáng khi hàn
thử biểu xuống thấp thấm lạnh
và sự ngái ngủ làm thư
dãn như những giấc mơ trống
rỗng lộn xộn một cách uể
oải được nhả từ khói của
những điều thuốc lá đầu ngày
và màu xám tro không khác
gì những mặt trăng phản ánh
từ những khoang nhẫn của vỏ
những cây bạch đàn ma, tôi
mơ những cây bạch đàn ấy
bước đều về phía tôi, vườn
cây của kẻ chết, rừng trắng.

ELEMENTS (FOR CLAIRE)

With the sea tumbling over rocks,
and a certain wildness in the seagull's call,
I am brought to mind of the swell
and of the pitch and yaw of the boat
as the seawind teased its fingers into your hair.
This is in that certain world
where the waves at high tide wash over sand banks,
cutting an island into two or three.

Yours is the spark of fire the sea won't wash,
for fear of drowning it forever,
even as it longs to;
please do not depart for forever
without a backward glance at the world,
and at the elements that form its bays.

NHỮNG THÀNH TỐ (DÀNH GỬI CLAIRE)

Với biển cả xô nước tung tóe lên các tảng đá,
với chút niềm mong quanh trong tiếng kêu của loài mòng biển,
tôi hồi tưởng đợt sóng biển ngầm
và con thuyền nhấp nhô trời hụp đi lạc hướng
khi gió biển đùa cợt lừa những ngón tay của nó vào mái tóc em.
Chính trong thế giới đáng tin cậy đó
nơi sóng biển lúc triều cường tràn ngập những bãi cát bờ biển,
chia cắt một hải đảo thành hai hoặc ba.

Thế giới của em là tia lửa mà biển cả sẽ không cuốn trôi đi,
vì e sẽ nhấn chìm nó mãi mãi,
ngay cả khi nó muốn thế;
xin đừng ra đi một lần cho mãi mãi
mà không một lần ngoái nhìn thế giới ấy,
cùng những thành tố đã định hình những vịnh của nó.

GENIUS LOCI

When we were wandering
through the fernery, as the rain
dripped from the leaves in the atrium,
did you notice, perchance,
that under the leaves of one
that hovered like a held breath
over the rocks in the pond,
there was a frog, almost not breathing?

It was a native frog,
if I recall correctly,
one not exactly rare
but of a diminished range,
and its eyes were wells of black light
that held us in their depths.

THỔ THẦN

Khi chúng ta dạo bước thơ thần
qua khu trồng dương xỉ, mưa
nhỏ giọt từ những chiếc lá nơi sân giữa
em có lưu ý chẳng, tình cờ thôi,
ràng dưới những chiếc lá của một cây dương xỉ
treo lửng như một hơi thở cầm nín
phía trên những phiến đá trong ao,
có một con ếch, hầu như nín thở?

Đó là một con ếch bản địa,
nếu tôi nhớ không lầm,
một loài không hẳn hiếm
nhưng đang dần biến mất,
và mắt nó là hai giếng nước đầy ánh sáng đen tuyền
cầm giữ chúng ta trong những vùng sâu thẳm của giếng khơi.

THREE QUATRAINS FOR CLARE

When the boat heads out to the Hole in the Rock,
and the westerling swell from the Pacific
(when it is rising) strikes the boat like a blow,
are you likely to be up and out, laughing?

I would love to be there with you, at the prow,
facing the glass-sharp swell with its biting breeze
with you, at the prow, laughing with you, knowing
that, with you beside me, I am not afraid.

And the spray shall rise up and strike at us then,
and, though I shall become sodden, even cold,
through the action of the water, I shall be
glad I am beside you and sharing your world.

BA TỨ THƠ CHO CLARE

Khi con tàu hướng tới The Hole in the Rock,
và con sóng nhồi hướng Tây từ Thái Bình Dương
(nổi lên) đánh vào con tàu như cú đấm,
em có thích lên xuống giống như con sóng nhồi, cười?

Anh thích được ở đó với em, trên mũi tàu,
đối mặt với con sóng sắc gây sự bất an
cho em, ở mũi tàu, cười với em, biết
rằng, có em bên cạnh, anh không sợ.

Và bụi nước sẽ nổi lên và bắn vào chúng ta rồi,
và, dù rằng anh có bị ướt sũng, ngay cả lạnh,
qua tác động của nước, anh sẽ
sung sướng được bên em, chia sẻ thế giới của em.

THE BAY OF ISLANDS

Start these lines with the seagulls calling
over the waters where dolphins turn
their sleek backs under the choppy backs
of tides that turn, tugged by the high moon

into shape between the islands, then
think of the green water as like glass
made animate, with the force of ocean
and wind behind it, breaking over

rock platforms, leading to grass and trees,
and here and there a house settled down
under the skylines, where winter rain
sleeps over the saddles of stone, green

with grass and trees, and there to the north
the treaty place: I shall remember you,
O Bay, and the way you breathe, loosing
me like the light in Clare's eyes and laugh.

VỊNH CỦA NHỮNG HẢI ĐẢO

Bắt đầu dòng thơ này với những con chim hải âu đang
kêu trên mặt nước nơi những con cá heo xoay
cái lưng bóng nhẫy của chúng dưới lưng
sóng bập bênh, lên xuống, kéo mạnh bởi con trăng lên cao

về hướng vị trí giữa những hải đảo, rồi thì
hãy nghĩ tới giòng nước xanh giống như chiếc ly
trở nên sinh động, với lực của đại dương
và gió đặng sau nó, đang vỡ trên

thêm đá, dẫn tới bãi cỏ và cây cối,
và đó đây một ngôi nhà nằm thoải mái
dưới đường chân trời, nơi mưa đông
qua đêm trên những lưng đá, xanh rì

cỏ và cây, và từ đó tới phía bắc
nơi giao ước: Tôi sẽ nhớ em,
Ồ Vịnh, và cái cách em thở, đang giải thoát
tôi như ánh sáng trong đôi mắt Clare và cười.

THUNDER (FOR CLARE)

The clouds grumble: it seems they do not know you well enough. I can't blame them at all, but when contented all of the clouds pall, become fluffier. Something like that, though other people speak differently. Go ask them if you don't believe me, or call on them when they're happier. If it all helps, so much the better. And say hello.

They won't bite you (though they might nibble ... well ... a tiny bit...) there's no harm in trying to get to know them. It's not like dying on stage, or corpsing as Ophelia, being rude to someone unseely, a problem only if you believe in Hell.

TIẾNG SẦM (CHO CLARE)

Những đám mây rền vang: hình như chúng không biết em rõ. Tôi không thể trách cứ gì chúng, nhưng, khi được tọa ý, tất cả đám mây trở nên nhàm chán, xộp nhẹ hơn. Đại khái là vậy, dấu rằng những người khác nói một cách khác. Đi hỏi họ nếu em không tin tôi hoặc ghé thăm nếu họ hạnh phúc hơn. Nếu tất cả đều có ích, ngay cả tốt hơn. Và hãy nói lời chào.

Chúng sẽ không cắn em (mặc dù có thể gặm nhấm ... hết ... một miếng nhỏ ...) không có gì hại trong lúc cố để biết chúng. Không giống như đang chết trên sân khấu, hoặc diễn cương như trong vai Ophelia, thô lỗ với kẻ hiểm ác nào đó, chỉ là vấn đề nếu em tin vào địa ngục.

* *Phillip A. Ellis* is a freelance critic and scholar, and has recently completed English Honours through the University of New England.

* *Phillip A. Ellis* là một nhà phê bình và học giả tự do. Gần đây đã hoàn thành Danh dự Tiếng Anh thông qua Đại học NewEngland.

**Chú thích*

corpsing: là một thuật ngữ kịch nghệ, diễn không đúng với vai diễn, thường cười trong khi diễn. Việt nam có từ “diễn cương” không biết có đúng không?

unseely: là những nhân vật phản diện trong những truyện cổ tích của những đảo quốc Anh, có nghĩa là hiểm ác và có thiên hướng làm hại con người.

Ophelia, nhân vật trong vở kịch Hamlet của Shakerspear. They won't bite you (though they might nibble... well... a tiny bit...): Theo tác giả, trong cách nói thông thường ở Úc, khi bạn giới thiệu ai, và bạn muốn nhấn mạnh là họ rất dễ chịu (easy-going), thì nói” Đây là ai-đó: họ không cắn...” và bạn thường nghe câu nói đùa bỡn, “Đây là ai-đó: họ không cắn nhưng họ có thể gặm nhấm...” trong bài, có ý là, “Đừng lo lắng, chúng sẽ không hại em đâu.”

Trong cách nói như vậy, “tiếng sấm” cũng chỉ là những đám mây, và những đám mây được nhân cách hóa, là những ai-đó (so-and-so's) chẳng?

POOR LITTLE ELM

alive between
the wall
and fire escape

only because
Steve the custodian

won't do
outside work.

BLUE DOOR

in a brown adobe wall.

The door was always there.
The wall grew up around it.

We all want to see
what's behind the door.

So does the wall.
It doesn't know either.

CÂY DU NHỎ TỘI NGHIỆP

tồn sinh giữa
bức tường
và cầu thang thoát hiểm khi hỏa hoạn

chỉ vì
bác quản lí Steve

sẽ không làm
công việc bên ngoài.

CỬA XANH

trong bức tường gạch mộc màu nâu.

Cánh cửa luôn tại đó.
Bức tường mộc cao quanh nó.

Chúng ta đều muốn thấy
Những gì sau cánh cửa.

Bức tường cũng thế.
Nó cũng chẳng biết.

TIMELESS TOPIX

Only Catholic comic books
were allowed in the house.

Didn't know there were
Catholic comic books?

The martyrs are fully
as bloody as the supers,

though the headless
torso of Isaac Jogues

floating down the
Iroquois River

was somewhat less
uplifting than

NHỮNG CHỦ ĐỀ
KHÔNG NHUỐM MÀU THỜI GIAN

Chỉ được phép trữ trong nhà
những tạp chí tranh hài Cơ đốc giáo.

Không biết ư
rằng có những tạp chí tranh hài Cơ đốc giáo?

Những người tuân đạo cũng máu me đầy mình
như những siêu nhân,

dù tượng bán thân không đầu
của Isaac Jogues [*]

trôi xuôi giòng
Sông Iroquois

phần nào
không nổi cao bằng

Clark Kent
in his non-day job.
Still, some kids
really wanted

the martyr thing,
if only for the peace

of just floating along.

* *Rick Stansberger* borns in Massillon City of Ohio, America.

Clark Kent [**]
ngày anh không làm việc.
Dầu vậy, vài chú nhóc
vẫn thật lòng muốn

làm nhà tuấn đạo,
nếu chẳng vì lí do nào khác ngoài được yên bình

trôi xuôi giòng nước.

[*] Isaac Jogues [1607-1646], tu sĩ dòng Tên, nhà truyền giáo vùng bắc
Mĩ, năm 1646 bị những thổ dân Mohawks đánh đến chết rồi bị chặt đầu,
tại địa điểm nay là gần Auriesville, New York.

[**] Clark Kent là nhân vật hư cấu, là một Siêu nhân, do Joe Shuster và
Jerry Siegel tạo dựng, xuất hiện lần đầu năm 1938.

**Rick Stansberger* sinh tại thành phố Massillon thuộc tiểu
bang Ohio, Mỹ.

WE ARE ALL WE HAVE

I was hungry
So I lived on hope
Until the refrigerator was empty.
I tried to live on peace
Until I became the restless wind
until I could not breathe
I tried to eat the air until
It became smoke in my lungs.
I jumped into the ocean
I cannot swim
I started to float
Waiting for a boat
Or a raft to come along
It did not come.
My body is down to bones
There are sores all over
There is an emptiness
That keeps getting larger and larger
That does not believe in meaning
Or look for purpose
But that believes it must be created
No one is coming out of the stars

TẤT CẢ CHÚNG TA CÓ LÀ CHÚNG TA

Tôi đói
Do đó tôi sống nhờ hy vọng
Cho đến khi tử lạnh trống rỗng
Tôi cố sống nhờ an bình
Cho tới khi tôi trở thành cơn gió bất an
Cho đến khi tôi không thể thở
Tôi cố ăn không khí cho đến khi
Không khí trở thành khói trong phổi tôi.
Tôi nhảy vào đại dương
Tôi không thể bơi
Tôi bắt đầu thả trôi
Chờ một chiếc tàu
Hoặc một chiếc bè đến
Đã không đến.
Chỉ trơ thân xác tôi
Đau đớn khắp
Có sự trống rỗng
Tiếp tục trở nên lớn hơn lớn hơn
Sự trống rỗng không tin vào ý nghĩa
Hay kiếm tìm mục đích
Nhưng tin nó phải được tạo ra
Không ai đến từ những ngôi sao

To help me
To help us
So we must let
The helper rise up within us
We must become the helper.
We must grow the food
That will fill the hunger.
We are all we have
All we know for sure.

C.2011

Stephen John Kalinich

All Rights Reserved

it be

* *Stephen John Kalinich* is an American poet mostly known for his songwriting collaborations with Brian and Dennis Wilson of the Beach Boys. In 1969, he recorded his only album, *A World of Peace Must Come*, with production by Brian Wilson. It was unreleased until 2008.

Để giúp tôi
Giúp chúng ta
Và như thế chúng ta phải để cho
Người giúp đỡ lớn dậy bên trong chúng ta
Chúng ta phải thành người giúp đỡ
Chúng ta phải tạo niềm hy vọng của chính chúng ta
Làm no cơn đói
Tất cả chúng ta có là chúng ta
Tất cả chúng ta biết chắc thế.

* *Stephen John Kalinich* là một nhà thơ người Mỹ chủ yếu được biết đến với sự hợp tác sáng tác với Brian và Dennis Wilson của Beach Boys. Năm 1969, ông thu âm album duy nhất của mình, *A World of Peace Must Come*, với sự sản xuất của Brian Wilson. Nó vẫn chưa được phát hành cho đến năm 2008.

SPECTACULAR!

At moments
I am stirred and
I feel
We are in the presence
Of a presence
So harmonious
So beautiful
That whatever in us
That might want kill
Or hate
Dissolves
We are then melted
By a love beyond
Human affection and emotions
A love greater than God's even
Caresses us
Tells us it will be alright
Whispering
You are a mighty force
Each one of you
Let us rise in the word

CẢNH TƯỢNG!

Vào những lúc
Tôi bị khuấy động và
Cảm thấy
Chúng ta đang hiện diện
Trong sự hiện diện
Rất hài hòa
Rất đẹp đẽ
Bất cứ điều gì trong chúng ta
Chúng ta có thể muốn giết
Hoặc ghét
Điều đó làm hòa tan
Rồi chúng ta bị hòa tan
Bởi tình yêu vượt quá
Mối cảm xúc và yêu thương của con người
Một tình yêu lớn ngang với tình yêu của Chúa
Nó quan tâm tới chúng ta
Nói với chúng ta điều tốt lành
Nó đang thì thầm
Các bạn là sức mạnh to lớn
Trong mỗi bạn
Hãy để chúng ta cất thành lời

Together
There is one poet
We are all part
Of one heartbeat
United
I feel it in the last hour
Today I sing freedom

Với nhau
Chúng ta là nhà thơ
Chúng ta là mọi phần
Của một nhịp tim đập
Nối kết
Tôi cảm thấy điều này trong giờ qua
Hôm nay tôi hát về tự do

Stephen John Kalinch

WISDOM

(Mini Poem To Alden)

Wisdom only rewards
grace
with inspiration
each moment
is a new birth
tenderness holds you
wonder dances,
as you listen
for the melodies
of your images and words
you are a street singer
at the coffee shop
a man
with a brush
who loves rocks and leaves
a climber
a hiker
a sadness interrupter
i feel some of
your yearnings

SỰ KHÔN NGOAN

Sự khôn ngoan ban thưởng
ân huệ chỉ với sự cảm hứng
mỗi khoảnh khắc
là sự sinh mới
nhạy cảm nắm giữ bạn
những điệu nhảy kỳ diệu,
như bạn lắng nghe
vì những giai điệu
của những hình ảnh và chữ
bạn là một ca sĩ đường phố
ở quán cà phê
một người
với cây cọ
yêu những đá và lá
một người leo núi
một người đi bộ đường dài
một người ngắt nỗi buồn
tôi cảm nhận vài
mong mỏi của bạn

your hopes
and your questions
you have overcome
a lot
and are being used
to lift
and express your highest self
not always easy to do
if you fall you will rise
take the path of prayer
own yourself
“let God move through you
in your daily journey.”

Stephen John Kalinich
Love
Stevie

những hy vọng
và câu hỏi của bạn
bạn vượt qua
rất nhiều
và được dùng
để nâng
và biểu lộ cái tôi cao nhất của bạn
không dễ làm
nếu bạn ngã, bạn sẽ đứng dậy
chọn con đường cầu nguyện
tự chính bạn
“hãy để Chúa xuyên qua bạn
trong cuộc hành trình hàng ngày của bạn”.

JOY

Your friends who discourage your optimism are irrelevant.

What they do is OK

but let no human take your joy away from you.

No problem no

illness no disease can disarm you

even in your sadness feel the hand of joy

under and through all things

Joy changes things,

expands being

enlarges the boundaries of love's capacity.

To the

downers

they can think what they want to

do not let them bring you down

if what they say is

somewhat true

take that part in

and let the rest go dissolve.

Your joy is your power.

All the words, colors and images in the world

NIỀM VUI

Những người bạn làm mất tính lạc quan của bạn là
không thích đáng.
Điều họ làm thì được
nhưng đừng để ai lấy đi niềm vui của bạn.
Không có vấn đề không
đau yếu không bệnh tật nào có thể tước đi
ngay cả trong nỗi buồn cũng cảm thấy giây phút của niềm vui
dưới và qua mọi thứ
Niềm vui thay đổi mọi sự,
trải rộng hiện hữu
khuếch trương đường biên năng lực tình yêu.

Đối với
những người chán nản
họ có thể nghĩ gì họ muốn
làm đừng để họ làm bạn sụp đổ
nếu điều họ nói là
đúng
hãy chấp nhận
và để phần còn lại cứ để tan lãng đi.
Niềm vui của bạn là sức mạnh của bạn.
Tất cả chữ, màu sắc và hình ảnh trong thế giới

can not begin to describe
the beauty of
the leaves
that you cherish
the colors that you feel
so keep the painting the life force
alive within you

không thể diễn tả
cái đẹp của
những chiếc lá
bạn yêu mến
những màu sắc bạn cảm thấy
như thế hãy giữ bức tranh của sức lực đời
sinh động bên trong bạn

THE DAYS OF LIFE

The days of life
So quickly pass
Through muted time
Through the endless stillness of space
Through gentle joy and bitter pain
Silently they slip away
Each step we walk
Each breath we take
We can live love
We can bring peace
We can be kind
The little things we do each day
To help someone
Like drying tears with hands of love
Can mean so much
Can heal a wound
Can sometimes save a life
So each night
Before we go to sleep
Think of the feelings we can share
The lives we can touch with hope
The words of tenderness
That we can speak
To one in need
Think of the good that we can do
Through the days of life.

NHỮNG NGÀY TRONG ĐỜI

Những ngày trong đời
Trôi qua nhanh
Trong thời gian chậm
Trong niềm vui thoải mái và khổ đau
Chúng trôi qua lặng lẽ
Mỗi bước chúng ta đi
Mỗi hơi thở chúng ta thở
Chúng ta có thể sống yêu
Chúng ta có thể mang tới hòa bình
Chúng ta có thể tử tế
Những chuyện nhỏ chúng ta làm mỗi ngày
Để giúp mọi người
Như những giọt nước mắt khô với bàn tay của tình yêu
Có thể có nhiều nghĩa
Có thể chữa lành vết thương
Có thể đôi khi cứu rỗi cuộc đời
Như vậy mỗi đêm
Trước khi chúng ta đi ngủ
Hãy nghĩ về cảm xúc chúng ta có thể chia sẻ
Cuộc sống chúng ta tiếp cận với hy vọng
Những chữ của sự tế nhị
Chúng ta có thể nói
Với ai khi cần
Nghĩ về những điều tốt chúng ta có thể làm
Qua những ngày trong đời.

THE LULLABY

The lullaby of your being
touches me in such a way
that I feel better
when I see you.

I feel like I can face the world
All the pettiness is useless
and it doesn't lead to goodness
so why do I indulge it anyway.

The wind sweeps right through me
takes my breath away
I feel alive
there's a mattress on the corner
of the concrete that I sleep on
there are crushed bags
in a shopping cart
That I drag along with me
As I go to every bus stop
The strangers they walk bye me
and drive bye in their autos
They are rushing somewhere
and it must be important.

HÁT RU

Hát ru về sự hiện hữu của em
chạm đến tôi như cảm
giác thoải mái
khi gặp em.

Như thể giáp mặt với thế giới
mà mọi sự nhỏ nhen đều vô dụng
không dẫn tới sự tốt lành
thì tại sao tôi lại chiều lòng mình như thế.

Ngọn gió quét ngang qua
Mang hơi thở của tôi đi
Tôi cảm thấy đang sống
tăm thẳm nơi góc
sàn xi măng mà tôi ngủ
những chiếc bao nhàu nát
trong chiếc xe đẩy mua hàng
Mà tôi kéo theo
Khi tới mỗi trạm xe buýt
Những người lạ qua đường
và lái xe chào tôi
Họ túa ra từ đâu đó
và phải là điều quan trọng.

I can not figure out
why they are in such a hurry.
Never taking time to pick up
cigarette butts from the gutter
or fall down on the concrete
to look at the ants crawling
and forming into cities.

The lullaby of your being
touches me in such a way
that I feel better
when I see you.
I feel like I can face the world
Maybe the start of something
Heart ache broken down
not explainable in words
echoes forever.

Runs through my veins
like a rainbow of dissolving hope.

Eyes of sadness
fill the misty morning madness
see through the never ending circumference
of indifference
The world does not weep for me.

Tôi không hiểu
tại sao họ vội vã như vậy.
Không bao giờ thông thả nhặt
mẫu thuốc nơi rãnh nước
hoặc ngã trên sàn xi măng
nhìn lũ kiến bò
kéo thành hàng vào tận thành phố.

Hát ru về sự hiện hữu của em
chạm đến tôi như cảm
giác thoải mái
khi gặp em.
Như thể giáp mặt với thế giới
Bắt đầu một điều gì có lẽ
Cơn đau tim làm suy nhược
không thể diễn thành lời
âm vang mãi.

Chạy qua mạch máu tôi
như cầu vồng làm tiêu tan hy vọng.

Đôi mắt của bất hạnh
tràn đầy sự điên dại buổi sương sớm
xuyên qua chu vi không cùng
của sự lãnh đạm
Thế giới không rơi nước mắt vì tôi.

They put me upon a shelf
and I am one of the forgotten
who sleeps upon sidewalks
stands in doorways
The gutter is my ash tray.

Heart ache broken down
not explainable in words
echoes forever.

I am the memory
that does not die –
The feeling of forever
that knows
nothing can be constant
all is change –
All is impermanent.
Love

Stevie
C.2010

Họ để tôi lên kệ
và tôi là kẻ bị lãng quên
ngủ trên vỉa hè
đứng ngoài khuôn cửa
Rãnh nước là khay gạt tàn của tôi

Cơn đau tim làm suy nhược
không thể diễn thành lời
âm vang mãi.

Tôi là ký ức
bất tử –
Cảm giác của muôn đời
biết
không gì có thể cố định
mọi sự đổi thay –
Mọi sự tạm thời
Tình yêu

CUBE

“Don’t you dare!” I told Picasso
but he went ahead and did it anyway;
I immediately felt my nose bend
and my wrists rotate oddly.
That’s what I loved about that man,
he had some novel ideas about
what makes a woman a woman.

LẬP THỂ

“Anh không dám ư!” tôi nói với Picasso
thế là anh ta tiến hành và làm
ngay; tôi lập tức cảm thấy thân thể
tôi, cánh mũi uốn cong và cổ tay
xoay tròn kỳ cục. Đó là điều tôi
thích người đàn ông này, anh ta có
những ý tưởng mới lạ, làm cách nào
để người đàn bà là người đàn bà.

* *Tom Riordan* hiện cư ngụ tại tiểu bang New Jersey. Ông từng là nhà biên tập (editor) một website về thơ nổi tiếng www.poetry-circle.com. Ông cộng tác với website thotanhinhthuc.org, mục “Tiếng Thơ Khác” (Other Poetry Voices). Ông viết bài điểm sách cho tuyển tập “Thơ Kể” (Poetry Narrates), và bài giới thiệu cho tập thơ “Dấu Quê” (Traces of my Homeland) của Khê Iêm. Nhiều bài thơ của ông khá gần với thơ Tân hình thức Việt.

VISION

hard face,
dark garb,
a warrior's
thick boots.
a charcoal
hound pup
struggled in
her arms.
wide stance,
she stood
with several
mothers as
if children
might be
worthy of
her interest.
far off, a
shopkeeper
stopped
trembling.

TÂM NHÌN

mặt lì, trang
phục đen, giày
bốt chiến binh.
một con chó
săn còn vùng
vẫy trong cánh
tay của cô.
đứng dạng chân
với một vài
bà mẹ như
thể những đứa
con có lẽ
đáng cho cô
phải ham muốn.
phía xa, một
chủ tiệm ngừng
run rẩy.

Tom Riordan

ANNUNCIATION

So hard—
one hand restraining
her
so she can't flee

while lips
spread butter
on her all too mortal
ears.

“Hail, thou art
prettier even
than thy cousin
Elizabeth.

Be not afraid,
nothing
is impossible,
don't run away.”
Then the clasp
on her forearm
loosens and
becomes a caress

NGÀY LỄ ĐỨC MẸ MARIA

Chặt cứng –
một bàn tay kiềm chế
cô
làm cô không thể thoát

trong khi thốt
ra những lời mật
ngọt đến
chết người.

“Chào em
em xinh xắn còn
hơn cả bà chị họ
Elizabeth của em.

Đừng sợ
có gì đâu
mà sợ
đừng bỏ đi.”
Thế rồi bàn tay
nắm cánh tay cô
lỏng ra và
trở nên mơn trớn

and, hand hooding
the microphone,
“What an
incredible dress.”

và, những ngón tay vo tròn
giả làm micro
“Cái váy đầm
tuyệt vời làm sao!”

Tom Riordan

some say
the young man who created death
didn't create it at all

that it was already there
and all he did was
help his brother to it
but others say
if he hadn't done so
when and how he did

it would have been too late

too many people
would have lived too long
for such a thing to gain a foothold

or to ever be considered
credible

vài người nói
người thanh niên đã tạo ra cái chết
đã không tạo ra gì cả

cái chết đã có đó
và tất cả người thanh niên đã làm là
giúp người anh của hắn hướng đến cái chết

nhưng những người khác nói
nếu hắn đã không giúp người anh của hắn như thế
khi nào và làm sao hắn giúp người anh của hắn

đã quá trễ

quá nhiều người
đã sống quá lâu
vì việc đó là để có chỗ bám

hoặc để được coi như
vậy mới đáng tin

** Ghi chú*

Đại ý bài thơ là nếu mọi người đã sống hàng thế kỷ và hàng thế kỷ không có ai chết, không ai có thể tin bạn nếu bạn nói với họ là đã có người chết

Tom Riordan

STAR APPLE

the star apple
cupped in her scaly
gray-nailed hand is
yours for the taking
no strings attached

you burst into tears
and then wake up
to the resumption
of indelible pain

VÚ SỮA

trái vú sữa
nằm trong lòng bàn tay
tróc vẩy với móng tay màu xám
của bà ta tặng không cho bạn
vô điều kiện

bạn bật khóc
và rồi thức giấc
để bắt đầu trở lại
cơn đau không thể nào quên được

CORANACH

It didn't seem like
it was ever
going to get dark,
but now it has,
and night exhales
the same languor.
Who could die
in the summer?
And if you did,
it would have to
be an almost
imperceptible
death as you lay
in the fragrances
of mock-orange
and honeysuckle
and drifted off
in a similar way.
Do not go gentle,
though. It is better
you wait until fall
with its barreling
days and brisk
nights that hurt.

CORANACH

Dường như là ngày
không bao giờ chấm
dứt nhưng bây giờ
chấm dứt, và đêm
thở ra cùng một
vẻ đờ đẫn. Ai
sẽ chết vào mùa
hè? Và nếu bạn
chết, thì đó là
cái chết không đáng
kể như bạn nằm
xuống trong những mùi
thơm của hoa ngâu
và hoa kim ngân
và thiếp ngủ trong
cùng một cách. Đừng
đi nhẹ vào, dẫu sao.
Tốt hơn bạn đợi
tới mùa thu với
những ngày vút nhanh
và những đêm vút lạnh.

* Coranach: là lời than khóc của người Ái Nhĩ Lan trong đám tang.

AFTER LEARNING

after learning
the hard way
that her tenth
consecutive
boyfriend was
an ugly drunk

her friend urged
her to change
her luck by
dating people
she did not
find attractive

but the upshot
was a better
appreciation
of the drunks

SAU KHI NGHE VỀ

sau khi nghe về
bằng cách khó khăn
rằng người tình của
cô tuân tự lần
thứ mười là một
tay bợm nhậu

anh ta thúc dục
cô thay đổi sự
may mắn của mình
bằng cách hẹn hò
với ai đó nhưng
cô không tìm được
ai lời cuốn

kết quả sau cùng
là sự nhận biết
giá trị người tình say
hơn những người say

Tom Riordan

THE CAR WINDOW

shattered into empty
sunflower husks
on the macadam
and inside the bar
a woman spit glass
into a tin ashtray
and told her lover
that neither of them
was ever going to
hit the other again.

KÍNH CỬA XE

bị đập bể trông
giống những vỏ rỗng
hạt của hoa hương
dương trên đường trải
nhựa và bên trong
quán rượu một người
đàn bà nhỏ cái
răng gãy vào trong
cái gạt tàn bằng
thiếc và bảo người
bỏ rằng không
một ai trong bọn
chúng vào bất cứ
lúc nào được đi
đánh kẻ khác lần nữa.

Tom Riordan

AFTER THE REVOLUTION

when they stopped paying by the word
and started paying by the line—

o!

did

things

change

then!

SAU CUỘC CÁCH MẠNG

khi họ ngưng trả bằng chữ
và bắt đầu trả bằng dòng –
ôi!
sau đó
phải chăng
mọi chuyện
đã thay đổi!

**Chú thích*

Khi những nhà thơ được trả tiền nhuận bút bằng số dòng thay bằng những số chữ như trước đó, họ có huynh hưởng viết những dòng ngắn hơn. Tác giả muốn nói đến sự thay đổi của con người trước những động lực từ bên ngoài. Qua đó chúng ta thấy, thơ ở bất cứ nước nào cũng vậy, không có giá trị kinh tế thị trường.

LOVE

Bamboo pity
the oak,
the oak
scorns
bamboo,
so
round and
round indictments
go. Warblers
join in. Squirrels
do
too. Next thing
you
know, it's
a brouhaha and
the mother
superior
of the nuns
cannot
concentrate
on her
nones

TÌNH YÊU

Cây tre thương hại

cây sồi,

cây sồi

khinh rẻ

cây tre,

vì vậy

quanh đi

quần lại những cáo buộc

tiếp diễn. Chim chóc

nhảy vào. Những con sóc

cũng nhập cuộc. Chuyện kể tiếp

anh

biết, đó là

sự náo loạn và

mẹ

bề trên

của những dì phước

không thể

tập trung

vào những lời cầu nguyện ban trưa

của bà

and complains
to
God,
not
seriously, but
He loves her
seriously,
so
He scolds the
bamboo,
Don't pity
the oak.

và cảm rằm
với
Chúa,
một cách không
nghiêm túc, nhưng
Chúa yêu thương bà
một cách nghiêm túc,
vì vậy
Chúa rầy rà
cây tre
không được thương hại
cây sồi.

Tom Riordan

THE PARTICULAR LEAVES

I wrote about last spring
have appeared again
on the sour cherry tree.

None of us are bristling
with ideas this year
but we greet each other
with warm familiarity.

NHỮNG CHIẾC LÁ NGOẠI LỆ

Tôi viết về chúng vào mùa xuân năm ngoái
đã xuất hiện lần nữa trong mùa xuân này
trên cây đào chua.

Những chiếc lá và tôi không ai nảy sinh
được những ý tưởng vào năm nay
nhưng chúng tôi chào nhau
với tình thân nồng ấm.

Tom Riordan

5 UNTITLED

after you mowed it
the field was a boy
with a bad buzz cut
to get rid of his lice

...

the town's electricity cut off
just as the heat wave broke

nature's large cool palm
quashed every source of heat

except for two young doctors
who had gone too far to stop

...

the robot
folding the laundry
isn't bad company

5 VÔ ĐỀ

sau khi anh cắt nó
tầm nhìn là đứa con
traoi với cái đầu trọc
lóc để tránh chí

...

điện thị xã cắt
cùng lúc sóng nhiệt vỡ

cây cọ rộng mát của thiên nhiên
đã dập tắt mọi nguồn nóng

trừ hai bác sĩ trẻ
họ đã đi quá xa để dừng lại

...

người máy
gấp quần áo giặt
không phải là người tồi

...

we admire the near-delicacy
with which a red-tailed hawk
tears out the choicest tidbits
from inside a killed rat's pelt
until there's nothing else worth
ripping off and wriggling down
and it heaves the ransacked
carcass up and wolfs it whole

...

you only shrink
the world to fit
your head size
very very small
when you think
you know it all

...

chúng ta thán phục cách gọn nhẹ
mà một con chim ưng đuôi đỏ
giật ra những miếng ngon nhất bên
trong bộ da của con chuột bị giết
cho đến khi không còn gì nữa
xé tạc và nuốt và kéo cái
xác chết không còn gì đó lên
và ăn hết luôn cả bộ da

...

bạn chỉ thu nhỏ
thế giới cho vừa
cỡ cái đầu bạn
rất rất nhỏ
khi bạn nghĩ
bạn biết hết nó

MY POOR CREATOR

Yes, I met her,
my creator.
I wasn't made gloriously,
or even voluntary.
She felt compelled
to do it for the money,
same as you and me.
She wasn't graceful
about it, either.
She told me right off.
Didn't want
to foster any illusions.

She made it clear
there was little or nothing
she was prepared,
or even able, to do
to make my life easier.
The job was just to create,
no mollycoddling,
nothing like that.
Was someone else
maybe being paid
to lend a helping hand?
"Am I
an information booth now?"

ĐẮNG TẠO HÓA TỘI NGHIỆP CỦA TÔI

Vâng, tôi đã gặp nàng,
đáng sáng tạo của tôi.
Tôi đã không được tạo ra một cách vui vẻ,
hoặc thậm chí tình nguyện.
nàng cảm thấy bị ép buộc
làm nó vì tiền,
giống như bạn và tôi.
Nàng cũng không nhả nhận
về chuyện đó.
Nàng nói ngay với tôi.
Đừng mong
nuôi dưỡng bất cứ ảo tưởng nào.

Nàng tỏ rõ
nàng đã sửa soạn rất ít hoặc không
hoặc ngay cả có thể, để làm
cuộc đời tôi dễ dàng hơn.
Công việc chỉ là tạo ra,
không chiều theo,
không có gì giống như thế.
Có thể có người nào đó nữa
được trả công
để trợ giúp?
“Tôi bây giờ có
phải là nơi chỉ hướng thông tin?”

And that was about it.
She created me,
more or less,
such as I am,
and I don't know
much about her
otherwise.
It didn't sound
like anyone was
paid to mollycoddle
her either,
much as I think
she could use it.

Và đó là như thế.
Nàng tạo ra tôi,
nhiều hay ít,
như tôi bây giờ,
và tôi không biết
nhiều về nàng
trái lại là khác.
Không nghe
có ai
được trả công để chiều theo ý muốn của họ
nàng cũng thế,
nhiều như tôi nghĩ
nàng có thể cư xử như vậy.

Tom Riordan

GUANGZHOU

Yeah, I ate dog,
chopped up and cooked forever in a stew,
tasted just like overcooked mutton.
Grandfather Li
said it would help to keep us warm.

Now when I eat mutton
I think of its wool
and of the morning after New Year's,
how the old man died
shivering in the emergency room.

GUANGZHOU

A, tôi đã ăn thịt chó,
chặt và hầm
ăn giống như thịt trầu nấu nhừ.
Ông nội Li
nói nó sẽ giữ cho thân thể ấm.

Bây giờ khi tôi ăn thịt trầu
tôi nghĩ về lông trầu
và về buổi sáng sau năm Mới,
làm sao ông nội Li chết
run rẩy trong phòng cấp cứu.

IMAGE THE SCAVENGER'S ECSTASY

as he lowers himself into the bin
and opens up the first big bag—
this, after a week of mostly slugs
and chewing over last year's pretty
much worked-over hickory nuts.

Each night he tries the Italian deli's
door and tonight it was unlocked—
each night he propositions every
girl in the shot-&-beer joint and
tonight every one of them said yes.

He doesn't need an eternity of bliss.
One single glorious night like this,
and then each night recalling it,
and hoping that it happens again,
is paradise enough for a raccoon.

TƯỜNG TƯỢNG SỰ NGÂY NGẤT CỦA KÊ
VIẾT VĂN DÂM Ô

Như hấn tự thả mình trong thùng rác
Và mở cái bao lớn đầu tiên –
điều này, sau một tuần ăn hầu hết những con ốc sên
và ngẫm nghĩ về những hạt đào tươi hơi nhiều năm ngoái

Mỗi đêm hấn ăn ở cửa hàng bánh mì Ý
và đêm nay cửa hàng mở cửa –
mỗi đêm hấn làm tình một
cô gái ở quán rượu rẻ tiền và
đêm nay mỗi cô đều đồng ý.

Hấn không cần cỡi vịnh cửa thiên đường.
Một tối lẻ loi huy hoàng như vậy,
và để rồi mỗi đêm nhớ lại,
và hy vọng tái diễn,
đó là vườn địa đàng đủ cho một con gấu trúc.

Tom Riordan

WHAT CHANGED SINCE YOU'VE GONE

Cold wind has greater access
to the side of me at which you stood.
The borers that infested you
are more interested in me now.
Where people once saw solidarity
they now see gaping loss.
The thin, curved stumps you left behind
force me to recognize my basis.

ĐIỀU GÌ THAY ĐỔI KHI BẠN ĐÃ RỜI XA

Gió lạnh đến gần hơn
bên tôi nơi bạn đã đứng.
Những con mọt gỗ đục ruỗng bạn
bây giờ muốn đục ruỗng tôi.
Nơi người ta đã từng hợp đoàn
bây giờ họ phân hóa.
Những cái gốc cong mỏng manh bạn để lại
làm tôi nhận ra cái khởi điểm của tôi.

Tom Riordan

ROLLING STONE

I was born
for no other reason
than to live
and will die
for no other reason
than that death
invited me.
People with no place
of their own
accept all invitations.

THONG DONG

Tôi sinh ra
không vì lý do gì
ngòai chuyện để sống
và sẽ chết
không vì lý do gì
ngòai cái chết
mời gọi tôi.
Người ta với
không nơi chốn
chấp nhận mọi sự mời gọi.

Tom Riordan

IN THE SKIFF

no one is
ever totally
honest,
she said.
your string
of words
is no more
you than
this string
of sunnies
is the lake.

it's not the
string of fish
that's me,
I said,
but what
gets laid out
on the plate

TRONG CÁI THUYỀN NAN

không ai
hòn tòn
thật thà,
nàng nói.
cái râu chũ
của anh
không phải là anh
cũng như râu
cá hường
không phải là hồ nước.

đó không phải
là râu cá
đó là tôi,
tôi nói,
nhưng cái gì
bày ra
trên đĩa

after you
gut, bone and
cook them.
so then
what's love?
she asked.
some kind
of culinary
sleight of
hand?

why not?
I asked.
nobody's
going to
love a pond.

I could,
she said.
She reeled
her line
back in,
put down
the pole,
peeled off
her tee shirt,
stood up
carefully,
slid down her
cutoff jeans,
and dove.

sau khi em
mọi ruột, lột da và
nấu nướng.
sau đó thì
tình yêu là gì?
nàng hỏi.
quỉ thuật
và thứ nấu nướng?

tại sao không?
tôi hỏi.
không ai
yêu
một cái ao nước.

Em có thể,
nàng nói.
Nàng cuộn
dây câu lại,
để cần
câu xuống
lột áo thung ra,
đứng thẳng
cần thận,
cởi chiếc quần jean
cắt ngắn,
và lao xuống nước.

Tom Riordan

LOVE, MY DAUGHTER

is acting, yes.
But if you stay in character
and don't forget
how cold it is outside,
it becomes second nature.

TÌNH YÊU, CON GÁI TÔI,

là diễn xuất, phải.

Nhưng nếu bạn thật sự là bạn
và đừng quên
ngòai trời lạnh làm sao,
tình yêu trở thành tự nhiên thứ hai.

Tom Riordan

RANNSACKING A BOOK OF LUMINOUS THINGS

i'm not looking
for a poem that's true

but one that's false

and not just false
but seriously false

so false it makes reality
seem false

so false it makes
your falseness

shimmer
like an opportunity

LÒNG SỰC CUỐN SÁCH VỀ
NHỮNG VẬT PHÁT SÁNG

tôi đang chờ
đợi một bài thơ thật

nhưng là một bài thơ giả

và không chỉ giả
mà rất giả

giả đến nỗi là thực tại
hình như giả

giả đến nỗi làm
sự giả của bạn

sáng lung linh
như một cơ hội

Tom Riordan

BUDDHA

I thought I was awake
but rolling over
spilled another quart
of slumber in my head
and off I dozed again

and dreamt I still
was head over heels
for a girl I thought
I'd totally outgrown
in the spring of 1968.

PHẬT

Tôi nghĩ tôi đã thức
lăn qua lăn lại
nhưng vẫn cảm thấy
muốn ngủ thêm
và chập chờn mãi

và mơ thấy tôi còn
yêu say đắm
một cô gái tôi nghĩ
tôi đã hoàn toàn bỏ
vào mùa xuân 1968.

Tom Riordan

EMPTY NEST

isn't the missed kids
but everything else

that felt so precious

when I didn't have
enough time for it

WET TOWEL

He blogged and tweeted
with the best of them,
his network nonpareil.
So it was doubly shocking
when the coroner released
his blood alcohol level.

Don't pull the shade up all the way.
I think its little billowing
is twice as cooling as the breeze.

TỔ TRỐNG

không phải những đứa trẻ thất lạc
nhưng là bất cứ gì khác

rất quý giá

khi tôi không
đủ thời gian vì nó

KHĂN ƯỚT

Hắn viết blog và đưa lên twitter
những gì hay nhất,
trên mạng lưới vô song của hắn.
Vì vậy mà đó là cú sốc gấp đôi
khi người khám nghiệm tử thi
công bố mức rượu trong máu của hắn.

Đừng dừng lại nơi bóng râm suốt cuộc hành trình.
Tôi nghĩ chút gọn của nó
mát gấp hai lần một cơn gió nhẹ.

HOPES

I have high hopes for when I die
and can husband my dreams full-time –
not have to drop the reins
at an arbitrary moment each morning
and then wander back alone
each night as if a stranger.

THAT'S MY BOY

For Father's Day,
his teacher has him
scrawl six lies
of what he loves
about me.

What I love about him
is that he would
never dream of
taking it out
of his backpack.

HY VỌNG

Tôi có những cao vọng khi tôi chết
và có thể hành sử những giấc mơ của tôi toàn thời gian –
không phải buông bỏ mọi thứ
vào lúc tùy tiện buổi sáng
và sau đó đi thông thả trở lại một mình
vào mỗi đêm như thể một người lạ.

ĐÓ LÀ CON TRAI TÔI

Vào ngày nhớ Cha,
thầy giáo của con tôi nói nó
viết sáu điều đối trá
về những gì nó
thương cha.

Điều tôi thương nó
là nó không bao giờ
mơ tới việc
lấy tờ giấy viết đó ra
khỏi túi ba lô của nó.

MY WIFE THE QUANTUM CHEF

“If I knew
what it was,
I don’t think
it would be
what it is.”

MAN & TREE

My dogwood doesn’t bloom.
It isn’t ideology.
She doesn’t doubt
the others are adorable.
She knows she could
bloom if she wanted to.
She just likes being plain.
She likes to focus on her green.
She blends in with the other
un-bloomed trees.
She has a man
who likes her as he is.

VỢ TÔI LÀ ĐẦU BẾP LƯỢNG TỬ

“Nếu tôi biết
cái gì nó đã là,
tôi không nghĩ
nó là
cái nó là.”

NGƯỜI & CÂY

Cây sơn thù du của tôi không nở.
Đó không phải là hệ tư tưởng.
Nó không nghi ngờ
những cây khác quyến rũ.
Nó biết nó có thể
nở nếu nó muốn.
Nó chỉ thích nó bình thường.
Nó thích chú tâm tới màu xanh của nó.
Nó hòa lẫn vào với
những cây không nở hoa khác.
Nó có một người
thích nó như hẳn là nó.

Tom Riordan

THE MINISTRY OF EMERGENCY SITUATIONS

We have access to methods of monitoring
what is occurring on the planet Earth
and we say with confidence that the world
is not going to end in December.

We are, however, still vulnerable
to blizzards, ice storms, tornadoes, floods,
transportation trouble and supply problems
with food, heat, electricity and water.

* *New York Times*, 12-2-12

BỘ TÌNH THỂ KHẨN CẤP

Chúng ta tiếp cận phương pháp kiểm tra
những gì đang xảy ra trên địa cầu
và chúng ta nói quả quyết rằng không
có tận thế vào tháng Mười Hai.

Chúng ta, tuy nhiên, dễ bị tổn thương
vì bão tuyết, mưa bão, lốc xoáy, lụt lội
trở ngại giao thông, và những khó khăn
về thực phẩm, sưởi, điện và nước.

THE TEA LEAVES

Don't come, all ye faithful: the meadow hereabout is overgrazed, and far too many zealots wash their dirty t-shirts in the river.

There's a rumor of a new messiah halfway up the hillside past the farm abandoned years ago by the militant vegetarians.

I assure you that my blessing is portable, even though I can't find it anymore in my heart to feed you or to give you any comfort.

Tell everyone you meet on the road to watch for mulberries and hickories, and to keep their corn dry in the coming weeks.

Warn them not to walk any closer: whatever we have is contagious, and I can't even offer anyone a proper burial or benediction.

BÃ TRÀ

Đừng đến, tất cả các bạn: đồng cỏ đó đây do bị chăn thả quá mức, và ở xa nhiều kẻ cuồng tín giặt áo dơ trên sông.

Có tin đồn về một đảng cứu thế mới trên nửa đường lên sườn đồi băng qua trang trại bỏ phế nhiều năm trước đây bởi những người ăn chay kiên cường.

Tôi bảo đảm với bạn điều may mắn của tôi được mang theo, mặc dù tôi không thể tìm thấy nữa trong trái tim tôi để nuôi dưỡng bạn hoặc cho bạn bất cứ sự an ủi nào.

Nói với mọi người bạn gặp trên đường trông chờ những cây dâu tằm và hồ đào, và giữ ngô bắp của họ khô ráo trong những tuần sắp tới.

Cảnh báo họ không được tới gần: bất cứ gì chúng tôi có thì đều mang bệnh lây lan, và tôi không thể hứa hẹn với bất cứ ai về lời cầu nguyện hay mai táng đúng cách.

Tom Riordan

WORK OF STAGGERING HEARTBREAK

You know humans are done
when our chief competitor
has half of us convinced
the way to save ourselves
is plant some more of them.
They already outnumber us
a thousand to fucking one!

Wake up, Homo sapiens!

Look those evil sons of bitches
straight in the knotholes
and call them what they are—
huge, greedy, unfeeling monsters
who aren't going to rest
until they've got all seven billion
of us huddled on Antarctica.

VỀ CÁI CHẾT SẮP ĐẾN

Bạn có biết con người bị diệt chủng
bởi vì cây, đối thủ chính của
chúng ta làm một số người trong
chúng ta tin rằng cách chúng ta
tự cứu là trồng thêm cây. Chúng
đã nhiều hơn chúng ta cả ngàn
ngàn rồi mà!

Hãy thức dậy, con người hiện đại!

Hãy nhìn lũ khốn nạn xấu xa
xuyên qua những nốt sần trên cây
và coi xem chúng là gì –
Những con quái vật đồ sộ, tham
lam vô cảm không hề dừng lại
cho đến khi chúng đẩy tất cả loài
người tím tím nơi miền Nam cực.

Sure, I know—they reproduce!
But still, if each of us commits
to slay a thousand trees a day—
and yeah, it might take several years—
then we could win this thing.
You gonna let those would-be
gauchos in Brazil do all the work?
Attack! They aren't hard to kill.
An ax, a saw, two quarts of salt—
and they can't run for shit!
Their secret weapon is the way
they pay off writers to betray
their species: trade their souls not
for the whole world...but for paper?

Ah, the shame. What can I say?
The winners write the history.
It makes me want to weep.
The winners write the history.

Chắc vậy, tôi biết – chúng sinh
sản! Nhưng hơn thế, nếu mỗi chúng
ta cam kết đốn một ngàn cây
mỗi ngày – và ô, cần phải vài
năm – chúng ta mới thắng trận này.
Bạn sẽ để tất cả chuyện này
cho bọn cao bồi Nam mỹ làm ư?
Tấn công! Chúng khó mà giết.
Một cái rìu, một cái cưa, mấy
lít muối –Và chúng không thể chạy
thoát! Vũ khí bí mật của chúng
là mua chuộc những nhà văn phản
bội con người hiện đại của họ:
đổi chác linh hồn của họ không
phải cho toàn thế giới ... mà cho giấy?

Ôi, xấu hổ. Tôi có thể nói gì?
Những kẻ chiến thắng viết lịch sử.
Nó làm tôi muốn khóc.
Những kẻ chiến thắng viết lịch sử.

TERRIBLE DAWING

I watched my father
and my older sister
and countless others
grow too blind to fish,
and starve to death.

A pelican from east of us
glided through last week,
heard my lament,
and asked if I had shared
my catch with them.

I pretended an updraft
was too good to miss.
A lump rose in my gullet

that's still there.
I can't speak.
I can pouch a fish
but not stomach it.

HÙNG ĐÔNG KINH HOÀNG

Tôi ngó cha tôi
và chị tôi
và cơ man kẻ khác
đã quá mù lòa chẳng thể đánh bắt cá,
và đói tới chết.

Một con bồ nông từ phía đông của chúng tôi
liệng qua đây tuần trước,
nghe lời tôi ta thán,
và hỏi rằng tôi có cùng
đánh bắt với họ chẳng.

Tôi giả dò rằng cơn gió bốc lên cao
quá tuyệt khiến không thể trượt.
Cổ họng tôi thắt lại

cơn nghẹn vẫn còn đây.
Tôi chẳng thể thốt lên lời.
Tôi có thể chụp bắt con cá
nhưng chẳng thể ăn nó.

MONSTER

Night-born, malformed, maleficent,
pale as a pulled root,
a monster prowls the woods.

What other explanation is there
for the gutted deer, the naked
footprint by the bedroom window?

Now the neighbor's dog
has disappeared. The back gate's broken.
I keep the shotgun loaded.

How often now the birds
suddenly go silent in the trees.
What do do they hear?

This thing of darkness I
acknowledge mine. I made it.
I let it escape. Now it returns.

Go on, you ragged underling.
Stalk me with your pitiful strategies.
Starve and shiver in the darkness.

CON QUÁI VẬT

Sinh ra từ đêm tối, dị tật, hiểm ác,
tái nhọt như rễ cây bị nhổ lên,
con quái vật lảng vảng trong rừng.

Sự giải thích khác ở đó
vì con nai đỏ ruột, dấu chân trần
cạnh cửa sổ phòng ngủ?

Lúc này con chó hàng xóm
biến mất. Cửa sau gãy đổ.
Tôi nạp đạn cây súng săn.

Làm sao bây giờ bây chim
bất thành linh im lặng trong cây.
Chúng nghe thấy gì?

Con vật của bóng tối này tôi
nhận ra như thể là của tôi. Tôi tạo ra nó.
Tôi để nó trốn đi. Nay nó trở lại.

Cứ tiếp tục kẻ thuộc hạ rách rưới.
Cứ lên theo ta với chiến thuật tội nghiệp của mi.
Cứ chết đói và run sợ trong bóng tối

Cry to me from the thorny ravine.
I'm safe behind locked doors.
I will not answer or embrace
the thing I have created.

Khóc với tôi từ hẻm núi đầy gai.
Tôi an toàn đằng sau cánh cửa đóng,
tôi sẽ không trả lời và ôm chặt lấy
con vật tôi đã tạo ra.

THE SCRUPULOUS HAIRDRESSER

Her first cut?
Are you sure you want to?
Will she ever be truly wild again,
with the hair God gave her?
The burden of coiffures
is a life-long responsibility.
“I like your hair”
changes from an idle compliment
to a stamp of approval.
Believe me we do want
your business but we think
you and she should know
what you’re getting into.
We have to look ourselves
in the eye at night,
sleep the sleep of
the innocent
and accept the results of
what we do for a living.
Some moms just burst
into tears, and some of

CÔ THỢ UỐN TÓC CHU ĐÁO

Đây là lần cắt tóc đầu tiên?
Mà chị có thật muốn cắt tóc cho cô bé?
Chẳng lẽ cô bé cứ mãi để tóc tua tủa,
như từ bao giờ tới giờ sao?
Gánh nặng của những kiểu tóc
ràng buộc dài cả đời đấy.
“Tôi thích mái tóc của chị”
đó chẳng phải là lời khen vô thưởng
vô phạt mà là sự chứng thực đấy.
Tin tôi đi chúng tôi rất muốn
làm bốn phận của chị nhưng chúng tôi nghĩ
chị và cô bé nên biết những gì
chị đang bị cuốn vào.
Chúng ta phải tự nhìn trong mắt lúc đêm khuya,
ngủ một giấc thanh thản
và chấp nhận kết quả những gì
chúng ta làm cho cuộc sống.
Vài bà mẹ mới đây đã bật khóc và vài

the kids too. We would hate
if that happened to you.
You are pretty sure you
still want to go ahead?
Ok, just sign this disclaimer—
and a pageboy it is!

đứa trẻ cũng vậy. Chúng tôi không muốn
điều đó xảy ra với chị.
Chị có chắc là vẫn muốn cắt tóc cho cô bé?
Được rồi, chỉ cần ký vào bản không khiếu nại này –
và kiểu tóc con trai là như vậy!

OBTAINIUM

I'm what they call obtainium.
You can have me,
for a song
or a dance.
You can pick me up
almost anyplace, anytime.
I'm not doing anything else.

Easy come, easy go.
You won't keep me for long.
I know.
I understand.
I have my job, and you yours.
Mine's not inferior.
You're no great shakes either.

The walls are thick
in large part thanks to me.
It's true I'm
not the icing on the cake,
but without me
there would be so little to
put icing on.

GIÁ RẺ

Tôi là thứ họ gọi là giá rẻ
Bạn có thể có tôi,
nhờ một bài ca
hoặc một vũ điệu.
Bạn có thể đón tôi
hầu hết ở mọi nơi mọi lúc.
Tôi không làm gì cả.

Dễ đến dễ đi.
Bạn sẽ không giữ tôi lâu.
Tôi biết.
Tôi hiểu.
Tôi có việc của tôi, bạn có việc của bạn.
Việc của tôi không thấp kém.
Bạn cũng vậy, có tài cán gì hơn.

Mọi thứ có thể được
hầu hết là nhờ tôi.
Đúng vậy tôi
không phải là kem trên chiếc bánh,
nhưng không có tôi
chiếc bánh quá nhỏ
để bắt bông kem lên.

Tom Riordan

GIANT FROZEN INTO THE LAKE

the blades
of your skates

trace
figure eights

around my
breasts

and the ice
sheet cracks

but doesn't
break

as I crane
my face

to try to
catch a look.

you stop
to listen

SINH THỂ KHỔNG LỒ ĐÔNG ĐÁ
TRONG HỒ NƯỚC

cái lưới
của đôi giày trượt băng

vạch
những đường băng hình số tám

quanh
ức tôi

và mặt băng
nứt

nhưng không
bể

lúc tôi ngẩng
mặt lên

để cố
bắt cái nhìn của anh.

anh dừng lại
lắng nghe

and for that
moment

I feel
recognized.

my heart-
beat quickens

and a whale-
like song

fills up the
glacial basin,

awing you.
I'm right here

underneath
your feet

but the song
you hear

và ngay
lúc đó

tôi cảm thấy
được thừa nhận.

tim tôi
đập nhanh

và con cá voi
như bài ca

đầy tràn mặt
băng,

làm anh kinh sợ.
Tôi ở ngay đây

dưới
chân anh

nhưng bài ca
anh nghe

unlocked
comes from
that very
distant year

when all
the giants

lay down in
a great gale.

mở ra
đến từ
những năm tháng
xa xôi

khi mọi
sinh thể khổng lồ

đã nằm xuống trong
trận đại cuồng phong.

Tom Riordan

EARLIER A ROBIN'S HEAD

Earlier a robin's head
on the sidewalk in Bath,
tonight a squirrel's tail
on the porch at home.

The town and country
witch is getting sloppy
one way or the other

so let's cross our fingers
these are spare parts
spilling from her sack

and not components
of the spell that gets us
out of bed tomorrow.

TRƯỚC TIÊN LÀ ĐẦU CON CHIM MỎ ĐỎ

Trước tiên là đầu con chim mỏ đỏ
trên lễ đường ở thành phố Bath,
(sau đó) tới nay là đuôi con sóc
nơi mái hiên nhà.

Mụ phù thủy nửa quê nửa chợ
cầu thả (đánh rơi ra)
bằng cách này hay cách khác

bởi thế hãy cầu mong
những bộ phận dư thừa này
lọt ra từ túi sách (trên vai) của mụ

không phải là thành phần
của lá bùa mê làm chúng ta
thức giấc ngày mai.

TWO SMALL FANS

With two small fans
our room sounds like
a 727 Whisper-Jet
and we are halfway
to the Virgin Islands
for our honeymoon.
A movie star's boat
is anchored offshore
and his plate piled
with napoleons and
creampuffs directs
us to check out his
gut. What we adore
most are breakfast
and the newspaper
quietly delivered to
our surfside cabana
and trying to keep

HAI QUẠT MÁY NHỎ

Với hai quạt máy nhỏ căn
phòng của chúng tôi kêu vang
như chiếc phản lực 727-
Whisper và chúng tôi đang
trên nửa đường tới Virgin
Islands hưởng tuần trăng mật.
Con tàu của một ngôi sao
điện ảnh được neo ở ngoài
bãi biển và cái đĩa đầy
bánh ngọt napoleons
và creampuffs làm chúng tôi
nhận ra cái bụng phệ của
hắn. Điều chúng tôi thích nhất
là bữa điểm tâm và tờ
nhật báo được lặng lẽ giao
tới tận lầu ở bãi biển
và cố gắng theo kịp những

up with eagle rays
in the lagoons. Oh,
we are not ready to
go home! All that
awaits us two floors
up from the bakery
is a sweltry studio
apartment whose
single saving grace
is its two small fans.

con cá đuối ở hồ nước mặn.
À, chúng tôi chưa sẵn
sàng về nhà. Tất cả đang
chờ đợi chúng tôi là cái
studio nóng và ẩm
trong một chung cư ở trên
lò bánh mì hai tầng lầu
mà sự đỏi công chuộc tội
độc nhất của nó là hai cái
quạt máy nhỏ.

Tom Riordan

MEADOW EDGE

She waits.
Twilight grows dim.
The buck is late
but she doesn't start
grazing alone.
Nighthawk and bat
describe the dark
with delicate drawings
of the hunt
and the kill.
She stands
still as a statue,
frozen by what makes
this last dusk
smell like a trap.

LÊ CỎ

Nàng hươu đọi.
Hoàng hôn mờ mờ.
Chàng hươu đến trễ
nhưng nàng không bắt đầu
gặm cỏ một mình.
Chim hốc gió và dơi
diễn tả bóng tối
với những bức vẽ khéo léo
về sự sẵn
và sự giết.
Nàng đứng
lặng lẽ như một pho tượng,
đông giá bởi điều gì tạo ra
lúc chạng vạng cuối cùng này
ngủ như một cái bầy.

KNOW

I don't know who I am,
but my son's eyes say he
knows everything about me.
Such thorough knowledge
is very comforting to him
and it's comforting to me.
I trust in his judgement.

No one else knows me,
neither friends nor foes.
They look through lenses
serving their own agendas.
My boy's agenda is purely
to know me. He reveals
nothing about who I am.
It's enough for both of us
simply that he knows.

BIẾT

Tôi không biết tôi là ai,
nhưng trong mắt của con trai
tôi nói hẳn biết mọi thứ
về tôi. Kiến thức hoàn hảo
như vậy làm hẳn thoải mái
và tôi cũng thoải mái. Tôi
tin sự phán đoán của hẳn.

Không ai nữa biết tôi, cả
bạn lẫn kẻ thù. Họ nhìn
qua những lăng kính phục vụ
cho những dự kiến của chính
họ. Dự kiến của con trai
tôi chỉ là để biết tôi.
Hẳn không phát hiện gì về
tôi là ai. Điều đó đủ
cho cả hai chúng tôi đơn
giản là hẳn biết.

Tom Riordan

THE ASSUMPTION

The codfish so old
and the weather
so wet and cold

no birds nor flies
escort John up
the muddy road.

In his imagination
though
his sack is filled

with matzo rounds,
wine, frankincense,
myrrh, gold.

No cat greets him
below the quiet grove
of purpled olives

ĐIỀU GIẢ ĐỊNH

Cá tuyết ươn
và khí hậu
ướt lạnh

không có những con chim hay con ruồi
bám theo John trên
con đường lầy lội

Trong sự tưởng tượng của ông
mặc dù
cái túi xách đầy

những lát bánh mì matzo
rượu, dầu thơm
trâm hương, vàng.

Không có con mèo nào chào đón ông
dưới lùm cây
olive tím

nor Mary's contented
humming to the gurgle
of the spring.
No one is there,
nor embers strip the
rawness from the air

nor sunken robe
nor wolf-bit bone
nor faceless hair.

He steps outside
and glances up.
A sunray breaks

the overcast
and beams down
to a patch of grass

hay Mary ngân nga
thỏa mãn với tiếng ríu rít
của mùa xuân.
Không có ai ở đó,
không có những mẩu than hồng
xua tan khí lạnh

không có mảnh áo chòang
một mẩu xương
một sợi tóc chó sói để lại.

Ông bước ra ngoài
và liếc nhìn lên.
Tia nắng làm tan

đám mây che
và rọi xuống
một mảng cỏ

where it illuminates
a trail of haystacks
bending

in the direction
Mary must have walked
before ascending.

chiếu sáng
một vết cỏ khô
rẽ ngoặt

hướng
Mary phải bước đi
trước khi lên trời.

** Chú thích*

Theo tác giả, John là bạn của Jesus, hứa sẽ chăm sóc mẹ của Jesus sau khi Jesus chết. Khi John mang thực phẩm tới thì không có bà ở đó, và ông cũng không tìm ra dấu vết nào của người bị chó sói ăn thịt. Ông kết luận rằng, bà được “giả định” là đã lên trời. Niềm tin đó cũng là một phần của giáo lý Cơ Đốc.

TODAY'S

Today's is a short found poem
about a ripening marriage.
(It should be read twice.)

Note that many of the vowel sounds
are 'e' 'a' 'ou' 'o' 'u' and 'i'.
Recite it aloud with relish.
The words are seductive, fruity, and heartfelt.
The consonant 't' is prominent throughout—
a great consonant to relish vowels with.

Decide for yourself
if there is a touch of bitterness
or only regret at love lost.

BÀI THƠ HÔM NAY

Bài thơ hôm nay là một bài thơ ngắn tìm được
về cuộc hôn nhân đã chín mùi.
(Nên đọc hai lần)

Ghi chú rằng rất nhiều những thanh nguyên âm
'ê' 'á' 'ou' 'ô' 'u' và 'i'.
Đọc lớn lên với sự hứng thú.
Những chữ lồi cuốn, truyền cảm và chân thành.
Phụ âm 't' nổi bật suốt –
một phụ âm độc đáo để làm khóaai chí những nguyên âm với.

Tự bạn quyết định
nếu có sự đụng chạm cay đắng
hoặc chỉ hối tiếc vì thất tình.

Tom Riordan

TO A READER OF THIS ONLINE
BILINGUAL POETRY MAGAZINE

I imagine you
sitting in an Internet cafe
upstairs
on a bustling street
in Hanoi.

It is a chance
to look out the window
at a different landscape
and chuckle,
matching your English
to the translation,
two distractions
from the fact
I have nothing to say
except hi.

TẶNG BẠN ĐỌC TẠP CHÍ ONLINE
THƠ SONG NGỮ

Tôi tưởng tượng bạn
đang ngồi ở một quán cà phê internet
trên lầu
nơi một con đường rộng rãi
ở Hà Nội.
Đó là cơ hội
để nhìn ra ngoài cửa sổ
ở một khung cảnh khác
và khúc khích cười,
so sánh tiếng Anh của bạn
với bản dịch,
hai sự rối rắm
từ sự kiện
tôi không có gì để nói
ngoài lời chào.

Tom Riordan

COLD CHRISTMAS IN GULFPORT

Palm fronds reflected
in clear plastic taped
over the trailer window,

Grandma is by the door
decked with pine cones
super-glued to a noose,

half-toothlessly grinning
because she's got on
her wool church coat

cordoned by one mink
with its little wizened
face stitched to its tail.

GIÁNG SINH LẠNH Ở GULFPORT

Những cành cọ phản chiếu
trong miếng plastic trong, băng dính
qua cửa sổ của chiếc rờ mọoc,

Bà nội đang đứng bên cửa
treo cái nơ kết dính
bằng những hạt thông,

cười phô răng chiếc còn chiếc mất
bởi vì bà mặc chiếc áo
bằng lông cừu để đi nhà thờ

quàng một chiếc khăn quàng
có khuôn mặt nhỏ nhắn nheo
khâu ở đuôi.

IGNORANCE

We had heard predictions
old wives' tales
urban legends
and the rants of lunatics
but when it actually came
there was no way
to describe
much less allay our terror
The invasion so massive
and so wholly alien
so unremitting
cold and frenzy driven
erasing everything
humankind had ever built
known in the past
dreamed as a future
No tools to fight it
idea of its origin
or clue to its intent
beyond entombing us
we gave in to hysteria
we fled until we fell
because we didn't know
what snow was

SỰ DỐT NÁT

Chúng ta đã nghe những lời tiên
tri chuyện những người vợ già những
truyền thuyết phố thị những lời huyền
hoang của kẻ mất trí
nhưng khi nó thật sự đến không
có cách nào để diễn đạt
càng không có cách nào để
giảm bớt sự kinh hãi của chúng ta
sự xâm lấn quá ồ ạt
và hoàn toàn quá xa lạ
không ngừng nghỉ lạnh giá và
tới mức điên cuồng
xóa bỏ mọi thứ
loài người từng lập nên
biết trong quá khứ
mơ như tương lai
không có công cụ để chống lại nó
không có ý tưởng về nguồn cội nó
không có manh mối về ý định nó
hơn là chôn chúng ta xuống mộ
chúng ta chịu thua sự cuồng loạn
chúng ta chạy trốn cho tới khi ngã xuống
bởi vì chúng ta không biết
tuyệt là gì

Tom Riordan

BYPATH

The hundred different shades
and thousand different shapes
of moss and lichen
on the sugar maple's bark face

vary slightly every hour

phrasings of a chronicle

in language which at first glance
I'm too dim to understand
but if I stop and stare at it
the heavens open up

NGŨ HỀM

Hàng trăm những chiếc bóng khác nhau
và hàng ngàn những hình dạng khác nhau
của râu và mồm
trên mặt da cây phong đường

biến đổi không đáng kể mỗi giờ

biểu lộ biên niên sử

trong ngôn ngữ mà thoát nhìn
tôi hiểu rất lơ mờ
nhưng nếu dừng lại và chăm chú
sự hiểu biết mở ra

GABE & ANNA'S WEDDING

Across the Callicoon Bridge
over the Delaware River
on the road to Damascus:
by the time you've arrived,
your eyes grown brighter
& your tails a little bushier,
the Empire State behind,
now brother-&-sisterly love
supreme in Pennsylvania.
Place matters. Both of you
know just how tangible it is,
so even if it's accidental
that you tie a knot here,
all the graces of this house,
road, bridge, and waters
still redound to your intent:
affections deep and pure
which friend & family bless.

ĐÁM CƯỚI CỦA GABE & ANNA

Băng qua cầu Callicoon
qua dòng sông Delaware
trên đường tới Damascus:
lúc tới mắt bạn trở nên
sáng hơn và năng lượng bùng
rỡ, New York ở phía sau,
trước mặt là thành phố tình
yêu ở Philadelphia
“brother & sisterly love”.
Chuyện nơi chốn. Các bạn đều
biết rõ như vậy cho dù
là sự tình cờ đã kết
hôn ở đây, tất cả những
nét đặc trưng của ngôi nhà
này, con đường, cầu, và nước
đều góp phần vào ý định
các bạn: cảm xúc sâu sắc
và thuần khiết bạn bè và
gia đình ban cho.

“Bright eyed and bushy tailed” (thành ngữ Mỹ), mắt sáng và tràn đầy năng lượng. Tail (cái đuôi): liên hệ tới con sóc, có cặp mắt nhỏ, tròn và sáng với cái đuôi luôn luôn năng động. Trong thời hiện đại, cụm từ này thường được sử dụng để nói về năng lượng vào buổi sáng, lúc thức dậy. – Damascus, ở Syria, nơi chúa Jesus tới, ám chỉ, theo ý Chúa. Tòa nhà Empire State, ám chỉ New York. Bài thơ nói về một đám cưới bình thường, không phải do yêu nhau.

Roberta Gould

SOLSTICE LIGHT

Every shadow on the road
is a tree in a way
or what you touch
when swinging branches
Your own long body
reaches the mountain
The field is grazed
with the branches' shade
Bliss of emptiness!
The world bursts forth
sliver of bark rising over you
full of the sun

* *Roberta Gould* is the author of 11 books of poetry. Gould's poems have appeared widely in poetry journals including *Green Mountain Review*, *Confrontation*, *The Manhattan Poetry Review*, *Socialism and Democracy*, *The New York Times*, in anthologies, *The Art and Craft of Poetry*, *A Slant of Light*, *Mixed Voices*.

ÁNH SÁNG ĐIỂM CHỈ

Mỗi cái bóng trên đường
là cái cây trong lối đi
hoặc cái gì bạn chạm tới
khi những cành cây đung đưa
Chính cái bóng dài của bạn
vươn tới ngọn núi
Cái bóng những cành cây
lướt qua cánh đồng
Niềm vui sướng của sự trống rỗng!
Thế giới bung mở
mảnh vỏ cây đung đưa bên trên
đầy mặt trời

* Điểm chỉ: Một trong hai lần mặt trời ở xa xích đạo nhất về phía Bắc hoặc phía Nam.

* *Roberta Gould* là tác giả của 11 cuốn sách về thơ. Thơ của bà đã xuất hiện trên các báo Green Mountain Review, Confrontation, The Manhattan Poetry Review, Socialism và Democracy, The New York Times, cả trong những tuyển tập, *The Art and Craft of Poetry, A Slant of Light, Mixed Voices*.

AMNESIAC

For awhile I too was haunted by
memories of your frightened faces
as we hovered nearby, shooting
warning tracers above your heads.
It was amazing—you thought waving
American flags would save you.
We had other rooftops to fly to.
Coming back from the last one
we saw the fire you had set as a beacon.
We couldn't help it. We laughed.
The cries and curses you threw up
into that sky were instantly
drowned out and chopped up
by bladed arks already flying away.
I am among my own now, who do not
worship stones or rivers, or impute
to them a memory of any kind.
What does not perish here by forgetting
survives only in the occasional bad dream.
We wake up each morning to a new history.
We don't know if we remember.

CHÚNG QUÊN

Trong một lúc quá ám ảnh bởi ký ức những khuôn mặt hãi hùng của các bạn, khi chúng tôi bay lượn gần bên, bắn những làn đạn cảnh báo trên đầu. Thật kinh ngạc – các bạn tưởng vậy những lá cờ Mỹ sẽ được chúng tôi giải cứu. Chúng tôi có những sân thượng khác để bay tới. Trở lại sân thượng các bạn, chúng tôi thấy ánh lửa được dùng như một đèn hiệu. Chúng tôi không thể giúp gì. Chúng tôi cười. Những tiếng kêu và nguyện rửa các bạn tung vào bầu trời ngay khi đó đổ rạp xuống bởi những cánh quạt trực thăng giờ đã bay đi. Tôi chính tôi bây giờ không tôn thờ những hòn đá dòng sông hay qui tội cho chúng ký ức về bất cứ thứ gì. Điều không lụi tàn ở đây, giấc mơ khó chịu thỉnh thoảng đến bởi chúng tôi coi thường sự sống sót. Chúng tôi thức dậy mỗi sáng với một lịch sử mới. Chúng tôi không biết nếu chúng tôi không nhớ.

Mark Osaki

AN OLD DANCE FAVOR
(Walter Reed AMC)

Throughout the neon lit ward
braces thunder to music
no one can hear.

The wooden ribs of the floor
are splitting under the weight
of so much metal.

An attendant smiles and shouts,
It's therapy!

He motions to a chair atop which
my friend is propped, his torso
swaying in time with the stumbling shapes
dancing on stumps.

* Walter Reed AMC: Walter Reed Army Medical Center (Trung tâm y
khoa quân đội Walter Reed)

THIỆN Ý CÚ CỦA KHIÊU VŨ

Trong gian phòng bệnh viện sáng đèn neon
những chiếc nạng động âm ĩ làm âm nhạc
không thể ai nghe.

Những thanh rầm sàn gỗ
đang nứt ra dưới sức nặng của quá nhiều chiếc nạng.
Người phục vụ mỉm cười và hét lên,
Đó là trị liệu pháp.

Anh ta chỉ chiếc ghế dành cho người tàn tật
bạn tôi ngồi, phân trên thân thể anh
đúng đưa đúng lúc với những dạng hình loạng choạng
đang khiêu vũ trên phần chân cụt.

* *Mark Osaki*, His work has appeared in various journals and anthologies, including: *The Georgia Review*, *South Carolina Review*, *Breaking Silence—An Anthology of Contemporary Asian American Poets* (Greenfield Review Press), *Onset Review*, *Strath Poetry Journal* (Scotland) ... He has received awards for my poetry from the Academy of American Poets, University of California at Berkeley, San Francisco Arts Commission, Seattle Arts Council and the National Endowment for the Arts.

**Mark Osaki* , tác phẩm của ông xuất hiện trên rất nhiều tạp chí và tuyển tập khác nhau, bao gồm: *The Georgia Review*, *South Carolina Review*, *Breaking Silence—An Anthology of Contemporary Asian American Poets* (Greenfield Review Press), *Onset Review*, *Strath Poetry Journal* (Scotland) ... Ông đã nhận được giải thưởng từ Academy of American Poets, University of California tại Berkeley, San Francisco Arts Commission, Seattle Arts Council and the National Endowment for the Arts.

* Câu chuyện một cựu phi công lái trực thăng, bay trên sân thượng một building, trên đó có những người dân thường bị mắc kẹt trong lúc chiến sự nguy hiểm, không thể giải cứu họ. Đến bây giờ, anh vẫn còn bị ám ảnh trong những giấc mơ.

CONVERSATION AT YEAR'S END

During the whirlwind of learning's end
before summer heat's brings activity

to a humid halt, we share a few
stolen moments, talking about

we what teach what we wish we could,
not in a way structured to stifle joy,

but as colleagues truly speaking of
sonnets and novels, places and

visions of a reality far beyond
rows of empty desks and untouched books.

In her eyes teem places she wants to see.
Some of them are in my memory. She

glimpses what she would do if only ...
Angel, allow her hopes to become

CUỘC TRÒ CHUYỆN CUỐI NĂM

Trong lúc cơn gió cuốn của học trình chấm dứt
trước khi cái nóng mùa hè bắt đầu

tới chỗ nghỉ ẩm ướt, chúng ta chia sẻ
một vài khoảng khắc thông thả, nói về

điều chúng ta dạy, điều chúng ta muốn chúng ta có thể,
không phải là cách được tạo ra đối với niềm vui bị nén lại,

nhưng như những đồng nghiệp thật sự nói về
những bản sonnet và tiểu thuyết, những nơi chốn

và tầm nhìn về một hiện thực phía xa bên kia
dãy bàn làm việc trống không và những cuốn sách chưa đọc.

Trong đôi mắt của cô đây những nơi chốn cô muốn thấy.
Vài chỗ trong ký ức của tôi. Cô

lướt qua những gì cô muốn làm nếu chỉ ...
Thiên thần, cho phép hy vọng của cô trở thành

reality. Let her wander the Lake District,
Dover Beach, and Highland glens, a

county town or two, and stand enthralled
on Westminster Bridge at break of day.

Arthur Turfa ©2018

* About half of his life has been spent in various parts of Pennsylvania. He was born in Pittsburgh, and spent 11 years south of there in the Monongahela Valley. His family moved to suburban Philadelphia, where he went to high school.

His career path has been bi-vocational; I am a Lutheran pastor and Army chaplain (Retired Reservist with veteran status) and educator on secondary and post-secondary levels.

He wrote a lot of poetry when younger, then he took a 20-year break, and resumed around 2002. Lectio Publishing released his first book of poetry, "Places and Times" in April 2015.

hiện thực. Hãy để cô lang thang ở Lake District,
Dover Beach, và những thung lũng Highland, một

quận thành phố hoặc cả hai, và đứng mê mết
ở cầu Westminster vào ngày nghỉ.

* Khoảng một nửa cuộc đời của ông đã dành cho nhiều vùng khác nhau của Pennsylvania. Ông sinh ra ở Pittsburgh, và ở phía nam Thung lũng Monongahela 11 năm. Gia đình ông chuyển đến ngoại ô Philadelphia, nơi tôi học trung học.

Con đường sự nghiệp của ông là hai nghề; Ông là mục sư người Lutheran và tuyên úy quân đội (Quân nhân dự bị đã nghỉ hưu với tình trạng cựu chiến binh) và là nhà giáo dục ở cấp trung học và sau trung học.

Ông viết rất nhiều thơ khi còn trẻ, sau đó ông nghỉ 20 năm và tiếp tục vào khoảng năm 2002. Nhà xuất bản Lectio đã phát hành tập thơ đầu tiên của ông, “Địa điểm và Thời đại” vào tháng 4 năm 2015.

WINDOWS

My father-in-law
just short of a century
lays in the hospital bed
tethered, still, to this world
by IVs, machines, and monitors.
The body and mind unraveling
suddenly wakes from
a comma-like sleep and asks
“Who talked me into this trip?”
Does he mean this floating
between sleep and dream
trading stories with his brother
in the grave thirty years
wrestling in a dialog between
his god and his devil
or perhaps this life itself

* *Dennis Maloney* is a poet and translator. A number of volumes of his own poetry have been published including *The Map Is Not the Territory: Poems & Translations and Just Enough*, and *Listening to Tao Yuan Ming*. A bilingual German/English volume, *Empty Cup* was published in Germany in 2017. Recent collections include *The Things I Notice Now* and *The Faces of Guan Yin*. His poems have been translated into more than a dozen languages.

NHỮNG CỬA SỔ

Cha vợ tôi
gần trăm tuổi yên lặng
nằm trong nhà thương
dây truyền nối với tĩnh mạch
giữa thế giới của máy móc và những thiết bị.
Thân xác và tâm trí tách rời
bất ngờ tỉnh dậy từ
cơn hôn mê như ngủ và hỏi
“Ai rủ rê tôi vào cuộc hành trình này?”
Ông muốn nói về sự lơ lửng
giữa giấc ngủ và giấc mơ
sự trao đổi những câu chuyện với người em
chết cách đây 30 năm
sự vật lộn trong cuộc hội thoại
giữa thượng đế và ma quỷ
hoặc có lẽ với chính cuộc đời này.

* *Dennis Maloney* là nhà thơ và dịch giả. Một số tập thơ của riêng ông đã được xuất bản bao gồm *The Map Is Not the Territory: Bài thơ & bản dịch và Vừa đủ*, và *Listening to Tao Yuan Ming*. Một tập sách song ngữ tiếng Đức / tiếng Anh, *Empty Cup* được xuất bản ở Đức vào năm 2017. Các bộ sưu tập gần đây bao gồm *The Things I Notice Now* và *Những Khuôn mặt của Quan Âm*. Các bài thơ của ông đã được dịch ra hơn một chục thứ tiếng.

AS YET UNBORN

Oh to be Adam
again
with all his ribs
yearning for a woman
as yet unborn,
mouth free
of the taste of apples,
ears without
the hiss of snakes,
mindless of
nakedness and shame
in the garden
of gentle creatures
waiting for a name.

ĐẾN BÂY GIỜ CHƯA SINH

Ôi để thành Adam
lần nữa
với tất cả những chiếc xương sườn của hắn
khao khát một người đàn bà
đến bây giờ chưa sinh,
miệng không
nếm được vị ngon của táo,
tai không nghe được
tiếng rít của rắn,
không nghĩ tới
sự lóa lổ và xấu hổ
trong khu vườn
những sinh vật hiền hòa
đang chờ một cái tên.

JULY

Now the summer butterflies have come
like poppies in procession
in the cemetery of youth,
all the long stretch of children's caskets
laid out in their cerements of innocence.
Around the black granite stones
– etched with finger-touching hands –
the clouds of white wings fluttering.
All the rent garments of wailing mourners,
all the ashes fallen from the still detached sky.
And the milkweed flourishing
along the paths of passing glory.
There in the sun-covered fields of first things,
I sought my way through the glistening questions
hidden in the cobwebs set to trap the seeker.
Now, in the fullness of seeds
grown to fruits of promise,
only pits and pebbles remain to place
upon the markers monumenting memory.

THÁNG BẢY

Bây giờ những cánh bướm mùa hè đến
như hoa poppy sắp nở
trong nghĩa trang của giới trẻ
tất cả trải dài theo những quan tài của trẻ nhỏ
liệt trong những bộ quần áo liệt vô tội của chúng.
Chung quanh những bia đá granite đen
– khắc với những bàn tay có ngón dài ra –
những đám mây cánh trắng đập.
Tất cả quần áo rách rưới của những người đưa đám rên rỉ,
tất cả tro than rơi từ bầu trời bất động.
Và hoa dại nở
đọc theo những đường mòn của sự lụi tàn.
Ở đó trong những cánh đồng tràn ngập thời tuổi thơ,
Tôi tìm kiếm con đường của tôi qua những câu hỏi lấp lánh
dấu trong mạng nhện dùng để bẫy những kẻ tìm kiếm.
Bây giờ những hạt mầm
Lớn lên thành trái chín,
chỉ còn những thứ vô dụng còn lại
trên mộ bia là vật ghi nhớ ký ức

Stanley H. Barkan

AS STILL AS A BROOM

Love as still as a broom
leaning against a fireplace.

All the carpets swept,
all the ashes grated.

And the candles burned
down to the black wires.

And the windows frosted
starless, moonless.

No shoes under the bed,
no towel on the floor.

Only the crease in the pillow
and a smell I can't remember.

* *Stanley H. Barkan*, as the editor/publisher of *Cross-Cultural Communications*, he has produced some 400 titles in 58 different languages. His own work has been published in 18 collections, several of them bilingual (Bulgarian, Chinese, Italian, Polish, Russian).

LẶNG LẼ NHƯ CÁI CHỐI

Tình yêu lặng lẽ như cái chổi
dựa vào lò sưởi.

Mọi tấm thảm được hút bụi
mọi tàn tro rơi xuống vỉ than

Và tất cả đèn cây lụi
tàn trên những ngọn bấc đen.

Mọi cửa sổ đóng băng
không sao không trăng.

Không giấy dưới giường
không khăn lau trên sàn nhà.

Chỉ có nếp gấp trên gối
và mùi tôi không thể nhớ.

* *Stanley H. Barkan*, nhà biên tập và nhà xuất bản Cross-Cultural Communications. Ông đã xuất bản 400 đầu sách với 58 ngôn ngữ khác nhau. Tác phẩm của ông được in trong 18 tuyển tập, một số là song ngữ (Bulgarian, Chinese, Italian, Polish, Russian).

Stanley H. Barkan

IMMORTALITY

(a "footnote" after Donald Lev)

I jumped off
the Brooklyn Bridge.
Twice.
But I failed.
I didn't die.
The Guinness Book of World Records
called me up,
said I should try again:
If I lived,
I'd set a record.
So I jumped a third time
and succeeded.
At last I've achieved ...
Immortality?

BẤT TỬ

(một ghi chú sau Donald Lev)

Tôi nhảy xuống
cầu Brooklyn.
Hai lần.
Nhưng thất bại.
Tôi không chết.
Kỷ lục Thế giới Sách Guinness
gọi tôi lại,
nói tôi nên thử lần nữa:
Nếu tôi sống,
Tôi sẽ đạt kỷ lục.
Vì vậy tôi nhảy lần thứ ba
Và thành công.
Cuối cùng tôi hoàn tất ...
Sự bất tử?

JUNE

No lottery this June,
No corn heavy soon.
No, this summer solstice
harbors no promise
of rich crops.
But June bugs buzz about
the trail where milkweeds flourish,
Monarchs suck at the sap,
their black-and-orange wings fluttering.
Anthills are plentiful,
the rows and rows of black dots
ceaselessly determined missions.
Yes, there are apple blossoms,
clouds of white petals
scattered amidst the silk and lace.
And, yes, there's laughter in the little leagues.
This time all swings are strikes,
all bets are off.

THÁNG SÁU

Không có số xố tháng Sáu này,
Không có mùa bắp sắp tới.
Không, đây là mùa hạ chí
không mang tới hứa hẹn
đầy đủ bắp.
Nhưng tháng Sáu những con bọ bay vo vo quanh
đường mòn nơi những loài hoa dại mọc tràn lan,
những con bướm Monarch hút nhựa cây,
những cánh màu cam-và-đen của chúng đập.
Những tổ kiến quá nhiều,
hàng hàng dầy dầy những đóm đen
không ngừng xác định mục tiêu.
Vâng, có cây táo nở hoa,
những đám mây cánh hoa
rải rác giữa tơ và mạng nhện.
Và, vâng, có tiếng cười trong liên đoàn bóng chày thiếu niên.
Lúc này mọi cú bạt bóng đều thất bại,
tất cả không thể dự đoán.

FIRST BIRTH

Covered with leaves
she rises out of the earth –
she first,
not Adam.
How much more likely
(more provable),
he from her pit
than she from his rib.
It was a man
who wrote the myth.

SINH RA ĐẦU TIÊN

Nàng che thân bằng lá
nhô lên từ mặt đất –
nàng đầu tiên,
không phải Adam.
Bao nhiêu phần chắc đúng
(có thể chứng minh),
hắn từ tử cung nàng
hơn là nàng từ chiếc xương sườn của hắn.
Đó là người đàn ông
đã viết thần thoại.

ZERO

Zero is a scream
without sound
without time,
without space.
I wait ...
I am zero
upon a place
for open mouths
to take into their silences.
I am zero ...
Let me be heard!

ZERO

Zero là tiếng kêu
không âm thanh
không thời gian,
không không gian.
Tôi đợi ...
Tôi là zero được đặt
trên cái đĩa
dành cho những chiếc miệng mở
hấp thu sự im lặng của chúng
Tôi là zero ...
Hãy để mặc tôi nghe!

PANAMA MEMORIES

The young Panamanian girl
sitting alongside her sister
in slip and bare feet
reading a comic book
chewing on bubble gum
at a brothel called The Teenage Club
waiting for the first GI's to arrive
six girls lined-up like bowling pins
rooted to their chairs
with zombie like stares
doing a woman's thing inside
a child's body

**A. D. Winans* has published 65 books and chapbooks of poetry and prose. He edited and published *Second Coming Press* for 17 years. He appeared in the film, *When I Die I Won't Stay Dead*, a documentary on the life of the Beat poet Bob Kaufman.

KÝ ỨC PANAMA

Cô gái trẻ người Panama
ngồi kể bên chị trong
cái áo choàng và chân trần
đang đọc cuốn sách hài hước
nhai kẹo cao su trước một nhà chứa
được gọi là Câu Lạc Bộ Tuổi Teen
đợi người lính Mỹ đầu tiên của cô tới
sáu cô gái ngồi dán chặt trên
những chiếc ghế ngay hàng thẳng lối
với cái nhìn lạc thần đang làm
công việc của người đàn bà trong
thân xác tuổi vị thành niên

**A. D. Winans* đã xuất bản 65 tác phẩm về thơ và văn xuôi, biên tập và xuất bản *Second Coming Press* trong 17 năm. Ông xuất hiện trong phim tài liệu, *When I Die I Won't Stay Dead*, về nhà thơ Beat, Bob Kaufman.

ILLEGAL

she sits alone in her small hotel room
six months pregnant
forced to give head for soup and bread
no heat, one wash clothe, one towel
one urine-stained washbasin
an immigrant without a visa
an illegal caught in a legal trap

she gets up
heads for the door
hears the night manager whisper where
suspended in silence floating face down
In the bowels of the American dream

BẤT HỢP PHÁP

bà ta ngồi trơ trọi trong căn phòng khách sạn nhỏ
mang thai sáu tháng
buộc phải làm tình bằng miệng để có súp và bánh mì
căn phòng không máy sưởi, có một khăn mặt, một khăn tắm
một cái chậu vấy nước tiểu.
một di dân không hộ chiếu
vướng vào vòng bất hợp pháp trong cái bẫy hợp pháp

bà ta thức dậy
hướng ra cửa
nghe người quản lý đêm thì thầm con đã
bị án treo trong âm lặng và chết
trong lòng giấc mơ Mỹ

POEM FOR MY FIRST LOVE

A week into my 70th Birthday
I slip back in time
I'm driving down Highway One where
California fertile hills wink at me
Giant trees and seashore merge as one
Cloudbanks ride the horizon like
Red Cloud rode the plains
In search of the last buffalo
Sweet mangos and watermelon wine
Sweet as cotton candy
Stuck to the roots of my tongue
Fed my youth nourished my spirit
The poem the language in my soul
Your body indented against mine
Hot as an iron pressed to a garment
Youthful hunger that knew no bounds
Feasted like a condemned man
Devouring his last meal
The way Eskimos used to swallow
The tears of the dying
To keep the one gone with them

BÀI THƠ CHO TÌNH ĐẦU

Một tuần trong ngày sinh nhật thứ 70
Tôi nhớ trước kia đúng lúc
Tôi lái xe trên Xa lộ Một nơi
Những ngọn đồi trùng điệp ở California nhấp nháy trước mắt
Những cái cây khổng lồ và bờ biển hòa lẫn làm một
Những đám mây lướt trôi ở chân trời giống như
Red Cloud rong ruổi trên đồng bằng
Tìm kiếm con bò cuối cùng
Rượu xoài và dưa hấu ngọt ngào
Như kẹo bông
Dính mắc vào tận lưới
Nuôi nấng tuổi thanh xuân ấp ủ tinh thần
Bài thơ là ngôn ngữ của tâm hồn tôi
Thân xác em tạo thành tương phản với tôi
Nóng như bàn ủi ủi quần áo
Sự khao khát tuổi thanh niên không giới hạn
Thỏa thuê như gã đàn ông đáng trách
Ngốn ngấu bữa ăn cuối cùng
Cái cách mà người Eskimo nuốt
Nước mắt của người hấp hối
Để giữ họ vẫn ở lại với mình

* Red Cloud: Một trong những lãnh tụ quan trọng người da đỏ, chống lại quân đội Mỹ, chiếm lãnh thổ miền Tây nước Mỹ (Dakota, Lakota, and Nakota). 1868 – 1909.

A. D. Winans

CHINATOWN SWEAT SHOP

you see them coming but never going
working a 14-16 hour shift
six seven days a week
I imagine the sewing machines humming
“a stitch in time saves nine.”
you see them coming but never going.
I imagine the boss madam’s eyes
an executioner in disguise watching
waiting as the universe grinds them
into oblivion

XÍ NGHIỆP BÓC LỘT Ở PHỐ TÀU

anh thấy họ đến nhưng không bao giờ đi
làm việc 14-16 giờ một ca
sáu bảy ngày một tuần
Tôi tưởng tượng những chiếc máy may kêu vo vo
“làm ngay cho khỏi rách việc.”
anh thấy họ đến nhưng không bao giờ đi.
Tôi tưởng tượng đôi mắt bà xếp
kẻ dao phủ cải trang canh chừng
chờ đợi khi thế gian nghiền họ
trong lãng quên

A. D. Winans

FOR JOYCE

Your memory returns to haunt me
The way you looked at me
As you undressed for bed
The way the moonlight peeked through
The window shades
The first time we made love leaving
Me feeling like a voyeur resting
In God's favorite easy chair

CHO NIỀM VUI SỐNG

Ký ức em trở lại ám ảnh tôi
Cách em nhìn tôi
Như em ăn bận xuềnh xoàng trên giường ngủ
Cách ánh trăng xuyên qua
Bóng cửa sổ
Lần đầu chúng ta được phép làm tình
Để lại trong tôi cảm giác khiêu dâm lúc nghỉ ngơi
Nơi chiếc ghế để mền yêu của Chúa

TOO FUNNY

after Jean Follain
Drunk one morning
beneath the sallow night
the teacher fell asleep
on a massage bed at his gym
the warm jets of water
nuzzling his muscles
and prying at his bones
with delicate fingers.
He slept there three hours
with not a soul to wake him
then drove home soberly
fleeing a migraine.
His story now finished
the blonde waitress frowns
at tumblers and jiggers
arrayed like small houses
while huddled adjacent
his painter friend howls
till tears swarm his eyes
like skylarks.

QUÁ BUỒN CƯỜI

sau Jean Follain

Người giáo viên say từ hừng
đông tới hết buổi sáng hắt
ngủ gục trong bồn tắm ở
phòng thể dục những tia nước
ấm rúc vào thớ thịt và
những ngón tay mềm tọc mạch
vào xương cốt hắt ngủ mê
mệt sau đó say khướt về
nhà cơn đau nửa đầu biến
mất. Câu chuyện của hắt đến
đây chấm dứt. Cô hầu bàn
tóc vàng cau có trước những
chiếc cốc lớn nhỏ xếp đôn
cục như những ngôi nhà nhỏ
người bạn họa sĩ của hắt
hú cho đến khi nước mắt
dàn dựa như bầy chim chiến
chiến.

THE POEM IS

Because at five I caught
my dad, his neck craned
in the dust-smothered,
olive-curtained, spare
room of our trailer,
scribbling and crying on
a near-exhausted legal
pad as my Uncle Don
helped shove his clothes
in a Rubbermaid bin.
The Place of a Poet
Because, after dad left,
there was a warm divot
in my parents' comforter
where me and my brother
would lay like two blind
puppies stretched below
a window, before we'd
lash our arms around our
mother as she opened
Danny the Dinosaur
to our favorite page.

BÀI THƠ LÀ

Bởi vào lúc lên năm tôi
bắt gặp cha tôi nghiền cổ
nơi căn phòng dư ra trong
nhà xe lưu động ngăn bởi
bức màn bụi bặm màu xanh
ô-liu đang viết nguệch ngoạc
và la hét trên trang giấy
gân bạc màu khổ thông thường
trong khi cậu Don giúp nhét
quần áo của ông vào chiếc
thùng hiệu Rubbermaid. Bởi
khi cha rời đi, để lại
một chỗ còn ấm trong chiếc
chăn bông của cha mẹ tôi
nơi tôi và em tôi nằm
giống như hai con chó con
mới sinh duỗi dài bên dưới
cửa sổ, trước khi chúng tôi
choàng tay quanh mẹ khi mẹ
mở cuốn sách *Danny the
Dinosaur* tới trang chúng
tôi ưa thích. Bởi lần đầu

Because I first fell into
myself in second grade,
the day Mrs. Mann had
us write poems, and when
my eyes turned to the playground
they suddenly divided
the sky from the rain.
It is because all this has
recurred in swells and waves:
The tear-soaked paper.
The empty bed. My son
asking for the peace
The Giving Tree gives. Now
and then, again and again –
when nothing's left,
the poem remains.

tiên ở lớp hai tôi trở
nên tự nhận biết vào ngày
cô giáo Mann cho chúng tôi
làm thơ và khi đôi mắt
tôi quay qua phía sân chơi,
đôi mắt phân ly bầu trời
với cơn mưa. Bởi tất cả
điều này đã tái diễn trong
phông cảnh và gợn sóng: trang
giấy thấm nước mắt. Chiếc giường
trống. Con trai tôi đòi an
bình từ cuốn *The Giving
Tree* truyền cho. Tỉnh thoảng, lập
đi lập lại – khi không còn
lại gì, bài thơ còn lại.

* Bài thơ, từ thế hệ này qua thế hệ khác (như cha mẹ, cậu, em, con cái của tác giả), khởi đầu từ lúc sinh ra đến khi tự nhận biết mình với thế giới xung quanh, như nhận ra bầu trời và cơn mưa.

– Legal pad: khổ giấy 8 1/2 x 14. – Danny the Dinosaur: Câu chuyện bằng tranh về Danny và con khủng long của Syd Hoff.

– *The Giving Tree*, bài thơ cái cây và cậu bé, của Shel Silverstein. Cái cây luôn luôn cho và cậu bé luôn luôn nhận. Mỗi thời gian của đời người, cây cho trái (để bán lấy tiền), cho cành (để làm nhà), cho thân cây (để làm thuyền), và khi về già, cây cho bóng mát để nghỉ ngơi (an bình).

MADRIGAL FOR A LOVER

How can you kiss me
with your mouth full of
emeralds? Have you lain
in the parlor of love
to long?
Have the narrow
eyes of the snow-gray
streets, lapped up the last
of our widening songs?
Come September we
will only be atonal
harmonies. Come
the windowsill we
must be is filling
with lilies I rap upon

* *Phill Provance's* work has appeared or is forthcoming in *The Baltimore Sun*, *Orbis*, *Vine Leaves*, *Cha*, *Noctua*, *Arsenic Lobster*, *The Axe Factory Review* and many others.

BÀI TÌNH CA CHO NGƯỜI TÌNH

Làm sao tôi hôn em với
đầy ngọc trong miệng em?
Có phải em nằm nghỉ trong phòng
khách tình yêu để mong ước?
Có đôi mắt nheo lại
về những con đường tuyết xám
bật đi những bài hát lan rộng cuối cùng?
Tháng Chín đến chúng ta
sẽ chỉ là những hòa âm vô điệu thức.
Bên ngoài cửa sổ tràn đầy hoa loa kèn
tôi nói đến phải là chúng ta.

* Madrigal: một loại tình ca. Hoa loa kèn tượng trưng cho những người tình. Mối quan hệ (we) rạn nứt nên giờ đây, tác giả đi săn lùng những người bạn tình mới.

* *Phill Provance*: Thơ ông đã và sắp xuất hiện trên The Baltimore Sun, Orbis, Vine Leaves, Cha, Noctua, Arsenic Lobster, The Axe Factory Review và nhiều tạp chí văn học khác.

Tác phẩm của ông: *The Adventures of Ace Hoyle*. Và tập thơ đầu tay của ông *The Day the Sun Rolled Out of the Sky* được xuất bản năm 2011.

Gregg Dotoli

A SENSE OF SCENT

opening my window
eyeing the dark garden
exhaling slowly
rainy night scents
sweet and summer
quiet and earthy
wake the thought
i'm in free
i'm in free

* *Gregg Dotoli* lives in New York City. His poems have been published in, *Quail Bell Magazine*, *The Four Quarters Magazine*, *Calvary*
Cross ...

Ý NGHĨA CỦA MÙI HƯƠNG

mở cửa sổ
nhìn ra khu vườn tối
tỏa ra chậm chậm
những mùi mưa đêm
ngọt ngào và thuộc mùa hè
tĩnh lặng và thuộc đất đai
đánh thức ý nghĩ
tôi tự do
tôi tự do

* summer ở đây được dùng như tĩnh từ.

* *Gregg Dotoli* hiện sống ở New York City. Thơ ông xuất hiện trên nhiều tạp chí như *Quail Bell Magazine*, *The Four Quarters Magazine*, *Calvary Cross* ...

Bill Wolak

WHEN LOVE ENDS

When love ends,
your body slams shut
like a locked door
that still dreams
of becoming a window,
and all the memories
of the only one
who could touch you
with moonlight
vanish like forgotten keepsakes
abandoned to a junk drawer
in a faraway house
that burned to the ground.

.

* *Bill Wolak* is a poet who lives in New Jersey and teaches Creative Writing at William Paterson University. He has just published his thirteenth collection of poetry entitled *Love Opens the Hands*.

KHI TÌNH YÊU CHẤM DỨT

Khi tình yêu chấm dứt,
thân xác em đóng xâm
lại như cánh cửa khóa
vẫn mơ trở thành cửa
sổ, và tất cả ký
ức của chỉ một người
chạm tới em với ánh
trăng biển mất như những
vật lưu niệm lãng quên
bị bỏ rơi trong chiếc
ngăn kéo đựng đồ tạp
nhạp trong ngôi nhà xa
xưa đã hoàn toàn bị
thieu rụi.

* Chiếc cửa khóa mơ được thông thoáng như cửa sổ. Cửa khóa chia cắt con người, cửa sổ nối kết lại.

* *Bill Wolak* sống ở New Jersey và dạy Sáng tác ở đại học William Paterson. *Love Opens the Hands* là tập thơ thứ 13 của ông.

Bill Wolak

THE LOVE'S BODY

May your hands
reach beyond dreams
where moonlight
awakens as flesh.
May your kisses
seep deeper than rain
into the body's
pink crossroads.
May your fingers
touch the unexpected
always with the thrill
of loving.

THÂN XÁC NGƯỜI YÊU

Có thể tay em với
qua bên kia những giấc
mơ nơi ánh trăng được
đánh thức như da thịt.
Có thể nụ hôn em
thấm thấu sâu hơn cơn
mưa bên trong chỗ giao
điểm hồng của cơ thể.
Có thể những ngón tay
em chạm tới những gì
không mong đợi luôn luôn
với sự rợn rùng
của tình yêu.

* Tác giả so sánh ánh trăng cũng như da thịt con người được đánh thức từ những giấc mơ.

Lidia Chiarelli

LIGHT ON THE WALLS OF LIFE

*to Lawrence Ferlinghetti for
his 101st birthday*

[Hic et nunc]

Teach me to paint
the light on the walls of life.
Teach me
to look at the world
as you see it
to become a tear of the sun
a hill of poetry
a word in a tree.
Lead me
to see the sun
hitting the sheer cliffs
the tides that restlessly ebb and flow
the waterbirds challenging the wind.
Let's listen together
to the breath of rustling leaves
the perfect hush of a starry night
the sound of summer in the raindrops

ÁNH SÁNG TRÊN
NHỮNG BỨC TƯỜNG ĐỜI

*to Lawrence Ferlinghetti for
his 101st birthday*

[Hic et nunc]

Dạy tôi vẽ
ánh sáng trên những bức tường đời
Dạy tôi
nhìn vào thế giới
như bạn thấy
để trở nên giọt nước mắt của mặt trời
ngọn đôi thơ
chữ trên cây.
Hướng tôi
nhìn mặt trời
đụng vào vách đá thẳng
những dòng chảy nước triều dâng lên xuống không ngừng nghỉ
Những con chim bay trên mặt nước bất kể gió.
Hãy cùng nhau lắng nghe
tiếng thở của những chiếc lá rì rào
sự tinh lặng của đêm đầy sao
âm thanh của mùa hè trong những giọt mưa

Here and now
help me reach the very shores of light
waiting for
the renaissance of wonder
with you
again and forever

Ở đây và bây giờ
Giúp tôi với tới chính cột ánh sáng
đợi chờ sự phục hưng diệu kỳ diệu
với bạn
trở lại và mãi mãi

Lidia Chiarelli

TIMES SQUARE

Switch on
switch on once more
lights at Times Square.
Switch on for me
in my last night in New York.
The hot air in the streets is a gentle cloak
that wraps me up.
Like windmills moving and moving
don't stop your dance.
Let my eyes get lost
again
into your
whirl
so sweet
so intoxicating.

* *Lidia Chiarelli* (Torino, Italy). Artist and poet, co-founder, with Aeronwy Thomas, of the art-literary *Movement Immagine & Poesia* (2007). Lidia's passion for creative writing (started when she was a school teacher) has motivated her to write poetry and she has become an award winning poet since 2011.

TIMES SQUARE

Bật lên
bật lên một lần nữa
ánh sáng ở Times Square.
Bật lên vì tôi
trong đêm cuối cùng ở New York.
Không khí nóng trên đường phố là chiếc áo choàng
choàng lấy tôi.
Như những cối xay gió chuyển động và chuyển động
đứng dừng lại cuộc nhảy múa của anh.
Hãy để mắt tôi thất lạc
lần nữa
trong cơn
cuồng quay của anh
sao mà ngọt ngào
sao mà say sưa.

* *Lidia Chiarelli* (Torino, Italy), nghệ sĩ và nhà thơ, đồng sáng lập, với Aeronwy Thomas, phong trào văn học nghệ thuật *Imagine & Poesia* (2007). Sự đam mê sáng tác khi bà dạy học đã thúc đẩy bà làm thơ và trở thành nhà thơ đoạt giải từ năm 2011.

Carolyn Mary Kleefeld

SHEER MAGIC

for DC

Aroused by
your tender embrace,
I bloom like sheer magic
orchestrated by the divine.
Like quintessential chords,
we merge, dancing
in the shifting light,
wondrous to behold.
Our sublime moments unfurl
in an exotic twirl,
as we emit the musk of all lovers
lost beyond time.

* This poem is published in “The Divine Kiss: An Exhibit of Paintings and Poems in honor of David Campagna” Cross-Cultural Communications, NY, The Seventh Quarry Press, Wales 2014.

* *Carolyn Mary Kleefeld* was born in Catford, South London. Her family was Jewish.

HOÀN TOÀN MA THUẬT

for DC

Đánh thức bởi
vòng tay ôm dịu dàng của
anh, tôi bừng nở như ma
thuật hòa âm bởi thánh thần.
Như những hợp âm tinh túy
chúng tôi hòa nhập, nhảy múa
trong ánh sáng thay đổi,
nhìn ngắm đến dị thường.
Những khoảnh khắc thăng hoa
trả ra trong vòng xoáy lạ kỳ,
đương khi chúng tôi tỏa ra mùi xạ hương của những
người yêu nhau
mất đi không thể tìm lại.

* Bài thơ được in đăng trong “The Divine Kiss: An Exhibit of Paintings and Poems in honor of David Campagna” Cross-Cultural Communications, NY, The Seventh Quarry Press, Wales 2014.

* *Carolyn Mary Kleefeld* sinh tại Catford, South London. Gia đình bà là người Do Thái.

MEASURE

Am I, my daughter asks, backing to her mom,
am I taller yet, and I use a level to rule, not
quite, an eighth, a sixteenth even, maybe later
this month, but today's the end of it, isn't it,

May's upon us almost unnoticed, days like
apple blossoms already disappearing in the grass,
the kid's half-birthday slid past, my brother's too
though were he alive I'd call to celebrate, share his

wonder how we got this old, more days than dad,
how many Aprils since that funeral, how many
since my first wife's, and wasn't that a fine prank,
breathing her last, lilac still a full moon away.

THƯỚC ĐO

có phải, con gái tôi hỏi, đánh cuộc với mẹ nó, bây giờ con cao hơn, và con dùng cây thước đo chiều cao, không hoàn toàn chính xác, sai số 1/8 inch, có khi 1/16 inch, nhưng

hôm nay xong rồi, có lẽ lần sau trong tháng này, phải không. Tháng Năm với chúng tôi, thời gian như cây táo nở hoa rồi biến mất trên bãi cỏ, nửa sinh nhật của con bé đã trôi đi,

cũng như nửa sinh nhật của cậu em tôi, nếu cậu còn sống tôi sẽ gọi chúc mừng, chia sẻ điều kỳ diệu làm sao chúng tôi sống tới tuổi này, hơn cả cha tôi, bao nhiêu những tháng Tư

từ khi đám tang cậu em tôi, bao nhiêu những tháng Tư từ khi đám tang người vợ đầu tiên của tôi, và phải chăng đó là trò đùa tháng Tư, nàng thở hơi cuối cùng, trong khi hoa tử đinh hương vẫn nở mà tháng trăng tròn ấy không còn nữa.

* *George Perreault* is from Reno, Nevada, and his most recent collection, *Bodark County*. He has received a fellowship from the Nevada Arts Council and an award from the Washington Poets Association, was a finalist for the Backwaters Prize. His poems have been nominated for the Pushcart Prize and selected for ten anthologies and dozens of magazines.

* *George Perreault* đến từ Reno, Nevada, và tuyển tập thơ gần đây nhất của ông, *Quận Bodark*. Ông nhận học bổng từ Hội đồng Nghệ thuật Nevada và giải thưởng từ Hiệp hội Thơ Washington, chung kết trong giải Backwaters. Những bài thơ của ông đã được đề cử giải Pushcart và tuyển chọn cho 10 tuyển tập và hàng chục tạp chí.

Jared Carters

CATARACT

In a trance from the beginning,
 then as now – white
Water casting sudden spinning
 whorls of light

Among the rocks, canyon falling
 into shadow,
No clear passage, no one calling
 at your elbow

Knows the channel. With that balance
 still beneath you,
Steer the bow, until the same trance
 shows the way through.

* *Jared Carter's* most recent book, *Darkened Rooms of Summer: New and Selected Poems*, was published in 2014 by the University of Nebraska Press. He lives in Indiana.

THÁC NƯỚC LỚN

Trong trạng thái hôn mê từ lúc bắt đầu,
sau đó như bây giờ – nước
Trắng phản ánh thành linh
những vòng xoắn ánh sáng

Giữa những vách đá, hẻm núi rơi
trong bóng râm,
Không có hành lang rõ ràng,
không ai gân bên

Biết rõ lòng suối. Với sự cân bằng
lặng lẽ bên dưới,
Tự hướng theo, cho đến khi sự hôn mê giống như vậy
chỉ lối xuyên qua.

* *Jared Carter* hiện sống tại Indiana. Tác phẩm mới nhất, *Darkened Rooms of Summer: New and Selected Poems*, 2014, do University of Nebraska Press xuất bản.

Sheikha A.

REMINISCENCE

Fresh, new page
Beginning of a new morning,
I look outside the window
The lavender tree withered.
So many years
Growing amongst those leaves,
The loss borne by them
Its scent lingering.

Nothing has changed,
Today's the duplicate of yesterday,
Drudgery has crawled in
Weaved into this circle of routine.

New seeds are sown now,
We wait for the right season,
In time there will be new growth
But your scent lingers still.

* *Sheikha A.* is from Pakistan and United Arab Emirates. Her work has appeared in over 100 literary venues, both print and online.

SỰ HỒI NHỚ

Tươi tắn, ngày mới
Bắt đầu buổi sáng mới,
Tôi nhìn ra cửa sổ
Cây oải hương héo tàn.
Quá nhiều năm
Lớn lên giữa những chiếc lá này,
Mang theo sự mất mát
Mùi hương còn sót lại.

Không có gì thay đổi,
Hôm nay là bản sao ngày hôm qua,
Sự lao nhọc bò vào
Len lỏi trong vòng thói quen.

Những hạt mầm mới vừa gieo,
Chúng ta chờ mùa tới,
Đúng lúc có sự sinh trưởng mới
Nhưng mùi hương sót lại hãy còn.

* *Sheikha A.* đến từ Pakistan và United Arab Emirates. Tác phẩm của bà xuất hiện trong hơn 100 địa điểm văn học, cả in ấn và trực tuyến.

Sheikha A.

NEW LEAF

What leaf is this
springing up under
the gardenia's dead branches
wooden network for the invisible
where a spider anchors its silk?
No shape like this
on the flower pot sill
it proliferates is
the start of a forest

**Sheikha A.* is from Pakistan and United Arab Emirates. Her work appears in over 100 literary venues, both print and online. More about her published works can be accessed from her blog sheikha82.wordpress.com

LÁ MỚI

Đây là cái lá nào
hiện ra trong mùa xuân dưới những cành cây dành dành chết
mạng lưới vô hình nơi
con nhện bám chặt lấy sợi tơ nhện?
Không có hình dạng như thế
trên chậu hoa bậu cửa sổ
nó nảy nở và
bắt đầu một rừng cây

**Sheikha A.* đến từ Pakistan và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Tác phẩm của bà xuất hiện ở hơn 100 địa điểm văn học, cả in ấn và trực tuyến. Thông tin thêm về các tác phẩm đã xuất bản của cô có thể được truy cập từ blog sheikha82.wordpress.com

Nancy Shiffrin

TWISTED TREE

twisted tree
roots cracking the sidewalk
branches spread like outstretched arms
to make a playground for
the little boy climbing
falling
crying for his mother
how I long to hold him

by copyright 2014

**Nancy Shiffrin* is an American poet and teacher. Her work has been published in the Los Angeles Times, The Canadian Jewish Outlook, Religion and Literature, Humanistic Judaism, New York Quarterly.

CÂY UỐN CÀNH

cây được uốn cành
rẽ làm nút lể đường
những cành cây lan rộng như những cánh tay vươn ra làm sân
chơi
cho đứa bé trai trèo
ngã
kêu đòi mẹ
tôi nóng lòng làm sao giữ nó

**Nancy Shiffrin* là nhà thơ và giáo sư Mỹ. Tác phẩm của bà được đăng ở Los Angeles Times, The Canadian Jewish Outlook, Religion and Literature, Humanistic Judaism, New York Quarterly.

Wendy Barker

THE HOLLOW

of a silver spoon, a palm,
fingers curling a shallow bowl.

To spoon-feed. Applesauce,
oatmeal, cream of wheat, chicken

broth. To enter the cave
of a waiting mouth. The bowl

up-turned, emptied of
the little it carries.

* *Wendy Barker* was born September 22, 1942, in Summit, New Jersey, but grew up in Phoenix and Tucson, Arizona. Between 1968 and 1982 she lived in Berkeley, California

CHỖ LỖM

của cái muỗng bạc, lòng bàn tay,
những ngón tay ôm lấy cái bát nông.

Ăn bằng muỗng. Nước sốt táo,
bột yến mạch, kem lúa mì, nước

súp gà. Đưa vào miệng đang
há chờ. Bát

lật úp, không còn
bất cứ chút gì.

* *Wendy Barker* sinh ngày 22, tháng 9 năm 1942 tại Summit, New Jersey, nhưng lớn lên ở Phoenix và Tucson, Arizona. Giữa năm 1968 và 1982, bà sống ở Berkeley, California

Wendy Barker

THE STERLING PLATTER

is engraved with patterns
of vines and leaves, florid
intricacies hidden when laden with
porcelain cups and saucers, sugar bowl
and creamer, tea pot, and white damask
napkins, so you don't notice the design
coils like a labyrinth with
no way in, or out.

Coil (v): hiện hữu

MÂM GỖ TỐT

được chạm khắc với kiểu mẫu
những dây nho và lá, hoa mỹ, phức tạp, che khuất khi chất đầy
những cốc và đĩa sành sứ, chén đầy đường
và tách, bình trà, và napkin trắng vẽ hoa,
như vậy bạn đừng để ý tới cách bày trí
hiện hữu giống như mê cung
không lối vào, hay ra.

Tim J Brennan

GARAGE SALE

If you don't want to hear
about old radio ads or the time

it took to write them or the decades
of dreams about money –

if you're not too eager to discuss
a celebration or the boredom of it

at the same time, buying a dead
person's stuff allows the deceased

to keep on living for a while longer,
if only in the garage of the seller.

The madness of a dead person
is personal, but you will need to keep up

BÁN ĐỒ CŨ

Nếu bạn không muốn nghe về những quảng
cáo đã qua trên radio hoặc

thời gian để soạn chúng hoặc những thập
kỷ về những giấc mơ tiền –

Nếu bạn không thiết tha bàn cãi hoặc
khó chịu về sự tán dương, cùng lúc,

mua đồ đạc của người chết để họ
được sống một khoảnh khắc lâu hơn, dù

chỉ trong chỗ đậu xe của người bán
đồ cũ. Sự rõ dại của người chết

thuộc cá nhân, nhưng bạn cần giữ với
tất cả sự im lặng, những đám mây

with all the silence, the dark clouds,
all the shifting from love to hate

and back to love again. If you don't want
to hear about a good or a bad goodbye,

put the dead person's stuff down
slowly onto the table and back away.

* *Timothy Brennan* was born in City of Milwaukee, Wisconsin
tate.

u ám, mọi thay đổi từ yêu đến
ghét, và yêu trở lại. Nếu bạn không

muốn nghe lời từ biệt tốt hoặc xấu,
hãy để đồ đạc của người chết xuống

chậm rãi lên trên bàn và rút lui.

* *Timothy Brennan* sinh ra ở thành phố Milwaukee, tiểu bang
Wisconsin

Maki Starfield

AINU GIRL

“Silver drops fall all around, golden drops fall all around”
The Ainu Legends of Chiri Yukie

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

Beautiful birds, beautiful country
Surrounded by nature
The ancestors were living freely

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

Hills and fields become a village,
the village becomes a town
Eventually people hate and kill each other
The beautiful spirit has vanished

CÔ GÁI AINU

“Những giọt bạc rơi rớt khắp nơi, những giọt vàng rơi
rớt khắp nơi”

Ainu Legends của Chiri Yukie

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

Những chim muông đẹp, đất nước đẹp
Được bao quanh bởi thiên nhiên
Những tổ tiên sống thoải mái

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

Những ngọn đồi và cánh đồng trở thành làng,
làng trở thành thị xã
Cuối cùng con người ghét và giết nhau
Tinh thần đẹp biến mất

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

* Ainu là ngôn ngữ của người bản xứ trên hòn đảo phía Bắc của Hokkaido, Nhật bản. Ngôn ngữ đó bây giờ đã biến mất. Và Yukie (mất năm 19 tuổi) là người đầu tiên giới thiệu ngôn ngữ Ainu trong xã hội hiện đại.

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

* The Ainu languages are a small language family originally spoken on the northern Japanese island of Hokkaido. Now, the lang is disappearing ... Yukie who was the first person to introduce the lang to us in the modern society. She died at 19.

* *Maki Starfield* was born in Ehime, 1972. She began to make haiku in 2008, where she became recipient of a prize at the 12th annual Mainichi Haiku Contest. Japanese-English Bilingual Books: “Duet of Dots” co-authored with Naran Matos in 2015, “Duet of Lines” co-authored with Luca Benassi, “Trio of Crystals” co-authored with H el ene Cardona and John FitzGerald in 2017.

* *Maki Starfield* sinh ra ở Ehime, năm 1972, cô bắt đầu làm haiku vào năm 2008. Cô đã được giải thưởng tại cuộc thi Mainichi Haiku lần thứ 12. Sách song ngữ Nhật-Anh: “Duet of Dots” đồng tác giả với Naran Matos vào năm 2015, “Duet of Lines” đồng tác giả với Luca Benassi, “Trio of Crystals” đồng tác giả với H el ene Cardona và John FitzGerald năm 2017.

AROUND THE TABLE

I cannot recognize my nephew's face
in the picture his mother sends me.

What I can see through fog
from four cigarettes and around
corpses left in closets distorts,
only the best is exposed.

The scream of my brother's absence
open wounds he wears, past the edges
of memory are my faded scars.

What isn't said is the only sound.

* *James Daniel Spears'* poetry has been featured in *Jump*, and *The Annual Tejano*, and is upcoming in *The Eunoia Review*. He lives a humble life in his hometown of El Paso, Texas with his nephew, two dogs, and one angry cat.

QUANH BÀN

Tôi không thể nhận ra mặt cháu trai tôi
trong bức ảnh mẹ cháu gửi cho tôi.

Điều méo mó tôi có thể thấy qua vết mờ
từ bốn người hút thuốc và những ấn dấu chung quanh trong
căn buồng,
là những gì tốt nhất được phô bày.

Tiếng kêu vắng mặt của em tôi
không dấu diếm những vết thương lòng,
qua những rìa ký ức là vết sẹo mờ nhạt của tôi.

Điều không thể nói là tiếng kêu duy nhất.

* Tử thi (corpses) ở đây là những bộ xương (skeletons). “Hiding skeletons in your closet” có nghĩa là một người có điều gì che giấu.

* *Thơ James Daniel Spears* được đề cao trong *Jump*, và *The Annual Tejano*, và sắp tới trong *Eunoia Review*. Ông sống một cuộc sống khiêm tốn ở quê nhà El Paso, Texas với cháu trai, hai con chó và một con mèo giận dữ.

BOUQUET

she wears flowers, geraniums,
chrysanthemums in bloom –
sick as she is

asks questions
to the harvester of veins
turned toward sunshine
while petals shed, she wilts
arranged in corresponding
shades of gray

in cowboy boots
with her paper gown, mask –
skin taken from a rhinoceros

never decay, sick as she is
she wears flowers, given to rest
after all

the harvest
of veins there must be
something she can give to life

BÓ HOA

Nàng mang hoa, hoa phong lữ,
hoa cúc đang nở –
ôm yếu như nàng

đặt câu hỏi
với người thu hoạch nguồn cảm hứng
quay về hướng ánh nắng
khi những cánh hoa rơi rụng, nàng tiêu tụy
nường theo
bóng màu xám

trong đôi giày ống cao bồi
với áo choàng, che kín –
bằng da cá xấu

không bao giờ suy nhược, ôm yếu như nàng
nàng mang hoa, tặng phần còn lại
cuối cùng

mùa màng
của nguồn cảm hứng phải
là điều gì nàng trao cho đời

Huguette Bertrand

U-TURN

Since they turned their back on me
I turned my back on them
leaving like a shadow
unnoticed

A choice occurred
and I went walking in the alleys
met a whole lot of free words
circling around the clock
peace loving words
and also muddy words
which I left aside
By no means
each word is an alley to follow
if the mind makes the right choice

* *Huguette Bertrand* born in Sherbrooke (Québec), Canada.

QUAY NGƯỢC

Vì chúng quay lại tôi
Tôi quay lại chúng
lưu lại như một cái bóng
bị làm ngơ

Chọn lựa xảy ra
và tôi đi dạo trong những lối mòn
gặp toàn chữ nói về tự do
như kim đồng hồ quay
những chữ yêu hòa bình
và cũng như những chữ mập mờ
tôi bỏ qua bên
Mỗi chữ ...
không phải là lối mòn đi theo
nếu tâm trí chọn đúng

* *Huguette Bertrand* sinh tại Québec, Canada.

BREAK AND BRICKS

Break all the walls down
and let dreams come out from darkness
letting them expand in the wilderness
of all memories confined
behind closed doors

Break all the walls down
to let the flowers grow
and all the trees also
fragrance and shade will radiate
the whole landscape of wounded minds
leaving behind the canvas of dusty times

Let's take the bricks of walls
to build houses with open smiling doors
to let in the wind blowing words
wrapped with light
and peace on hand

CHỖ VỠ VÀ GẠCH

Đập vỡ tất cả những bức tường xuống
và để những giấc mơ ra từ bóng tối
hãy để chúng trải rộng trong hoang vu
của tất cả ký ức bị nhốt kín
đằng sau cánh cửa đóng

Đập vỡ tất cả những bức tường xuống
để cho những bông hoa đâm chồi
cũng như tất cả cây cối
mùi hương và bóng râm tỏa ra
toàn thể phong cảnh của tâm trí tổn thương
bỏ lại đằng sau giá vẽ của thời bụi bặm

Hãy để chúng ta lấy gạch của những bức tường
để xây những ngôi nhà với những cánh cửa tươi cười mở
để cho gió vào thổi lời
bao trùm với ánh sáng
và bình yên trên tay

INVITATION

Come
come close to these words gentle they won't hurt you
flying above arguments and rumors
together they are called poetry
and could grab your imagination
and play tricks on your mind
letting you feel like a bird
standing on the branch of an old oak
or maybe near a pond
watching frogs croaking
and even like a poet
watching the blue sky
while downstairs people are crying
like hell on the roads
nothing to eat no shelter
and some picturing the whole agony

since these words are only pleading
for peace and a good night sleep
come
come closer
the trick is over

LỜI MỜI

Đến

đến gần những chữ này
nhẹ nhàng chúng sẽ không làm tổn thương bạn
thoát khỏi những tranh cãi và tin đồn
với nhau chúng được gọi là thơ
và có thể chộp lấy tưởng tượng
và chơi trò đòn phép trong tâm trí
để bạn có cảm giác như con chim
đậu trên cành cây sồi già
hoặc có thể tới gần một cái ao
nhìn những con ếch kêu ộp ộp
và ngay cả giống như một nhà thơ
nhìn ngắm bầu trời xanh
trong khi ở dưới tầng lầu có người đang khóc
như nơi tối tăm trên những con đường
không có gì ăn, không nơi trú ẩn
và vài bức tranh toàn cảnh khổ đau

từ đó, những chữ này chỉ đang nài xin
cho bình an và một giấc ngủ đêm say
đến
đến gần hơn
trò đòn phép đã qua

Anna Maria Bracale Ceruti

I'M WRITING TO SET UP AN AMBUSH FOR YOU

to Carlo Dinale

I'm writing to set up an ambush for you
I cut my nails hooked I center myself
I take a she-cat-in-love leap
but I stumble in a low cloud
I have a she-cat heart
My bones don't break for the tumble
I had a close shave (I survived). And I think back
of my mother's words
"I have an odd daughter
whose head is always in the clouds".

* *Anna Maria Bracale Ceruti* is Italian poet and writer.

TÔI VIẾT ĐỂ CÓ ANH TRONG VÒNG TAY

Gửi Carlo Dinale

Tôi viết để có anh trong vòng tay
Tôi chú tâm cắt móng tay thành hình móc câu
Tôi làm một-cú-nhảy-của-con-mèo-cái-đang-yêu
nhưng sẩy chân vào một đám mây thấp
Tôi có trái tim khát tình của con-mèo-cái
Xảy chân nhưng vẫn an toàn
thoát trong gang tấc (tôi sống sót). Và tôi nhớ
những lời mẹ tôi
“Tôi có một đứa con gái kỳ cục
cái đầu luôn luôn ở trong những đám mây.”

* Bài thơ tình về mối tình không thành của tác giả thời thanh xuân. Trái tim khát tình: không giống như con người, loài vật chỉ làm tình trong một khoảng thời gian nhất định.

* *Anna Maria Bracale Ceruti* là nhà thơ và nhà văn người Ý.

Carolyn Mary Kleefeld

BETWEEN THE COLD, HARD ROCKS

Between the cold, hard rocks
gushes a leaping river,
sweet and fierce.

Between the raging ravines
of smoldering hearts
a river flows –
a human climate
that can taste like salt.

Beneath the cold, hard rocks
of misunderstanding that beget war,
lie the lucid waters from the core,
that ignoring words and opinions,
just flow ...

* This poem is published in "Vagabond Dawns," Cross-Cultural Communications, Merrick, NY 2009

* *Carolyn Mary Kleefeld* was born in Catford, South London. Her family was Jewish.

GIỮA NHỮNG HÒN ĐÁ CỨNG LẠNH

Một dòng sông nhấp nhô tuôn trào
giữa những hòn đá nhám lạnh,
lúc dịu dàng lúc dữ tợn.

Một dòng sông chảy
giữa khe núi giận dữ
của những trái tim nung nấu –
một tính khí con người
nếm mặn như muối.

Những dòng nước trong suốt tận đáy
bỏ qua những lời và ý, chảy
bên dưới những hòn đá xám lạnh
thiếu hiểu biết sinh ra chiến tranh ...

* *Carolyn Mary Kleefeld* sinh tại Catford, Nam London. Gia đình là người Do Thái.

ROOM ENOUGH

Lying in my old childhood bed, alone, spring orchard
south through the window, kitchen phone clattering, some
low words, a muted cry, and I knew my father had died.

Someone's job, of course, probably a practiced speech,
and I lay there a while, letting ripples settle into quiet,
old enough to know how we'd much rather go, alone,

when the prayerful finally let us be, in early morning,
before roosters, maybe a few dark-haunted crows
ratcheting sun into the sky, though it was hawks

I thought of, my father in that flimsy gown, held
so he could piss into a cup, his morphine-glazed eyes
taking but one sharp final glance, past us to the river.

PHÒNG VƯỜA ĐỦ

Nằm trên chiếc giường cũ thời tuổi thơ
của tôi, một mình, nhìn ra vườn cây
mùa xuân về hướng nam, qua cửa sổ,
trong bếp tiếng phôn bép xép, vài tiếng
khẽ, tiếng kêu nghẹn lại, tôi biết cha
tôi đã mất. Việc của ai đó, dĩ

nhiên, chắc hẳn một cách nói thường lệ
và tôi nằm đó một lúc, để cho
những tiếng rì rầm rơi vào yên lặng,
đủ già để biết làm sao những người
còn sống nhiều phần nên đi, một mình,

cuối cùng, cứ cho là chúng ta sùng
tín, vào sáng sớm, trước lũ gà trống,
có lẽ vài con quạ ma quái, khi
mặt trời nhích dần vào bầu trời, qua
đó mới thấy là những con diều hâu.

Tôi nghĩ về, cha tôi trong cái áo
choàng mỏng manh, được dìu tới tiểu trong
một cái chén, đôi mắt ông đờ đẫn
vì chất morphin, chỉ một cái liếc
sắc nét lần cuối cùng, đi qua chúng

And he saw something, I knew, something there
in the elms or clouds, maybe wind ruffling the water
with a soft rasp like his death-gnawed lungs, and he

nodded and lay down, counting the beads of triumph
and failure, just waiting for us to go home at last,
making our noisy way toward our own little sleeps.

* *George Perreault* is American Poet. He has received awards for
poetry in Nevada and Washington.

tôi về hướng dòng sông. Và ông nhìn
thấy gì đó, tôi biết, một điều gì
đó trong những cây du hoặc đám mây,
có lẽ gió làm lặn tằm trên mặt
nước với một tiếng khò khè yếu đuối
giống như cái chết gặm dân lá phổi,

và ông gật đầu và nằm xuống, lần
tràng hạt trắng thua, như đang chờ chúng
tôi về nhà lần cuối cùng, làm cho
đoạn đường ồn ào hướng tới cái chết
sau rớt của chính chúng tôi.

* *George Perreault* là nhà thơ Mỹ. Ông nhận được giải thưởng tại Nevada và Washington.

TABLEAU AT TWILIGHT

I sit in the dusk. I am all alone.
Enter a child and an ice-cream cone.

A parent is easily beguiled
By sight of this coniferous child.

The friendly embers warmer gleam,
The cone begins to drip ice-cream.

Cones are composed of many a vitamin.
My lap is not the place to bitamin.

Although my raiment is not chinchilla,
I flinch to see it become vanilla.

Coniferous child, when vanilla melts
I'd rather it melted somewhere else.

Exit child with remains of cone.
I sit in the dusk. I am all alone.

Muttering spells like an angry Druid,
Alone, in the dusk, with the cleaning fluid.

* *Ogden Nash*: Ông là nhà thơ Mỹ.

HOẠT CẢNH HOÀNG HÔN

Tôi ngồi trong chạng vạng. Chỉ một mình.
Một đứa trẻ đến với một cây kem hình nón.

Phụ huynh dễ dàng ngạc nhiên
Bởi tầm nhìn của đứa trẻ giống trái tùng này.

Than hồng thân mật tia chiếu ấm áp,
Cây kem hình nón bắt đầu nhỏ giọt.

Cây kem nhiều vitamin.
Vạt áo tôi không phải là nơi để dính kem.

Mặc dù quần áo của tôi không phải bằng len,
Tôi do dự khi thấy nó trở thành vanilla.

Đứa trẻ trái tùng, khi vanilla tan chảy
Tôi thích nó tan chảy ở đâu đó.

Đứa trẻ đi khỏi với phần còn lại của cây kem.
Tôi ngồi trong chạng vạng. Chỉ một mình.

Những câu thần chú lẩm bẩm như một Druid tức giận,
Một mình, trong chạng vạng, với chất lỏng đã lau sạch.

* bitamin chỉ là một chữ để tạo thành vần điệu, gợi lên như thể cây kem nhỏ giọt trên đùi anh ta. Druid là một linh mục người Celtic cổ đại, tổ tiên người Ailen, xứ Wales và người Scotland.

Germain Droogenbroodt

THE LIGHT

It dawns,
the sun rises
out of nowhere

ignites
what only apparently
seems to come from afar

although it is near
and within us:

the light.

* *Germain Droogenbroodt* is a Belgian poet born 11 September 1944 in Rollegem.

ÁNH SÁNG

Rạng sáng,
mặt trời mọc
từ nơi xa

nhóm lửa
những gì rõ ràng
đường như đến từ xa

mặc dù nó gần
và trong chúng ta:

ánh sáng.

* *Germain Droogenbroodt* là nhà thơ Vương quốc Bỉ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1944 tại Rollegem.

BANGKOK

Confused and scattered
Eternal holy city
Brilliant light of gold
Reeking smoke and dim.
It is possible to dull the gleam of pearl
Cleaning this dusty and overcast earth?

Beautiful Chao Phraya
Continues to flow as the sun sinks.

Dull fading green
This earth is eroded and torn.
Sky scrapes and monasteries
Congested streets.

Bangkok,
Everything shakes in utter confusion
Day turns to night unchanging.
My countries capital!

Thailand (1940)

Translation: Zakaria Ali

BANGKOK

Lẫn lộn và tản mát
Thành phố linh thiêng đời đời
Ánh sáng vàng rực rỡ
Bốc khói và mờ mờ.
Có thể làm xin chút ánh sáng của hạt ngọc
Làm sạch bụi và che kín mặt đất?

Dòng sông Chao Phraya đẹp
Tiếp tục chảy như mặt trời lặn.

Màu xanh mờ nhạt
Trái đất bị ăn mòn và rách ra.
Bầu trời nọ và những tu viện
Những con đường đông nghịt.

Bangkok,
Mọi thứ lay động và hoàn toàn lẫn lộn
Ngày thành đêm không thay đổi.
Thành phố quê hương tôi!

* *Naowarat Pongpaiboon* là nhà thơ Thái Lan.

Maki Starfield

POEM FOR THE MASTER PAINTER,
MR. GOINO

The painting of six sunflowers that shine
 forever
Came unexpectedly to my house
Out of Van Gogh's time, into my room
Your sunflower painting was placed

The sky is royal blue
 my heart is trembling
The painting of six sunflowers
 is like my God
Placing my hands together, shedding tears,
I will give thanks and pray to you.

In my once-lonely room,
How your sunflower painting
Will burn in the pouring light!
Just sitting, I am in the midst of joy
The painting of six sunflowers that Van Gogh

BÀI THƠ CHO HỌA SĨ BẬC THẦY,
ÔNG GOINA

Bức tranh sáu đóa hoa hướng dương chiếu sáng
 mãi mãi
Không ngờ thấy nơi nhà tôi
Từ thời Van Gogh, bức hoa hướng dương của ông
Được đặt trong phòng tôi

Bầu trời xanh huy hoàng
 trái tim tôi run rẩy
Bức tranh sáu đóa hướng dương
 giống như Thượng đế của tôi
Cầm tay nhau, nước mắt rơi
Tôi sẽ chuyển lời cảm ơn và cầu nguyện cho ông.

Trong căn phòng hiu quạnh trước kia,
Làm sao bức hướng dương của ông
Sẽ cháy trong ánh sáng chan hòa!
Tôi vừa ngồi, giữa niềm vui
Bức tranh sáu đóa hướng dương Van Gogh

could not paint
You who are splendidly painted
Are the most beautiful
I wish and wish, joy in my heart
My wish overlaps with your love
I wanted you, only you ...
It is because of you that I wish so.

* Huye: Một loại trục trặc Mỹ fella: Fellow CO: Commanding Officer
Gook is a derogatory term for certain people of East and Southeast Asian
descent.

không thể vẽ
Ông đã vẽ một cách lộng lẫy
Là đẹp nhất
Tôi muốn và muốn, niềm vui trong trái tim tôi
Điều mong muốn của tôi gởi lên tình yêu ông
Tôi muốn ông, chỉ ông thôi ...
Đó là bởi vì ông mà tôi muốn vậy.

**Maki Starfield*, bà sinh tại Ehime, tỉnh nhật bản, năm 1972.

FALLEN LEAVES

*When we are distant from nature
we are distant most from ourselves.*

To save the world
he leapt into the stream
with his empty cup.

Fallen leaves quicken
in the narrows and gather in the pools,
swirl above the stones in the eddies.

Mingling in the backwater
they touch color to color near a silent shore.

From the bridge, I study the moving water,
a mirror to my upstream journey.

Each morning adds
into weeks and months, until one day
I arrive at my little bridge

To see all the imagined routes made tangible –
because all the slow water has frozen.

NHỮNG CHIẾC LÁ RƠI

*Khi chúng ta rời xa thiên nhiên
Chúng ta rời xa hầu hết chính chúng ta*

Để cứu vãn thế giới
hắn nhảy vào dòng suối
với chiếc ly rỗng.

Những chiếc lá rơi nhanh
cuộn đi trên đá ở vùng nước xoáy,
nơi khúc sông hẹp và tụ lại trong ao.

Trộn lẫn vào chỗ nước đọng
chúng đổi màu gần bờ biển lặng lẽ.

Từ trên cầu, tôi nhìn ngắm nước chuyển động,
một phản chiếu với chặng đi ngược dòng của tôi.

Cứ như thế mỗi buổi sáng
tuần này tháng nọ, cho đến một ngày
tôi đến chiếc cầu nhỏ của tôi

Nhìn thấy tất cả những tuyến đường tưởng tượng trở nên thấy
được— bởi vì tất cả dòng nước chảy chậm đã đóng băng.

* *Mark B. Hamilton* là nhà thơ Mỹ.

FAMILY REUNION

It was always worst
just before we disembarked,
while the Hueys hovered
insolently slapping the air.

Pointing to me someone shouted,
Throw him out first,
one look and the gooks
will think we're friendly.

That's right fellas,
the CO laughed,
this boy has kin
out there.

It amused me too
to imagine someone hiding
below us in the grass
with my photo in his wallet.

It was a joke to be shared
with everyone
we killed.

SUM HỌP GIA ĐÌNH

Điều đó luôn luôn tệ hại
ngay trước khi chúng ta lên bờ
trong khi chiếc trực thăng Huye bay lượn
âm âm trên không.

Có người chỉ vào tôi thét lên,
đẩy hẳn ra,
một cái nhìn và những người Á châu,
sẽ nghĩ chúng ta thân thiện.

Đó đúng là người bạn,
vị sĩ quan chỉ huy cười,
cậu con trai này có bà con
ngoài kia.

Nó cũng làm tôi thích thú
tưởng tượng có ai đó nấp
bên dưới chúng tôi trong cỏ
với tấm hình tôi trong ví hắt.

Đó là trò đùa được chia sẻ
với mỗi người
chúng tôi đã giết.

* *Mark S. Osaki* was born in Sacramento, California. (Nhà thơ Mỹ, sinh tại California).

Robert Lima

THE WORD BECAUSE OF YOU

The word because of you
the tension, too, unbending
visceral and lonely
felt through mind and joints
in the process of dispersion

There is a recognition then
of word unspoken yet
yet cadenced in the ear
with silent rhythm, deep-set beat
that go unceasingly

Uncharted parts receive
the cargo of that voice
and undulate upon the impact
of the silent vocal thrust ...

the word because of you

LỜI NÓI VÌ EM

Lời nói và sự căng thẳng
cũng vậy bởi vì em, mạnh mẽ
và quạnh quẽ cảm nhận qua
cơ thể tâm trí và những khớp xương
trong tiến trình phân tán

do đó sự nhận ra
lời không nói lúc này
vẫn vắng vắng bên tai
với nhịp điệu im ắng, tiếng đập sâu thẳm
không dứt

Những phần không thấy nhận ra
ý nghĩa của tiếng nói đó
và gợn sóng trên sự va chạm
của sức mạnh thanh âm im lặng ...

lời nói vì em

* *Robert Lima* là nhà thơ người Cuba, sinh tại Mỹ, năm 1935.

Jordan Trethewey

THINGS WE SWALLOWED
AS CHILDREN

touch the wings of a Monarch butterfly
flightless death is certain
without scales, never another winter
reunion in Mexico
hug your children, repeat
I love you, they become soft and
perverse as ice cream, unable to bob
and weave – get up off the floor

ĐIỀU CHÚNG TA HỌC ĐỂ TIN
NHƯ TRẺ EM

Chạm vào đôi cánh của bướm Monarch
con bướm chết không thể bay
không có cánh, không bao giờ có một mùa đông khác
gặp gỡ ở Mexico
ôm lấy bọn trẻ, lập lại
cha thương con, chúng trở nên mềm yếu và
tan chảy như cà rem, không thể nào tránh né
trận đánh – đứng dậy khỏi sàn đấu

UNDEAD HOURS

creepy children stare into
monochrome monitors
standing on tippy-toes
white eyes boring holes
in luminescent screens
chirping like canaries in
abandoned coal mines
sonic signals sent
cause brain tumours on
frequencies only pets hear
until zombie caretakers
awake to comfort with
stiff-limbed cuddles
grunted lullabies

* *Jordan Trethewey* lives with his family in Fredericton, New Brunswick, Canada. He has published two poetry chapbooks (Bathroom Stall Stanzas, 2011, and Wishing on Satellites, 2016)

NHỮNG GIỜ CANH THỨC

Nhìn chăm chăm vào những thiết
bị đơn sắc những đứa trẻ
bò đứng kiễng chân những con
mắt trắng nhìn xuyên thấu qua
những màn hình phát quang chúng
kêu chiêm chiếp như con chim
bạch yến nơi những mỏ than
bỏ hoang những tín hiệu âm
thanh tưởng như đang gây ra
khối u não với những tần
số chỉ dành cho loài thú
nuôi nghe cho đến khi những
người chăm sóc lảng đàng tỉnh
giác dỗ dành ôm ấp với
những cánh tay mệt mỏi những
lời ru lầm bầm

* *Jordan Trethewey* sống với gia đình ở Canada. Ông đã xuất bản hai tập thơ (*Bathroom Stall Stanzas*, 2011, và *Wishing on Satellites*, 2016).

* Bài thơ nói về sự chăm sóc đứa trẻ sơ sinh hay khóc đêm, qua một thiết bị có màn hình (baby monitor). Tiếng khóc làm những người chăm sóc có cảm giác như có khối u đang xuất hiện trong đầu, tâm trí lảng đàng vì thiếu ngủ.

HEARTS

I am a frequent
apocalyptic flyer
looking to land my
rusty, shopping cart heart
in which nothing is ever
bright, dent-free or new.
Your heart is
a redemption centre
where I cash in
my worthless self
and transform into
a useful currency.

NHỮNG TRÁI TIM

Tôi là kẻ sống thường
xuyên với sách khai huyền
mong ghé vào trái tim
cau có chất đầy mọi
thứ không có gì sáng
chói mãi, không sút mẻ
hoặc mới. Trái tim em
là trung tâm cứu chuộc
nơi tôi gửi cái tôi
vô giá trị và đổi
thành đồng tiền có giá.

TEACHER – OUR FUTURE MAKER

Giving us knowledge of something is a teacher,
Having an inbuilt experience feature.

A good teacher teaches us by heart,
And prays God for our part.

A teacher helps us in developing our mind,
In such a way that is very kind.

A teacher teaches us tricks to achieve our goal,
And warns us to remain careful to avoid any hole.
Without the help of a teacher, we can't work right,

And many difficulties will appear in our life.
In this vast world, they are teachers and parents only ,on
whom we can rely,

They always keep on us their eye.
And we are confident that they never tell a lie,
They gives us blessings so that we can fly high.

That's why , Parents are our caretaker,
And teachers are our future maker.

* *Sahaj Sabharwal* là người Ấn Độ (India), sinh năm 2002.

NGƯỜI THẦY – ÔNG TẠO TƯƠNG LAI

Cho chúng ta nhận biết điều gì về một người thầy,
Nét đặc trưng kinh nghiệm vốn có.

Một người thầy giỏi dạy chúng ta bằng một tấm lòng,
Và cầu xin Chúa vì lợi ích của chúng ta.

Một người thầy giúp chúng ta mở mang đầu óc,
Theo cách thức rất tử tế.

Một người thầy dạy chúng ta đòn phép để đạt được mục đích,
Và cảnh cáo chúng ta vẫn phải cẩn thận để tránh mọi khó khăn.
Với không có sự giúp đỡ của người thầy, chúng ta không thể làm đúng,

Và rất nhiều trở ngại sẽ gặp phải trong cuộc đời chúng ta.
Trong thế giới bao la, chúng ta chỉ có thể dựa vào thầy giáo và cha mẹ,

Họ luôn luôn theo coi sóc chúng ta.
Và chúng ta tin rằng họ chẳng bao giờ nói dối,
Và họ cho chúng ta những điều may mắn nhờ đó có thể bay cao.

Đó là tại sao, cha mẹ là người trông nom nhà cửa,
Và thầy giáo là ông tạo tương lai.

MORNING

I've got to tell you
how I love you always
I think of it on grey
mornings with death

in my mouth the tea
is never hot enough
then and the cigarette
dry the maroon robe

chills me I need you
and look out the window
at the noiseless snow

At night on the dock
the buses glow like
clouds and I am lonely
thinking of flutes

I miss you always
when I go to the beach
the sand is wet with
tears that seem mine

BUỔI SÁNG

Tôi phải nói với em
làm sao tôi luôn yêu
em tôi nghĩ về điều
đó vào những buổi sáng

xám với nỗi chết trong
miệng rồi trà chưa bao
giờ đủ nóng và thuốc
lá khô chiếc áo khoác

màu hạt dẻ làm tôi
lạnh tôi cần em và
nhìn tuyết im ắng ngoài

cửa sổ trong đêm nơi
vũng tàu đậu những chiếc
xe buýt rục rờ như
đám mây và tôi lẻ

loi nghĩ về những ống
sáo tôi luôn mất em
khi tôi ra bãi biển
cát ướt với nước mắt

although I never weep
and hold you in my
heart with a very real
humor you'd be proud of

the parking lot is
crowded and I stand
rattling my keys the car
is empty as a bicycle

what are you doing now
where did you eat your
lunch and were there
lots of anchovies it

is difficult to think
of you without me in
the sentence you depress

me when you are alone
Last night the stars
were numerous and today
snow is their calling

đường như của tôi mặc
dù tôi chưa bao giờ
khóc và giữ em trong
trái tim tôi với niềm

vui thích em có vẻ
tự hào bãi đậu đông
xe và tôi đứng lúc
lắc chùn chìa khóa chiếc

xe hơi trông trơn như
xe đạp bây giờ em
đang làm gì em ăn
trưa ở đâu và có

nhiều cá trông không thật
khó nghĩ về em với
không có tôi trong ý
tưởng em làm tôi buồn

phiên khi em ở một
mình đêm qua những vì
sao đầy đặc và hôm
nay tuyết là danh thiếp

card I'll not be cordial
there is nothing that
distracts me music is
only a crossword puzzle

do you know how it is
when you are the only
passenger if there is a
place further from me
I beg you do not go

của chúng tôi không thân
thiết không có gì làm
tôi sao lãng âm nhạc
chỉ là trò đố chữ

em có biết thế nào
khi em là người hành
khách duy nhất nếu đó
là nơi xa hơn nơi
tôi xin em đừng đi.

* *Frank O'Hara* (1926 – 1966) was an American writer, poet, and art critic. A curator at the Museum of Modern Art, O'Hara became prominent in New York City's art world. O'Hara is regarded as a leading figure in the New York School, an informal group of artists, writers, and musicians who drew inspiration from jazz, surrealism, abstract expressionism, action painting, and contemporary avant-garde art movements. (www.wikipedia.org)

* anchovy: tiếng Mỹ dịch nghĩa “ cá trổng”; tương tự như cá cơm/ cá dổi trong tiếng Việt.

* Bài thơ của Frank O’ Hara được sáng tác vào thập niên 1960s.

* *Frank O’Hara* (1926 – 1966) là một nhà văn, nhà thơ và nhà phê bình nghệ thuật người Mỹ. Ông phụ trách tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại, và đã khẳng định mình trong thế giới nghệ thuật New York. O’Hara được coi là nhân vật hàng đầu của Trường New York, một nhóm nghệ sĩ, nhà văn và nhạc sĩ không chính thức, những người đã lấy cảm hứng từ nhạc jazz, chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa biểu hiện, trừu tượng, bức tranh của các phong trào, và với hành động nghệ thuật tiên phong đương đại.

* *Dịch giả*

Khế Iêm, tên thật Lê Văn Đức, sinh năm 1946, tại Lê xá, Vụ Bản, Nam Định, Bắc Việt Nam. Ông sáng lập và chủ biên *Tạp chí Thơ*, 27 số, (1994–2004); *Báo Giấy*, 66 số, (2014–2021); báo song ngữ *Poetry Journal*, 11 số, (2016–2020) báo *Thơ* (2021–). Ông đã xuất bản: *Hột Huyết*, kịch (1972); *Thanh Xuân*, thơ (1992), *Vũ Điệu Không Vần*, tiểu luận (2019); *Con Đường Thơ Toàn Tập* (2021); *American Poetry / A Memorable Time – Thơ Mỹ, Một Thời Đáng Nhớ* (2023).

LỜI BẠT

Được sự đồng ý của nhà thơ Mark Jarman, đồng biên tập (với David Mason) tuyển tập “Rebel Angels: 25 Poets Of The New Formalism” (Những Thiên Thần Nổi Loạn: 25 Nhà Thơ Tân Hình Thức) do Story Line Press xuất bản năm 1998. Tôi xin giới thiệu với bạn đọc một số bài thơ dịch, trích trong tuyển tập này. Trong tuyển tập cũng có sự đồng ý của Mark Jarman và những nhà thơ tự do, đặc biệt có 4 nhà thơ thường liên lạc với tôi qua tờ báo song ngữ *Poetry Journal In Print* (2016 – 2020). Đó là Frederick Turner, Frederick Feirstein, Tom Riordan, Dana Gioia ... và gửi những tác phẩm thơ nổi tiếng tặng tôi, như *Dark Energy, New and Selected Poems, Fathering* của Frederick Feirstein; *99 Poems, New & Selected, Studing With Miss Bishop, The Ballad of Jesus Ortiz* của Dana Gioia; *Strange Seasons* của Stanley H. Barkan; *The Brittle Sea* của Paul Henry

“Những Thiên Thần Nổi Loạn” là dòng thơ thơ Tân hình thức Mỹ đầu tiên, hồi phục lại thể luật (cũng giống như thơ vần điệu Việt), quan trọng hơn, hồi phục lại nhịp điệu thơ đã mất sau một thời kỳ dài của thơ tự do. Những bài thơ trong tuyển tập vì thế, bao gồm những bài thơ thể luật, có *vần* và *không vần*. Khi dịch, tôi vẫn giữ nguyên số âm tiết của dòng thơ (10 hoặc 8 âm tiết), tương đương với số chữ trong thơ Việt, và *không vần*. Bởi vì hình dạng đều đặn của dòng thơ, tạo tâm lý thoải mái khi đọc, không bị cảm giác vướng mắt vì dòng dài ngắn như thơ tự do.

Nhịp điệu ròn rã và nghệ thuật ngôn từ của ngôn ngữ tiếng Anh, *không nhấn, nhấn*, do thể luật tạo ra, dĩ nhiên, khi chuyển qua

tiếng Việt, chúng ta cần đọc chậm từng chữ, để tiếp thu ý tưởng. Nhờ vậy, dù là thể luật hay tự do, qua bản dịch, có nhiều cái hay, lạ lẫm, không kém phần mơ mộng, chẳng khác gì một dòng thơ mới.

Qua dạng thơ song ngữ, bạn đọc có thể đọc trực tiếp nguyên bản tiếng Anh để nghe âm thanh nhịp điệu và thưởng thức nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ thơ (là một yếu tố quan trọng), cũng như bản dịch tiếng Việt. Dĩ nhiên, người đọc cần phải am hiểu tiếng Anh, để có được niềm vui và hứng khởi.

Riêng về phần thơ tự do, bao gồm những nhà thơ quen biết khi tôi tham gia “Poetry Circle Forum” trên online, với những bài thơ *The Black Cat* (Con Mèo Đen), *Coffee* (Cà Phê), *Open-Air Market* (Chợ Trời) ... vào tháng 12 năm 2007. Và lúc làm tờ song ngữ *Poetry Journal In Print*, tôi nhận được sự tham gia của những nhà thơ nổi tiếng Mỹ, và họ gửi sáng tác tới để dịch sang tiếng Việt. Tất cả những bản dịch đều đã đăng trên tờ báo song ngữ.

Tổng kết: Gồm 240 bài thơ tiếng Anh, Mỹ và thế giới, với 18 tác giả thơ thể điệu (traditional verses) và 40 tác giả thơ tự do (free-verses).

Thơ Mỹ sau gần nửa thế kỷ với những trường phái thơ tự do, đến cuối thập niên 1980s, chuyển qua thể luật, với trường phái thơ Tân hình thức. Sau đó, thơ không còn trường phái nào nữa, ngoài thể luật và tự do, ai muốn làm gì thì làm, với ngôn ngữ đời thường và ý tưởng liên lạc, nói lên tâm tư của người làm thơ, dù là phương Đông hay phương Tây, vẫn có những điểm giống nhau, tuy rằng, mỗi nền văn hóa mỗi khác.

Nói chung, dịch thơ từ tiếng Anh qua tiếng Việt là điều rất khó, đòi hỏi nhiều công sức. Dịch, không hề dịch nghĩa chữ mà dịch

ý nghĩa của bài thơ. Vì vậy, bản dịch tiếng Việt giúp bạn đọc quan tâm tới thơ Mỹ, hiểu ý nghĩa của ngôn ngữ thơ. Trong chiều hướng thơ quay về đời sống, ngôn ngữ thơ khó nắm bắt vì nhà thơ thường hay sử dụng ngôn ngữ trần trụi của đường phố với những tiếng lóng, đặc ngữ, và cả những ẩn dụ về văn hóa, xã hội, lịch sử... Và như thế người dịch cần liên hệ và trao đổi với tác giả để tìm ra ý nghĩa chính xác của bài thơ, vì có nhiều bài thơ, ý nghĩa ở đằng sau những con chữ. Người đọc thơ, phải đọc chính nguyên bản tiếng Anh nhiều lần trước khi đọc qua phần dịch tiếng Việt. Đọc nguyên bản để lắng nghe âm thanh và nghệ thuật của ngôn ngữ và đọc bản dịch tiếng Việt để nắm bắt ý thơ. Lúc đó mới hoàn tất qui trình đọc và người đọc sẽ thưởng thức bài thơ một cách toàn vẹn.

Vai trò của người dịch trở nên quan trọng vì những nhà thơ Việt và Mỹ đều mong ước có được những người đọc khác ngôn ngữ và văn hóa. Đó là một nhu cầu mới xuất hiện, bất ngờ và ngạc nhiên. Như nhà thơ Mỹ Frederick Turner, trong một email, đã bày tỏ, “Đây là thời điểm thích hợp cho cuộc gặp gỡ thật sự giữa những nhà thơ Việt và Mỹ, kết hợp bởi thảm họa đã được chia sẻ và, tôi tin, một chủ nghĩa nhân văn sâu xa có nền tảng và tính lạc quan.” Như vậy, tuy thơ không thể dịch, nhưng vẫn cần dịch, chỉ có điều là phải dịch và đọc thơ dịch như thế nào để có hiệu quả nơi người đọc.

Đối với thơ song ngữ Anh và Việt, một lợi ích không nhỏ đối với người đọc và những nhà thơ Việt, là sẽ học hỏi thêm, không những về ngôn ngữ và văn hóa, mà còn tiếp thu được cách làm thơ, nhận ra sự khác biệt giữa hai dòng thơ, học hỏi kinh nghiệm của những nhà thơ Mỹ và làm giàu cho thơ Việt. Thơ song ngữ, không chỉ những bạn trẻ ở Việt nam đọc mà ngay cả những bạn trẻ Việt nam ở Mỹ cũng đọc, nếu họ muốn trau dồi thêm tiếng mẹ đẻ. Đọc song ngữ là một tiến trình hỗ tương, qua bản chính, người đọc có khuynh hướng đi tìm bản dịch và ngược lại qua bản

dịch người đọc sẽ quay lại đọc bản chính. Trong thời đại Internet, có lẽ, thơ đang là một phương tiện ngắn gọn và trực tiếp để tìm hiểu ngôn ngữ và văn hóa giữa các sắc dân. Thế giới đang thu nhỏ và mỗi nền văn hóa là những người anh em, cùng một mẹ nhân loại, cần chia sẻ và cảm thông, chung sống trong an bình và làm cuộc đời thêm hương sắc.

Thơ là một kỹ năng (craft), bởi đó là nghệ thuật của con người. Và để đạt tới kỹ năng, phải nắm bắt và lắng được thứ âm thanh tinh tế của ngôn ngữ, vì vậy mà những nhà thơ thật sự thì hiếm hoi, nói như Charles Bukowski, “Thượng đế đã sinh ra rất nhiều nhà thơ nhưng lại rất ít thơ”. Điều kỳ dị là sự thực hành và tinh thông kỹ năng thường bị coi là gò bó. Người làm thơ thỉnh thoảng được khuyên là đừng bận tâm tới *luật tắc, điệp vận* hay *hình ảnh* vì chúng không tự nhiên. Dĩ nhiên, chúng không tự nhiên nếu chúng ta không làm chúng thành tự nhiên. Trong tất mọi ngành nghệ thuật, người nghệ sĩ phải học kỹ thuật (technique) để có kỹ năng, có khi phải học cả đời, tại sao thơ lại khác với những ngành khác? Âm nhạc, kịch nghệ, cải lương không những người sáng tác mà các nghệ sĩ trình diễn đều phải học kỹ năng, chỉ có thơ là không. Và nếu nhà thơ không chinh phục được kỹ thuật, thì làm sao trở thành nhà thơ? Một người mới tập đánh dương cầm, sẽ cho những âm thanh chỏi tai, và người nghe cho rằng nó không tự nhiên. Như vậy trong nghệ thuật, kỹ năng là tự nhiên thứ hai (second nature), và những nhà thơ bậc thầy, chúng ta đọc tưởng như không có kỹ năng, nhưng thật ra họ đã đạt tới trình độ có khả năng dấu đi kỹ năng. Kỹ năng tạo thành bởi luật tắc, và luật tắc là hạt giống mạnh mẽ, xác định trên con đường đẩy cái vô trớ trêu để bước vào đời sống. Hình như trong sâu thẳm, mọi thứ đều trở thành luật lệ.

Cuối cùng, thơ Mỹ, dù là thể luật hay tự do, ý tưởng liên lạc cũng giống như thơ Tân hình thức Việt.

